

GEORGES BERNANOS

Chuyện mới về Mouchette
Nhật ký một cha xứ vùng quê



Nhà xuất bản hội nhà văn



- Nguồn ebook: tve-4u.org
- Nguồn sách: **Nguyễn Bảo**
- Scan: **tinhtuvi**
- Soát lỗi: **AllarebyGodsgrace, Anh Thao, annie_tuongminh, chippiy, Conan-tieudao, Dr. Physicus, huong huynh, imnubie, Kikiki, machine, mehplamnha, My Nga Nguyen thi, teacher.anh, tranminator, tran ngoc anh, vqsvietnam, yeuthichsach, welcom1985**
- Soát tổng: **Caruri**



Xứ đạo của tôi là một xứ đạo như mọi xứ khác. Mọi xứ đạo đều giống nhau. Các xứ đạo ngày nay, dĩ nhiên rồi. Hôm qua tôi đã nói điều ấy cùng Cha xứ Norenfontes: tại đó cái thiện và cái ác hẳn phải cân bằng với nhau, duy có trọng tâm ở dưới thấp, rất thấp. Hoặc nếu nói cách khác thiện ác cái nọ chồng lên cái kia mà không hòa trộn, như hai chất lỏng có tỷ trọng khác biệt. Cha xứ đã cười vào mũi tôi. Đó là một linh mục tốt, rất nhiều hảo ý, rất nhân từ, thậm chí tòa tổng giám mục coi cha là một đầu óc không tín giáo, hơi nguy hiểm. Các câu khôi hài của cha gây hoan hỉ trong các ngôi nhà linh mục, cha còn nhấn thêm bằng một cái nhìn mà cha những muốn là sắc sảo, song tôi thấy thực ra nó rất mòn mỏi, rất chán ngán, làm tôi muốn khóc.

Xứ đạo của tôi bị nung nấu bởi nỗi buồn chán, vấn đề là thế đấy. Như bao xứ đạo khác! Nỗi buồn chán tiêu hủy nó trước mắt chúng tôi mà chúng tôi chẳng làm gì được hết. Có lẽ một ngày nào đó chúng tôi sẽ bị truyền nhiễm, chúng tôi sẽ phát hiện ở mình khối ung thư ấy. Người ta có thể sống rất lâu với cái đó.

Ý nghĩ này nảy ra trong tôi hôm qua trên đường cái. Trời mưa, một thứ mưa nhỏ mà người ta nuốt vào đầy phổi, nó xuống tận ruột bạn. Từ dốc Saint-Vaast, làng đột ngột hiện ra trước tôi, thật dóm dỏ, thật khốn khổ dưới bầu trời gấm guốc tháng Mười một. Nước, bốc hơi khắp chốn, bên trên làng, và làng có vẻ nằm phục xuống đó, trong cỏ ướt đầm đìa, như một con vật tội nghiệp kiệt sức. Một thôn làng, sao mà bé nhỏ! Và làng ấy là xứ đạo của tôi. Đó là xứ đạo của tôi, nhưng tôi chẳng làm được gì cho nó, tôi buồn bã nhìn nó chìm

vào bóng tối, mất hút... Vài khoảnh khắc nữa, rồi tôi sẽ không còn thấy nó. Chưa bao giờ tôi cảm nhận một cách ác nghiệt đến thế sự cô quạnh của nó và của tôi. Tôi nghĩ đến những gia súc mà tôi nghe tiếng khục khặc trong sương mù, mà em bé chần dặt, đi học về, tay cắp cặp, lát nữa sẽ dẫn qua các đồng cỏ đẫm nước, về chuồng trại ấm nóng, thơm tho... Và nó, thôn làng, hình như cũng đang đợi – chẳng hy vọng nhiều – sau bao đêm trong bùn lầy, một người chủ để theo đến chõn nường nấu nào đó không tưởng tượng được, không chắc đã có.

Ôi! tôi biết rõ đó là những ý nghĩ điên rồ, thậm chí tôi không thể coi là thực hoàn toàn, những mơ mộng... Các thôn làng chẳng đứng dậy trước tiếng nói của em học sinh nhỏ, như các gia súc. Có hề gì! Tối qua, tôi nghĩ rằng một vị thánh đã gọi nó.

Vậy tôi tự nhủ là thế gian bị nung nấu bởi nỗi buồn chán. Dĩ nhiên, phải suy ngẫm đôi chút mới nhận ra, điều ấy không nắm bắt được ngay tức khắc. Đó là một loại bụi. Bạn đi đi lại lại mà chẳng nhìn thấy nó, bạn hít thở nó, bạn ăn nó, uống nó, và nó mịn quá, tinh vi quá đến mức chẳng lạo xạo trong miệng nữa. Nhưng bạn chỉ dừng lại một giây thôi, là nó phủ đầy mặt, đầy tay bạn. Bạn phải không ngừng quấy cựa để rũ đám mưa bụi ấy. Vậy là, thế gian quấy cựa rất nhiều.

Có lẽ người ta sẽ bảo rằng từ lâu thế gian đã quen với nỗi buồn chán, và buồn chán là thân phận thực sự của con người. Có thể là hạt giống buồn chán đã gieo rắc khắp chõn và nảy mầm đầy đó, trên mảnh đất nào thuận lợi. Nhưng tôi tự hỏi liệu con người đã bao giờ biết sự lây nhiễm buồn chán, cái bệnh hủi đó? Một nỗi tuyệt vọng

bất thành, một hình thái xấu xa của tuyệt vọng, có lẽ giống như sự lên men của một Cơ đốc giáo bị phân giải.

Dĩ nhiên, đó là những tư tưởng mà tôi giữ riêng cho mình. Tuy thế, tôi không hổ thẹn vì chúng. Thậm chí tôi nghĩ tôi sẽ làm mọi người hiểu tôi rất rõ, có lẽ quá rõ cho sự bình an của tôi – ý tôi muốn nói sự bình an của lương tâm tôi. Niềm lạc quan ở các bề trên đã chết hẳn. Những ai còn giáo huấn điều này chỉ dạy dỗ theo thói quen, mà không tin ở nó. Hơi bị phản bác, là các vị ban cho bạn những nụ cười am hiểu, xin dung tha. Các linh mục già chẳng nhằm đâu. Bất kể bề ngoài, và nếu như vẫn trung thành với một cách nói năng nhất định, và chẳng nó là bất biến, thì các chủ đề thuyết giảng chính thức không như cũ, các bậc đàn anh không còn thừa nhận chúng. Thí dụ, trước đây, theo truyền thống rất lâu đời, một bài diễn giảng của chủ giáo chẳng khi nào kết thúc mà không có sự ám chỉ thận trọng – đầy niềm tin chắc, dĩ nhiên, song thận trọng – về sự ngược đãi sắp tới và máu của những người tử vì đạo. Ngày nay những dự báo đó ít hơn nhiều. Chắc là vì sự thực hiện có vẻ kém chắc chắn.

Hỡi ôi! có một lời bắt đầu lan truyền trong các ngôi nhà mục sư, một trong những lời góm guốc gọi là “của lính tráng”, tôi chẳng hiểu vì sao và như thế nào mà các bậc đàn anh của chúng tôi coi là ngô ngộ, còn những thanh niên trẻ tuổi tôi thì thấy rất xấu, rất buồn (Vả lại cũng lạ sao tiếng lóng nơi chiến hào diễn tả được các ý tưởng bản thủ bằng hình ảnh sâu thẳm, nhưng có đúng là tiếng lóng nơi chiến hào hay không?...). Vậy là người ta sẵn sàng nhắc lại rằng “Không nên tìm hiểu làm gì.” Chúa tôi! nhưng chúng tôi ở đây vì điều

đó mà! Tôi hiểu là có các bề trên. Song ai cho các bề trên biết đây? Chúng tôi. Bởi thế, khi người ta ca ngợi với chúng tôi sự phục tòng và thuần phác của các tu sĩ, lý lẽ ấy chẳng khiến tôi động tâm nhiều, dù tôi cố gắng cũng vô hiệu...

Tất cả chúng tôi đều có thể gọt khoai hay chăn lợn miễn là một giáo trưởng của các tu sĩ mới hạ lệnh. Nhưng một xứ đạo, đâu có dễ khoản đãi bằng những hành vi đức hạnh như một cộng đồng thuần nhất! Hơn nữa họ sẽ không bao giờ biết những điều ấy, vả lại họ cũng sẽ chẳng hiểu gì hết.

Vị Tổng tư tế tại Bailloeil, từ khi về hưu, thường xuyên giao du với các Đức Cha dòng Chartreux ở Verchocq. *Những điều tôi đã thấy ở Verchocq*, là đầu đề một trong những bài diễn giảng mà cha quản hạt hầu như buộc chúng tôi có bổn phận tham dự. Chúng tôi đã được nghe những điều rất hay, thậm chí làm say mê, trừ giọng điệu ra, bởi ông già khả ái vẫn giữ những tật nhỏ vô hại của vị cựu giáo sư văn học, và chăm chút cách nói y như chăm chút đôi bàn tay. Cứ như thể ông vừa trông đợi lại vừa sợ hãi sự hiện diện khó có thật của ông Anatole France giữa các thánh giả khoác áo thầy tu, và ông xin A. France dung thứ cho Chúa Trời nhân danh chủ nghĩa nhân văn, với những nụ cười tế nhị, những ánh mắt đồng lõa và cách uốn éo ngón tay út. Rốt cuộc, hình như cái lỗi làm dáng của tăng lữ này vào năm 1900 đang hợp mốt và chúng tôi đã cố niềm nở đón nhận các lời lẽ “thẳng tuồn tuột” chẳng làm tuột đi được cái gì hết. (Chắc hẳn bản chất tôi quá cọc cằn, quá thô lậu, nhưng tôi xin thú nhận rằng tu sĩ giỏi văn chương bao giờ cũng khiến tôi ghê sợ. Giao du với những người tài hoa, nói chung đó là đi ăn cơm khách

mà người ta không đi ăn cơm khách trước mũi những kẻ đang chết đói).

Tóm lại, Tổng tư tế đã kể cho chúng tôi nhiều giai thoại mà ông gọi theo thông lệ là các “nét hóm hỉnh”. Tôi tin rằng tôi đã hiểu. Tiếc thay tôi không cảm thấy xúc động như mình mong muốn. Các tu sĩ là những bậc thầy khó sánh nổi về đời sống nội tâm, nhưng phần lớn những “nét hóm hỉnh” này giống như rượu nho đặc sản, phải dùng tại chỗ. Chúng không kham nổi sự chuyển dịch.

Còn có thể... tôi nên nói hay chẳng? còn có thể là số ít ỏi những người đàn ông tụ tập, ngày đêm sống kề cận nhau, tạo ra mà họ không ngờ, bầu không khí thuận lợi... Cả tôi nữa, tôi cũng biết đôi chút về các tu viện. Tôi đã nhìn thấy ở đó những nhà tu hành úp mặt xuống đất, khiêm nhường tiếp thu, không động cựa, lời quở trách bất công của một bề trên chuyên tâm bề gãy niềm kiêu ngạo nơi họ. Nhưng trong những ngôi nhà không một tiếng vọng bên ngoài nào khuấy động, sự tĩnh lặng đạt tới một phẩm chất, một tính hoàn hảo phi thường thực sự, ở đó một rung động nhỏ tí cũng được nhận biết bởi những chiếc tai mẫn cảm tuyệt vời... Và có những sự tĩnh lặng nơi hội trường giá trị ngang tiếng vỗ tay khen ngợi.

(Trong khi một lời khiển trách của chủ giáo...)

Tôi đọc lại những trang đầu này của nhật ký mà lòng không vui. Dĩ nhiên, tôi đã suy nghĩ rất nhiều trước khi quyết định viết nhật ký. Điều đó chẳng khiến tôi an tâm mấy. Với ai có thói quen cầu nguyện, nghĩ ngợi thường chỉ là một chứng cứ ngoại phạm, một cách thâm hiểm để mình thêm vững trong một ý định. Sự suy luận dễ để yên

trong bóng tối những gì ta muốn giấu ở đó. Con người của xã hội nghĩ ngợi nhằm tính toán cơ may, được thôi! Nhưng cơ may có nghĩa gì với chúng ta, những người đã nhất định thừa nhận sự hiện diện hải hùng của thánh thần từng giây từng phút trong cuộc đời khốn khổ của ta? Trừ phi mất đức tin – và lúc đó thì anh ta còn gì nữa, bởi anh ta không thể mất đức tin mà không tự chối bỏ – về lợi ích riêng của mình, một tu sĩ không thể có cái nhìn rõ ràng, thật trực tiếp – có thể nói là thật ngây thơ, thật chất phác – ở những đứa con của thời đại. Tính toán cơ may của mình, để làm gì chứ? Người ta đâu có đánh bạc với Chúa.

Nhận thư trả lời của bà dì Philomène cùng hai tờ một trăm franc – vừa đủ cho khoản cần kíp nhất. Tiền trôi nhanh như cát giữa những ngón tay tôi, thật hải hùng.

Phải thú nhận rằng tôi thật ngu dại! Thí dụ như ông Pamyre, chủ hiệu thực phẩm ở Heuchin, một người trung hậu (ông có hai con trai là tu sĩ) đã lập tức tiếp đón tôi rất thân tình, vả lại ông là nhà hàng quen của các đồng nghiệp của tôi. Lần nào ông cũng mời tôi dùng rượu quinquina và bánh ngọt ở nhà phía sau cửa hàng. Chúng tôi chuyện vãn một lúc lâu. Với ông thời buổi đang khó khăn, một trong hai cô con gái chưa lập nghiệp, còn hai cậu con trai khác theo học tại học hiệu Thiên chúa giáo, rất tốn kém. Tóm lại, một hôm kia cầm giấy đặt hàng của tôi, ông đã nói một cách dễ thương: “Tôi thêm ba chai quinquina, uống vào cha sẽ hồng hào lên.” Tôi đã ngốc nghếch tưởng ông ta tặng mình.

Một đứa trẻ nghèo, ở tuổi mười hai, chuyển từ gia đình khốn khó vào chủng viện, sẽ chẳng bao giờ biết giá trị của tiền bạc. Thậm chí

tôi cho rằng chúng tôi khó giữ được chính trực một cách nghiêm ngặt trong công việc làm ăn. Tốt hơn là đừng có mạo hiểm chơi, dù chỉ chơi một cách ngây thơ, với cái mà phần đông người thế tục không coi là phương tiện, mà là mục đích.

Đồng nghiệp của tôi ở Verchin, không phải người kín đáo lắm, tưởng rằng cần nói bóng gió, dưới hình thức bông đùa, trước mặt ông Pamyre, về chuyện hiểu lầm nho nhỏ này. Ông Pamyre phì cười một cách chân thành. Ông bảo “Cha xứ cứ đến chơi tha hồ, chúng tôi sẽ rất vui được cùng nhau chạm cốc. Chúng tôi có thiếu một chai rượu đâu, nhờ ơn Chúa! Nhưng công việc là công việc, tôi chẳng thể cho không hàng hóa của mình.” Rồi hình như bà Pamyre nói thêm: “Người buôn bán chúng tôi cũng có bổn phận nghề nghiệp của chúng tôi.”

Sáng nay tôi đã quyết định không kéo dài sự thử nghiệm quá mười hai tháng sắp tới. Đến ngày 25 tháng Mười một sau, tôi sẽ đốt những tờ này, tôi sẽ cố quên chúng đi. Điều tôi vừa quyết định sau lễ mi xa chỉ khiến tôi yên tâm được chút lát.

Không phải là sự đắn đo thận trọng theo đúng nghĩa của từ này. Tôi cho rằng mình chẳng làm gì xấu khi ghi lại hàng ngày, với sự trung thực tuyệt đối, những điều thầm kín vô nghĩa, rất tầm thường hèn mọn, của một cuộc đời vả chăng cũng không có gì bí mật. Những điều tôi sắp lưu lại trên giấy sẽ chẳng giúp cho người bạn duy nhất mà có lúc tôi còn nói chuyện chân thành, biết được nhiều nhận gì, còn thì tôi cảm thấy rất rõ tôi sẽ không bao giờ dám viết ra những điều mà hầu như sáng nào tôi cũng giải bày không hổ thẹn

cùng Chúa. Không, cái đó chẳng giống sự đắn đo thận trọng, đúng hơn đó là một thứ sợ hãi không suy xét, tựa như bản năng khuyến cáo. Lần đầu tiên ngồi trước cuốn vở học sinh này, tôi đã cố tập trung chú ý, cố tĩnh tâm như để tự vấn lương tâm. Nhưng không phải tôi đã nhìn thấy lương tâm mình bằng cái nhìn nội tại bình thường rất điềm tĩnh, rất sắc sảo, bỏ qua tiểu tiết, đi ngay vào điều chủ yếu. Dường như cái nhìn này trượt trên bề mặt một lương tâm khác cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết, một tấm gương mờ nơi bỗng nhiên tôi sợ thấy lộ ra một gương mặt – gương mặt nào: mặt tôi có lẽ?... Một gương mặt tìm thấy lại, đã quên lãng.

Phải nói về mình với thái độ nghiêm khắc không nao núng. Thế mà ngay từ cố gắng đầu tiên để tự nắm bắt, vì đâu có niềm xót thương ấy, tình âu yếm ấy, vì đâu mọi sợi tơ lòng chùng xuống và cứ muốn khóc lên?

Hôm qua tôi đến thăm cha xứ Torcy. Đó là một tu sĩ tốt, rất đứng đắn, mà bình thường tôi thấy là hơi phàm tục, là con nhà nông dân giàu có, ông biết giá trị của tiền bạc và khiến tôi kính phục nhiều vì kinh nghiệm xã giao. Đồng nghiệp bàn rằng ông sẽ giữ chức tăng viện trưởng Heuchin... Thái độ của ông đối với tôi khiến tôi khá thất vọng, bởi ông không ưa những lời tâm sự và biết làm nản ý định tâm sự bằng tiếng cười to chất phác, thực ra tinh tế hơn vẻ bên ngoài rất nhiều. Chúa ơi, sao mà tôi ao ước có được sức khỏe của ông, có được lòng dũng cảm, sự cân bằng của ông! Nhưng tôi cho rằng ông có lòng độ lượng đối với điều mà ông sẵn sàng gọi là thói đa cảm ở tôi, bởi ông biết tôi không hợm hĩnh vì nó, ôi, không đâu! Thậm chí

từ khá lâu rồi tôi không còn định lẫn lộn niềm xót thương thật sự của các bậc thánh – niềm xót thương mạnh mẽ và dịu dàng – với nỗi sợ trẻ thơ nơi tôi trước sự đau khổ của người khác.

– Khí sắc không được tốt đâu, anh bạn nhỏ ạ!

Cần phải nói rằng tôi vẫn còn bàng hoàng thẳng thốt vì bị ông lão Dumonchel la rầy vài giờ trước đây, ở kho đồ thánh. Có Chúa biết là tôi những muốn cho không, cùng với thời giờ và nỗi cực của mình, những thảm vải bông, những màn trướng nhậy cán lỗ chỗ, và những cây nến mỡ bò mua rất đắt của người cung cấp hàng cho Đức Ngài, song hễ thấp lên là chúng sụt ngay xuống với tiếng xèo xèo như chảo rán. Có điều biểu giá là biểu giá: tôi làm gì được?

– Lẽ ra anh phải tổng khứ ông lão khỏi cửa – cha xứ bảo tôi.

Rồi thấy tôi phản đối:

– Tổng khứ ông ta đi, đúng thế! Vả lại, ta biết lão Dumonchel nhà anh: lão có của... Bà vợ quá cố giàu gấp đôi lão – vừa đủ để lão chôn cất bà ta tử tế! Đám tu sĩ trẻ các anh...

Ông đỏ bừng mặt và nhìn tôi từ đầu xuống chân.

– Ta vẫn tự hỏi giờ đây cái gì chảy trong mạch máu những tu sĩ trẻ các anh! Vào thời của ta, người ta đào tạo các nhà hoạt động cho Giáo hội – đừng chau mày thế, anh làm ta muốn bộp tai anh – phải, các nhà hoạt động cho Giáo hội, anh muốn hiểu từ này thế nào tùy ý, các vị đứng đầu xứ đạo, các chỉ huy, các nhà cai quản. Những người ấy họ chỉ hát cảm lên mà trông coi được một miền. Ô! ta biết anh sắp bảo gì ta: họ ăn tốt, uống cũng tốt, và chẳng chê những quân bài. Đồng ý! Khi người ta quan niệm công việc của mình một cách thích đáng, người ta làm nhanh làm tốt, người ta còn thời giờ

rảnh rồi và như vậy càng hay cho tất cả mọi người. Ngày nay các chủng viện gửi đến cho chúng tôi những cậu lễ sinh, những chú bé chân đất cứ tưởng mình làm việc nhiều hơn ai hết bởi vì chẳng đạt được cái gì hết. Lễ ra phải hạ lệnh thì họ lại thút tha thút thít. Họ đọc hàng đồng sách mà chẳng hiểu được – chẳng hiểu, anh nghe rõ chứ! – ngụ ngôn về Chồng và Vợ. Này con, thế nào là một người vợ, một người đàn bà thực sự, như một người đàn ông có thể ao ước gặp được nếu anh ta khá ngu dại để không theo lời khuyên của thánh Paul? Đừng trả lời, anh sẽ nói những điều tầm bậy! Này, đó là một cô nàng chịu thương chịu khó lam làm, nhưng thế tất nhiều chuyện, và biết rằng tất cả sẽ phải bắt đầu lại mãi cho đến cùng. Giáo hội Thiên liêng cứ tha hồ vất vả, giáo hội sẽ không biến đổi được thế gian tội nghiệp này thành hương án bày trong ngày Lễ Thánh thể. Ngày trước – ta muốn nói đến xứ đạo cũ của mình – ta có một người coi kho đồ thánh rất cừ, một nữ tu ở Bruges hoàn tục năm 1908, một tấm lòng trung hậu. Tám ngày đầu, nào cọ nào đánh bóng, ngôi nhà của Chúa cứ sáng loáng lên như phòng tiếp chuyện trong tu viện, ta chẳng còn nhận ra nó nữa, lời nói danh dự đấy! Phải nói là đang vụ gặt, chẳng ai lai vãng, và bà già quý quái ấy yêu cầu ta phải bỏ giày – ta là người rất kinh sợ dép đi trong nhà! Thậm chí ta cho rằng bà ấy đã bỏ tiền túi ra mua dép. Dĩ nhiên, sáng nào bà ta cũng tìm thấy một lớp bụi mới trên các ghế dài, một hai chiếc nấm vừa mọc trên tấm thảm chỗ hát kinh, và mạng nhện – a, con ạ! những mạng nhện đủ may một bộ đồ cưới cho cô dâu.

Ta tự nhủ: “Con cứ cọ đi, chủ nhật con sẽ biết.” Rồi chủ nhật đến. Ồ! một chủ nhật như những chủ nhật khác, chẳng phải lễ hội có

nhạc chuông; vẫn những người đi lễ bình thường thôi. Khốn khổ! Tóm lại, đến nửa đêm, bà ấy vẫn còn đánh xi còn kỳ cọ, dưới ánh nến. Và mấy tuần sau, lễ Các Thánh, một buổi truyền giảng náo nhiệt của hai Cha dòng Chúa cứu thế, hai tay lực lưỡng. Bà già tội nghiệp suốt mấy đêm bò lê với xô nước và khăn lau – nào té nào dội nước – đến mức râu bắt đầu bám dọc các cột, cỏ mọc trong các khe gạch lát. Chẳng có cách nào bàn bạc phải trái với bà ấy được! Nếu ta mà nghe bà ấy, thì ta đến phải tổng khử tất cả mọi người khỏi cửa để Chúa trời được đặt chân lên chỗ khô ráo, anh có thấy không nào? Ta bảo bà ấy: “Bà làm tôi khuynh gia bại sản vì thuốc men mất” – vì bà ấy ho, tội nghiệp bà lão! Cuối cùng bà ấy phải nằm vì một cơn thấp khớp, tim bị suy sụp và, hấp! thế là bà xơ nhà ta đứng trước thánh Pierre. Theo một nghĩa, đó là người tử vì đạo, không thể nói trái lại. Sai lầm của bà ta không phải ở chỗ đấu tranh chống sự bắn thiu, chắc chắn như vậy, mà ở chỗ muốn tiêu diệt nó, cứ như việc đó có thể làm được. Một xứ đạo, nhất định là phải bắn thiu rồi. Một tiểu giáo khu, còn bắn nữa. Hãy đợi ngày phán xử, sẽ thấy những gì các thiên thần phải lôi ra từ những tu viện thánh thiện nhất, hàng xềng hàng xềng – sao mà lắm phân rác! Vậy thì, anh bạn nhỏ, điều ấy chứng tỏ Giáo hội phải là một người nội trợ vững vàng, vững vàng và biết điều. Bà xơ ở chỗ ta không phải người dọn dẹp nhà thực thụ: người dọn dẹp thực thụ biết rằng một ngôi nhà không phải một hòm đựng thánh tích. Tất cả những điều đó, là ý tưởng của thi sĩ.

Tôi chờ ông ta nói đến chỗ ấy. Trong lúc ông nhồi lại tẩu thuốc, tôi vụng về tìm cách để ông hiểu rằng có lẽ thí dụ chọn không hợp lắm,

rằng bà nữ tu chết vì khó nhọc kia chẳng có gì chung với các “chú bé lễ sinh”, “đi chân đất”, “lẽ ra phải hạ lệnh thì lại thút tha thút thít”. Ông nói không chút dè dặt:

– Anh hãy tỉnh ngộ đi. Cùng một ảo tưởng cả. Có điều đám chân đất không kiên trì bằng bà xơ nhà ta, thế thôi. Qua thử nghiệm đầu tiên viện có rằng kinh nghiệm thực thi chức phận mâu thuẫn với trí suy xét con con của họ, họ tung hê hết. Đó là những cái mồm ưa chén mút. Một giáo khu cũng như một con người không tự nuôi sống bằng mút được. Chúa không viết rằng chúng ta là mật của trần thế, con ạ, mà là muối. Vậy, thế gian tội nghiệp của chúng ta giống như ông già Job trên đồng phân rác, mình đầy vết thương và ung nhọt. Chát muối trên lớp da bị tuột, xót lắm. Nhưng cũng ngăn cho khỏi thối rữa. Cùng với ý nghĩ tiêu diệt quỷ dữ, một sở nguyện khác của các anh là được yêu mến, hiểu theo nghĩa được yêu mến vì bản thân mình. Một linh mục thực thụ không bao giờ được yêu mến, hãy nhớ lấy điều đó. Và anh có muốn ta nói cho biết không? Giáo hội bắt cần các anh được yêu mến, con ạ. Trước hết, hãy được kính trọng, được tuân phục. Giáo hội cần trật tự. Suốt cả ngày, hãy thiết lập trật tự. Hãy thiết lập trật tự và nghĩ rằng ngày mai sự lộn xộn lại thắng thế nữa bởi chính nó ở bên trong trật tự, hỡi ôi! nghĩ rằng đêm tung hê những gì anh làm hôm trước – đêm thuộc về quỷ.

– Đêm là chức trách của người tu hành mà? – tôi nói (tôi biết mình sẽ làm ông nổi giận).

– Phải, ông lạnh lùng đáp. Họ tấu nhạc.

Tôi cố tỏ ra bất bình.

– Những người tĩnh tâm thiền tọa của anh, ta chẳng phản đối gì họ, ai có việc của người ấy. Ngoài âm nhạc ra, đó cũng là những người bán hoa.

– Người bán hoa?

– Đúng thế. Khi chúng tôi đã dọn dẹp nhà cửa, rửa bát, gọt khoai, trải khăn lên bàn rồi, thì người ta ấn hoa tươi vào bình, hợp lẽ thôi. Xin lưu ý là sự so sánh nho nhỏ này chỉ làm những kẻ ngu ngốc tức giận, bởi dĩ nhiên là có chút tiểu dị... Bông huệ thần bí không phải bông huệ mọc ngoài đồng, vả chăng, nếu con người thích miếng thần bò hơn chùm nhận lai hồng, thì bởi bản thân y là một đồ súc sinh, một cái bụng. Tóm lại, những người tĩnh tâm thiền tọa của anh được trang bị rất tốt để cung cấp cho chúng ta những bông hoa đẹp, hoa thật. Tiếc thay, có sự phá hoại trong các tăng viện cũng như ở nơi khác, và người ta gán cho chúng ta quá thường xuyên hoa giấy.

Ông liếc xéo, quan sát tôi mà không ra vẻ quan sát và, những lúc ấy, tôi ngỡ thấy trong sâu thẳm cái nhìn của ông rất nhiều thương mến và – biết nói thế nào nhỉ – một thứ băn khoăn, lo ngại. Tôi có những gian nan thử thách của tôi, ông có gian nan thử thách của ông. Nhưng với tôi, giữ yên lặng về những điều đó, thật khó khăn. Và nếu như tôi không nói, thì vì dũng cảm ít hơn, than ôi! là vì niềm bền lễn mà người ta bảo tôi là các thầy thuốc cũng có, ít ra theo cách của họ và tùy theo những mối quan tâm riêng nơi họ. Trong khi ông thì lặng thinh về những gian nan thử thách của mình, dù có xảy ra điều gì chẳng nữa, và dưới vẻ ngay thật gắt gỏng, còn khó thấu hiểu hơn những tu sĩ dòng Chartreux tôi từng gặp trong hành lang ở Z..., trắng nhợt như những cây nến sáp.

Đột nhiên, ông nắm tay tôi trong tay ông, một bàn tay sừng lên vì bệnh tiểu đường, nhưng xiết chặt ngay tức khắc không dò dẫm, cứng cỏi, oai vệ.

– Có lẽ anh sẽ bảo là ta chẳng hiểu gì về những người thần bí. Phải, anh sẽ bảo như thế, đừng giả bộ ngây ngốc! Thế thì, anh bạn ạ, vào thời ta, ở đại chủng viện có một ông thầy dạy luật tôn giáo cứ tưởng mình là thi sĩ. Ông ấy làm ra cho anh những trò về kỳ dị, với đủ các *chân* cần thiết, rồi vắn, rồi chỗ ngắt hơi, và mọi thứ, con người tội nghiệp! tưởng như ông ấy sẽ chuyển cả bộ luật tôn giáo thành thơ. Ông ấy chỉ thiếu mỗi một thứ, anh muốn gọi là gì tùy ý, cảm hứng, thiên tài – *ingenium** – làm sao ta biết được? Ta thì ta chẳng có thiên tài. Giả sử một ngày nào đó Thánh Linh ra hiệu cho ta, ta sẽ quảng lại nào chỗi nào giẻ lau – phải không nào! – rồi chu du một chuyến nơi các thiên sứ để học nhạc, chỉ phải cái lúc đầu hơi lạc điệu đôi chút. Những anh sẽ cho phép ta cười phì vào mũi những kẻ đồng thanh hát lên khi Chúa còn chưa giơ cây đũa chỉ huy!

Tiếng La tinh có nghĩa là *tài trí*.

Ông ngẫm nghĩ một lát và tôi cảm thấy mặt ông, dù quay về phía cửa sổ, đột nhiên như đang ở trong bóng tối. Cả đến các đường nét cũng cứng lại như thể ông chờ đợi nơi tôi – hoặc có lẽ nơi ông, nơi lương tâm ông – một lời phản bác, đính chính, một cái gì đó... Và chẳng ông tươi tỉnh lại hầu như tức khắc.

– Anh bạn nhỏ ạ, ta có những ý nghĩ của ta về cây đàn thụ cầm của chàng David. Đó là một chàng trai tài năng, hẳn rồi, nhưng toàn bộ âm nhạc của anh ta chẳng giữ được cho anh ta khỏi phạm tội. Ta

biết rõ là các nhà văn tội nghiệp giàu thiện tâm hì hụi viết *Đời các Thánh* để truyền bá ra nước ngoài thường tưởng tượng là một con người được yên ổn trong trạng thái xuất thần nhập định, anh ta ở đó ấm áp và an toàn như ở trong lòng của Abraham vậy. An toàn ư!... Ồ! dĩ nhiên là thỉnh thoảng chẳng có gì dễ hơn việc trèo lên trên ấy: Chúa mang anh lên. Vấn đề là ở lại đó và nếu có dịp, biết cách xuống. Anh sẽ thấy rằng các bậc thánh, thật sự thánh, thường rất bối rối khi trở về. Một khi bị bắt gặp trong những hoạt động giữ thăng bằng, đầu tiên là họ van nài mọi người giữ bí mật cho họ: “Xin đừng nói với ai về điều bạn đã thấy...” Họ hơi hổ thẹn, anh có hiểu không? Hổ thẹn vì là con được nuông chiều của Cha, vì đã uống vào cốc toàn phước trước hết thấy mọi người! Và vì sao chứ? Chẳng vì cái gì hết. Vì ư ơ! Các kiểu ân sủng ấy!... Động tác đầu tiên của tâm hồn là trốn chạy chúng. Này, có thể hiểu theo rất nhiều cách, lời trong Sách Thánh: “Rơi vào tay Chúa thật hãi hùng!” Nói sao đây! Trong vòng tay Chúa, trên ngực Chúa, ngực của J sus! Anh giữ phần bé nhỏ của anh trong buổi hòa t u, anh chơi thanh la* hay ch m ch e, thí dụ thế, rồi bỗng người ta yêu cầu anh trèo lên bục, người ta đưa cho anh một cây vĩ cầm Stradivarius và bảo anh: “Nào, chàng trai, tôi nghe anh đây.” Brr!... Vào đây xem phòng cầu nguyện của ta, nhưng hãy lau chân trước đã, vì tấm thảm ấy mà.

Nguyên văn: *triangle*, nhạc cụ gồm ba thanh kim loại, hình tam giác, gõ tiếng vang to.

Tôi chẳng biết gì mấy về đồ đạc trong nhà, nhưng cảm thấy phòng của ông tuyệt đẹp: chiếc giường lớn bằng gỗ đào hoa tâm, chiếc tủ ba cánh cửa, chạm trổ rất nhiều, các ghế bành bọc vải

nhung lông và trên lò sưởi một tượng Jeanne d'Arc thật to bằng đồng đỏ. Nhưng không phải Cha xứ Torcy muốn cho tôi xem phòng của ông. Ông đã dẫn tôi vào một gian khác thật trần trụi, đồ đạc chỉ có một chiếc bàn và một ghế quỳ để cầu nguyện. Trên tường một tranh thạch bản màu khá xấu xí, giống những tranh ta thường thấy trong các phòng ở bệnh viện, vẽ Chúa Hài đồng má rất phính, da rất hồng, giữa con lừa và con bò. Ông bảo tôi:

– Anh thấy bức tranh này chứ. Đó là quà tặng của bà mẹ đỡ đầu ta. Ta có điều kiện mua cho mình cái gì đẹp hơn, nghệ thuật hơn, nhưng ta vẫn còn ưng bức này. Ta thấy nó xấu, thậm chí hơi ngốc nghếch nữa, điều đó làm ta an tâm. Anh bạn nhỏ ạ, quê ta là miền Flandres, xứ sở của những người ăn nhiều, uống khỏe – và giàu có... Các anh, những người ngăm ngăm đen tội nghiệp vùng Boulonnais, trong những túp lều vách đất, làm sao các anh hình dung được sự trù phú miền Flandres, miền đất đen! Đừng đòi hỏi ở chúng tôi quá nhiều lời lẽ hoa mỹ làm chao đảo các phu nhân sùng tín, nhưng chúng tôi có không ít nhà thần bí, con ạ! Và không phải những nhà thần bí lao phổi đâu, không. Cuộc sống chẳng làm chúng tôi sợ: một chất máu thô tốt lành thật đỏ, thật đậm đặc, nó đập ở hai bên thái dương ngay cả khi trong người đầy ứ rượu đồ tùng, hoặc lúc đang giận dùm dùm, cơn giận xứ Flandres, có thể quật ngã một con bò – một chất máu thô, đỏ, với tí chút màu xanh Tây Ban Nha, vừa đủ để làm nó bốc cháy. Tóm lại, nào, anh có những điều phiền muộn của anh, ta có điều phiền muộn của ta – chắc chúng chẳng giống nhau. Có thể có lúc anh bị nằm trên cáng bệnh nhân, còn ta đã lao vào đó rồi, và nhiều lần nữa, anh cứ tin ở ta. Nếu ta bảo

anh... Nhưng để hôm khác ta sẽ bảo anh, lúc này anh có vẻ đuối quá, khéo ta nhìn thấy anh xỉu mất. Trở lại tranh Chúa Hải đồng, anh tưởng tượng xem cha xứ Poperingle, miền quê của ta, đồng tình với ngài phó giám mục, một người mạnh mẽ, nghĩ ra chuyện gửi ta vào Saint-Sulpice. Saint-Sulpice, theo ý các ngài, là Saint-Cyr của giới tăng lữ trẻ, là Saumive – hay Trường học chiến đấu. Thế rồi, ngài thân sinh ra ta (nói ngoài đề một chút, mới đầu tôi tưởng là nói đùa, nhưng hình như cha xứ Torcy không bao giờ gọi ông bố của mình theo cách khác: một tục lệ thời trước chăng?), ngài thân sinh ra ta có của và có trách nhiệm làm rạng danh giáo phận. Có điều, ấy chết!... Khi ta nhìn thấy cái trại cũ kỹ lở lóe như hủi, bốc mùi canh thịt, brr!... Và tất cả các chàng trai trung hậu gầy nhom, các gã tội nghiệp, gầy đến nỗi nhìn chính diện mà họ vẫn có vẻ như trông nghiêng... Rốt cuộc, cùng với ba hay bốn cậu bạn thân, không hơn, chúng ta quấy đảo các ông thầy, chúng ta làm om sòm đôi chút, những trò ngốc nghếch ấy mà. Học hành và ăn thì khá vào loại nhất, nhưng ngoài những điều đó ra... đúng là những quỷ con. Một tối, mọi người đi nằm cả rồi, bọn ta đã trèo lên mái nhà, rồi kêu meo meo... đến làm cả khu phố phải thức dậy. Ông thầy dạy các tu sĩ mới liền quỳ xuống chân giường làm dấu thánh giá, tội nghiệp, ông ấy tưởng hết thảy mèo trong quận đã hẹn hò nhau tại Ngôi Nhà Thiêng Liêng để kể cho nhau những chuyện gớm ghê – một trò đùa ngu dại, ta đồng ý như thế! Đến cuối quý học, các vị ấy trả ta về nhà, với những lời ghi! Không dốt, một chàng trai trung hậu, bản chất tốt, và thế này, và thế nọ. Tóm lại, ta chỉ hợp với việc chăn bò. Mà ta chỉ ước mơ được là linh mục. Là linh mục hoặc chết! Ta buồn khổ đến mức Chúa cho phép ta định tự hủy hoại mình – thật thế. Ngài thân

sinh ra ta là một người công minh. Ông đã dẫn ta đi xe ngựa đến gặp Đức Cha mang theo lá thư nhỏ của một bà cô, mẹ bề trên của các bà phước dòng Thánh mẫu phòng vẫn ở Namur. Đức Cha cũng là một người công minh. Ngài lập tức cho ta vào thư phòng của ngài. Ta đã phục xuống chân ngài, ta đã kể với ngài tà ý của ta, và tuần sau ngài gửi ta vào đại chủng viện của ngài, một trường không quá hiện đại, nhưng vững chắc. Có hề gì! Ta có thể nói rằng ta đã nhìn thấy cái chết sát gần, và một cái chết như thế nào chứ! Bởi vậy từ khoảnh khắc đó ta đã quyết định giữ gìn thận trọng, giả ngây giả ngốc. Ngoài công vụ ra, nói như các quân nhân, đừng thêm rắc rối. Chúa Hải đồng của ta còn quá non trẻ nên chẳng quan tâm nhiều đến âm nhạc hay văn chương. Thậm chí chắc người còn nhăn mặt không tán thành những kẻ chỉ liếc ngang liếc ngựa thay vì mang rơm rạ mới đến cho bò hoặc chải lông cho lừa của Người.

Ông nắm vai tôi đẩy ra ngoài phòng và bàn tay to lớn của ông vỗ một cái thân mật suýt làm tôi ngã quỵ. Rồi chúng tôi đã uống với nhau một ly rượu đồ tề. Và đột nhiên, ông nhìn thẳng vào mắt tôi, vẻ quả quyết và ra lệnh. Như thể đó là một con người khác, một người không phải biện minh cùng ai hết, một vị chúa tể. Ông nói:

– Thầy tu là thầy tu, ta không phải thầy tu. Ta không phải cha bề trên của các thầy tu. Ta có một bầy tín đồ, một bầy đàn thực sự, ta không thể nhảy múa trước con tàu* cùng bầy đàn của ta – đàn gia súc; như vậy ta sẽ giống như cái gì, hả con? Các gia súc, chẳng tốt lắm chẳng xấu lắm, bò, lừa, những con vật cày bừa và kéo xe. Và ta cũng có cả dê đực* nữa. Ta sẽ làm gì những con dê đực của mình đây? Không thể giết chúng hoặc bán chúng đi. Một tu sĩ vào hàng

giám mục chỉ việc ra lệnh để thầy tăng giữ cửa không cho vào. Trong trường hợp nhảm lẫn, ngài tổng khứ dê đực để như trở bàn tay. Ta thì không làm thế được, chúng ta phải vừa lòng với mọi sự, ngay cả với dê đực. Dê đực hay chiên, vị chủ tể muốn chúng ta trả lại Người mỗi con vật trong trạng thái tốt lành. Anh đừng nghĩ đến chuyện ngăn trở dê đực bốc mùi dê đực, anh sẽ mất thì giờ, anh sẽ có nguy cơ sa vào tuyệt vọng. Các đồng nghiệp già coi ta là kẻ lạc quan chủ nghĩa, một Roger Bontemps, những người trẻ tuổi kiêu như anh coi ta là ông ba bì, họ thấy ta quá khắc nghiệt với những người phụ việc, quá quân sự, quá cứng rắn. Phía này cũng như phía kia đều trách ta không có kế hoạch cải cách, giống như mọi người khác, hoặc cứ cất nó trong túi. Người già cầu nhàu: Truyền thống! Người trẻ ca hát: Tiến hóa! Ta thì ta cho rằng con người là con người, chẳng đáng giá hơn mấy so với thời của dân dị giáo. Và lại vấn đề không phải là biết được con người đáng giá bao nhiêu, mà là biết được ai chỉ huy anh ta. A! Nếu người ta để cho các tăng lữ hành động! Hãy chú ý rằng ta không nghĩ về thời Trung cổ theo lối sáo mòn đâu: những người của thế kỷ XIII chẳng được tiếng là nhân đức, và nếu như các thầy tu thời ấy ít ngu ngốc hơn bây giờ, thì họ lại uống rượu nhiều hơn, không thể nói khác đi được. Nhưng chúng ta đang lập nên một đế quốc, con ạ, bên cạnh đế quốc này thì đế quốc của các César chỉ như bùn đất – một nền hòa bình, nền hòa bình La Mã, hòa bình thực sự. Một dân tộc Cơ đốc giáo, đó là điều mà chúng ta có thể cùng nhau tạo dựng. Một dân tộc gồm những người Cơ đốc giáo không phải là một dân tộc của những người giả nhân giả nghĩa. Giáo hội có thần kinh vững, tội lỗi không khiến nó sợ, ngược lại. Nó nhìn thẳng vào tội lỗi, bình tĩnh, và thậm chí, noi

gương Chúa, nó nhận tội lỗi về mình, nó gánh chịu tội lỗi. Khi một người thợ tốt làm việc đúng mực sáu ngày trong tuần, thì tối thứ bảy hoàn toàn có thể bỏ qua cho người đó một châu quá chén. Nay, để ta định nghĩa cho anh một dân tộc Cơ đốc giáo bằng điều tương phản với nó. Điều tương phản với một dân tộc Cơ đốc giáo, là một dân tộc buồn bã, một dân tộc của những người già. Anh sẽ bảo ta rằng định nghĩa không mang tính chất thần học cho lắm. Đồng ý. Nhưng nó có thể khiến cho các vị ngáp ngủ trong lễ mi xa ngày chủ nhật phải suy nghĩ. Họ ngáp thật mà! Làm sao mà trong nửa giờ đồng hồ khốn khổ mỗi tuần, Giáo hội dạy được niềm vui cho họ! Thậm chí nếu họ có thuộc lòng giáo lý của Công đồng Trente, họ cũng chẳng vì thế mà tươi vui hơn.

Arche, theo thánh kinh, con tàu lớn do Nôe đóng trong thời hồng thủy để chở một số người trong gia tộc và nhiều cặp cầm thú.

bouc: dê đực, theo nghĩa bóng là con người khả ố, ô trọc.

Vì sao mà thời thơ ấu của chúng ta lại hiện ra với chúng ta êm đềm đến thế, rạng rỡ đến thế? Một thằng bé cũng có những nỗi buồn khổ như tất cả mọi người và nhìn chung, nó quá ít vũ khí để chống lại sự đau đớn, bệnh tật! Tuổi thơ và lúc thật già là hai bước gian nan thử thách lớn của con người. Nhưng chính từ cảm giác về sự bất lực của bản thân mà đứa trẻ rút ra một cách khiêm nhường nguyên lý của niềm vui nơi nó. Nó trông cậy vào mẹ nó, anh có hiểu không? Hiện tại, quá khứ, tương lai, cả cuộc đời nó, toàn bộ sự sống ở trong một ánh mắt, và ánh mắt ấy là một nụ cười. Nay, con ạ, nếu người ta cứ để cho bọn mình hành động, chắc hẳn Giáo hội sẽ đem cho con người trạng thái an tâm tối cao ấy. Hãy nhớ rằng

chẳng phải vì thế mà con người sẽ không có phần buồn bực của họ. Cái đói, cái khát, cái nghèo, sự ghen tuông, chúng ta chẳng bao giờ đủ mạnh để nhét quỹ vào túi được, làm gì có chuyện ấy! Nhưng con người sẽ biết mình là con của Chúa, đó là phép mầu nhiệm! Con người sẽ sống sẽ chết đi với ý tưởng ấy trong đầu – và không phải một ý tưởng chỉ học được trong sách, không đâu. Bởi nhờ có chúng ta, ý tưởng ấy sẽ xui khiến các phong tục, tập quán, các sự vui chơi, giải trí, thậm chí cả những nhu cầu bình thường nhất. Chẳng phải vì thế mà người thợ không đào đất, nhà bác học không chuyên chú vào bảng *logarithme* thậm chí viên kỹ sư không chế tác những thứ đồ chơi cho người lớn. Có điều chúng ta sẽ tiêu diệt, sẽ nhổ bật khỏi trái tim của Adam cảm giác cô đơn. Với đàn lũ thánh thần của họ, những người đa thần giáo chẳng ngốc lắm đâu: dù sao họ cũng đã tạo được cho con người ảo tưởng về một sự hòa hợp thô sơ với cái vô hình. Nhưng ngày nay trò ấy chẳng ra cái đỉnh gì. Ở ngoài Giáo hội, một dân tộc sẽ mãi mãi là một dân tộc của những đứa con hoang, của những đứa trẻ người ta nhặt được. Dĩ nhiên, họ hãy còn hi vọng được Satan thừa nhận. Thôi đi! Họ còn phải đợi lâu, đợi Noël đen tối của họ! Họ cứ việc để giày trong lò sưởi! Quỹ đã chán đặt vào đáy hàng đồng máy móc sáng chế nhanh mà lỗi thời cũng nhanh, bây giờ nó chỉ để một gói nhỏ xiu côcain, hêrôin, moocphin, một chất bột bắn thiêu nào đó chẳng tốn kém của nó mấy. Những kẻ tội nghiệp! Họ sẽ sử dụng đến mức tội lỗi. Chẳng phải cứ muốn chơi đùa là được. Con búp bê bốn xu tầm thường nhất khiến một đứa trẻ vui thích suốt một mùa, trong khi người già sẽ ngáp trước một đồ chơi giá năm trăm quan. Tại sao? Vì ông ta đã đánh mất tinh thần trẻ thơ. Nay, Giáo hội được Chúa giao trách nhiệm gìn giữ trong thế

gian tinh thần trẻ thơ ấy, niềm chất phác ấy, sự tươi mát ấy. Đa thần giáo không phải là thù địch của tự nhiên, nhưng chỉ có Cơ đốc giáo mới làm cho tự nhiên thành rộng lớn, phấn khích, khiến tự nhiên ngang tầm với con người, với mơ ước của con người. Ta muốn nắm lấy một trong những gã thông thái rởm coi ta là kẻ ngu dân, ta sẽ bảo gã: “Không phải lỗi ở tôi nếu như tôi mang y phục của phu đám ma. Xét cho cùng, Giáo hoàng mặc đồ trắng đầy thôi, còn các giáo chủ khác áo đỏ. Tôi có quyền ăn vận như Nữ hoàng Saba mà đi dạo, bởi tôi mang tới niềm vui. Tôi sẽ cho không anh niềm vui nếu như anh yêu cầu. Giáo hội quyết định niềm vui, quyết định toàn bộ phần vui dành cho thế gian buồn tẻ này. Những gì anh đã làm để chống lại Giáo hội, chính là anh đã làm để chống lại niềm vui. Phải chăng tôi đây, tôi ngăn trở anh tính toán các phân điểm biến vị hay phân giải các nguyên tử? Nhưng anh tạo ra chính sự sống làm gì chứ, nếu như anh đã đánh mất ý nghĩa của sự sống? Thế thì anh chỉ còn cách tự bắn vỡ sọ trước những bình cổ cong của anh. Cứ việc tạo ra sự sống bao nhiêu tùy anh! Hình ảnh về cái chết do anh đưa ra đầu độc dần dần tư tưởng của những kẻ khốn khổ, hình ảnh ấy làm u tối, làm phai nhạt những niềm vui cuối cùng của họ. Mọi sự còn Ồn chùng nào kỹ nghệ của anh, tư bản của anh còn cho phép anh biến thế gian thành một hội chợ, với những máy móc xoay vần theo tốc độ chóng mặt, trong tiếng kèn đồng om sòm và pháo hoa nổ ran. Nhưng hãy đợi, hãy đợi khoảnh khắc thỉnh lặng đầu tiên. Lúc ấy, họ sẽ nghe thấy, lời nói – không phải lời mà họ đã khước từ, lời đó bình tĩnh bảo: “Ta là Con đường, là Chân lý, là Sự sống” – mà là lời cất lên từ vực thẳm: “Ta là cánh cửa mãi mãi đóng kín, là nẻo đường chẳng có lối ra, là sự dối trá và trầm luân.”

Ông thốt ra những tiếng cuối cùng này bằng một giọng âm ảm đến mức chắc tôi phải tái mặt – hay nói cho đúng là vàng mặt, hỡi ôi! đó là cách xanh tái đi của tôi từ nhiều tháng nay – bởi ông đã rót cho tôi một ly rượu đồ tùng nữa và chúng tôi nói sang chuyện khác. Tôi thấy sự vui vẻ của ông không giả tạo cũng chẳng vờ vĩnh, vì tôi cho rằng nó chính là bản chất của ông, tâm hồn ông vốn vui tươi. Lúc ra về, tôi cúi chào, ông dùng ngón tay cái phác một chữ thập nhỏ trên trán tôi, rồi luồn tờ một trăm quan vào túi tôi.

– Ta cược rằng anh chẳng có đồng nào, thời buổi ban đầu thường khó khăn, anh sẽ trả lại ta khi anh có thể. Thôi tềch đi, và đừng bao giờ nói gì về chúng ta với bọn ngu ngốc nhé.

“Mang rơm rạ mới cho bò, chải lông cho lừa”, sáng nay trong khi đang gọt khoai để nấu xúp, tôi nhớ lại những lời này. Viên phó xã trưởng đến ngay sau lưng tôi và tôi đã đứng phất dậy, chẳng kịp rửa vỏ khoai đi; tôi cảm thấy mình lố bịch. Ông ta lại mang đến cho tôi một tin vui: xã đã chấp thuận đào giếng riêng cho tôi, như thế mỗi tuần tôi sẽ tiết kiệm được hai mươi xu, tiền cho chú bé lễ sinh vẫn ra giếng lấy nước về. Nhưng tôi muốn nói với ông ta đôi lời về quán rượu của ông, vì giờ đây ông ta định thứ năm và chủ nhật nào cũng tổ chức khiêu vũ – ông gọi buổi ngày thứ năm là “cuộc khiêu vũ của các gia đình” và thu hút đến đó cả những cô gái nhỏ làm ở xưởng mà đám con trai thường chơi nghịch cho uống rượu.

Tôi đã không dám. Ông ta có một kiểu nhìn tôi với một nụ cười tóm lại là thiện chí, nó khuyến khích tôi nói, như thế thế nào thì thế, điều tôi nói ra nhất định chẳng quan trọng gì hết. Và chẳng đến gặp ông ta tại nhà thì phải lẽ hơn. Tôi có có đi thăm hỏi, bởi vợ ông ta

ôm nặng, nhiều tuần nay không ra khỏi phòng. Bà ta không bị tiếng là kẻ xấu, thậm chí mọi người còn bảo trước kia bà đi lễ khá đều.

... “Mang rơm rạ mới cho bò, chải lông cho lừa”, được. Nhưng những công việc đơn giản không phải là việc dễ nhất, ngược lại. Súc vật chỉ có ít nhu cầu bao giờ cũng giống nhau, trong khi các con người! Tôi biết rằng người ta hay nói đến sự đơn giản của dân quê. Tôi là con nhà nông dân, tôi cho rằng họ phức tạp kinh khủng thì đúng hơn. Ở Béthune, lần đầu tôi giữ chức trợ tế, đám thợ trẻ trong phạm vi chúng tôi cai quản một khi sự lạnh nhạt ngược ngừng tiêu tan, làm tôi rối trí vì những điều họ tâm sự, họ không ngừng tìm cách tự xác định con người mình, ta cảm thấy họ tràn đầy thiện cảm với bản thân họ. Một nông dân hiếm khi tự yêu mình, và nếu họ tỏ ra thờ ơ một cách hết sức tàn nhẫn với ai yêu họ thì không phải là họ nghi ngờ cảm tình của người ấy đối với họ: họ coi khinh nó thì đúng hơn. Chắc hẳn họ ít tìm cách sửa mình. Nhưng người ta cũng không thấy họ có ảo tưởng về các khuyết điểm hay các tật xấu mà họ nhẫn nại chịu đựng suốt đời, bởi họ đã đánh giá trước là chúng không thể cải tạo được, và họ chỉ lo sao bắt những con vật vô dụng và tốn kém ấy phải nể sợ, lo sao nuôi được chúng với giá rẻ nhất. Và có khi, trong sự thình lạng của những cuộc đời nông dân luôn kín đáo này, sự thèm muốn của lũ quái vật ngày càng tăng, con người đã già đi chỉ chịu đựng được mình một cách thật vất vả, và bất kỳ mối thiện cảm nào cũng khiến anh ta tức giận, bởi anh ta nghi nó có một kiểu đồng lõa với kẻ thù bên trong đang hủy hoại dần dần sức lực, công việc, của cải của anh ta. Nói gì đây với những kẻ khốn khổ ấy? Bởi thế ta mới gặp trên giường hấp hối một số người già trác táng mà

thói biến lặn chỉ là một cách trả thù khốc liệt, một sự trừng phạt tự nguyện đã chịu hàng bao năm một cách hà khắc không nao núng. Và cho đến lúc sắp lâm chung, một lời buột ra từ nỗi lo âu hãy còn chứng tỏ sự thù ghét bản thân có lẽ chẳng thể được tha thứ.

Tôi cho rằng mọi người hiểu khá sai việc tôi quyết định, cách đây đã mười lăm ngày, là không cần một bà giúp việc. Điều khiến câu chuyện rắc rối lên nhiều, là chồng bà này, ông Pégriot, vừa vào làm tại lâu đài, giữ chân giám thủ những đất đai cấm săn bắn. Ngày hôm qua, ông ta đã tuyên thệ, ở Saint-Vaast. Vậy mà tôi cứ tưởng mình khôn khéo khi mua của ông ta một thùng nhỏ rượu vang! Thế là tôi đã tiêu mất hai trăm quan của bà dì Philomène, mà chẳng được lợi gì, bởi từ nay ông Pégriot chẳng còn làm cho hãng rượu Bordeaux, dù sao ông vẫn chuyển đến hãng giấy đặt hàng của tôi. Tôi nghĩ rằng người kế nhiệm ông ta sẽ hưởng hết lợi lộc từ khoản ân huệ con con của tôi. Sao mà ngốc thế!

Phải, sao mà ngốc thế! Tôi từng hi vọng cuốn nhật ký này sẽ giúp tôi cố định hóa tư duy của tôi, nó luôn lẫn trốn trong những khoảnh khắc hiểm hoi mà tôi có thể suy nghĩ đôi chút. Trong ý tưởng tôi, nhật ký phải là một cuộc trò chuyện giữa Chúa và tôi, một sự tiếp nối của lời cầu nguyện, một cách tránh né những khó khăn của bài diễn giảng mà tôi còn quá thường cảm thấy không vượt nổi, có lẽ vì những cơn đau thắt dạ dày nơi tôi. Vậy mà giờ đây nhật ký lại cho tôi thấy ra vị trí hết sức to lớn, quá chùng quá độ, của hàng ngàn mối lo lặt vặt thường ngày trong cuộc sống tội nghiệp của tôi, mà đôi

khi tôi cứ ngỡ mình đã được giải thoát. Tôi rất hiểu là Chúa chia sẻ những nỗi khổ của chúng ta, dù chúng nhỏ nhoi vớ vẩn, và Người không xem khinh điều gì hết. Nhưng cố định hóa trên giấy làm gì những điều mà ngược lại lẽ ra tôi phải cố quên dần đi? Tệ hơn nữa tôi thấy trong việc tâm sự này một niềm êm dịu lớn đến mức đủ khiến tôi cảnh giác. Khi nguệch ngoạc dưới ánh đèn những trang sẽ không bao giờ có ai đọc, tôi cảm thấy một sự hiện diện vô hình chắc chắn không phải của Chúa – đúng hơn có lẽ của một người bạn giống hệt tôi, tuy khác biệt tôi, có một bản chất khác... Tới qua, sự hiện diện ấy đột nhiên thành rõ rệt quá chừng đến mức tôi bất chợt thấy mình nghiêng đầu về phía một người nghe tưởng tượng nào đó không rõ, và bỗng muốn khóc lên, khiến tôi phát xấu hổ.

Vả lại tốt hơn nên thử nghiệm đến cùng – tôi muốn nói là ít ra cũng vài tuần lễ. Thậm chí tôi sẽ cố gắng viết mà không chọn lọc những gì nghĩ trong óc (có lúc tôi còn do dự khi lựa chọn một hình dung từ, còn định tự sửa lại), rồi sẽ nhét những giấy tờ vô dụng của mình vào đáy ngăn kéo, sau đó ít lâu mới đọc lại khi đầu óc thanh thoi.



Sáng nay, sau buổi lễ, tôi đã có một cuộc trò chuyện dài cùng cô Louise. Cho đến nay tôi chỉ gặp cô rất ít tại các buổi lễ trong tuần, bởi địa vị của cô là giáo viên tại lâu đài buộc cả hai chúng tôi phải rất giữ gìn. Bá tước phu nhân quý cô lắm. Hình như cô định vào tu viện dòng Sainte-Claire, nhưng lại hy sinh mình để trông nom bà mẹ già tàn tật vừa mới qua đời năm ngoái. Hai cậu bé yêu kính cô. Đáng buồn là tiểu thư Chantal, cô con gái lớn, không hề tỏ ra chút thiện cảm nào thậm chí hình như thích thú làm cô tủi nhục, coi cô như tôi tớ. Có thể đó là những trò trẻ con, nhưng hẳn những trò ấy phải thử thách một cách tàn ác lòng nhẫn nại nơi cô, bởi qua bá tước phu nhân tôi biết cô thuộc một gia đình rất tốt và được hấp thụ một nền giáo dục ưu tú.

Tôi cho rằng tôi đã hiểu là lâu đài tán thành công việc tôi không cần người ở. Tuy nhiên họ thấy tôi nên thuê một lao công thì hơn, dù chỉ để theo nguyên tắc, mỗi tuần lễ đến làm một hoặc hai lần. Dĩ nhiên, đó là vấn đề nguyên tắc. Tôi ở một ngôi nhà linh mục đầy đủ tiện nghi, nhà đẹp nhất trong vùng, sau lâu đài, mà tôi lại tự giặt quần áo! Như vậy tôi sẽ có vẻ cố ý làm ra thế.

Có lẽ tôi cũng không có quyền khác biệt các đồng nghiệp chẳng khá giả hơn tôi, nhưng sử dụng giỏi những nguồn lợi ít ỏi của mình. Tôi thành thật tin rằng giàu hay nghèo đối với tôi chẳng can hệ gì, tôi chỉ muốn các bề trên quyết định hẳn điều ấy đi. Cái khung cảnh an lạc trường giả, nơi người ta áp đặt cho chúng tôi sống, rất ít thích hợp với nỗi bần cùng của chúng tôi... Sự nghèo khổ cực độ không

phải khó nhọc mới giữ được đường hoàng. Tại sao lại duy trì những bề ngoài ấy? Tại sao lại khiến chúng tôi túng bấn?

Tôi nghĩ mình sẽ được an ủi đôi chút khi dạy giáo lý sơ đẳng, khi chuẩn bị cho lễ ban thánh thể theo ý nguyện của Đức Giáo hoàng Pie X. Hôm nay nữa, khi nghe tiếng chúng lao xao ngoài nghĩa trang, nghe những đôi giày nhỏ đóng đinh dưới đế lóc cóc trên thềm, dường như tim tôi xót xa vì thương mến. *Sinite parvulos**... Tôi mơ ước nói với chúng bằng cái ngôn ngữ trẻ thơ mà tôi tìm lại được rất nhanh, tất cả những gì tôi phải giữ riêng cho mình, tất cả những gì tôi không thể diễn đạt trên tòa giảng nơi người ta đã dẫn đi dẫn lại tôi phải thận trọng. Ô! tôi sẽ chẳng cường điệu, dĩ nhiên rồi! Nhưng rốt cuộc tôi rất tự hào được nói với chúng những điều khác với các vấn đề về phân số, về quyền công dân, hoặc về thứ vạn vật học khả ố, quả thực chỉ là những bài học về sự vật và không có gì khác nữa. Con người đi học sự vật! Và tôi còn được giải thoát khỏi nỗi sợ gần như bệnh hoạn, mà tôi cho rằng linh mục trẻ nào cũng cảm thấy, khi một số từ, một số hình ảnh nào đó đến cửa miệng mình, có sự mai mỉa, có tính lập lờ, chúng phá hủy nhiệt tình bùng bột của chúng tôi, khiến chúng tôi bất đắc dĩ phải giới hạn ở những bài thuyết giáo khắc khổ với từ ngữ hết sức cũ mòn nhưng hết sức chắc chắn thành thử chẳng làm ai chú ý tai và do quá mơ hồ, buồn tẻ, ít ra cũng có công làm mất hứng những lời bình luận nhạo báng. Nghe chúng tôi nói, người ta thường hay tưởng là chúng tôi truyền giảng Chúa của các nhà duy linh, Thượng đế gì đó chẳng biết, dù sao cũng không giống với Đức Chúa mà chúng tôi đã tập quen biết như một người bạn diệu kỳ sống động, đau nỗi đau của chúng tôi, cảm niềm vui của

chúng tôi, chia sẻ cách hấp hối của chúng tôi, sẽ đón nhận chúng tôi trong vòng tay của Người, trên ngực của Người.

Sinite parvulos uenire ad me tiếng La tinh có nghĩa: “Hãy để trẻ thơ đến bên ta.” (Lời Jésus Christ nói với các tông đồ khi họ định gạt ra xa Jésus những đứa trẻ mà mọi người đem đến bên ông.)

Tôi cảm thấy ngay sự kháng cự của đám con trai, và tôi đã ngừng lời. Xét cho cùng, không phải lỗi ở chúng, nếu những con vật giúp chúng sớm hiểu – không sao tránh được – giờ đây còn thêm những buổi chiếu phim hàng tuần nữa.

Khi miệng chúng nói lên được lần đầu tiên cái từ “tình yêu”, thì nó đã là một từ lố bịch, một từ nhơ nhớp mà chúng sẵn sàng vừa cười vừa ném đá truy đuổi, như chúng thường làm với cóc nhái. Nhưng các em gái khiến tôi có đôi chút hi vọng, nhất là Séraphita Dumonchel. Đó là cô học trò giỏi nhất của lớp giáo lý, vui tươi, sạch sẽ, mắt nhìn hơi táo bạo, tuy trong sáng. Dần dần tôi có thói quen biết đãi em giữa đám bạn học không chuyên cần bằng, tôi hay hỏi em, tôi hơi có vẻ nói cho riêng em. Tuần vừa qua, khi đưa cho em phiếu điểm tốt hàng tuần – một tranh thánh đẹp – trong kho đồ thánh, tôi vô tình đặt hai bàn tay lên vai em và hỏi em: “Con có mong được nhận mình Chúa hay không? Con có cảm thấy thời gian dài không?” Em đã trả lời “Không, tại sao chứ? Điều ấy sẽ đến khi nào nó đến.” Tôi sửng người, song không tức giận, bởi vẫn biết sự ranh mãnh của trẻ con. Tôi nói tiếp: “Nhưng con hiểu, phải không? Con nghe cha giảng rất chăm chú mà!” Thế là gương mặt bé nhỏ của em đan lại và em nhìn tôi chằm chằm mà đáp: “Đó là vì cha có đôi mắt rất đẹp.”

Dĩ nhiên tôi vẫn bình thần, tôi và em cùng ra khỏi kho đồ thánh và tất cả những đứa bạn của em đang thì thà thì thảo bỗng im bật, rồi phá lên cười. Rõ ràng là chúng đã cùng nhau bày ra chuyện này.

Từ đó tôi cố không thay đổi thái độ, tôi không muốn mình có vẻ tham dự trò chơi của chúng. Nhưng cô bé tội nghiệp, chắc chắn được bạn bè khuyến khích, cứ theo đuổi tôi với những điệu bộ ngấm ngầm, chọc ghẹo, những vẻ của phụ nữ thực sự, và một kiểu vén váy lên để buộc lại chiếc dải dùng làm nịt tất. Chúa tôi, trẻ em là trẻ em, song sự thù nghịch của các cô bé này? Tôi đã làm gì chúng?

Các thầy tu đau khổ cho các linh hồn. Chúng ta, chúng ta đau khổ vì các linh hồn. Ý nghĩ này đến trong tôi tối qua và đã thức suốt đêm bên tôi, như một thiên thần.

Kỷ niệm ngày tôi được bổ đến nhiệm sở Ambricourt! Đã ba tháng rồi! Sáng nay tôi đã cầu nguyện nhiều cho xứ đạo của mình – xứ đạo tội nghiệp của mình – xứ đạo đầu tiên và có thể là cuối cùng, bởi tôi mong được chết tại đó. Xứ đạo của mình! Một từ người ta không thể thốt lên mà không xúc động, nói thế nào đây! mà không có nhiệt tình yêu đương. Vậy mà nó mới chỉ gọi trong tôi một hình ảnh mơ hồ. Tôi biết rằng nó tồn tại thực sự, rằng tôi và nó là của nhau đời đời, bởi nó là một tế bào của Giáo hội bất diệt chứ không phải một sự hư cấu có tính chất hành chính. Nhưng tôi những muốn Chúa mở mắt mở tai cho tôi, cho phép tôi nhìn thấy gương mặt nó, nghe thấy tiếng nói của nó. Như vậy là đòi hỏi nhiều quá chăng? Gương mặt xứ đạo của tôi! Ánh mắt của nó! Chắc phải là một ánh mắt dịu hiền, buồn, nhẫn nại, và tôi tưởng tượng nó hơi giống ánh

mất tôi khi tôi thôi vật lộn, khi tôi để mình bị cuốn đi bởi dòng sông lớn vô hình nó mang tất cả chúng ta, người sống người chết, lẫn lộn, về với sâu xa Vĩnh Hằng. Và ánh mắt ấy sẽ là ánh mắt của tinh thần Cơ đốc giáo, của mọi xứ đạo, hay thậm chí... có thể là của loài người tội nghiệp chăng? Ánh mắt mà Chúa đã nhìn thấy từ trên cao Thánh giá. Hãy tha tội cho chúng bởi chúng không biết điều chúng làm...

(Tôi đã có sáng kiến sử dụng đoạn trên đây, có sửa chữa đôi chút, trong lời rao giảng ngày chủ nhật. *Ánh mắt của xứ đạo* khiến mọi người cười mỉm và tôi đã ngừng một giây ngay giữa câu nói, với cảm giác, than ôi rất rõ ràng! là mình đang diễn kịch. Vậy mà có Chúa biết rằng tôi rất chân thành! Nhưng trong các hình ảnh đã làm tim ta quá xúc động bao giờ cũng có một cái gì đó mờ đục. Tôi tin chắc là tu viện trưởng Torcy phải chê trách tôi. Xong buổi lễ, ngài bá tước đã bảo tôi, bằng giọng nói kỳ cục hơi có âm mũi: “Cha đã nói hết sức bay bổng!” Tôi những muốn chui xuống đất.)

Cô Louise chuyển cho tôi lời mời đến ăn trưa tại lâu đài, vào thứ ba tuần tới. Cô Chantal có mặt khiến tôi hơi phiền, tuy thế tôi đã toan từ chối, song cô Louise kín đáo ra hiệu cho tôi nhận lời.

Người giúp việc sẽ trở lại làm vào thứ ba. Bá tước phu nhân có nhã ý trả cho bà ta mỗi tuần một ngày công. Tôi quá xấu hổ vì tình trạng áo quần của mình thành thử sáng nay đã ra tận Saint-Vaast để sắm ba chiếc sơ mi, rồi quần đùi, khăn tay, tóm lại, một trăm quan của cha xứ Torcy chỉ tạm đủ cho khoản chi lớn này. Hơn nữa, tôi phải cung cấp bữa trưa mà một người lao động cần được ăn uống

tử tế. May thay thùng rượu vang của tôi sẽ được việc. Hôm qua tôi đã đóng vào chai. Tôi cảm thấy rượu hơi đục, tuy thế rất thơm.

Ngày tháng trôi qua, trôi qua... Sao mà chúng trống rỗng! Tôi hãy còn hoàn thành được công việc thường ngày, nhưng cứ lần nữa mãi chưa thực hiện chương trình nhỏ tự vạch ra cho mình. Thiếu phương pháp, hẫng thế. Và tôi mất bao nhiêu thì giờ đi lại! Chi nhánh gần nhất cũng xa ba cây số, còn chi nhánh kia năm cây. Xe đạp chỉ giúp được tôi chút ít, bởi tôi không thể đạp lên dốc, nhất là khi đói, mà không bị đau dạ dày kinh khủng. Cái xứ đạo bé tí trên bản đồ!... Cứ nghĩ rằng có lớp học hai mươi hay ba mươi em, tuổi và điều kiện tương tự, cùng theo một khuôn phép, cùng được rèn tập các môn giống nhau, mà chỉ trong học kỳ hai mới được thầy biết đến – mà hãy còn nữa!... Tôi cảm thấy như đời tôi, toàn bộ sức lực của đời tôi, sắp tan đi trong cát bụi.

Giờ đây ngày nào cô Louise cũng đi lễ. Nhưng cô xuất hiện rồi biến mất nhanh đến mức có khi tôi không nhận ra cô có mặt. Nếu không có cô, chắc nhà thờ vắng bóng người.

Hôm qua gặp Séraphita đi cùng ông Dumonchel. Mặt cô bé như biến hóa từng ngày: trước kia rất hay thay đổi, rất linh hoạt, giờ đây có một kiểu cố định, cứng cỏi vượt quá tuổi em rất nhiều. Trong lúc tôi nói với em, em quan sát tôi với vẻ chăm chú phiến toái đến mức tôi không ngăn nổi mình đỏ mặt. Có lẽ tôi phải báo cho bố mẹ em... Nhưng về cái gì chứ?

Trên mảnh giấy chắc hẳn cố ý để lại trong một cuốn sách học giáo lý, mà tôi thấy được sáng nay, một bàn tay vụng về đã vẽ một hình người đàn bà bé xíu với lời ghi: “Người cưng của Cha xứ”. Bởi

mỗi lần tôi lại phân phát sách một cách ngẫu nhiên, việc tìm tác giả của trò trêu chọc này là vô ích.

Tôi đã tự nhủ mãi rằng những loại phiền muộn như thế là chuyện thường tình, ở những trường học nền nếp nhất, điều ấy cũng chỉ làm tôi nguôi được một nửa. Một thầy giáo luôn có thể giải bày với cấp trên, xin gặp. Trong khi ở đây thì...

“Đau khổ vì các linh hồn”, suốt đêm tôi nhắc lại với mình lời an ủi ấy. Nhưng thiên thần đã không trở lại.

Hôm qua bà Pégriot đến. Bà ta có vẻ rất ít hài lòng về giá cả do bá tước phu nhân quy định thành thử tôi thấy cần phải bỏ tiền túi ra để tăng thêm năm franc. Hình như tôi đóng rượu vào chai quá sớm, lại thiếu sự cẩn thận cần thiết, thành thử đã làm hỏng rượu. Tôi thấy lại chai rượu trong bếp gần như còn nguyên.

Rõ ràng người đàn bà này có tính nết chẳng dễ thương và cung cách khó chịu. Nhưng phải công bằng: tôi cho một cách vụng về, với thái độ lúng túng khiến mọi người chưng hửng. Bởi vậy hiếm khi tôi cảm thấy mình làm vui lòng người, hẳn là vì tôi quá mong muốn làm được thế. Người ta ngỡ tôi cực chẳng đã mới cho.

Thứ ba họp ở nhà cha xứ Hébuterne, nghe thuyết trình hàng tháng. Đề tài do tu viện trưởng Thomas, cử nhân lịch sử, luận giải: “Cuộc Cải cách Tôn giáo, nguồn gốc, nguyên nhân”. Quả thật, tình hình Giáo hội thế kỷ XVI khiến người ta rùng mình. Trong khi thuyết trình viên tiếp tục bài trình bày tất nhiên hơi đơn điệu, tôi quan sát mặt các người nghe và chẳng thấy gì ngoài một vẻ tò mò nhả nhặn, hết như thể chúng tôi đang tụ họp để nghe đọc một chương nào đó

trong lịch sử các hoàng đế cổ Ai Cập. Ngày trước, sự thờ ơ lộ ra bên ngoài này chắc đã khiến tôi nổi xung. Giờ đây, tôi cho đó là dấu hiệu của một tín ngưỡng lớn, có lẽ cũng của một niềm kiêu hãnh lớn vô ý thức. Không một ai trong những người ấy có thể nghĩ rằng Giáo hội lâm nguy, bất kể vì lý do gì. Và tất nhiên lòng tin nơi tôi không kém, nhưng chắc hẳn thuộc loại khác. Sự an tâm của họ khiến tôi kinh hoàng.

(Tôi hơi ân hận đã viết cái từ kiêu hãnh, vậy mà tôi chẳng thể xóa nó đi, bởi không tìm ra từ nào thích hợp hơn cho một tình cảm thật con người, thật cụ thể đến thế. Dù thế nào, Giáo hội cũng không phải là một lý tưởng để thực hiện, Giáo hội tồn tại và họ ở trong đó).

Khi bài thuyết trình đã xong, tôi mạo muội đề cập một cách dẹt dẹt chương trình tự vạch cho mình. Mà tôi còn bỏ đi một nửa số điều mục. Mọi người đã chẳng khó nhọc mấy để chứng minh cho tôi rằng việc thực thi, dù chỉ một phần chương trình đó, sẽ đòi hỏi những ngày dài bốn mươi tám giờ và một ảnh hưởng cá nhân mà còn lâu tôi mới có, chẳng bao giờ có cũng nên. May thay, mọi người thôi chú ý đến tôi và cha xứ Lumbres đã trình bày xuất sắc vấn đề quỹ nông thôn và hợp tác xã nông nghiệp, cha là chuyên gia về những vấn đề này.

Tôi trở về dưới mưa, khá buồn bã. Chút rượu vang tôi uống đã gây những cơn đau dạ dày kinh khủng. Chắc chắn tôi gầy đi rất nhiều từ mùa thu và khí sắc hẳn là ngày càng xấu bởi từ nay về sau người ta miễn cho tôi mọi nhận xét về sức khỏe của tôi. Nếu tôi không đủ sức lực! Dù cố gắng, tôi vẫn khó tin rằng Chúa sẽ dùng tôi thực sự – triệt để – sẽ sử dụng tôi như những người khác. Mỗi ngày

tôi lại thêm ngạc nhiên vì sự dốt nát của mình về những tiểu tiết sơ đẳng nhất của cuộc sống thực tiễn mà tất cả mọi người hình như chẳng học cũng biết, nhờ một thứ trực giác. Hiển nhiên, tôi không ngu ngốc hơn người này hay người kia, và với điều kiện là chỉ tự hạn ở những công thức nhớ được một cách dễ dàng, tôi có thể khiến mọi người lầm tưởng rằng tôi đã hiểu. Nhưng những từ ngữ có ý nghĩa đích xác với mỗi người thì với tôi chúng dường như chỉ hơi hơi khác biệt nhau, tới mức có khi tôi sử dụng chúng một cách ngẫu nhiên khinh suất, như người chơi bài kém cỏi liều đánh một quân. Trong cuộc thảo luận về các quỹ nông thôn, tôi có cảm tưởng mình là đứa trẻ lạc vào cuộc chuyện trò của người lớn.

Chắc hẳn các đồng nghiệp cũng chẳng thông thái hơn tôi là mấy, bất kể những truyền đơn khuyến giáo được phân phát tới tập đến chúng tôi. Nhưng tôi kinh ngạc thấy họ thoải mái nhanh đến thế khi người ta đề cập những vấn đề trên. Hầu hết họ đều nghèo, và dững cãm cam chịu cảnh nghèo, song hình như chuyện tiền bạc chẳng vì thế mà không có một kiểu mê hoặc đối với họ. Mặt họ lập tức mang vẻ trang trọng, vững vàng, khiến tôi nản chí, buộc tôi lặng im, hầu như kính nể.

Tôi rất sợ mình chẳng bao giờ thực tế, kinh nghiệm sẽ không đào luyện tôi. Với người quan sát phiến diện, tôi chẳng khác biệt mấy các đồng nghiệp, tôi cũng là dân quê như họ. Nhưng tôi xuất thân từ một dòng dõi rất nghèo khổ, những người thợ phụ, thợ làm khoán, nữ tá điền, chúng tôi thiếu ý thức sở hữu, chắc chắn chúng tôi đã đánh mất nó qua các thế kỷ. Về điểm này bố tôi giống ông tôi, bản thân ông tôi lại giống cụ tôi, chết đói vào mùa đông khủng khiếp năm

1854. Một đồng hai mươi xu làm nóng túi các cụ và các cụ sẽ chạy đi tìm bạn để chè chén. Các bạn đồng học của tôi ở tiểu chủng viện không nhầm: cho dù mẹ tôi mặc chiếc váy tốt nhất của bà, đội chiếc mũ đẹp nhất, bà vẫn có cái vẻ hèn mọn, lén lút, nụ cười tội nghiệp của những kẻ cùng khổ nuôi nấng con cho người khác. Nếu như tôi chỉ thiếu ý thức sở hữu! Nhưng tôi sợ mình không biết chỉ huy chẳng khác nào không biết sở hữu. Điều đó, thì nghiêm trọng hơn.

Không hề gì! Có khi những học trò xoàng, bất tài, lại đứng được vào hàng đầu. Ở đó họ chẳng bao giờ xuất sắc, dĩ nhiên. Tôi không có tham vọng cải tạo bản chất mình, tôi sẽ khắc phục những điều mình hiềm kỵ thể thôi. Nếu tôi có nghĩa vụ trước hết với các linh hồn, thì tôi không thể không biết gì về các mối quan tâm, xét cho cùng là chính đáng, chúng giữ vị trí to lớn trong cuộc đời những người thuộc xứ đạo của tôi. Thầy giáo dạy chúng tôi – tuy là dân Paris – vẫn giảng được về luân canh và phân bón. Tôi sẽ học thật chăm tất cả những vấn đề trên.

Tôi cũng cần lập được một hội thể thao, theo gương đa số đồng nghiệp. Thanh niên của chúng ta say mê bóng đá, quyền Anh hay đua xe máy vòng quanh nước Pháp. Chẳng lẽ tôi không cho họ niềm vui bàn luận những chuyện ấy cùng tôi, lấy cớ là những kiểu giải trí này – cũng chính đáng, dĩ nhiên! – không hợp sở thích của tôi? Tình trạng sức khỏe đã không cho phép tôi thực hiện nghĩa vụ quân sự, và muốn tham gia trò chơi cùng họ sẽ là lỗ bịch. Nhưng tôi có thể nắm được tình hình, dù chỉ nhờ đọc trang thể thao của tờ *Tiếng vọng Paris*, mà bá tước cho tôi mượn khá đều.

Tối qua, viết xong những dòng này, tôi đã quỳ xuống chân giường và đã cầu xin Chúa ban phước cho điều tôi vừa quyết định. Bỗng nhiên tôi cảm thấy một sự sụp đổ các mơ ước, các hy vọng, tham vọng của tuổi thơ nơi tôi, và tôi đi nằm, sốt run lập cập, đến rạng đông mới ngủ được.

Sáng nay, suốt buổi lễ, cô Louise đã úp mặt vào hai bàn tay. Khi đọc đoạn Kinh Phúc âm cuối cùng, tôi nhận ra rất rõ cô đã khóc. Thật gay go khi cô đọc, còn gay go hơn nữa khi cùng chung nỗi cô đọc với những kẻ thờ ơ hay bội bạc.

Từ ngày tôi có sáng kiến đáng buồn là giới thiệu với viên quản lý của bá tước một bạn học cũ ở tiểu chủng viện đi chào hàng cho một hãng phân hóa học lớn, ông giáo không chào tôi nữa. Hình như chính ông ta là đại diện cho một hãng lớn khác ở Béthune.

Thứ bảy tới tôi sẽ đến ăn trưa tại lâu đài. Bởi công dụng chủ yếu, hoặc có lẽ duy nhất của nhật ký này là để giữ thói quen hoàn toàn trung thực với bản thân, tôi phải thú nhận rằng tôi không phật ý về chuyện đó, hài lòng thì đúng hơn... Tôi không xấu hổ vì cảm giác này. Như người ta thường nói, giới chủ lâu đài không có tiếng tốt ở đại chủng viện, và chắc chắn là một linh mục trẻ phải giữ sự độc lập đối với những người trong xã hội thượng lưu. Nhưng về điểm này cũng như bao điểm khác, tôi vẫn là con của những người rất nghèo chưa bao giờ biết đến thứ ghen tức, thù oán, của người điền chủ nông thôn, vật lộn với mảnh đất xấu nó làm đời anh ta hao mòn, đối với kẻ ăn không ngồi rồi chỉ khai thác địa tô cũng từ mảnh đất ấy. Từ

lâu lắm rồi chúng tôi đây không còn dính líu với các lãnh chúa! Từ nhiều thế kỷ chúng tôi thuộc về chính người điền chủ nông thôn kia và chẳng có người chủ nào khó làm hài lòng hơn thế, khắc nghiệt hơn thế.

Nhận thư của linh mục Dufréty, một bức thư rất lạ lùng. Linh mục Dufréty cùng học với tôi ở tiểu chủng viện, sau đó học xong ở nơi nào tôi không rõ và, theo tin tức gần đây nhất, anh là đồng linh mục của một xứ đạo nhỏ thuộc giáo phận Amiens, vị phụ trách nơi này bị ốm nên đã xin được có người cộng tác hỗ trợ. Tôi vẫn giữ về anh một kỷ niệm rất sống động, gần như thương mến. Thời ấy người ta thường đưa anh ra như một mẫu mực cho chúng tôi về lòng kính tín, mặc dù riêng tôi thấy anh quá căng thẳng, quá nhạy cảm. Trong năm học thứ ba, tại nhà nguyện, chỗ của anh gần chỗ của tôi, và tôi thường nghe thấy anh thốt thức, mặt úp vào hai bàn tay bé nhỏ lúc nào cũng dầy mực và rất xanh xao.

Thư anh đề gửi từ Lille (tôi nhớ mang máng quả là một ông chú của anh, cựu hiến binh, bán hàng thực phẩm tại đó). Tôi ngạc nhiên chẳng thấy anh đã động gì đến chức phận chắc là anh đã rời bỏ, vì bệnh tật, hẳn vậy. Người ta bảo anh có nguy cơ bị ho lao. Bố và mẹ anh đã chết vì bệnh ấy.

Từ dạo tôi không có người giúp việc nữa, bác bưu tá có thói quen luôn thư từ bên dưới cửa ra vào. Tình cờ tôi thấy chiếc phong bì dán kín, vào lúc lên giường ngủ. Với tôi đó là một khoảnh khắc rất khó chịu, tôi cố trì hoãn nó hết mức có thể. Những cơn đau dạ dày nói chung là kham được, nhưng lâu dần, không sao tưởng tượng nổi cái

gì đơn điệu hơn. Dần dà, trí tưởng tượng hoạt động, đầu óc vương vীu, và phải can đảm lắm mới không ngồi dậy. Vả lại tôi ít khi nhượng bộ sự cảm dỗ, bởi trời rét.

Vậy là tôi đã bóc phong bì với linh cảm về một tin chẳng lành – thậm chí tồi tệ hơn – về một chuỗi những tin chẳng lành. Hiển nhiên, đó là tâm trạng không hay. Chẳng sao. Tôi không thích giọng điệu trong thư. Tôi thấy giọng điệu ấy vui vẻ một cách gượng gạo, hầu như thất lễ, trong trường hợp có lẽ bạn tôi không còn khả năng đảm trách công việc, ít ra là tạm thời. Anh bảo “Chỉ riêng bạn có thể hiểu được mình.” Tại sao? Tôi nhớ lại rằng anh xuất sắc hơn tôi nhiều và có coi thường tôi chút đỉnh. Vì thế mà tôi càng yêu mến anh hơn, tất nhiên.

Anh yêu cầu tôi khẩn cấp đến thăm anh, vậy là tôi sắp hiểu rõ mọi chuyện.

Cuộc viếng thăm lâu đài sắp tới khiến tôi bận tâm nhiều. Thành công của những dự định lớn mà tôi tha thiết có thể tùy thuộc vào sự tiếp xúc đầu tiên, tài sản và ảnh hưởng của bá tước chắc chắn giúp được tôi thực hiện dự định. Như xưa nay vẫn thế, sự thiếu kinh nghiệm, sự ngu dại của tôi và cả một thứ rủi ro lồ bịch tha hồ làm rắc rối những chuyện đơn giản nhất. Vậy là tấm áo lót bông đẹp để tôi vẫn dành cho các trường hợp đặc biệt giờ đây quá rộng. Hơn nữa, bà Pégriot, vả chăng do tôi bảo, đã tẩy các vết bẩn, nhưng quá vụng về thành thử dầu xăng loang thành những quầng xấu xí. Cứ như thể những đốm lấp lánh ngũ sắc trên mặt các món canh quá béo. Hơi không hay cho tôi khi đến lâu đài với chiếc áo vẫn thường mặc, đã

mạng vá nhiều lần, nhất là ở khuỷu tay. Tôi sợ có vẻ phô trương cái nghèo của mình. Người ta có thể tưởng đủ mọi điều!

Tôi cũng muốn mình ăn được – ít ra vừa đủ để đừng khiến mọi người chú ý. Nhưng không sao lường trước nổi, dạ dày tôi nó trái tính trái nết lắm! Chỉ hơi có dấu hiệu cấp báo, là vẫn cơn đau ấy xuất hiện ở mé phải, và tôi có cảm giác như một thứ máy hãm, một sự co giật. Miệng tôi lập tức khô đi, tôi không nuốt nổi cái gì nữa.

Đó là những sự khó ở, thế thôi. Tôi chịu đựng chúng cũng khá, tôi không yếu điệu, tôi giống mẹ tôi. “Mẹ cháu là người gan góc,” cậu Ernest tôi hay nhắc lại như vậy. Với người nghèo khổ, tôi cho rằng điều đó có nghĩa là một phụ nữ nội trợ không mệt mỏi, không bao giờ ốm, và chết đi chẳng tốn kém nhiều.

Chắc hẳn bá tước giống một nông dân như tôi hơn là giống bất kỳ kỹ nghệ gia giàu có nào mà trước đây tôi có dịp gặp gỡ, trong thời gian làm trợ tế. Chỉ nói đôi lời, ông đã khiến tôi thoải mái. Họ có quyền lực gì thế nhỉ, những người thuộc giới thượng lưu dường như chẳng mấy phân biệt với người khác, ấy thế mà chẳng làm điều gì giống ai hết! Trong lúc một biểu hiện vị nể nhỏ nhất cũng khiến tôi bối rối, người ta đã có thể xử sự tới mức kính trọng mà không lúc nào để tôi quên rằng sự tôn trọng ấy chỉ dành cho chức phận do tôi đảm đương. Bá tước phu nhân thật hoàn hảo. Bà mặc áo dài trong nhà, rất giản dị, và trên mái tóc hoa râm choàng một loại khăn gợi nhớ tấm khăn mẹ tôi thường đội ngày chủ nhật. Tôi không ngần ngại mình nói với bà điều ấy, nhưng tôi giải thích lúng ta lúng túng thành thử tôi cứ tự hỏi liệu bà có hiểu hay không.

Chúng tôi đã cùng cười rất nhiều về áo của tôi. Tôi nghĩ rằng ở bất kỳ nơi khác, người ta cũng vờ như không để ý đến nó, và tôi sẽ rất khổ tâm. Những người quý phái này nói về tiền bạc và tất cả những gì dính dáng tới tiền bạc một cách thoải mái biết mấy, tế nhị biết mấy, thanh nhã biết mấy! Thậm chí hình như một cái nghèo chắc chắn, đích thực, khiến anh lập tức được họ tin cậy, tạo ra giữa họ và anh một thứ thân mật đồng lõa. Tôi cảm thấy rõ điều này khi ông bà Vergenne (ngày trước là chủ xưởng bột, rất giàu có, vừa mua lâu đài Rouvroy năm ngoái) đến chơi vào lúc dùng cà phê. Sau khi họ ra về, bá tước đã có một ánh mắt hơi mỉa mai mang nghĩa rất rõ: “Thượng lộ bình an nhé, tốt cuộc, ta lại được ngồi riêng với nhau!” Ấy thế mà, người ta đồn rất nhiều về cuộc hôn nhân của tiểu thư Chantal với cậu con nhà Vergenne... Chẳng sao! Tôi cho là trong tình cảm mà tôi phân tích rất dở, có một cái gì đó không chỉ là sự nhã nhặn, dù chân thành đi nữa. Thái độ chẳng lý giải được hết mọi điều.

Dĩ nhiên, tôi những mong bá tước tỏ ra nhiệt tình hơn nữa với những kế hoạch của tôi về hoạt động của thanh niên, hội thể thao. Nếu không đích thân hợp tác, thì sao lại từ chối tôi khu đất nhỏ Latrillère, và cái nhà kho cũ chẳng dùng vào việc gì, rất dễ làm thành phòng chơi, phòng nghe thuyết trình, chiếu phim, gì gì nữa? Tôi cảm thấy rõ mình chẳng biết xin cũng như chẳng biết cho, mọi người muốn tự dành thời gian suy nghĩ, còn tôi luôn chờ đợi một tiếng reo của con tim, một nhiệt tình bùng bột đáp ứng sự bùng bột nơi tôi.

Tôi đã rời lâu đài rất muộn, quá muộn. Tôi cũng chẳng biết cách cáo từ, cứ mỗi vòng kim đồng hồ tôi lại tỏ ý định rút lui, khiến mọi

người nhả nhận phản đối, và tôi không dám bỏ qua lời phản đối ấy. Có thể kéo dài như thế hàng mấy giờ! Cuối cùng, tôi ra về, chẳng còn nhớ được lấy một lời về những gì mình đã nói, nhưng cảm thấy một thứ tin tưởng, hân hoan, cảm giác về một tin tốt lành, một tin rất hay mà tôi muốn đem ngay đến cho một người bạn. Trên đường về nhà, thiếu chút nữa, là tôi chạy.

Hầu như ngày nào tôi cũng tìm cách để về nhà theo đường Desvres. Trên đỉnh dốc, dù trời mưa hay gió, tôi vẫn ngồi lên một thân cây bạch dương không hiểu sao bị bỏ quên ở đây từ bao mùa đông, bắt đầu mục rữa. Tầm gửi khiến thân cây như bọc trong chiếc bao mà tôi thấy khi thì xấu gớm guốc khi thì xinh đẹp, tùy theo tâm trạng nơi tôi hoặc tùy sắc thái thời tiết. Chính ở chỗ đó tôi đã nảy ra ý nghĩ viết nhật ký và tôi thấy hình như mình sẽ không có ý nghĩ này ở bất kỳ nơi nào khác. Ở cái miền toàn những rừng và những đồng cỏ có hàng rào chia cắt, có trồng các cây táo, tôi không tìm ra một đài quan sát nào khác, nơi mà thôn làng hiện ra trọn vẹn trước tôi như thu gọn trong lòng bàn tay. Tôi nhìn nó, và không bao giờ cảm thấy nó cũng đang nhìn mình. Song tôi cũng chẳng cho là nó không biết đến mình. Cứ như thể nó quay lưng lại tôi và liếc xéo quan sát tôi, mắt lim dim, theo cách của loài mèo.

Nó muốn gì tôi? Thậm chí nó có muốn điều gì ở tôi không? Từ vị trí này, bất kỳ người nào khác không phải tôi, một người giàu có chẳng hạn, đều có thể ước lượng giá trị của những ngôi nhà vách đất kia, tính toán diện tích chính xác của những thửa ruộng, những đồng cỏ kia, mơ rằng mình đã bỏ ra số tiền cần thiết, rằng làng kia thuộc về mình. Tôi thì không.

Dù tôi có làm gì chẳng nữa, có cho nó đến giọt máu cuối cùng của mình (và quả thực đôi khi tôi tưởng tượng rằng nó đã đóng đinh tôi vào một cây thập ác ở trên này, rằng ít ra nó cũng đang nhìn tôi chết đi), tôi vẫn chẳng chiếm hữu được nó. Dù lúc này tôi có nhìn thấy nó, trắng đến thế, tươi mới đến thế (nhân dịp lễ Các Thánh, dân làng quét lại tường bằng vôi pha màu xanh lơ), tôi không thể quên rằng nó đã ở đây từ nhiều thế kỷ, sự cổ xưa của nó làm tôi sợ. Rất lâu trước khi ngôi nhà thờ bé nhỏ được xây dựng, vào thế kỷ XV, tại nhà thờ ấy tôi cũng chỉ là một kẻ đi qua, thì ở nơi đây nó đã nhẫn nại chịu đựng nóng, lạnh, mưa, gió, nắng, khi thịnh vượng, khi khốn cùng, bám lấy mảnh đất mà nó hút lấy các chất nhựa, mà nó trả lại các người chết của nó. Kinh nghiệm sống của nó hẳn phải thâm kín, sâu xa biết mấy! Nó sẽ thắng được tôi như những người khác, chắc chắn là nhanh hơn những người khác.

Có một số ý nghĩ mà tôi chẳng dám giải bày cùng ai, tuy rằng tôi thấy chúng không điên rồ, còn lâu mới điên. Thí dụ, tôi sẽ ra sao, nếu như tôi cam phận với vai trò mà nhiều người Thiên chúa giáo mong muốn giữ tôi trong đó, họ đặc biệt bận tâm bảo tồn xã hội, nghĩa là chung quy bảo tồn chính họ. Ô! tôi không lên án các vị đó là giả dối, tôi cho rằng họ chân thành. Biết bao người tự nhận là thiết tha với trật tự, song họ chỉ bảo vệ những thói quen, thậm chí đôi khi chỉ bảo vệ một cách nói năng mà các từ ngữ đã bị sự thông dụng mài nhẵn, cắt xén kỹ đến mức chúng biện bạch cho hết thảy mọi điều và chẳng bao giờ đặt lại vấn đề về cái gì hết? Một trong những nỗi xấu số khó hiểu nhất của con người là phải ký thác những gì quý

báu nhất nơi mình vào một thứ không bền, dễ nhào nặn, hời ôi, như từ ngữ. Cần phải có rất nhiều can đảm để mỗi lần lại thăm tra công cụ, làm cho nó vừa với ổ khóa riêng của mình. Chẳng thà lấy ngay công cụ đầu tiên rơi vào tay mình, gò gẫm đôi chút, và nếu lưỡi khóa xoay, thì người ta chẳng đòi hỏi gì hơn. Tôi thán phục những người cách mạng tốn nhiều công sức vất vả đến thế để dùng mìn phá tung các bức tường, trong khi chùm chìa khóa của những người giàu tín ngưỡng lẽ ra cung cấp cho họ cách đi vào yên ổn qua cửa, chẳng làm ai thức dậy hết.

Sáng nay nhận được một bức thư mới của anh bạn xưa, còn kỳ dị hơn bức thư đầu. Thư kết thúc như sau:

“Sức khỏe của mình không tốt, và đó là vấn đề duy nhất khiến mình thực sự lo ngại, bởi chết đi thật đáng tiếc cho mình, khi mình cập được bến sau bao giông bão. *Inveni portum**. Tuy nhiên, mình không tránh căn bệnh, nó cho mình thì giờ rảnh rỗi mà mình cần, mà mình sẽ chẳng bao giờ được biết nếu không có nó. Mình vừa ở viện an dưỡng mười tám tháng. Điều đã cho phép mình đào bới một cách nghiêm túc vấn đề cuộc sống. Mình cho rằng cứ ngẫm nghĩ đôi chút, bạn sẽ đi đến những kết luận như mình. *Aurea mediocritas**. Hai từ này chứng minh với bạn rằng kỳ vọng của mình vẫn khiêm tốn, rằng mình không phải là kẻ nổi loạn. Ngược lại mình vẫn giữ một kỷ niệm tốt đẹp về các thầy dạy chúng ta. Toàn bộ sự tai hại không phải do các học thuyết, mà do nền giáo dục các thầy đã tiếp nhận, và đã truyền lại cho chúng ta bởi chẳng biết cách suy nghĩ khác, cách cảm nhận khác. Nền giáo dục ấy đã biến chúng ta thành những kẻ cá nhân chủ nghĩa, những kẻ cô độc. Chung quy, chúng ta

chưa bao giờ ra khỏi tuổi thơ, chúng ta bày đặt không ngừng, chúng ta bày đặt ra nỗi khổ của mình, niềm vui của mình, chúng ta bày đặt ra Cuộc Đời, thay vì sống cuộc đời đó. Đến mức trước khi dám mạo hiểm bước một bước ra khỏi thế giới nhỏ bé của chúng ta, chúng ta phải làm lại hết mọi sự từ đầu. Đó là một công việc gian khổ, chẳng phải không đòi hy sinh lòng tự ái, nhưng sự cô độc còn gian khổ hơn nữa, một ngày nào đó bạn sẽ hiểu ra.

Tiếng La tinh: *Tôi đã tới bến.*

Tiếng La tinh: *Vinh quang tâm thường.*

Đừng nói về mình với những người xung quanh bạn làm gì. Một cuộc đời cần cù, lành mạnh, rốt cuộc bình thường (từ *bình thường* được gạch dưới ba lần) phải không có gì bí mật với ai hết. Hỡi ôi, xã hội của chúng ta được tạo ra như vậy, ở đó hạnh phúc bao giờ cũng có vẻ khả nghi. Mình cho rằng một Cơ đốc giáo nào đó, rất xa tinh thần Phúc âm, có liên quan đến thành kiến này, thành kiến chung ở tất cả mọi người, tín ngưỡng hay không tín ngưỡng. Vì tôn trọng tự do của người khác, cho đến nay mình vẫn muốn giữ im lặng là hơn. Sau khi đã suy nghĩ nhiều, hôm nay mình quyết định phá vỡ sự im lặng ấy vì lợi ích của một người xứng đáng được tôn trọng nhất. Tuy tình trạng của mình đã khá lên nhiều từ vài tháng nay, hãy còn những mối lo ngại nghiêm trọng mà mình sẽ cho bạn biết. Hãy đến nhanh lên.”

Inveni portum... Người bưu tá đưa cho tôi bức thư sáng nay khi tôi ra khỏi nhà để đi giảng giáo lý sơ yếu. Tôi đọc thư trong nghĩa trang, cách chỗ Arsène vài bước, anh ta bắt đầu đào một cái huyệt,

cho bà Pinochet sẽ đem chôn ngày mai. Cả anh ta nữa cũng đào xới cuộc đời...

Câu “Hãy đến nhanh lên!” làm tim tôi thất lại. Sau những lời lẽ tội nghiệp rất tĩa tót (tôi ngỡ nhìn thấy anh đang gãi gãi thái dương bằng đầu quần bút, như ngày trước), cái từ “trẻ thơ” mà anh không kìm giữ được nữa, nó buột ra khỏi anh... Tôi đã cố gắng trong chốc lát nghĩ rằng mình tự kích động, rằng anh được một người trong gia đình săn sóc, thế thôi. Tiếc thay, tôi biết anh chỉ có một bà chị hầu hạ trong quán rượu Montreuil. Hẳn chị không phải là “cái người xứng đáng được tôn trọng nhất”.

Chẳng sao, nhất định tôi sẽ đi.

Bá tước đến thăm tôi. Rất nhã nhặn, vừa nề vì vừa thân mật, như xưa nay. Ông xin phép hút thuốc, và đã để lại cho tôi hai con thỏ ông vừa bắn được trong rừng Sauveline. “Sáng mai bà Pégriot sẽ nấu cho cha. Bà ấy đã được báo trước như vậy.”

Tôi không dám nói với ông rằng lúc này dạ dày tôi chỉ chịu được bánh mì chay. Món thịt hầm rượu của ông sẽ làm tôi tổn mất nửa ngày công cho người phục vụ, bà này cũng chẳng ăn đâu, bởi cả nhà ông giám thủ đều chán ngấy thịt thỏ. Quả thật tôi có thể bảo chú bé lễ sinh đem chỗ còn lại đến cho bà già kéo chuông, nhưng phải đem ban đêm, để đừng ai chú ý. Mọi người bàn tán về sức khỏe kém của tôi quá nhiều rồi.

Bá tước không tán thành lắm các dự định của tôi. Ông đặc biệt khuyên tôi cảnh giác với đầu óc bất lương của dân chúng, theo ông,

họ bị nhồi nhét từ thời chiến tranh, và cần để nhả nha từ từ. “Cha đừng vội tìm họ quá, đừng tự bộc lộ ngay. Hãy để họ đến trước.”

Ông là cháu họ của hầu tước De la Roche – Macé mà lãnh địa chỉ cách quê tôi có hai dặm. Ngày trước, ông ở đó một phần các kỳ nghỉ, và ông nhớ rất rõ người mẹ tội nghiệp của tôi, thời ấy phục dịch tại lâu đài, thường làm cho ông những lát bánh phết bơ thật to, giấu ngài hầu tước tính tình rất keo kiệt, nay đã quá cố. Tôi đã khá nông nổi hỏi han ông nhưng ông trả lời ngay một cách thật dễ thương, không hề vướng chút ngượng ngùng lúng túng. Mẹ thân yêu! Ngay khi còn trẻ đến thế, và nghèo đến thế, bà đã biết làm cho người ta quý trọng, có thiện cảm. Bá tước không nói: “Cụ thân sinh ra cha”, theo tôi, có vẻ hơi kiêu cách, mà nói: “Bà cụ nhà” và nhấn mạnh tiếng “nhà” với sự nghiêm trang, kính trọng khiến tôi rưng rưng nước mắt.

Nếu một ngày nào đó những dòng này tình cờ lọt vào những con mắt thờ ơ, nhất định người ta sẽ thấy tôi rất ngây ngô. Và hẳn là tôi ngây ngô – thật thế – bởi chắc chắn chẳng có gì thấp kém trong niềm hâm mộ của tôi đối với người đàn ông dung mạo hết sức giản dị, thậm chí đôi khi hết sức vui tươi này, thành thử ông ta có vẻ như cậu học sinh vĩnh cửu sống trong kỳ nghỉ vĩnh cửu. Tôi không coi ông là thông minh hơn người khác, và mọi người bảo rằng ông khá khắc nghiệt với tá điền. Ông cũng không phải một người mẫu mực trong xứ đạo, bởi các chủ nhật ông đều dự lễ tiểu mi xa, song tôi chưa bao giờ thấy ông ở bên Bàn Thờ. Tôi tự hỏi liệu ông có chịu lễ ban thánh thể vào dịp Phục sinh hay không? Vì sao ông lại chiếm được ngay vị trí – rất hay bỏ trống, than ôi! – của người bạn, người

đồng minh, đồng hành bên tôi? Có lẽ vì tôi cho là tôi thấy được ở ông vẻ tự nhiên mà tôi tìm kiếm vô hiệu ở nơi khác. Ý thức về địa vị cao, niềm ưa thích ra lệnh mang tính di truyền, ngay cả tuổi tác cũng không để lại được nơi ông dấu vết của sự trang trọng ảm đạm, của cái vẻ quả quyết đa nghi mà riêng đặc quyền tiền bạc đã đủ trao cho những nhà tư sản nhỏ nhất. Tôi cho rằng những người đó không ngừng bận tâm giữ khoảng cách (để dùng ngôn ngữ của chính họ) trong khi ông giữ địa vị của mình. Ô! tôi biết rằng có rất nhiều sự làm dáng – tôi muốn tin là vô ý thức trong cái giọng gọn lỏn, gần như sáng, ở đó không hề có chút hạ cố nào, mà cũng không hề hạ nhục ai, nó gợi nên nơi kẻ nghèo khổ nhất ý tưởng về một kỷ luật quân sự, được tự ý chấp thuận, hơn là ý tưởng về một sự lệ thuộc nào đó. Rất nhiều sự làm dáng, tôi sợ như vậy. Nhưng tôi vui thích được nghe giọng ấy. Và khi tôi bàn với ông về lợi ích của xứ đạo, của các linh hồn, của Giáo hội, mà ông nói “chúng ta” như thể ông và tôi chỉ có thể phục vụ cùng một chính nghĩa, tôi thấy điều đó tự nhiên, tôi không dám chữa lời ông.

Cha xứ Torcy chẳng ưa ông mấy. Cha cứ gọi ông là “bá tước bé nhỏ”, “bá tước bé nhỏ của anh”. Điều này làm tôi bức tức. Tôi đã hỏi cha: – Tại sao lại “bá tước bé nhỏ”?

– Bởi vì đó là một đồ trang trí, một đồ trang trí dễ thương, và hợp thời. Đặt trên tủ đựng bát đĩa nhà nông dân, nó gây ấn tượng. Tại hiệu đồ cổ, hoặc nơi bán đấu giá vào một ngày om xòm náo động, thậm chí anh chẳng nhận ra nó nữa kia.

Khi tôi thú thật rằng hãy còn hy vọng làm ông quan tâm đến chuyện tôi đỡ đầu đám thanh niên, cha nhún vai:

– Bá tước bé nhỏ của anh là một cái ống đựng tiền xinh đẹp bằng hàng sứ miền Saxe, nhưng không đập vỡ được đâu.

Quả thật, tôi không cho rằng ông rất rộng rãi. Tuy ông không hề gây cảm giác là ông bị tiền tài nắm giữ, như rất nhiều người khác, nhưng ông trọng tiền tài, chắc chắn như vậy.

Tôi cũng muốn nói với ông đôi lời về tiểu thư Chantal, nỗi buồn của cô khiến tôi băn khoăn. Tôi thấy ông có rất nhiều điều không nói ra, rồi lại vui vẻ một cách đột ngột, dường như gương gạo. Tên của cô Louise có vẻ làm ông hết sức bức bối. Mặt ông đỏ lên, rồi trở thành khắc khổ. Tôi ngừng bật.

Một hôm cha Durieux, thầy dạy tôi, nhận xét: “Con có thiên hướng về tình bạn. Hãy cẩn thận đừng để nó chuyển thành đam mê. Trong mọi đam mê, đó là đam mê duy nhất mà người ta không bao giờ chữa khỏi được.”

Chúng tôi bảo tồn, được. Nhưng chúng tôi bảo tồn để cứu vớt, đó là điều thế giới không chịu hiểu, bởi nó chỉ muốn tồn tại. Nay, nó không thể an phận tồn tại nữa.

Thế giới cũ, có lẽ còn tồn tại được. Tồn tại lâu dài. Nó được tạo ra để làm điều đó. Nó nặng kinh khủng, nó gắn với mặt đất bởi một trọng lượng cực lớn. Nó đã quyết định tán đồng sự bất công. Lẽ ra dùng mưu mẹo đối phó với bất công, nó lại chấp nhận trọn vẹn, nguyên khối sự bất công, nó đã làm cho sự bất công thành một thể chế như các thể chế khác. Nó đã lập ra chế độ nô lệ. Ôi! dù nó có thể đạt đến trình độ hoàn hảo như thế nào chăng nữa, nó vẫn chẳng vì thế mà không gánh chịu lời nguyên rủa giáng xuống Adam. Điều

đó, quý không lạ gì, quý còn biết rõ hơn ai hết. Nhưng trút gần như toàn bộ sự nguyên rủa ấy lên vai một loài gia súc – người, cũng cứ là một việc gay go, người ta vẫn có thể làm cho gánh nặng giảm đi nhiều. Tổng lượng lớn hết mức những dốt nát, phản kháng, tuyệt vọng dành cho một loại dân chúng bị hy sinh, một dân chúng không có tên, không lịch sử, không của cải, không đồng minh – ít ra là những đồng minh có thể thừa nhận được – không gia đình – ít ra là gia đình hợp pháp – không có tên và không có thần thánh. Các phương pháp cai trị đã giản lược vấn đề xã hội biết chừng nào!

Nhưng cái thể chế có vẻ không lay chuyển được ấy thực ra lại mong manh nhất. Để mãi mãi tiêu diệt nó, chỉ cần phế bỏ nó trong một thế kỷ. Có lẽ một ngày cũng đủ. Một khi các thứ bậc lại được hòa trộn, một khi dân chúng dùng để chuộc tội đã tán loạn, thì liệu sức mạnh nào có thể làm cho dân chúng lại khoắc lầy ách?

Thể chế đã chết, và Thế giới Cũ đã sụp đổ cùng nó. Người ta tin, người ta giả vờ tin vào tính tất yếu của nó, người ta chấp nhận nó như một sự thực. Người ta sẽ không lập lại nó. Nhân loại không dám thử cái vận hội gớm guốc ấy nữa, như thế sẽ quá mạo hiểm. Luật pháp có thể dung túng sự bất công thậm chí ngấm ngầm giúp đỡ nó, song luật pháp không phê chuẩn nó nữa. Sự bất công sẽ chẳng bao giờ còn địa vị hợp pháp nữa, điều này kết thúc rồi. Nhưng nó vẫn rải rác trên thế giới. Không dám sử dụng nó vì lợi ích của một số ít nữa, xã hội buộc phải tiếp tục công việc tiêu diệt một điều ác mang trong mình, bị đuổi ra khỏi luật pháp, điều ác này lại xuất hiện gần như tức thì trong tập tục để bắt đầu theo chiều ngược lại, không mệt mỏi, vẫn con đường vòng quanh hiểm độc ấy. Muốn

hay không muốn, từ nay trở đi xã hội phải cùng chia sẻ thân phận của con người, trải qua cùng một cuộc phiêu lưu siêu phàm. Trước kia nó thờ ơ với cái thiện hay cái ác, chẳng biết luật nào khác ngoài luật quyền lực của bản thân, nay Cơ đốc giáo đã cho nó một linh hồn để hủy hoại hoặc để cứu rỗi.

Tôi đã đưa cho cha xứ Torcy đọc những dòng trên, nhưng không dám nói là do tôi viết. Cha cực kỳ sắc sảo – còn tôi nói dối hết sức kém – thành thử tôi tự hỏi liệu cha có tin tôi hay không. Cha trả lại tôi tờ giấy và cười lên tiếng cười khẽ mà tôi biết rất rõ, nó chẳng báo điều gì tốt lành. Cuối cùng, cha bảo:

– Bạn anh viết không dở, thậm chí còn quá hay ho nữa. Nhìn chung, nếu như suy nghĩ đúng bao giờ cũng có lợi, cứ dừng lại ở đó thì tốt hơn. Người ta nhìn thấy sự vật như nó vốn thế, không âm nhạc, và người ta không mắc nguy cơ tự hát một bài ca cho riêng mình. Khi anh bắt gặp một sự thật, anh hãy nhìn nó cho kỹ sao cho nhận ra được nó, nhưng đừng chờ đợi nó liếc mắt đưa tình với anh. Các sự thật trong Phúc âm khi nào liếc mắt đưa tình. Về những sự thật khác mà người ta chẳng bao giờ nói đúng được chúng đã lê la ở đâu trước khi đến với anh, những cuộc trò chuyện riêng là nguy hiểm. Ta không muốn nêu một người già cả thô lậu như ta ra làm gương. Tuy nhiên, thẳng hoặc ta nảy ra ý tưởng gì – một trong những ý tưởng có thể hữu ích cho các linh hồn, dĩ nhiên rồi, bởi vì những ý tưởng khác thì...! – ta cố đưa nó đến trước Chúa, ta chuyển ngay nó vào lời cầu nguyện của ta. Nó thay hình đổi dạng mới kỳ lạ làm sao. Có những lúc không nhận ra nó nữa...

Chẳng hề gì. Bạn anh có lý. Xã hội hiện đại có thể cứ chối bỏ chúa mình, cả nó nữa vẫn được cứu chuộc, giờ đây cai quản di sản chung không đủ với nó nữa, muốn hay không muốn nó cũng ra đi như tất cả chúng ta, kiếm tìm nước Chúa. Và nước ấy không thuộc thế gian này. Vậy nó sẽ không bao giờ dừng bước. Nó không sao ngừng chạy được. “Hãy tự cứu hoặc chết đi!” Chẳng thể nói ngược lại.

Điều bạn anh nói về chế độ nô lệ cũng rất đúng. Luật pháp xưa dung thứ chế độ nô lệ và các vị sứ đồ cũng dung thứ nó như Luật pháp. Các vị đã không bảo người nô lệ: “Hãy tự giải thoát khỏi chủ người” trong khi các vị bảo kẻ dâm đang chẳng hạn: “Hãy tự giải thoát khỏi nhục dục và ngay lập tức!” Đó là một sự khác biệt nhỏ. Và tại sao vậy? Ta giả định rằng các vị muốn cho thế gian có thì giờ thờ trước khi ném nó vào một cuộc phiêu lưu phi phạm. Và anh hãy tin rằng một người mạnh mẽ như thánh Paul cũng không ảo tưởng đâu. Thủ tiêu chế độ nô lệ chẳng diệt trừ việc bóc lột con người. Xét cho kỹ, một nô lệ phải mua với giá đắt, điều ấy vẫn cứ khiến cho người chủ phải có sự coi trọng nhất định với anh ta. Trong khi đó, thời trẻ ta biết một gã bản thủ chủ xưởng chế tạo pha lê, y để những đứa trẻ mười lăm tuổi thổi ống, và để thay thế chúng khi lồng ngực bé bỏng tội nghiệp của chúng vỡ ra, gã súc sinh ấy tha hồ lựa chọn. Thà làm nô lệ cho một thị dân La Mã trung hậu, nói cho công bình, họ chẳng đến nỗi quá hà tiện, ta còn thích gấp trăm lần. Không, thánh Paul không ảo tưởng! Người chỉ tự nhủ rằng Cơ đốc giáo đã buông ra thế gian một sự thật không gì ngăn lại được nữa bởi nó đã ở từ trước trong đáy các lương tâm và con người lập tức tự nhận ra

mình nơi sự thật ấy: Chúa đã cứu vớt mỗi chúng ta, và mỗi chúng ta đáng giá máu của Chúa. Anh có thể diễn giải điều này tùy ý anh, bằng ngôn ngữ duy lý cũng được – thứ ngôn ngữ ngu dại nhất – điều ấy buộc anh kéo gần lại những từ ngữ hơi động đến là nổ tung. Xã hội tương lai cứ thử ngồi lên đó mà xem! Chúng sẽ châm lửa dưới trôn nó, thế thôi.

Song thế gian tội nghiệp vẫn cứ ít nhiều mơ về bản giao kèo xưa kia thỏa thuận với quỷ, bản giao kèo phải đảm bảo cho nó được bình an. Làm cho một phần tư hoặc một phần ba loài người hóa thành thân phận gia súc, nhưng là gia súc cao cấp, có lẽ như vậy không phải là trả giá quá đắt cho sự đăng quang của các siêu nhân, những kẻ thuần chủng, của vương quốc trần gian thực sự... Người ta nghĩ điều đó, người ta chẳng dám nói ra. Chúa của chúng ta khi nhận cảnh nghèo hèn đã nâng kẻ nghèo lên thật cao về phẩm giá, thành thử người ta không đưa được kẻ nghèo xuống khỏi bệ đài nữa. Chúa đã cho người nghèo một ông tổ – mà một ông tổ như thế nào chứ! Một tên họ – mà tên như thế nào chứ! Người ta còn yêu mến anh ta khi nổi loạn hơn khi nhấn nhục, anh ta như đã thuộc về nước Chúa, nơi mà, những kẻ đứng đầu sẽ thành những kẻ đứng cuối, anh ta có vẻ một bóng ma trở về – một bóng ma trở về từ yến hội Hợp hôn, với tà áo trắng... Thế là, làm thế nào được, Nhà nước bắt đầu bằng cách gặp thất bại cũng cứ vui lòng. Nó lau chùi cho trẻ con, băng bó người què quặt, giặt áo, nấu xúp cho kẻ lang thang, đánh bóng ống nhổ cho người lẫn cấn, nhưng nhìn đồng hồ mà tự nhủ liệu mọi người có để nó còn thì giờ lo toan công việc của chính nó hay không. Chắc hẳn nó còn hy vọng đôi chút để máy móc giữ

vai trò xưa kia dành cho nô lệ. Thôi đi! Máy móc không ngừng quay, người thất nghiệp không ngừng tăng, thành thử máy móc có vẻ chỉ chế tạo ra người thất nghiệp, anh có thấy điều đó không? Người nghèo có cuộc sống thật vất vả. Cuối cùng họ vẫn còn định ở nơi ấy, bên Nga... Anh hãy chú ý rằng ta không cho là người Nga tệ hơn những người khác – họ hiền tuốt, hóa đại tuốt, những con người thời nay! – nhưng những tay người Nga này có gan. Các gã ấy là dân xứ Flandres của miền cực bắc. Họ nuốt được mọi thứ, một hoặc hai thế kỷ nữa, họ có thể nuốt cả sinh viên bách khoa mà không toi mạng.

Ý tưởng của họ, chung quy, không gốc đâu. Dĩ nhiên, vấn đề vẫn là tiêu diệt người nghèo – người nghèo là nhân chứng của Jésus-Christ, người thừa kế của dân tộc Do thái, chứ sao! – nhưng thay vì hủy hoại người nghèo thành gia súc, hoặc chết đi, thì họ đã nghĩ ra việc biến anh ta thành người hưởng lợi tức niên kim nho nhỏ hoặc thậm chí – giả định là sự việc tốt dần lên – thành viên chức nhỏ. Chẳng có gì dễ bảo hơn thế, thuần hóa hơn thế.

Ở nơi khuất nẻo của tôi, có lúc tôi cũng nghĩ những người Nga. Bạn bè tôi tại đại chủng viện thường hay nói về họ một cách tầm bậy tầm bạ, tôi nghĩ thế. Đặc biệt nhằm lòe các thầy giáo. Các đồng nghiệp dân chủ của tôi rất dễ thương, rất sốt sắng, nhưng tôi thấy họ – biết nói thế nào nhỉ? – hơi trượng giả. Vả lại dân chúng chẳng yêu mến họ lắm, đó là một sự thực. Vì họ không hiểu dân chúng, hẳn thế? Tóm lại, tôi nhắc lại rằng có lúc tôi nghĩ đến những người Nga với một thứ hiếu kỳ, thương mến. Khi ta đã biết cảnh khốn

cùng, biết những niềm vui bí ẩn của nó, những niềm vui không thể truyền cho ai – thì các nhà văn Nga chẳng hạn, làm ta khóc được. Năm cha tôi mất, mẹ phải mổ một khối u, và đã ở bệnh viện Berguette bốn hoặc năm tháng. Một bà dì đã đón tôi về. Bà mở một quán rượu nhỏ gần ngay Lens, một túp nhà ván xẩu xí kinh khủng, ở đó bà bán lẻ rượu đồ tùng cho những người thợ mỏ quá nghèo không đến được nơi khác, vào một tiệm giải khát thực thụ. Trường cách đây hai cây số, và tôi ngồi học bài trên sàn nhà, sau quầy hàng. Sàn, tức là một cái bục gỗ tồi tàn đã mục nát. Mùi đất bốc lên qua các khe hở, một thứ đất bao giờ cũng ẩm ướt, đất bùn. Những tối lĩnh lương, khách hàng của chúng tôi chẳng buồn ra ngoài tiểu tiện, họ đi giải ngay xuống đất và ngồi bên dưới quầy, tôi sợ đến mức ngủ thiếp ở đó. Chẳng sao: thầy giáo tiểu học rất yêu mến tôi, thầy cho tôi mượn sách. Tôi đã đọc hồi ức thời thơ ấu của Maxime Gorki tại đây.

Có những trung tâm cùng khổ ở Pháp, dĩ nhiên. Những hòn đảo nhỏ cùng khổ. Chẳng bao giờ đủ lớn để những người khốn cùng có thể thực sự sống giữa họ với nhau, sống cuộc đời cùng khổ thực sự. Bản thân cái giàu ở đây cũng quá nhiều sắc thái tinh vi, quá nhiều nhân tính, thế nào nhỉ? thành thử thế lực ghê gớm của đồng tiền, sức mạnh mù quáng của nó, sự tàn ác của nó không hề lộ, tỏa ngời, chói lọi ở đâu hết. Tôi hình dung rằng dân tộc Nga đã từng là một dân tộc cùng khổ, một dân tộc của những người cùng khổ, rằng họ đã biết cơn say của nỗi cùng khổ, sự chiếm hữu của nó. Nếu như Giáo hội có thể đặt một dân tộc lên bàn thờ, và nếu như Giáo hội tuyển chọn dân tộc này, hẳn Giáo hội sẽ khiến dân tộc đó

thành vị thánh bảo hộ cho sự cùng khổ, thành người thỉnh cầu giùm đặc biệt cho kẻ khốn cùng. Hình như Gorki đã kiếm được rất nhiều tiền, và sống một cuộc sống sang trọng, ở đâu đó, ven Địa trung hải, ít ra tôi đã đọc điều này trên báo. Thậm chí nếu thật như thế – trước hết nếu thật như thế! – thì tôi hài lòng là ngày nào cũng cầu nguyện cho ông, từ bao năm nay. Ở tuổi mười hai, tôi không dám nói rằng tôi không biết Chúa, bởi giữa rất nhiều tiếng nói khác âm âm trong đầu óc tội nghiệp của tôi như đông bão, như nước lụt, tôi đã nhận ra được tiếng nói của Người. Thế mà trải nghiệm đầu tiên về sự bất hạnh vẫn thật tàn khốc! Phước thay cho ai từng tránh được cho một trái tim trẻ thơ khỏi phải tuyệt vọng! Đó là một điều mà người đời không hiểu lắm, hoặc quên đi, vì nó sẽ làm họ quá sợ. Giữa những người nghèo cũng như giữa những người giàu, một đứa bé khốn cùng luôn luôn đơn độc, cũng đơn độc chẳng khác một hoàng tử. Ít ra là ở quê tôi, tại miền ấy, nỗi cùng khổ không chia sẻ, mỗi kẻ khốn cùng đơn độc trong nỗi cùng khổ của mình, một nỗi cùng khổ chỉ của riêng anh ta như mặt anh ta, chân tay anh ta. Tôi không cho là tôi có một ý niệm rõ ràng về sự cô đơn ấy, hoặc tôi chẳng có ý niệm gì về nó cũng nên. Tôi chỉ tuân theo quy luật ấy của đời mình, mà không hiểu nó. Cuối cùng tôi đâm ra yêu mến nó. Chẳng có gì cứng rắn hơn lòng kiêu hãnh của kẻ khốn cùng và đây, bỗng nhiên cuốn sách ấy, đến từ nơi rất xa xôi, từ những miền đất hoang đường kia, cho tôi cả một dân tộc làm bầu bạn.

Tôi đã cho một người bạn mượn cuốn sách ấy, anh không trả lại tôi, dĩ nhiên. Tôi sẽ chẳng thích đọc lại nó, để làm gì chứ? Chỉ cần nghe thấy một lần – hoặc tưởng là nghe thấy – tiếng than của một

dân tộc, tiếng than không giống tiếng than của bất kỳ dân tộc nào khác – không – không giống ngay cả với dân tộc Do thái tắm ướp trong niềm kiêu hãnh như một người chết được tắm ướp trong hương liệu. Vả lại cũng chẳng phải tiếng than, đó là tiếng hát, là khúc tụng ca. Ô! tôi biết đó không phải là một bản tụng ca của nhà thờ, không thể gọi đó là lời cầu nguyện. Trong ấy có hết thảy mọi điều, như người ta thường nói. Tiếng rên của người nông nô dưới đòn roi, tiếng kêu của người phụ nữ bị đánh đập, tiếng nấc của kẻ nghiện rượu và tiếng gào của thú vui man rợ, tiếng gầm thét của tâm can – bởi cùng khổ và dâm dăng, hỡi ôi! kiếm tìm nhau và gọi nhau trong nơi tối tăm, như hai con thú đói khát. Phải, lẽ ra điều đó phải làm tôi kinh hãi, thật vậy. Tuy nhiên tôi cho rằng một nỗi khốn cùng đến như thế, một nỗi khốn cùng đã quên cả tên mình, không tìm nữa, không suy luận nữa, gặp đâu đặt đấy bộ mặt thô dã của mình, một ngày nào đó ắt phải tỉnh dậy trên vai của Jésus-Christ.

Vậy là tôi lợi dụng thời cơ.

Tôi đã hỏi cha xứ Torcy: Thế nếu họ vẫn cứ thành công thì sao?

Ông ngẫm nghĩ một lát:

– Hẳn anh thấy là ta sẽ chẳng đến khuyên nhủ những kẻ khốn khổ trả lại ngay cho quan chức thu thuế giấy chứng nhận trợ cấp của họ! Chuyện đó sẽ tồn tại chừng nào nó tồn tại... Nhưng rốt cuộc, anh muốn gì nào? Chúng ta ở đây để dạy sự thật, sự thật ấy không được làm chúng ta hổ thẹn.

Bàn tay ông đặt trên bàn hơi run run, ít thôi, ấy thế mà tôi đã hiểu rằng câu hỏi của tôi làm thức dậy trong ông hoài ức về những cuộc

đấu tranh kinh khủng suýt làm chìm đắm lòng can đảm của ông, lý trí của ông, niềm tin của ông cũng nên... Trước khi trả lời tôi, ông hích vai như người thấy đường bị chắn và sắp chen để lấy chỗ. Ô! chắc tôi sẽ chẳng đáng mấy đồng cân đâu!

– Dạy dỗ, con ạ, chẳng hay ho gì đâu! Ta không nói đến những kẻ xoay xở được nhờ trò lừa phỉnh: trong đời con rồi con sẽ gặp khá nhiều kẻ như vậy, con sẽ tập hiểu biết họ. Những sự thật an ủi, họ bảo thế đấy. Sự thật ư, trước hết nó giải thoát, sau đó mới an ủi. Và lại, người ta không có quyền gọi thế là an ủi. Sao không gọi là chia buồn chứ? Lời của Chúa! Đó là sắt nung đỏ. Còn anh, kẻ dạy dỗ lời ấy, anh lại sợ bóng, muốn cầm kẹp mà gấp nó, anh sẽ không nắm chặt lấy nó trong tay anh sao? Hãy để cho ta cười. Một linh mục bước xuống từ giảng đàn Sự thật, miệng chum cha chum chim, hơi bốc lên một chút, nhưng thỏa mãn, ông ta đâu có thuyết giáo, ông ta thao thao, vậy thôi mà... Anh hãy chú ý rằng điều này có thể xảy ra với tất cả mọi người, chúng ta là những kẻ tội nghiệp đang ngủ, chính quý, thỉnh thoảng, mới thức dậy, các sứ đồ cũng ngủ ở Gethsémani đấy thôi. Nhưng rút cuộc, cần phải biết như vậy. Và anh cũng hiểu là kẻ này kẻ nọ đang hoa chân múa tay và đổ mồ hôi như người khiêng đồ đạc dọn nhà không phải lúc nào cũng tỉnh táo hơn kẻ khác, không đâu. Ta chỉ có ý nói rằng khi Chúa tình cờ rút từ nơi ta một lời hữu ích cho các linh hồn, ta cảm nhận thấy lời đó qua nỗi đau nó gây cho ta.”

Ông cười, nhưng tôi không nhận ra tiếng cười của ông nữa. Đó là một tiếng cười can đảm, hắc vậy, nhưng tan nát. Tôi chẳng dám mạo muội xét đoán một con người ưu việt hơn tôi đến thế về mọi

mặt, và tôi sẽ chỉ nói về một phẩm chất xa lạ đối với mình, vả lại, cả dòng dõi xuất thân cả sự giáo dục của tôi đều không chuẩn bị cho tôi phẩm chất ấy. Cũng quả thật một số người cho rằng cha xứ Torcy khá thô thiển gần như thô lỗ hoặc – nói như bá tước phu nhân – tầm thường. Nhưng, rốt cuộc, tôi có thể viết ra đây điều gì tôi thích, mà không sợ gây tổn hại cho ai. Vậy thì, tôi cho rằng – ít ra là về phương diện con người – tính chất chủ đạo của nhân vật cao cả này, là lòng tự tôn tự trọng. Nếu cha xứ Torcy không phải một con người tự tôn thì cái từ này không có nghĩa, hoặc ít ra tôi không tìm được cho nó một nghĩa nào hết. Lúc này đây, chắc chắn, ông đang đau khổ trong niềm tự tôn của mình, trong niềm tự tôn của con người tự tôn tự trọng. Tôi cũng đau khổ như ông, tôi cũng muốn làm điều gì đó hữu ích, hiệu quả. Tôi ngốc nghếch bảo ông:

– Thế thì, cả tôi nữa, chắc tôi phải nhiều phen thao thao bởi vì...

– Anh im đi, ông đáp, – tôi kinh ngạc vì sự dịu dàng đột nhiên trong giọng nói của ông – anh bảo một kẻ khốn khó chân không giày như anh làm được gì khác ngoài việc đọc thuộc bài kia chứ. Nhưng Chúa Trời cũng cứ ban phước cho bài đọc của anh, vì anh chẳng có bộ dạng tốt tươi sung mãn của một nhà diễn giảng trong các lễ tiểu mi-xa... Anh ạ, ông nói tiếp, bất kỳ gã ngu đần nào, bất kỳ kẻ nào tự nhiên ta gặp, cũng không thể chai đá vô tình trước sự dịu dàng, trước tình thương mến trong lời Chúa, như sách Phúc âm thuật lại cho ta. Đức Chúa đã muốn như vậy. Trước hết, điều đó thuận lẽ. Chỉ có những kẻ yếu đuối hay các nhà tư tưởng mới cho rằng mình phải đảo con người, phô lòng trắng mắt trước khi mở miệng. Sau nữa tạo hoá cũng hành động như vậy: phải chăng với đứa trẻ thơ đang nằm

trong nôi và đang chiếm hữu thế giới bằng ánh mắt vừa hé mở hai ngày trước, cuộc đời chẳng hoàn toàn là thơm tho dịu dàng, là êm ái vuốt ve? Ấy vậy mà cuộc đời lại khắc nghiệt! Vả chẳng anh hãy chú ý là nếu ta xét mọi vật theo mặt tốt, thì sự đón tiếp của cuộc sống không quá dối lừa tuy nó có vẻ như thế, bởi vì cái chết chỉ xin giữ lời đã hứa buổi đầu đời, nụ cười của cái chết, nó trang nghiêm hơn, song dịu dàng êm ái chẳng kém nụ cười kia. Tóm lại, lời Chúa tự làm mình bé mọn với những ai bé mọn. Nhưng khi những kẻ Quyền quý – những kẻ Cao ngạo – tưởng là khôn ranh khi tự lặp lại lời ấy như một truyện đồng dao, chỉ giữ lại những chi tiết cảm động, thi vị, thì điều đó làm ta sợ – dĩ nhiên là sợ cho họ. Anh nghe kẻ giả nhân giả nghĩa, tên dâm đãng, gã keo kiệt, tay nhà giàu bất lương – với cặp môi dày trề ra và đôi mắt sáng lóa – nỉ non câu *Sinite parvulos* mà chẳng có vẻ chú ý đến lời tiếp theo – một trong những lời có lẽ kinh khủng nhất mà tai con người từng nghe thấy: “Nếu các người không như một trong những đứa trẻ này, các người sẽ không bước vào nước Chúa.”

Ông đã nhắc lại câu thơ trong Thánh kinh riêng ông, và ông còn tiếp tục nói một lúc nữa, hai tay che lấy mặt.

– Điều lý tưởng, con ạ, là chỉ rao giảng Phúc âm cho trẻ thơ. Chúng ta tính toán quá nhiều, cái dở là ở đó. Vậy là, chúng ta không thể làm gì khác ngoài việc dạy dỗ tinh thần nghèo khó, nhưng điều này, con ạ, thật gay go! Thế là ta cố thu xếp cho ổn thỏa nhiều hay ít. Và ta bắt đầu trước hết bằng việc chỉ nói với người giàu. Những người giàu quý quái! Đó là những tay rất cừ, rất láu, và họ có thuật ngoại giao hạng nhất, nói như vậy mới công bình. Khi nhà ngoại

giao phải ký vào một bản hiệp ước mà anh ta không thích, thì anh ta tranh luận từng mục một. Thay một từ ở chỗ này, đổi một dấu phẩy ở chỗ kia, cuối cùng tất cả đều xẹp xuống. Cha chả, lần này, vấn đề đáng để mất công: đây là một lời nguyên rửa, chứ phải chơi! Rốt cuộc, xem ra như có nguyên rửa và nguyên rửa. Trong thời cơ ấy, người ta lướt qua bên trên. “Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước thiên đàng...” Anh hãy ghi nhớ cho kỹ rằng ta là người đầu tiên nhận thấy lời này rất khắc nghiệt và ta không cự tuyệt những sự phân biệt, và chẳng làm vậy sẽ gây quá nhiều phiền muộn cho khách hàng của các giáo sĩ Dòng Tên. Vậy chúng ta hãy cứ thừa nhận rằng Chúa có ý nói đến kẻ giàu, thực sự giàu, những kẻ giàu mang tinh thần phú quý. Được! Nhưng khi các nhà ngoại giao gợi ý rằng lỗ kim là một trong các cửa thành Jérusalem – có điều hẹp hơn tí chút – thành thử muốn vào vương quốc, người giàu chỉ có nguy cơ bị xước bắp chân hay hỏng mất ống tay áo đẹp, thì anh ạ, điều ấy làm ta bực bội! Trên các túi tiền vàng, lẽ ra Đức Chúa tự tay viết rằng: “Nguy hiểm chết người” như Sở Cầu Đường ghi trên các trụ biển thể điện, thế mà người ta lại muốn...

Ông bắt đầu đi dọc ngang trong phòng, tay thọc vào túi áo bông. Tôi cũng định đứng dậy, nhưng ông đã hất đầu ra hiệu khiến tôi lại ngồi xuống. Tôi cảm thấy ông còn đang do dự, đang tìm cách xét đoán tôi, ước lượng tôi một lần cuối cùng trước khi nói ra điều ông chưa từng nói với ai – ít ra là bằng cũng những từ ngữ ấy – có lẽ thế. Rõ ràng ông hoài nghi tôi, và tuy thế sự hoài nghi này không hề có chút gì hạ nhục, tôi xin thề như vậy. Vả lại, ông không thể hạ nhục ai. Lúc này, cái nhìn của ông rất nhân hậu, rất hiền và – điều

này có vẻ tức cười, khi nói về một người thật là cường tráng, thật là lực lưỡng, từng trải đến như thế về cuộc đời, về con người – nó trong trẻo một cách kỳ lạ, khó tả.

– Cần phải suy nghĩ rất nhiều trước khi nói về sự nghèo khó với người giàu. Nếu không, chúng ta sẽ khiến cho mình thành không xứng đáng để dạy điều đó cho người nghèo, và làm thế nào dám trình diện trước tòa án của J sus-Christ đây?

– Dạy điều đó cho người nghèo ư? tôi hỏi.

– Phải, cho người nghèo. Đức Chúa cử chúng ta đến với những người ấy trước tiên, và để báo cho họ điều gì chứ? sự nghèo khó. Chắc họ phải chờ đợi cái khác kia! Họ chờ kết thúc cảnh khốn khổ, thế rồi Chúa cầm lấy tay sự nghèo khó và bảo họ rằng: “Hãy công nhận Nữ hoàng của các người, hãy thờ tôn kính và trung thành với bà”, thật là một vố! Anh hãy nhớ rằng chung quy đây là lịch sử của dân Do thái, với vương quốc trần gian của họ. Dân nghèo, giống như dân Do thái, là một dân tộc lang thang giữa các quốc gia, đi tìm những hy vọng thuộc về phần xác, một dân tộc thất vọng, thất vọng đến tận xương tủy.

– Ấy vậy mà...

– Phải, ấy vậy mà chức trách lại ở đó, chẳng có cách nào thoái thác... Ồ, chắc hẳn, một gã hèn nhát có thể tránh né được khó khăn. Dân nghèo là một công chúng dễ dãi, một công chúng hiền, khi ta biết cách xử sự với họ. Hãy nói với một bệnh nhân ung thư về sự khỏi bệnh, anh ta chỉ muốn tin anh mà thôi. Tóm lại, chẳng có gì dễ hơn là để cho họ hiểu rằng cái nghèo là một loại bệnh nh c nh , không xứng đáng với các quốc gia văn minh, rằng chúng ta sẽ rũ đi

cho họ sợ như nhóp nhép trong nháy mắt. Nhưng liệu ai trong chúng ta dám nói như vậy về cái nghèo của Jésus-Christ?

Ông nhìn thẳng vào mắt tôi và cho đến bây giờ tôi vẫn còn tự hỏi liệu ông có phân biệt chẳng bản thân tôi với những đồ vật quen thuộc, những bận tâm sự thường lệ và lặng lẽ của ông. Không! Ông không nhìn thấy tôi! Chỉ riêng ý định thuyết phục tôi thôi thì không thể khiến cho ánh nhìn của ông có một vẻ xót xa đến như thế. Chính là với bản thân ông, với một phần của bản thân ông hàng trăm lần bị trấn áp, hàng trăm lần bị đánh bại, luôn luôn phản kháng, mà tôi nhìn thấy ông đang vươn thẳng dậy hết tầm cao, hết sức mạnh như một con người chiến đấu cho sự sống còn của mình, vết thương sâu biết chừng nào! Ông như đang tự tay mình xé rách bản thân. Ông bảo tôi:

– Như anh thấy đó, ta những muốn rao giảng cho người nghèo sự nổi loạn. Hoặc giả ta sẽ chẳng rao giảng gì cho họ hết. Trước tiên ta sẽ lấy một trong những “chiến sĩ”, những tay buôn bán lời nói, những kẻ mưu toan các cuộc cách mạng, và ta sẽ chỉ cho họ xem thế nào là một gã trai miền Flandres. Người miền Flandres chúng tôi có sự nổi loạn trong máu, anh hãy nhớ lại lịch sử đi! Giới quý tộc và giới giàu có chưa bao giờ làm chúng tôi sợ. Giờ đây ta có thể bộc lộ điều này, nhờ Trời, béo tốt như ta, là con người cường tráng, song Chúa Trời đã không cho ta bị cám dỗ nhiều về xác thịt. Nhưng này, sự bất công và nỗi bất hạnh, lại làm ta nóng máu. Vả lại, ngày nay, chuyện ấy qua lâu rồi, anh không thể biết được đâu... Chẳng hạn như bản chỉ dụ nổi tiếng của Giáo hoàng Léon XIII, *Rerum Novarum*, giờ đây các anh lướt mắt đọc qua, như một huấn lệnh tuần chay

bình thường. Con ạ, vào thời đó, chúng ta tưởng như thấy đất rung chuyển dưới chân mình. Hứng khởi biết chừng nào! Hồi ấy, ta đang là cha xứ Norenfontes, giữa đất mỏ. Ý tưởng thật giản đơn rằng lao động không phải là một hàng hóa, phải phục tùng luật cung cầu, rằng người ta không thể đầu cơ tiền công, đầu cơ cuộc sống của con người, như đầu cơ lúa mì, đường hay cà phê, điều ấy làm đảo lộn các lương tâm, con có nghĩ thế không? Do đã giải thích điều này tại tòa giảng cho những con người chất phác, ta bị coi là một người xã hội chủ nghĩa và các nông dân có tư tưởng thuận chiều đã làm ta phải giáng đi Montreuil vì thất sủng. Thất sủng, thì ta cóc cần, anh hãy biết như vậy. Nhưng lúc ấy...

Ông ngừng lời và run lẩy bẩy. Ánh nhìn của ông còn rọi lên tôi và tôi hổ thẹn vì những buồn phiền nhỏ mọn của mình, tôi những muốn hôn tay ông. Khi tôi đã dám ngược mắt lên, thì ông đang quay lưng lại, nhìn qua cửa sổ. Và sau khi lại lặng im hồi lâu, ông nói tiếp bằng một giọng trầm hơn, nhưng vẫn lạc đi như cũ.

– Lòng xót thương, con ạ, là một con vật. Một con vật mà ta có thể đòi hỏi nhiều điều, nhưng không phải tất cả. Nó đầy sức mạnh, nó háo hức phàm ăn. Ta không hiểu vì sao mọi người cứ luôn hình dung nó hơi suốt mướt, hơi gàn dở. Một trong những đam mê mạnh mẽ nhất của con người, nó là thế đấy! Vào thời điểm này của đời ta, khi ta đang nói với con đây, ta nghĩ rằng nó sẽ ăn tươi nuốt sống ta. Niềm kiêu ngạo, lòng ganh ghét, sự giận dữ, ngay cả thói dâm dăng, bảy tội trọng đồng thanh, gào rú vì đau đớn. Con sẽ tưởng như một bầy chó sói bị dội dầu lửa và đang bốc cháy.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy hai bàn tay ông trên vai tôi.

– Rốt cuộc, cả ta nữa, ta cũng có những chuyện rầy rà của mình. Gay go nhất, là mình không được ai hiểu cả, mình tự cảm thấy lố bịch. Với thiên hạ, anh chỉ là một cha xứ bé mọn có tư tưởng dân chủ, một tay khoe khoang, một gã làm trò hề. Có thể là nói chung, các cha xứ dân chủ không có nhiều khí chất cho lắm, còn ta, nói về khí chất, ta cho rằng mình thừa thãi. Nay, vào thời điểm ấy, ta đã hiểu Luther. Cả ông ấy nữa, ông ấy cũng có khí chất. Và trong cái hầm của các thầy tu tại Erfurt, chắc chắn là nỗi đói khát lẽ công bình dày vò ông. Nhưng Chúa Trời không ưa người ta động chạm đến lẽ công bình của Người, và cơn giận của Người hơi mạnh quá đối với chúng ta, những kẻ tội nghiệp. Nó làm chúng ta say, nó khiến chúng ta thành tệ hơn bọn súc sinh. Thế là, sau khi làm cho các giáo chủ run sợ, ông già Luther cuối cùng lại vun vào cho các vương công Đức, cái bày lũ mới đẹp chứ... Anh hãy nhìn bức chân dung họ vẽ ông trên giường chết... Chẳng ai nhận ra vị tu sĩ xưa trong con người bụng phệ, môi dày ấy. Sự giận dữ của ông, mặc dù đúng về nguyên tắc, đã đầu độc ông dần dần: nó đã chuyển thành béo bệnh, thế thôi mà.

– Cha có cầu nguyện cho Luther không? tôi hỏi.

– Ngày nào cũng cầu nguyện, ông đáp. Vả lại, ta cũng tên là Martin, như ông ấy.

Lúc đó, đã xảy ra một điều hết sức kỳ dị. Ông đẩy một chiếc ghế gần sát vào tôi, ông ngồi xuống nắm lấy tay tôi trong hai bàn tay ông mà không rời mắt khỏi tôi, đôi mắt tuyệt đẹp của ông đầy lệ, ấy vậy mà oai nghiêm hơn bao giờ hết, những con mắt khiến cho cái chết hóa thành rất dễ dàng, rất đơn giản. Ông bảo tôi:

– Ta đã coi anh là kẻ nghèo khổ chân không giày, nhưng ta quý trọng anh. Hãy hiểu từ này đúng với giá trị của nó, đó là một từ trọng đại. Theo ý ta, Chúa Trời đã gọi anh, không hồ nghi gì. Về mặt thể chất, thiên hạ khéo sẽ cho anh là tu sĩ còn trứng nước, có hề gì! Anh không có sức vóc, nhưng anh có tấm lòng, anh xứng đáng phục vụ trong bộ binh. Nhưng hãy nhớ lấy lời ta bảo: Chớ để mình bị triệt hồi. Nếu anh vào bệnh xá một lần, anh sẽ không ra khỏi đấy nữa... Người ta đã không cầu tạo nên anh để chiến đấu trường kỳ. Hãy tiến bước đến cùng và thu xếp để một ngày kia kết thúc bình thản trong đường hào mà không cởi bỏ hành trang.

Tôi biết rõ là tôi không xứng với lòng tin cậy của ông nhưng một khi nó đã được trao cho tôi, dường như tôi cũng thấy tôi sẽ không làm nó phải thất vọng. Đó là toàn bộ sức mạnh của những kẻ yếu, của trẻ thơ của tôi.

– Người ta hiểu cuộc đời nhanh hay chậm, nhưng cuối cùng bao giờ người ta cũng hiểu nó tùy theo năng lực của mình. Mỗi người chỉ có phần trải nghiệm riêng, hẩm thế rồi. Cái chai một phần năm lít không bao giờ chứa được nhiều bằng một lít, nhưng ở đó có trải nghiệm về sự bất công.

Tôi cảm thấy nét mặt tôi chắc phải đanh lại, ngoài ý muốn của tôi, bởi cái từ ấy làm tôi đau. Tôi đã mở miệng định trả lời.

– Anh im đi! Anh không biết thế nào là bất công đâu, anh sẽ biết nó. Anh thuộc giống người mà sự bất công đánh hơi thấy từ xa, mà nó kiên nhẫn rình cho đến ngày... Anh không nên để mình bị ăn sống nuốt tươi. Nhất là đừng có tin rằng anh sẽ làm nó lùi lại, bằng cách nhìn thẳng vào mắt nó, như người chế ngự! Anh sẽ không

thoát được sức mê hoặc của nó, cơn choáng váng của nó. Chỉ nhìn nó vừa đủ thôi, và đừng bao giờ nhìn mà không cầu nguyện.

Giọng ông bắt đầu hơi run run. Lúc này đây những hình ảnh nào, những hồi ức nào đang lướt qua trong mắt ông? Chúa biết điều đó.

–Nào, rồi anh sẽ nhiều phen ganh tị với bà xơ bé mọn sáng sáng đến với những đứa bé đầy chầy rạn của mình, với những người hành khất, những kẻ say rượu của mình và làm việc cật lực cho đến tối. Anh ạ, sự bất công, xơ bất cần! Cái bày đàn què cụt của xơ, xơ tắm rửa cho nó, lau chùi cho nó, băng bó cho nó, và cuối cùng chôn cất nó. Đức Chúa chẳng phó thác lời của Người cho xơ. Lời của Chúa! Vị quan tòa trong ngày phán xử cuối cùng sẽ bảo “Hãy trả lại ta Lời của ta.” Cứ nghĩ đến những gì mà một số kẻ lúc đó lòi từ hành trang còm của họ ra, thì chẳng muốn cười đâu!

Ông lại đứng dậy và lại đổi mặt. Tôi cũng đứng dậy.

– Lời ấy, chúng ta có giữ hay không? Và nếu chúng ta đã giữ nó vẹn nguyên, thì phải chăng ta đã che giấu nó? Chúng ta có ban phát nó cho người nghèo cũng như người giàu hay không? Dĩ nhiên, Đức Chúa nói với những kẻ nghèo của Người một cách mến thương, nhưng như vừa rồi ta bảo anh, Người báo cho họ sự nghèo khó, không cách nào thoát khỏi đây, bởi Nhà thờ trông nom gìn giữ cho người nghèo, chắc chắn như vậy. Đó là điều dễ nhất. Bất kỳ người nào có lòng trắc ẩn cũng cùng Nhà thờ thực hiện sự bảo hộ ấy. Trong lúc Nhà thờ chỉ có một mình – anh nghe rõ chứ – một mình, tuyệt đối một mình để gìn giữ danh dự cho sự nghèo khó. Ô! kẻ thù của chúng ta được phần tốt đẹp. “Sẽ luôn luôn có người nghèo trong số các người,” chẳng phải lời nói my dân đâu! Nhưng đó là Lời

Chúa, và chúng ta đã đón nhận nó. Mặc kệ những người giàu giả vờ tin rằng nó biện minh cho sự ích kỷ của họ. Mặc kệ chúng ta vậy là làm con tin cho những người Quyền thế, mỗi khi đạo quân khốn khó quay lại tấn công những bức tường Thành! Đó là lời buồn hơn cả trong sách Phúc âm chất chứa nhiều nỗi buồn hơn cả. Và trước hết lời ấy nói với Judas. Judas! Thánh Luc thuật lại với chúng ta rằng Judas giữ sổ sách tính toán và việc kế toán của ông ta không thật minh bạch, được! Nhưng rất cuộc, đó là nhà ngân hàng của Mười hai Tông đồ, và ai từng thấy việc kế toán của một nhà ngân hàng đúng thể thức nào? Có thể là Judas tăng khoản hoa hồng đôi chút, như tất cả mọi người. Cứ xét theo vụ kinh doanh cuối cùng, thì Judas chẳng làm được một nhân viên hối đoái xuất sắc đâu! Nhưng Chúa Trời đã chấp nhận xã hội tội nghiệp của chúng ta như nó vốn thế, ngược lại với bọn làm trò hề họ tạo ra một xã hội trên giấy tờ, rồi ra sức cải cách nó, vẫn trên giấy tờ, nhất định rồi! Tóm lại, Chúa Trời biết rất rõ quyền lực của đồng tiền, Người đã để một chỗ nhỏ nhỏ gần bên Người cho chủ nghĩa tư bản, Người đã để cho nó có vận may của nó, thậm chí Người còn đặt số vốn đầu tiên; ta thấy điều ấy thật kỳ diệu, anh bảo sao nào! Tuyệt đến thế! Chúa không khinh cái gì hết. Chung quy, nếu công việc trôi chảy, chắc Judas sẽ trợ cấp cho các an dưỡng đường, các nhà thương, các thư viện hay các phòng thí nghiệm. Anh lưu ý là ông ta đã quan tâm đến vấn đề tình trạng bản cùng như bất kỳ nhà triệu phú nào. “Sẽ luôn luôn có người nghèo trong số các người, Chúa Trời đáp, nhưng còn ta các người sẽ không lừa được ta luôn luôn.” Điều ấy có ý nói rằng: “Đừng để cho giờ xá tội giống lên vô ích. Tốt hơn là người hãy trả ngay lập tức số tiền người đã ăn cắp của ta, thay vì mưu toan kích thích đầu

óc các tông đồ của ta bằng những trò đầu cơ tưởng tượng của người về kinh doanh hương phẩm và các kế hoạch của người về hoạt động xã hội. Hơn nữa, người tưởng như vậy là chiều chuộng được lòng mến kẻ cầu bơ cầu bất nơi ta mà ai ai đều biết rõ, song người đã làm hoàn toàn. Ta không yêu những người nghèo của ta như những bà già nước Anh yêu những con mèo lạc, hay những con bò mộng nơi đấu trường. Đó là cung cách người giàu. Ta yêu sự nghèo khó bằng một tình yêu sâu xa, phản tỉnh, sáng suốt – bình đẳng với nhau – như yêu một người vợ mất con và chung thủy. Ta đã tự tay gắn vương miện cho nó. Không phải ai muốn là tôn vinh được nó, ai trước tiên không mặc tấm áo vải gai trắng thì không phụng sự được nó. Không phải ai muốn là chia sẻ được cùng nó miếng bánh đắng cay. Ta muốn nó khiêm nhường và tự tôn, chứ không hèn hạ. Nó chẳng từ chối cốc nước miễn là cốc nước ấy được tặng nhân danh ta, và nhân danh ta mà nó nhận. Nếu người nghèo thừa hưởng quyền của họ duy nhất từ sự túng thiếu, thì lòng ích kỷ nơi các người sẽ nhanh chóng buộc họ chỉ có những gì thiết yếu tối thiểu, trả bằng sự hàm ơn và thân phận nô lệ vĩnh viễn. Cũng như vậy, ngày hôm nay người nổi xung với người phụ nữ vừa rắc lên chân ta một loại cam tùng hương giá cực đắt như thể những người nghèo của ta không bao giờ được lợi dụng tài nghệ của nhà chế tạo hương phẩm. Người đúng là thuộc nòi những kẻ cho xong một gã lang thang hai đồng xu, thì tức giận vì không thấy anh ta lao ngay đến hàng bánh để nhồi nhét thứ bánh mì ngày hôm trước, và chẳng chủ hiệu sẽ bán cho anh ta như giá bánh mới làm. Ở địa vị anh ta, họ sẽ đến cả tiệm rượu nữa, vì bụng kẻ khốn cùng cần ảo tưởng hơn cần bánh mì. Khốn khổ! vàng bạc mà tất cả các người

coi trọng đến thế có là cái gì khác một ảo tưởng, một giấc chiêm bao, và đôi khi chỉ là sự hứa hẹn một giấc chiêm bao? Sự nghèo khó nặng cân trên những chiếc cân của Đấng Cha ta, còn toàn bộ châu báu hư ảo của các người không làm thăng bằng được đĩa cân. Sẽ luôn luôn có người nghèo trong số các người, bởi sẽ luôn luôn có người giàu, nghĩa là những con người tham lam và tàn nhẫn kiếm tìm quyền lực nhiều hơn sở hữu. Những con người này có trong số các kẻ nghèo cũng như trong số các kẻ giàu và gã khốn khổ say rượu nằm ngủ bên rãnh nước có lẽ cũng chiêm bao cùng những mộng mị như César thiếp giấc nồng dưới những rèm màn đỏ thắm. Giàu hay nghèo, các người hãy soi mình trong sự nghèo khó như soi vào một tấm gương thì hơn bởi nó là hình ảnh của nỗi thất vọng căn bản nơi các người, ở trần thế này nó giữ vị trí của Thiên đường đã mất, nó là sự trống rỗng trong tâm lòng các người, trong đôi tay các người. Ta đặt sự nghèo khó cao đến thế, kết hôn với nó, đăng quang cho nó chỉ vì ta biết thói ranh ma nơi các người. Nếu ta cho phép các người coi nó như thù địch, hoặc giả chỉ như kẻ xa lạ, nếu ta để cho các người hy vọng một ngày nào đó đuổi nó khỏi thế gian, thì đồng thời ta đã kết án những kẻ yếu. Bởi với các người những kẻ yếu mãi mãi là một gánh nặng không chịu nổi, một trọng lượng chết mà các nền văn minh kiêu ngạo của các người truyền cho nhau một cách giận dữ và ghê tởm. Ta đã ghi dấu của ta trên trán họ, và các người chỉ trườn bò mới xấp gần họ được, các người ăn sống nuốt tươi con chiên lạc, các người sẽ không bao giờ dám tấn công cả bầy. Cánh tay ta chỉ dịch ra xa một lát thôi, là chế độ nô lệ mà ta căm ghét sẽ tự nó phục sinh, nhân danh ta hoặc nhân danh

cái gì khác, bởi luật của các người tính toán đúng thể thức, và kẻ yếu chẳng có gì để cho ngoài mạng sống của mình.”

Bàn tay to béo của ông run run trên cánh tay tôi, và những giọt lệ mà tôi ngỡ thấy trong mắt ông dường như bị nuốt dần bởi cái nhìn vẫn cứ đắm đắm soi vào mắt tôi. Tôi không khóc được. Trời sẩm tối mà tôi không ngủ và tôi chỉ còn hơi nhìn rõ gương mặt ông giờ đây bất động, cũng cao quý, cũng trong trẻo, cũng thanh bình như gương mặt một người chết. Và đúng lúc ấy, tiếng chuông nguyện đầu tiên vang lên đến từ điểm cao ngất nào trên trời chẳng biết, như từ đỉnh của chiều hôm.

Hôm qua tôi gặp cha quản hạt Blangermont, ông đã – rất mực nhân từ như cha với con nhưng cũng rất là dài dòng – nói chuyện với tôi về sự cần thiết đối với một linh mục trẻ phải chú ý cẩn thận việc tính toán tiền nong của mình: “Nhất là không được nợ nần, ta không chấp nhận chuyện đó!” ông kết luận thế. Thú thật là tôi hơi ngạc nhiên, và tôi đã ngốc nghếch đứng dậy, để cáo từ. Chính ông mời tôi ngồi lại (chắc ông tưởng là tôi bức bối); cuối cùng tôi hiểu ra rằng bà Pamyre phàn nàn là vẫn còn nợ tôi trả tiền (các chai quinquina). Hơn nữa, hình như tôi nợ ông hàng thịt Geoffrin năm mươi ba quan và ông lái than Delacour một trăm mười tám quan. Ông Delacour là ủy viên hội đồng quản hạt. Vả chẳng các ông này không đòi hỏi gì, và cha quản hạt phải thú thật với tôi rằng ngài được bà Pamyre cung cấp những tin trên. Bà ta không tha thứ cho tôi việc mua thực phẩm ở hàng ông Camus, chẳng phải người địa phương, lại có con gái nghe đồn vừa mới ly dị chồng. Bề trên của tôi

là người đầu tiên cười nhạo những chuyện ngồi lê đôi mách này, mà ông cho là lố bịch, nhưng ông đã tỏ ra hơi khó chịu khi tôi biểu lộ ý định không đặt chân đến hiệu ông Pamyre nữa. Ông nhắc nhở tôi về những điều tôi nói, trong một hội nghị tam cá nguyệt tại nhà cha xứ Verchocq, mà ông không dự. Hình như tôi đã sử dụng nhằm từ ngữ mà ông xét thấy gay gắt quá đáng đối với việc buôn bán và các nhà buôn. “Con hãy ghi nhớ kỹ trong đầu là những lời lẽ của một linh mục trẻ ít kinh nghiệm như con sẽ luôn luôn bị các bậc cao niên chần chỉnh, bổn phận của họ là tự xây dựng một nhận định về các đồng nghiệp trẻ. Vào tuổi con, người ta không cho phép mình nói khôi hài. Trong một hội đoàn khép kín như hội đoàn chúng ta, sự kiểm tra lẫn nhau như thế là chính đáng, và không vui lòng chấp nhận điều ấy sẽ là tư tưởng sai lầm. Quả thật, ngày nay sự lương thiện trong buôn bán không còn như nó khi xưa nữa, về vấn đề này các nhà buôn ưu tú nhất cũng tỏ ra trễ nải một cách đáng trách. Nhưng cuộc Khủng hoảng ghê gớm có những điều ngặt nghèo của nó, chúng ta hãy thú nhận như vậy. Ta từng biết một thời mà giới tư sản khiêm nhường chăm chỉ, tần tiện, hãy còn tạo lập nên sự giàu có và niềm vinh quang của xứ sở thân thương chúng ta, hầu như hoàn toàn chịu ảnh hưởng của báo chí dỏ. Giờ đây khi nó cảm thấy kết quả lao động của nó bị đe dọa bởi những yếu tố nhiễu loạn, nó hiểu ra rằng kỷ nguyên của những ảo tưởng hào hiệp đã qua rồi, rằng xã hội chẳng có chỗ dựa nào vững chắc hơn Nhà thờ. Quyền sở hữu há chẳng được ghi trong sách Phúc âm sao? Ô, dĩ nhiên, có những sự phân biệt cần thiết, và trong công việc cai quản các lương tâm, con cần kêu gọi mọi người chú ý đến những bổn phận tương ứng với quyền đó, tuy nhiên...

Những nỗi đau đớn vật vãnh về thể chất đã khiến tôi thành nóng nảy một cách kinh khủng. Tôi không kìm được những lời muốn buột khỏi miệng và, tệ hơn nữa, tôi thốt chúng lên bằng một giọng run run mà âm điệu làm chính tôi phải ngạc nhiên.

“Ở phòng xưng tội chẳng mấy khi nghe thấy một kẻ sám hối tự lên án vì những lời lẽ bất chính!”

Cha quản hạt nhìn thẳng vào mắt tôi, tôi đương lấy cái nhìn ấy. Tôi nghĩ đến cha xứ Torcy. Dù sao thì sự công phần, ngay cả khi được coi như chính đáng, vẫn là một mối cảm kích quá khả nghi nên một linh mục chớ buông mình vào đó. Và tôi cũng cảm thấy rằng luôn luôn có một cái gì đó trong nỗi giận dữ của tôi khi người ta buộc tôi phải nói về người giàu – về người giàu thực sự, kẻ mang tư tưởng giàu sang – người giàu duy nhất, dù y chỉ có trong túi một đồng denier* – con người của tiền bạc, như họ vẫn gọi... Một con người của tiền bạc!

Đồng tiền cổ ở La Mã và Pháp xưa.

– Suy nghĩ của anh làm ta ngạc nhiên, cha quản hạt sáng giọng nói. Ta ngỡ như nhận ra trong đó ít nhiều hiềm oán, ít nhiều chua cay... Con ạ, ông dịu giọng nói tiếp, ta e rằng những thành công ở nhà trường trước đây đã khiến trí phán đoán của con sai lạc đôi chút. Cuộc đời trong chủng viện không phải là cuộc đời. Hẳn là chẳng cần nhiều nhận gì để làm cho con thành một trí thức, nghĩa là một người nổi loạn, một người khinh thị có hệ thống những ưu thế xã hội không dựa trên trí tuệ. Cầu Chúa tránh cho chúng ta những nhà cải cách!

– Thừa Cha quản hạt, tuy thế nhiều vị thánh đã từng là nhà cải cách.

– Cầu Chúa tránh cho chúng ta các vị thánh! Đừng phản đối, và lại đó chỉ là một câu khôi hài thôi, trước hết hãy nghe ta nói đã. Anh biết rất rõ là Nhà thờ chỉ suy tôn trên ban thờ của nó, và thường là rất lâu sau khi họ đã qua đời, một số cực ít các bậc chính nghĩa phi thường, sự giáo huấn và tấm gương anh dũng của các bậc đó, sau khi đã được điều tra xem xét nghiêm khắc, là kho báu chung của các tín đồ, dù rằng họ không hề được phép khai thác ở đó mà không có giám sát, anh hãy lưu ý điều này. Bởi vậy, vẫn kính cẩn mà nói, thì những con người tuyệt vời này giống như thứ rượu vang quý, nhưng lâu mới thành rượu, tốn bao công sức vất vả của người trồng nho để chỉ khoái khẩu cho cháu chắt ông ta... Dĩ nhiên là ta đùa đấy thôi. Tuy vậy anh sẽ thấy rằng Chúa Trời dường như coi chừng không để sinh sôi trong chúng ta, những kẻ thế tục, trong đạo quân tu hành của người, mạo muội mà nói, những bậc thánh với phép màu và kỳ tích, những nhà mạo hiểm siêu nhiên đôi khi làm rung chuyển các ngạch bậc tôn ti. Cha xứ Ars chẳng là một ngoại lệ sao? Tỷ lệ chẳng nhỏ nhoi không đáng kể hay sao, giữa số đông đáng kính các tăng lữ tích cực, không khuyết điểm, cống hiến sức lực cho các nhiệm vụ nặng nề của chức phận, với các bậc được phong thánh nọ? Tuy vậy ai dám bảo rằng việc thực thi những đức tính anh hùng là đặc quyền của các thầy tu, đến cả những người thế tục bình thường nữa?

“Giờ đây anh có hiểu rằng theo một nghĩa nào đó, và ngoại trừ tính chất hơi bất kính, ngược đời của một câu khôi hài như vậy, ta

có thể bảo: cầu Chúa tránh cho chúng ta các bậc thánh? Rất thường khi các bậc ấy là một thử thách đối với Nhà thờ trước khi trở thành niềm vinh quang cho Nhà thờ. Và đây là ta chưa nói đến những vị thánh thất bại, dở dang, nhan nhản xung quanh các thánh thực thụ, như thể một thứ tiền lễ của các vị đó, và giống những đồng xu to, làm bọn bề vớ vớ nhiều hơn là phục vụ! Đáng chấn chiền nào, đức giám mục nào lại mong chỉ huy những đạo quân như vậy? Các vị thánh có tinh thần phục tùng, được! Còn về sau thì sao? Dù họ làm gì đi nữa, thì lời lẽ của họ, thái độ của họ, ngay cả sự thỉnh lạng nơi họ cũng có nguy cơ thành một vụ gây kinh ngạc bất bình đối với những người kém cỏi, những kẻ yếu đuối, những kẻ hững hờ. Ô! ta biết anh sắp đáp lại là Chúa tởm những kẻ hững hờ. Đúng ra là những kẻ hờ hững nào chứ? Chúng ta chẳng biết. Liệu chúng ta có chắc mình xác định được như Chúa loại người đó hay không? Không hề. Mặt khác Nhà thờ có nhu cầu – ta hãy nói trắng ra – Nhà thờ có nhu cầu tiền nong. Những nhu cầu này tồn tại, anh phải thừa nhận điều đó cùng ta – vậy đổ mặt xấu hổ vì điều ấy là vô ích. Nhà thờ có một cơ thể và một linh hồn. Nhà thờ phải chu cấp cho những nhu cầu của cơ thể mình. Một con người biết điều không hổ thẹn khi ăn. Vậy ta hãy nhìn sự vật như chúng tồn tại. Vừa rồi chúng ta nói đến các nhà buôn. Nhà nước khai thác nguồn lợi rõ rệt nhất từ ai chứ? Có phải đúng là từ giới tiểu tư sản đó, tham lợi, tàn nhẫn với người nghèo cũng như với bản thân nó, điên cuồng trong sự tằn tiện? Xã hội hiện đại là công trình của nó.

“Dĩ nhiên, không ai yêu cầu anh quanh co thỏa hiệp về các nguyên tắc, và theo chỗ ta biết, giáo lý ở bất kỳ giáo khu nào đều

không thay đổi điều răn thứ tư. Nhưng chúng ta có thể thò mũi vào các sổ sách tính toán hay không? Ít nhiều ngoan ngoãn phục tùng khi vấn đề là những lầm lạc xác thịt chẳng hạn – sự khôn ngoan thế tục của họ thấy đó là một trò phóng đảng, lãng phí, chẳng vượn cao hơn nỗi sợ bị nguy hiểm hoặc tổn kém – đối với những người lao động này, cái mà họ gọi là công chuyện làm ăn đường như là một lĩnh vực riêng tại đó lao động phê chuẩn mọi điều, bởi họ sùng bái lao động. Ai lo phận nầy, đó là quy tắc của họ. Và phải nhiều thời gian lắm, có lẽ hàng bao thế kỷ điều này không phụ thuộc vào chúng ta, để soi sáng các lương tâm ấy, tiêu diệt thiên kiến coi việc buôn bán là một loại chiến tranh nó đòi được cùng những đặc quyền, những sự khoan thứ như với cuộc chiến tranh kia. Một người lính, ở chiến trường, không tự coi mình là kẻ sát nhân. Cũng như thế, một thương gia khai thác từ công việc của anh ta một lời lẽ cao không cho mình là kẻ cắp, bởi anh ta biết mình không thể lấy mười xu trong túi người khác. Biết làm sao được, con thân yêu, con người là con người! Nếu một vài người trong số nhà buôn ấy mà theo rập rập các mệnh lệnh của môn thần học về sự kiếm lời chính đáng, chắc chắn họ sẽ phá sản.

“Vậy có nên chẳng tổng xuống tầng lớp dưới những công dân cần mẫn đã rất vất vả để đi lên, đang là dẫn chứng tốt nhất của chúng ta đối với một xã hội duy vật, đang góp phần vào chi phí thờ phụng và cũng cung cấp cho chúng ta các tu sĩ nữa, từ khi mà sự tuyển mộ các giáo chức hầu như cạn kiệt ở chốn làng quê? Nền đại công nghiệp chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, nó đã bị các ngân hàng tiêu hóa rồi, giới quý tộc đang hấp hối, giai cấp vô sản tuột khỏi tay

chúng ta, thế mà anh lại đi đề nghị với các tầng lớp trung lưu hãy giải quyết tức thì, một cách âm ỹ, một vấn đề lương tâm mà giải pháp đòi hỏi rất nhiều thời gian, rất nhiều chùng mực, rất nhiều tế nhị. Chế độ nô lệ chẳng phải là một sự xúc phạm lớn lao hơn đối với luật của Chúa hay sao? Ấy vậy mà các sứ đồ... Vào tuổi con, người ta sẵn sàng xét đoán một cách tuyệt đối. Con hãy cảnh giác với tật này. Đừng sa vào trừu tượng, hãy nhìn các con người. Và này, đúng cái gia đình Pamyre kia, có thể là thí dụ, là sự minh họa cho luận đề mà ta vừa trình bày. Người ông chỉ là một thợ nề bình thường, một tay chống đối giáo hội nổi tiếng thậm chí còn theo chủ nghĩa xã hội. Đồng nghiệp đáng kính của chúng ta ở Bazancourt còn nhớ đã thấy ông ta tụt quần trên bậc cửa, khi có đám rước đi qua. Thoạt đầu ông ta mua một cửa hàng bán rượu vang và rượu mùi, tiếng tăm khá xấu. Hai năm sau, con trai ông ta, được giáo dục tại trường trung học của xã, vào làm cho một gia đình tử tế, gia đình Delannoy, có một người cháu là cha xứ, mạn Brogelonne. Cô con gái, tháo vát, đã mở cửa hiệu thực phẩm. Dĩ nhiên, ông lão lo toan công việc, mọi người thấy ông ta dọc ngang mọi nẻo đường suốt năm suốt tháng, trên chiếc xe bò có mui. Chính ông ta đã trả tiền ăn học cho các cháu ở trường trung học thuộc giáo khu Montreuil. Ông ta thấy vẻ vang khi nhìn cháu mình bầu bạn với các con nhà quý phái, vả lại từ lâu ông ta không còn theo chủ nghĩa xã hội, nhân viên sợ ông ta như lửa. Hai mươi hai tuổi, Louis Pamyre vừa cưới con gái ông công chứng Delivaille, người được ủy thác lo toan công việc cho Đức Ông. Arsène đảm đương cửa hiệu, Charles học ngành y tại Lille, còn người em út, Adolphe, ở trường dòng Arras. Ô! ai cũng biết rất rõ là những con người ấy lao động cật lực, song họ chẳng dễ

dãi trong công chuyện làm ăn, họ đã hút màu mỡ của cả vùng. Nhưng sao nào! họ ăn cắp của chúng ta, song họ tôn trọng chúng ta. Điều này tạo ra giữa họ và chúng ta một kiểu đoàn kết xã hội, mà người ta có thể lấy làm tiếc hay không tiếc, nhưng nó tồn tại và tất cả những gì đang tồn tại đều phải sử dụng cho cái thiện.

Ông ngừng lời, mặt hơi đỏ. Tôi luôn theo dõi một cách khá chặt vật một cuộc chuyện trò loại ấy, bởi sự chú ý nơi tôi chóng mệt mỗi khi một mối thiện cảm ngấm ngầm không cho phép tôi nhiệt thành đi trước ý nghĩ của người đối thoại và cứ để cho mình, như các thầy dạy cũ của tôi hay nói, bị “kéo theo sau lẻo đẻo”... Sao mà đúng đến thế, câu nói dân gian “những lời lẽ cứ ở lại trong lòng”. Những lời kia tạo thành một khối trong ngực tôi, và tôi cảm thấy chỉ còn sự cầu nguyện mới đủ khả năng làm tan cái cục băng ấy đi.

– Có lẽ ta đã nói với anh hơi sỗ, cha quản hạt tiếp tục. Đó là vì muốn điều hay cho anh. Sau này khi anh đã sống nhiều, anh sẽ hiểu. Nhưng cần phải sống.

– Cần phải sống, điều ấy thật gớm guốc! tôi đáp không suy nghĩ. Cha không thấy sao?

Tôi chờ đợi một sự bùng lên, bởi tôi đã lại có giọng nói của những ngày không lành, cái giọng mà tôi biết rất rõ – giọng nói của bố con, mẹ hay bảo thế... Hôm trước tôi đã nghe thấy một gã lang thang đáp lại một cảnh binh hỏi giấy tờ của gã; “Giấy tờ à? Ông muốn tôi lấy ở đâu ra? Tôi là con của người lính vô danh!” Gã có đôi chút cái giọng nói kia.

Cha quản hạt chỉ nhìn tôi rất lâu, với vẻ chăm chú.

– Ta ngờ rằng anh là thi sĩ (ông phát âm là thi sỹ). Với hai họ đạo lẽ của anh, may thay, anh chẳng thiếu công việc đâu. Công việc sẽ thu xếp ổn thỏa mọi sự.

Tối hôm qua, tôi đã thiếu can đảm. Lẽ ra tôi muốn kết luận cho cuộc chuyện trò ấy. Để làm gì nhỉ? Dĩ nhiên, tôi phải lưu ý đến tính cách của cha quản hạt, đến niềm thích thú rõ rệt nơi ông khi phản đối tôi, hạ nhục tôi. Ngày trước ông đã nổi tiếng tích cực chống lại các linh mục trẻ có tư tưởng dân chủ, và chắc hẳn, ông nghĩ tôi là một người trong số đó. Nhìn chung, ảo giác ấy đáng lượng thứ. Quả thật, do nguồn gốc xuất thân cực kỳ tầm thường, tuổi thơ khốn khổ, bị bỏ rơi, tình trạng không tương ứng mà tôi ngày càng cảm thấy giữa một sự giáo dục rất cầu thả, thậm chí thô lỗ, với một trí khôn nhạy cảm khiến tôi đoán ra được nhiều điều, tôi thuộc một loại người về bản chất tự nhiên ít theo khuôn phép, mà các bề trên coi chừng là rất có lý. Tôi sẽ thành như thế nào nếu... Vả lại quan niệm của tôi về cái mà người ta gọi là xã hội vẫn còn mờ mịt lắm... Dù là con nhà nghèo – hay chính vì thế, biết đâu? – tôi chỉ thực sự hiểu ưu thế của nòi giống, của dòng máu. Nếu tôi bộc lộ điều đó, thiên hạ sẽ chế nhạo tôi. Chẳng hạn, hình như tôi sẽ vui lòng phục vụ một chủ nhân thực sự – một ông hoàng, một nhà vua. Ta có thể chấp hai tay lại, đặt vào tay một người khác và thề với người đó lòng trung thành của một gia thần nhưng chẳng ai có ý định tiến hành nghi lễ ấy dưới chân một nhà triệu phú, bởi triệu phú sẽ là ngu xuẩn. Khái niệm về giàu có và khái niệm về quyền lực vẫn chưa thể hòa lẫn vào nhau, khái niệm đầu còn trừu tượng. Tôi biết rõ người ta sẽ đắc thế

đáp lại rằng nhiều lãnh chúa xưa kia đã có được thái ấp nhờ vào những túi tiền vàng của một người bố cho vay nặng lãi, nhưng rốt cuộc, dù có đạt được thái ấp bằng thanh kiếm hay không bằng thanh kiếm, thì ông ta cũng phải bảo vệ nó bằng thanh kiếm như bảo vệ tính mạng của mình, bởi con người và thái ấp chỉ là một mà thôi, đến mức cùng mang một tên... Chẳng phải là do dấu hiệu huyền bí ấy mà các nhà vua nhận ra nhau sao? Và một nhà vua, trong sách thánh của chúng ta, không mấy khác biệt quan tòa. Quả thật, một nhà triệu phú, trong đáy tráp tiền của ông ta, quyết định nhiều đời người hơn bất kỳ vị đế vương nào, nhưng quyền lực của ông ta giống như các tượng thờ, không có tai cũng không có mắt. Nó có thể giết chết, thế thôi, mà cũng chẳng biết mình giết cái gì nữa. Đặc quyền ấy có lẽ cũng là đặc quyền của quỷ.

(Đôi khi tôi tự nhủ rằng Satan, kẻ tìm cách đoạt lấy tư tưởng của Chúa, chẳng những căm ghét tư tưởng ấy mà không hiểu nó, song còn hiểu ngược lại. Lẽ ra xuôi dòng cuộc sống thì Satan đã đi ngược dòng và đổ công sức vào những mưu toan phi lý, đáng hải hùng để làm lại, theo hướng trái ngược, toàn bộ nỗ lực của Sự Sáng tạo).

Sáng nay cô giáo đến gặp tôi ở kho đồ thánh. Chúng tôi đã nói chuyện lâu về tiểu thư Chantal. Hình như cô thiếu nữ ngày càng hờn giận tức tối, sự hiện diện của cô tại lâu đài đã thành không thể được và có lẽ đưa cô vào ký túc xá thì thích hợp hơn. Bá tước phu nhân có vẻ chưa quyết định một biện pháp như thế. Tôi hiểu rằng mọi người mong tôi tham gia ý kiến với bà, và tuần sau tôi phải dùng bữa tối tại lâu đài.

Dĩ nhiên cô giáo không muốn nói ra tất cả. Cô đã nhiều lần nhìn thẳng vào mắt tôi, với vẻ ráo riết làm người ta lúng túng, môi cô run run. Tôi tiễn cô đến cổng nhỏ của nghĩa trang. Trên bậc thềm, với giọng ngắt quãng, gấp gáp, như khi thú nhận một điều nhục nhã – giọng trong phòng xưng tội – cô xin lỗi vì đã nhờ cậy tôi trong những trường hợp nguy hiểm đến thế, tệ nhị đến thế. “Chantal có một bản tính đam mê, kỳ dị. Tôi không cho là cô xấu. Những thiếu nữ trẻ ở tuổi cô hầu như bao giờ cũng có một trí tưởng tượng không kiềm chế. Vả lại tôi đã do dự rất nhiều khi xin cha đề phòng một cô bé mà tôi yêu và tôi ái ngại giùm, nhưng cô ấy rất có khả năng tiến hành một hoạt động kinh suất. Bởi cha mới đến giáo khu này, nên gặp trường hợp ấy sẽ là vô ích và nguy hiểm nếu như cha buông theo lòng hào hiệp, sự nhân ái, thành thử như khơi gợi những lời tâm sự mà...” “Ngài bá tước sẽ không dung được điều ấy,” cô nói thêm bằng một giọng nó khiến tôi khó chịu.

Quả thực, chẳng điều gì cho phép tôi nghi ngờ cô là có thiên kiến, là bất công, và khi tôi chào cô lạnh nhạt hết mức có thể, không chìa tay cho cô, thì cô rơm rớm nước mắt, những giọt nước mắt thật sự. Vả chẳng, tôi không ưa cung cách của tiểu thư Chantal, diện mạo cô có cùng vẻ cố định, sự khắc nghiệt, mà than ôi, tôi thương lại nhìn thấy trên mặt nhiều cô gái nông dân, điều thắm kín trong nét mặt đó tôi còn chưa biết, có lẽ sẽ không bao giờ biết, bởi họ chỉ để cho đoán định được rất ít, ngay cả trên giường chết. Các chàng trai trẻ thì khác hẳn! Tôi không quá tin ở những lời thú tội báng bổ vào một khoảnh khắc như vậy, vì những người phụ nữ hấp hối mà tôi nói đây biểu lộ niềm hối hận chân thành về lỗi lầm của mình. Nhưng những

bộ mặt thân thương tội nghiệp của họ chỉ tìm lại được khi đã vượt sang cõi âm, niềm thanh thản của tuổi thơ (tuy tuổi thơ ấy còn gần đến thế!), một vẻ gì đó tôi không rõ, đầy tin cậy, hân hoan, một nụ cười thanh khiết... Quỷ dâm đang là một con quỷ câm.

Có hề gì! tôi không ngăn nổi mình thấy hành động của cô giáo hơi khả nghi. Rõ ràng là tôi còn quá thiếu kinh nghiệm, thiếu uy tín để làm trung gian trong một vấn đề gia đình tế nhị đến thế, và lẽ ra cách ly tôi là họ hành động khôn ngoan. Nhưng họ đã cho rằng để tôi xen vào thì hữu dụng, vậy việc cấm tôi tự mình xét đoán là nghĩa làm sao? “Ngài bá tước sẽ không dung được điều ấy...” Đó là một câu nói thừa.

Nhận được một thư mới của bạn tôi hôm qua, một bức thư ngắn. Anh yêu cầu tôi vui lòng hoãn chuyến đi Lille vài ngày, bởi anh phải đích thân đến Paris vì công việc. Anh kết thúc như sau: “Chắc anh phải hiểu từ lâu là tôi đã, như người ta hay nói, cởi áo thầy tu. Tuy nhiên, tấm lòng tôi không thay đổi. Nó chỉ mở ra cho một quan niệm nhân đạo hơn bởi thế mà hào hiệp hơn về cuộc sống. Tôi kiếm sống, đó là một từ lớn lao, một điều lớn lao. Kiếm sống! Thói quen, tập nhiễm từ chủng viện, nhận từ các bề trên, như của bố thí, miếng bánh ăn hàng ngày hay đĩa đậu, khiến chúng ta, cho đến khi chết, vẫn là những học trò, những đứa trẻ. Trước đây tôi hoàn toàn không biết gì về giá trị xã hội của mình, giờ đây chắc anh vẫn đang còn như vậy. Tôi chỉ dám mạo muội xin làm một công việc tầm thường nhất. Vậy mà, mặc dù sức khỏe kém của tôi không cho phép tôi tiến hành những sự vận động cần thiết, tôi đã nhận được nhiều đề nghị rất đẹp lòng, và khi thời điểm đến, tôi chỉ việc chọn lựa giữa dăm

sáu vị trí cực kỳ có lợi. Thậm chí có lẽ lần sau anh đến thăm, tôi có thể tự cho mình niềm vui và sự tự hào đón tiếp anh tại một chỗ ở thơm mát, nơi chúng tôi cư ngụ cho đến giờ vẫn xoàng xĩnh lắm...”

Tôi biết rõ rằng tất cả những điều ấy trước hết thật trẻ con, rằng lẽ ra tôi phải nhún vai bỏ qua. Tôi không làm được. Có một sự ngu dại nào đó, một giọng điệu ngu dại nào đó, ở đáy tôi nhận ra tức khắc, với nỗi nhục nhã gớm guốc, niềm kiêu ngạo của tăng lữ, nhưng bị tước hết tính chất siêu nhiên, biến thành ngớ ngẩn, biến chất như nước xốt biến chất. Sao mà chúng tôi vô phương tự vệ đến thế trước con người, trước cuộc đời! Trò trẻ con vô lý biết chừng nào!

Ấy thế mà anh bạn đồng môn cũ của tôi được coi như một trong những học trò giỏi nhất chủng viện, có tư chất nhất. Thậm chí anh không thiếu một sự từng trải sớm, hơi mĩa mai, về các con người và xét đoán khá sáng suốt một vài thầy giáo của chúng tôi. Tại sao giờ đây anh lại định đánh lừa tôi bằng những lời khoe khoang tội nghiệp, vả lại, tôi cho là anh cũng chẳng mắc lừa những lời ấy đâu? Như bao người khác, anh sẽ kết thúc cuộc đời trong một văn phòng nào đó, tại đây tính nết xấu, sự miễn cảm bệnh hoạn sẽ khiến anh thành khả nghi đối với đồng nghiệp, và cho dù anh giấu họ quá khứ kỹ càng đến mấy, tôi ngờ rằng anh chẳng bao giờ có nhiều bạn bè.

Chúng tôi trả giá đắt, rất đắt, phẩm cách siêu phàm trong thiên chức của chúng tôi. Cái lối bịch đáng cười bao giờ cũng hết sức gần cái cao cả! Và thiên hạ, bình thường hết sức độ lượng với những sự lối bịch, lại căm ghét cái lối bịch của chúng tôi, một cách bản năng. Sự ngu dại của đàn bà đã gây bức tức nhiều lắm rồi, sự ngu dại của

tăng lữ còn gây bức tức nhiều hơn nữa, vả chăng đôi khi nó dường như là một chồi nhánh huyền bí của sự ngu dại kia. Thái độ xa cách của bao con người tội nghiệp đối với tu sĩ, mối ác cảm sâu xa nơi họ, có lẽ không chỉ lý giải, như người ta vẫn muốn làm chúng tôi tin, bằng sự phản kháng có ý thức nhiều hay ít của thị dục chống lại Luật và những người hiện thân cho nó... Chối cãi có ích gì? Để cảm thấy gờm tởm cái xấu xí, không cần phải có ý niệm rất rõ về cái Đẹp. Tu sĩ tầm thường kém cỏi thì xấu xí.

Tôi không nói đến tu sĩ tồi. Hoặc đúng hơn tu sĩ tồi là tu sĩ tầm thường kém cỏi. Kẻ kia là một quái vật. Sự quái đản vượt mọi thước đo thông thường. Ai biết được ý định của Chúa về một quái vật? Nó dùng để làm gì? Ý nghĩa siêu nhiên của tình trạng thất sủng kỳ dị đến như thế là gì? Chẳng hạn, tôi đã cố, song không làm sao tin được rằng Judas thuộc về thế giới – cái thế giới mà Jésus đã khước từ một cách bí ẩn không cầu nguyện cho... – Judas không thuộc thế giới ấy...

Tôi chắc chắn anh bạn tội nghiệp của tôi không đáng bị gọi là tu sĩ tồi. Tôi còn giả định rằng anh chân thành gắn bó với người bạn đời, bởi trước đây tôi biết anh đa cảm. Tu sĩ tầm thường, than ôi! hầu như bao giờ cũng đa cảm. Có lẽ đối với chúng tôi, tật xấu ít nguy hiểm hơn một sự nhạt nhẽo nào đó chẳng? Có tình trạng nhũn nã. Tình trạng nhũn tim còn tệ hơn.

Sáng nay đi ngang qua các cánh đồng, từ xứ đạo lẻ trở về, tôi trông thấy ông bá tước đang cho chó tìm dấu con mồi dọc khu rừng Linières. Ông chào từ xa, nhưng không có vẻ muốn nói chuyện với

tôi lắm. Tôi nghĩ là bằng cách này hay cách khác ông đã biết việc vận động của cô giáo. Tôi phải hành động rất ý tứ thận trọng.

Ngày hôm qua, xưng tội. Từ ba đến năm, các em nhỏ. Dĩ nhiên, tôi bắt đầu từ các em trai.

Đức Chúa Trời yêu thương chúng biết bao, những trẻ nhỏ này! Bất kỳ người nào không phải linh mục, ở vào địa vị tôi, sẽ thiêu ngủ khi nghe chúng thao thao đơn điệu, rất nhiều khi giống như chỉ đọc những câu chọn ra trong sách Phản tỉnh, và lần nào cũng lặp đi lặp lại... Nếu người ấy muốn biết rõ, muốn tình cờ đặt câu hỏi, muốn hành động chỉ như người tò mò, tôi cho là họ sẽ không tránh khỏi chán lợm. Tính động vật hiện ra trờ trờ ngoài bề mặt! Ấy thế mà!

Chúng ta biết gì về tội lỗi? Các nhà địa chất cho ta biết rằng mặt đất, mà ta thấy hình như rất chắc chắn, rất vững bền, thực ra chỉ là một vảy mỏng bên trên một đại dương chất lửa lỏng, và lớp vảy này luôn rung rinh như lớp màng hình thành trên sữa sắp sôi. Tội lỗi có bề dày là bao nhiêu? Phải đào sâu đến chừng nào để thấy lại vực thẳm thiên thanh?...

Tôi ốm nặng rồi. Hôm qua tôi đột nhiên tin chắc điều ấy và tựa hồ được rọi sáng. Cái thời mà tôi không biết đến nỗi đau đớn dai dẳng đôi khi bề ngoài có bớt nhưng không bao giờ buông tha hẳn này, bỗng như lùi lại, lùi vào một quá khứ xa đến chóng mặt, lùi mãi tới thời thơ ấu... Tôi chớm mắc bệnh này cách đây vừa đúng sáu tháng, thế mà tôi chỉ còn loáng thoáng nhớ được những ngày mình ăn mình uống như tất cả mọi người. Dấu hiệu chẳng lành.

Trong khi ấy các cơn biến mất. Chẳng còn cơn nữa. Tôi đã cố ý bỏ thịt, rau, tôi ăn bánh mì nhúng rượu vang, từng tí bánh một, mỗi khi cảm thấy choáng váng. Vả lại ăn kiêng rất hợp với tôi. Đầu óc tôi thanh thoi và tôi cảm thấy mình khỏe hơn ba tuần trước đây. Khỏe hơn nhiều.

Bây giờ chẳng ai băn khoăn về những chuyện quặt quẹo khó ở của tôi nữa. Sự thật là bản thân tôi bắt đầu quen với bộ mặt rầu rĩ không còn có thể gầy hơn được và tuy thế vẫn giữ một vẻ – không giải thích nổi – thanh xuân, tôi không dám nói là: khỏe khoắn. Vào tuổi tôi, một gương mặt không sụp xuống, làn da căng sát tận xương vẫn giữ được tính đàn hồi. Bao giờ cũng thế!

Tôi đọc lại những dòng này, viết tối hôm trước: tôi đã qua một đêm dễ chịu, rất an tĩnh, tôi cảm thấy mình đầy can đảm, đầy hy vọng. Đó là câu trả lời của Thượng đế cho những điều ta thán của tôi, một lời quở trách nhân từ. Tôi thường để ý thấy – hay ngỡ mình nắm bắt được – sự cợt nhạo khó nhận biết này (tiếc thay tôi không tìm được từ nào khác). Tựa thể cái nhún vai của bà mẹ quan tâm đến những bước chân vụng dại của đứa con nhỏ của mình. A! nếu như chúng ta biết nguyện cầu!

Khi tôi chào, bá tước phu nhân chỉ còn đáp lại bằng một cái gật đầu rất lạnh lùng, rất xa cách.

Hôm nay tôi đã gặp bác sĩ Delbende, một thầy thuốc già bị coi là thô bạo và không hành nghề mấy nữa, bởi các đồng nghiệp sẵn sàng chế nhạo những chiếc quần cộc bằng nhung của ông và

những đôi ủng luôn được bôi mỡ, chúng tỏa ra mùi mỡ bò. Cha xứ Torcy đã báo trước với ông việc tôi đến. Ông cho tôi nằm duỗi trên trường kỷ và sờ nắn da dày tôi rất lâu bằng đôi bàn tay dài không mấy sạch sẽ, quả thể (ông vừa đi săn về)... Trong lúc ông khám cho tôi, con chó to lớn của ông, nằm trên bậc cửa, theo dõi mỗi động tác nơi ông với vẻ chăm chú kỳ lạ, đầy sùng bái. Ông đã bảo tôi:

– Cha chẳng đáng mấy nả đâu. Chỉ cần trông thấy thể này (ông có vẻ viện con chó của ông làm chứng cho) khó khăn gì mà không hiểu là cha chẳng phải lúc nào cũng ăn no, đúng không?

– Trước kia, có lẽ thế, tôi trả lời. Nhưng giờ đây...

– Giờ đây, thì quá muộn rồi! Còn rượu nữa, cha làm gì với rượu đây? Ồ! Không phải rượu mà cha uống đâu, tất nhiên rồi. Rượu mà người ta đã uống cho cha, rất lâu trước khi cha ra đời kia. Mười lăm ngày nữa cha trở lại đây gặp tôi, tôi sẽ viết thư giới thiệu cha với giáo sư Lavigne, ở Lille.

Lạy Chúa, tôi biết rất rõ là di truyền đè nặng lên những đôi vai như vai tôi, nhưng cái tiếng “nhiễm độc rượu” thật khó nghe. Vừa mặc lại áo, tôi vừa nhìn mình trong gương, và bộ mặt râu rĩ, mỗi ngày một vàng thêm một chút, với cái mũi dài, nếp nhăn hai bên kéo xuống tận khóe môi, lớp râu ngắn nhưng cứng mà một lưỡi dao cạo tôi không trị nổi, đột nhiên tôi thấy nó xấu gớm guốc.

Chắc hẳn bác sĩ bắt chợt được cái nhìn của tôi, vì ông bật cười. Con chó sủa đáp lại, rồi nhảy lên mừng rỡ. “Nằm xuống, Fox! Nằm xuống, đồ hư!” Cuối cùng chúng tôi vào nhà bếp. Tất cả sự ồn ào này trả lại cho tôi can đảm, tôi chẳng hiểu vì sao. Lò sưởi cao, chất đầy củi, cháy rừng rực như một đồng rơm.

– Khi nào cha khó chịu quá, cha cứ đến đây. Đó là điều mà không phải với ai tôi cũng bảo đâu. Nhưng cha xứ Torcy đã nói với tôi về cha, và cha có đôi mắt khiến tôi ớn. Những con mắt trung thành, mắt của loài chó. Cả tôi nữa, tôi cũng có mắt của loài chó. Điều ấy thế mà hiếm. Torcy, cha và tôi, chúng ta cùng một nòi, một nòi kỳ cục.

Chẳng bao giờ tôi có ý nghĩ mình thuộc cùng một nòi với hai người đàn ông cường tráng này, chắc chắn như thế. Ấy vậy mà, tôi hiểu rằng ông không nói đùa.

– Nòi gì vậy? tôi hỏi.

– Cái nòi đứng thẳng, và tại sao nó đứng thẳng? Nói cho đúng, chẳng ai biết cả. Cha sắp bảo tôi: ân phước của Chúa? Có điều, bạn ạ, tôi không tin ở Chúa. Khoan đã! Cha không cần đọc cho tôi cái bài học nho nhỏ của cha, tôi thuộc lâu lâu: “Linh khí muốn thổi ở đâu tùy ý, tôi thuộc về tâm hồn của Nhà thờ.” Nói đùa. Tại sao lại đứng thẳng, chứ không ngồi hay nằm? Cha hãy lưu ý là sự giải thích bằng sinh lý không đứng vững. Không thể dùng các sự kiện để biện minh cho giả thuyết về một thứ thiên hướng tự nhiên thuộc thể chất. Thông thường các lực sĩ là những công dân thuần hòa, rất thuận chiều, và họ chỉ thừa nhận nỗ lực nào có đền bù – không phải nỗ lực của chúng ta. Hiển nhiên, các cha đã sáng tác ra thiên đường. Nhưng hôm nọ tôi bảo Torcy: “Bạn hãy thừa nhận là bạn sẽ giữ vững, dù có hay không có thiên đường. Vả lại, nói riêng giữa chúng ta với nhau, tất cả mọi người đều có cái thiên đường của các cha, chứ gì? Những người thợ của giờ thứ mười một, đúng không nào? Khi tôi đã làm việc quá đà – tôi nói làm việc quá đà như người ta nói

uống rượu quá đà – tôi tự hỏi phải chăng chúng ta chỉ là những kẻ kiêu ngạo.”

Dù ông có cười âm ỉ cũng vô hiệu, nghe tiếng ông cười mà đau, và tưởng như con chó của ông cũng nghĩ như tôi: đột nhiên nó ngừng nhảy nhót và nằm bẹp xuống đất, khiêm nhường, nó ngược lên chủ nó một cái nhìn bình tĩnh, chăm chú, một cái nhìn tựa hồ siêu thoát khỏi mọi sự, ngay cả hy vọng mờ mịt hiểu được một nỗi buồn khổ tuy thế vẫn vang vọng đến tận đáy gan ruột nó, đến tận đường gân thớ thịt cuối cùng trong cơ thể chó tội nghiệp của nó. Và cẩn thận đặt mõm lên đôi cẳng khoe lại, mí mắt chớp chớp, những cái rùng mình kỳ lạ chạy dọc sống lưng dài, nó gầm gừ khe khẽ, như có kẻ thù đến gần.

– Trước tiên tôi muốn biết ông hiểu đứng thẳng là ý như thế nào?

– Thế thì dài dòng lắm. Muốn cho ngắn gọn, ta hãy coi như tư thế đứng chỉ hợp với những người Quyền uy. Để có tư thế ấy, một người biết điều đợi cho mình có quyền uy, quyền uy hay dấu hiệu của nó, là quyền lực, tiền bạc. Tôi thì tôi không đợi. Năm thứ ba, nhân một cuộc rút lui, hiệu trưởng trường trung học Montreuil bảo chúng tôi lấy một châm ngôn. Cha có biết tôi đã chọn châm ngôn nào không? “Đương đầu.” Xin hỏi cha, đương đầu với cái gì kia chứ, một thằng nhóc mười ba tuổi!...

– Đương đầu với sự bất công, có lẽ thế.

– Sự bất công ư? Phải và không phải. Tôi không thuộc những kẻ luôn miệng nói đến công bình. Trước hết, xin thề danh dự, tôi không đòi hỏi điều ấy cho mình. Bởi tôi không tin vào Chúa, cha muốn tôi

yêu cầu sự công bằng ở ai nào? Chịu đựng bất công, đó là thân phận của con người. Cha ạ, từ khi các đồng nghiệp của tôi phao tin là tôi không có khái niệm gì về sự vô trùng, khách hàng chuồn cả, tôi chỉ còn chữa trị cho một đám dân quê họ trả tôi bằng một con gia cầm hay một rổ táo, vả chăng họ cho tôi là một thằng ngốc. Theo một ý nghĩa nào đó, xét trong quan hệ với bọn nhà giàu thì lũ người ấy là nạn nhân. Thế mà này, ông linh mục ạ, tôi tổng tất cả bọn họ vào cùng một duộc với những kẻ bóc lột họ, họ cũng chẳng hơn gì chúng trong khi chờ đến lượt mình đi bóc lột, thì họ lừa phỉnh tôi. Chỉ có điều...

Ông vừa gãi đầu vừa liếc xéo quan sát tôi, mà không ra vẻ quan sát. Và tôi thấy ông đỏ mặt. Sắc đỏ ấy, trên gương mặt già nua ấy, thật đẹp.

– Chỉ có điều chịu đựng bất công là một chuyện, phải chịu nó lại là chuyện khác. Họ phải chịu nó. Nó làm họ mất phẩm giá đi. Tôi không sao nhìn nổi điều ấy. Đó là một xúc cảm mà người ta không làm chủ được, phải không? Khi tôi đứng bên giường một gã khốn khổ chẳng chịu an nhiên mà chết đi – chuyện này hiếm, nhưng thỉnh thoảng có thấy – thì cái bản tính khả ố của tôi chiếm phần ưu thắng, tôi muốn bảo gã rằng: “Tránh ra nào, đồ ngốc! Ta sẽ chỉ cho anh xem làm việc ấy một cách tử tế nó ra làm sao.” Sự kiêu ngạo, thế thôi, bao giờ cũng cứ là sự kiêu ngạo! Về một ý nghĩa nào đó, anh bạn nhỏ ạ, tôi không là bạn của người nghèo, tôi chẳng thiết giữ vai trò chó terre-neuve. Tôi ưng để họ tự xoay xở không có tôi, để họ xoay xở với bọn Quyền thế. Nhưng sao nào! họ làm hỏng việc, họ khiến tôi xấu hổ. Cha hãy ghi nhớ rằng thực là một điều bất hạnh khi

cảm thấy mình liên đới với một lũ Mít Xoài tẻ mạt mà, nói về phương tiện y tế, họ chỉ là loại cận bã. Vấn đề chủng tộc, hửn thế? Tôi là người Celte, Celte, chủng tộc chúng tôi.

Sự điên giận của những chính nghĩa thất bại, chứ sao! Vả chăng, tôi nghĩ rằng nhân loại chia làm hai giống loài khác biệt, tùy theo quan niệm về lẽ công bình. Với số người này, lẽ công bình là một sự thăng bằng, một cách thỏa hiệp. Với những người kia...

– Với những người kia, tôi đáp, lẽ công bình như sự tươi nở, sự đăng quang đắc thắng của tình bác ái.

Bác sĩ đã nhìn tôi một lúc lâu với một vẻ ngạc nhiên, do dự, khiến tôi rất lúng túng, tôi cho là câu nói văn vẻ khiến ông không ưa. Quả thật, đó chỉ là một câu nói văn vẻ.

– Đắc thắng! Đắc thắng! Chàng trai ạ, cái chiến thắng của anh mới hay chứ. Anh sẽ trả lời tôi rằng Nước Chúa không ở cõi trần này? Đồng ý. Nhưng, dù vậy, nếu ta giúp cho thời biểu một chút thì sao? Điều tôi trách các bạn, không phải là hãy còn người nghèo, không đâu. Thậm chí, tôi để các bạn được phần hơn, tôi rất muốn rằng trách nhiệm thuộc về những lão già thô lỗ như tôi phải nuôi ăn, cấp áo quần, chăm nom, lau chùi cho họ. Bởi các bạn coi sóc họ, tôi không tha thứ cho các bạn đã giao họ cho chúng tôi dơ dáy như thế. Bạn có hiểu không? Sau hai mươi thế kỷ Ki-tô giáo, mẹ kiếp, lẽ ra phải không còn xấu hổ khi nghèo. Hoặc giả, các bạn đã phản bội ông ta, đức Ki-tô của các bạn! Tôi nhất định như thế đấy. Trời ạ! Các bạn được tùy ý sử dụng mọi thứ cần thiết để hạ kẻ giàu xuống, buộc họ bước đều nhịp. Người giàu thêm khát được trọng vọng, và càng giàu, họ càng thêm khát. Giả dụ các bạn chỉ cần có can đảm tổng họ

xuống hàng cuối cùng, gần chậu nước thánh hay thậm chí ở sân trước giáo đường – sao lại không nhỉ – điều ấy sẽ khiến họ suy nghĩ. Tất cả bọn họ sẽ liếc về phía chiếc ghế của người nghèo, tôi hiểu họ mà. Tại mọi nơi khác đều ở hàng đầu, tại đây, trong nhà của Chúa, ở hàng cuối cùng, các bạn thấy chưa? Ô! tôi biết là chuyện này không tiện. Nếu quả thực người nghèo giống như hình ảnh của Jésus – bản thân Jésus – thì thật rầy rà khi để anh ta phải trèo lên ghế của người chấp sự, phô ra trước toàn thiên hạ một bộ mặt chẳng ra sao, trên đó, từ hai ngàn năm nay, các bạn vẫn còn chưa tìm được cách lau đi vết khạc nhổ. Bởi vấn đề xã hội trước hết là vấn đề danh dự. Chính sự hạ nhục bất công đối với người nghèo tạo ra những kẻ khốn khổ. Người ta không đòi các bạn làm béo lên những kẻ từ đời cha đến đời con đã mất thói quen béo lên, họ hẳn là sẽ cứ gầy như chim tu hú. Thậm chí người ta sẵn sàng thừa nhận, vì lý do lễ nghi, loại bỏ những tay nhỏ nhăng, những kẻ lười biếng, những gã say rượu, tóm lại những hiện tượng dứt khoát là gây tai tiếng. Thế mà một người nghèo, một người nghèo thật sự, một người nghèo lương thiện vẫn sẽ tự mình đến ngồi dán vào những vị trí cuối cùng trong ngôi nhà của Chúa, nhà của anh ta, và thiên hạ chưa từng thấy, sẽ không bao giờ thấy một giám sát viên giáo đường, mũ cắm đầy các chòm lông như một cỗ xe tang, đến tìm anh ta tận cuối nhà thờ để dẫn anh ta lên chỗ hát kinh, với những sự trọng vọng như đối với một ông Hoàng – một ông Hoàng của dòng dõi Ki-tô. Thông thường, ý nghĩ này khiến các đồng nghiệp của cha điều cợt. Chuyện tầm phào, trò phù hoa. Thế thì tại sao họ lại hết sức cung kính như vậy đối với những kẻ Quyền uy của Thế gian, những kẻ này thỏa thích hưởng các điều đó? Và nếu họ đánh

giá những điều ấy là lỗi lằng tại sao họ bắt trả giá chúng đắt đến thế? Họ bảo “Thiên hạ sẽ cười chúng tôi, một gã rách rưới tại nơi hát kinh, điều này sẽ nhanh chóng chuyển thành trò hề.” Được. Chỉ có điều khi gã ấy đã vĩnh viễn đổi tấm áo của mình lấy một tấm khác là tấm áo quan, khi các vị đã chắc chắn, tuyệt đối chắc chắn, rằng gã sẽ không hỉ mũi vào tay nữa, sẽ không nhổ lên thảm của các vị nữa thì các vị sẽ làm gì với gã đây? Thôi nào! Tôi bắt cần bị coi là một thằng ngu, tôi nắm đằng chuôi, giả thử giáo hoàng cũng chẳng làm tôi lùi bước. Và chàng trai ạ, điều tôi nói, các vị thánh của anh đã làm rồi, vậy nó không ngốc đến thế đâu. Quỳ gối trước người nghèo, kẻ tàn tật, người hủi, người ta thấy các vị thánh của anh như thế đấy. Đạo quân gì mà kỳ cục, khi các trung sĩ chỉ vỗ qua một cái thân mật ra điều che chở lên vai vị khách đế vương, dưới chân vị này các thống chế đang quỳ lạy!

Ông ngừng lời, hơi ngượng ngùng vì sự im lặng nơi tôi. Quả thật, tôi không từng trải lắm nhưng tôi ngỡ nhận ra ngay tức khắc một giọng điệu nào đó, cái giọng điệu bộc lộ một vết thương sâu xa trong tâm hồn. Có lẽ những người khác không phải là tôi sẽ tìm ra được lời nói thích hợp để thuyết phục, làm an dịu chăng? Tôi chẳng biết những lời ấy. Một nỗi đau thực sự, thoát ra từ con người, trước hết thuộc về Chúa, tôi thấy hình như thế. Tôi cố khiêm nhường tiếp nhận nó trong lòng tôi, y nguyên, tôi gắng làm cho nó thành của tôi, gắng yêu mến nó. Và tôi hiểu toàn bộ ý nghĩa ẩn giấu của từ ngữ đã hóa nhàm “hòa đồng với”, bởi đúng là tôi hòa đồng nỗi đau ấy.

Con chó đến đặt đầu lên lòng ông.

(Từ hai hôm nay, tôi tự trách mình đã không trả lời kiểu cáo trạng kia, ấy thế mà, tận đáy lòng mình, tôi không thể cho là tôi sai. Và chẳng, ví thử nói thì tôi sẽ nói gì? Tôi không phải sứ giả của Chúa, của các triết gia, tôi là nô bộc của Jésus-Christ. Và tôi e rằng điều mà ví thử tôi thốt lên, chỉ là một lập luận có thể rất mạnh, nhưng cũng rất yếu bởi từ lâu nó đã thuyết phục tôi song không làm tôi an dịu).

Chỉ có bằng an nơi Jésus-Christ.

Phần thứ nhất trong chương trình của tôi đang trên đường thực hiện. Tôi đã định đi thăm mỗi gia đình ít nhất một lần trong ba tháng. Các đồng nghiệp sẵn sàng gọi kế hoạch này là ngông cuồng, và đúng là để giữ lời hứa sẽ gay go bởi trước hết tôi không được trễ nải bất kỳ một bổn phận nào. Những người đời phán xét chúng tôi từ xa, từ bên trong một văn phòng đầy tiện nghi, ở đó hàng ngày họ làm lại cùng một việc, khó có thể hình dung sự lộn xộn, tính “không mạch lạc” trong cuộc sống thường nhật của chúng tôi. Chúng tôi chỉ tạm làm tròn được công việc bình thường – công việc mà sự thực thi nghiêm ngặt khiến các bề trên của chúng tôi nói rằng: đây là một xứ đạo được coi sóc tốt. Còn lại điều bất kỳ. Mà điều bất kỳ không bao giờ có thể nhăng bở! Tôi có mặt ở nơi Đức Chúa cần tôi hay không? Câu hỏi mà tôi tự đặt cho mình hai chục lần trong ngày. Bởi vì Chúa tể mà tôi phụng sự không chỉ phán xét cuộc đời của chúng tôi – Người chia sẻ nó, Người đảm đương nó. Giả sử làm hài lòng

một Đức Chúa đạo đức gia và nhà kỹ hà học chắc chúng tôi sẽ đỡ vất vả hơn.

Sáng nay, sau lễ đại mi-xa, tôi thông báo là những thanh niên ưa thể thao trong xứ đạo muốn thành lập một đội có thể họp ở nhà cha xứ, sau lễ văn khoá. Vả chăng tôi không quyết định như vậy một cách khinh suất, tôi đã cẩn thận chắm trong sổ của tôi tên những người có thể gia nhập – chắc độ mười lăm người – ít ra là mười.

Cha xứ Eutichamps đã điều đình với ông bá tước (cha là bạn cũ của lâu đài). Ông bá tước không từ chối khoảnh đất, ông chỉ muốn cho thuê năm (mỗi năm ba trăm quan) trong năm năm. Hết hạn thuê, và nếu không có thỏa thuận mới, ông sẽ lấy lại khoảnh đất trên, và những gì lâm thời sửa sang, xây dựng sẽ thành sở hữu của ông. Thật ra chắc ông không tin là kế hoạch của tôi thành công; tôi còn giả định rằng ông muốn làm tôi nản chí do sự mặc cả kia, nó rất ít phù hợp với địa vị của ông, với tính cách của ông. Ông đã nói với cha xứ Eutichamps những lời khá tàn nhẫn: Rằng một số thiện chí quá lộn xộn là mối nguy cho tất cả mọi người, rằng ông không phải người đi hứa hẹn về những kế hoạch viễn vông, rằng trước hết tôi phải bước đi mới chứng minh được sự vận động, và phải cho ông ta thấy sớm hết mức có thể cái mà ông ta gọi là những gã ngố mặc áo nịt của tôi...

Tôi chỉ có được bốn người ghi tên – chẳng ra trò lắm! Tôi không biết có một Hội thể thao ở Héclin, được tài trợ rộng rãi bởi ông Vergnes chủ xưởng giày, người cung cấp công ăn việc làm cho dân chúng bảy thôn xã. Quả thật Héclin cách mười hai cây số. Nhưng đám con trai trong làng đi xe đạp tới đó rất dễ dàng.

Rốt cuộc dù sao chúng tôi cũng trao đổi được vài ý tưởng lý thú. Tôi thấy hình như các thanh niên tội nghiệp này bị tách ra xa bởi cánh bàn bè thô lỗ hơn, những tay ham khiêu vũ và ham gái. Sulpice Mitonnet, con trai người kéo chuông nhà thờ trước đây, nói rất đúng “quán rượu gây hại, và tốn tiền”. Trong khi chờ đợi điều hay hơn, chúng tôi chỉ dự định lập một nhóm học tập khiêm tốn, với phòng chơi, phòng đọc, vài tạp chí.

Trước đây Sulpice Mitonnet chưa bao giờ khiến tôi chú ý. Sức vóc rất yếu ớt, cậu vừa hết nghĩa vụ quân sự (sau khi bị hoãn hai lần). Giờ đây cậu làm được đến đâu hay đến đấy nghề thợ sơn và bị coi là lười.

Tôi cho rằng trước hết cậu đau khổ vì sự thô lỗ của môi trường trong đó cậu phải sống. Như rất nhiều người giống cậu, cậu mơ một chỗ làm ở thành phố, bởi cậu có chữ viết đẹp. Hỡi ôi! sự thô lỗ của những thành phố lớn, tuy thuộc một loại khác, tôi thấy là cũng đáng sợ chẳng kém. Chắc là nó thâm hiểm hơn, dễ truyền nhiễm hơn. Một tâm hồn yếu đuối không thoát được nó.

Sau khi các bạn cậu ra về, chúng tôi nói chuyện rất lâu. Ánh mắt cậu, hơi mờ lung, lẩn tránh nữa, có cái vẻ khiến tôi rất xúc động, của con người không được thấu hiểu, phải chịu cô độc. Nó giống ánh mắt cô giáo.

Hôm qua bà Pégriot báo với tôi là sẽ thôi không đến nhà. Bà ta bảo rằng sẽ xấu hổ nếu được trả tiền lâu hơn nữa cho một công việc chẳng nghĩa lý gì. (Quả thật chế độ ăn uống đậm bạc và tình

trạng áo quần của tôi khiến bà rất rảnh rỗi). Mặt khác, bà ta nói thêm: “là chẳng có ý cho không thời giờ của mình.”

Tôi đã định xoay vấn đề thành chuyện bông đùa nhưng không làm nổi cho bà ta mỉm cười. Cặp mắt nhỏ của bà chớp chớp vì giận dữ. Tôi cảm thấy ngoài ý muốn của mình một sự chán lợm hầu như không khác phục nổi đối với bộ mặt tròn và nhão, vàng trán thấp bị kéo lên đỉnh đầu bởi một búi tóc thừa, và nhất là với cái cổ béo, vằn vện những nếp chạy ngang và bao giờ cũng bóng loáng mồ hôi. Người ta không làm chủ được những cảm giác như vậy, và tôi sợ để lộ mình thành thử chắc bà ta phải hiểu rõ tôi.

Bà ta kết thúc bằng một lời bóng gió khó hiểu về “một số người mà bà ta chẳng thiết gặp tại đây”. Bà ta muốn nói gì thế nhỉ?

Sáng nay cô giáo đến phòng xưng tội. Tôi biết rằng đồng nghiệp của tôi là Heuchin là người hướng đạo linh hồn cô, nhưng tôi chẳng thể từ chối không nghe cô. Những ai tưởng rằng việc xưng tội cho phép chúng tôi lập tức thâm nhập điều bí ẩn của các tâm hồn thì thật ngây thơ quá! Cho đến giờ chỉ quen với các chủng sinh trẻ sấm hối ở trường dòng, tôi vẫn còn chưa hiểu được nhờ sự biến hoá góm ghê nào mà các cuộc sống nội tâm đi tới chỗ chỉ đưa ra về bản thân cái thứ hình ảnh sơ lược, không thể cắt nghĩa nổi ấy... Tôi cho rằng, qua tuổi mới lớn rồi, ít con chiên để mình mắc tội nhận mình thánh một cách bất kính. Chẳng xưng tội gì hết mới dễ làm sao! Nhưng còn có chuyện tệ hơn. Có sự kết tinh chậm rãi, xung quanh lương tâm, của những trò dối trá lật vặt, của những mưu mẹo, những sự lập lờ. Lớp vỏ cứng giữ lại một cách mơ hồ hình thù cái mà nó bao

bọc, thể thôi. Do thói quen, và theo thời gian, những người ít tinh tế nhất cuối cùng rồi cũng hoàn toàn tạo được cho mình một ngôn ngữ riêng, nó cứ trêu tượng một cách quái lạ. Họ chẳng giấu giếm gì nhiều, nhưng sự thực thà thâm hiểm của họ giống như loại kính nhám chỉ để lọt qua một ánh sáng mờ mờ, khiến mắt ta không nhận biết được gì hết.

Vậy thì lời thú tội còn lại gì đây? Nó chỉ loáng thoáng lướt trên bề mặt lương tâm. Tôi không dám nói là ở bên dưới, lương tâm bị phân hủy, nó hóa đá thì đúng hơn.

Đêm dễ sợ. Hễ nhắm mắt, là mối sầu xâm chiếm lấy tôi. Khổ nỗi tôi không tìm được từ khác để gọi một tình trạng suy nhược không thể định nghĩa, một sự chảy máu đích thực của tâm hồn. Tôi đột nhiên thức giấc, tai còn nghe thấy tiếng thét lớn – nhưng cái từ này có thích hợp hay không? Hẳn là không.

Vừa khắc phục được tình trạng trì độn do ngái ngủ, có thể tập trung được ý nghĩ, là sự bình tĩnh lập tức trở lại trong tôi. Sự ức chế mà tôi thường áp đặt cho bản thân để làm chủ thần kinh của mình hẳn là lớn hơn tôi tự hình dung rất nhiều. Ý nghĩ ấy thật êm ái sau những giờ thống khổ vừa qua, bởi nỗ lực ở tôi mà tôi hầu như chẳng biết, và do đó không thể cảm thấy chút thỏa mãn nào của lòng tự ái, có Chúa đo nỗ lực này.

Sao mà chúng ta hiểu biết ít đến thế cuộc sống của một con người thực sự là cái gì? Cuộc sống của chúng ta. Xét đoán chúng ta theo cái mà ta gọi là hành vi có lẽ cũng vô bổ như xét đoán chúng ta theo những giấc mơ. Chúa lựa chọn, tùy theo sự công bình của

Người, giữa cái mờ những điều mờ mịt ấy, và điều được Người dâng lên Cha với cử chỉ phô bày thánh tích bỗng hiển hiện, chói lọi như một vàng dương.

Chẳng can hệ gì. Sáng nay tôi suy nhược đến mức tôi có thể đổi gì cũng được để lấy một lời thông cảm, một lời thương mến của con người. Tôi đã định chạy đến tận Torcy. Nhưng vào mười một giờ tôi lại có lớp giáo lý của lũ trẻ. Dù có đi xe đạp, tôi cũng sẽ chẳng về kịp.

Học sinh giỏi nhất của tôi là Sylvestre Galuchet, một chú bé không sạch sẽ cho lắm (mẹ em đã chết, em được bà nuôi, bà già hơi nghiện rượu), vậy mà em có một vẻ đẹp rất đặc biệt, gây cảm giác không sao thắng nổi, gần như xót xa, về sự ngây thơ – một sự ngây thơ của thuở chưa có tội, một sự thuần khiết thơ ngây của động vật thuần khiết. Tôi đang phân phát các điểm tốt, nên em đến kho đồ thánh nhận tranh em được thưởng, và tôi ngỡ đọc được trong đôi mắt điềm tĩnh, chăm chú của em, niềm xót thương mà tôi chờ đợi. Tôi đã vòng tay ôm lấy em một lát, và tôi ngả đầu vào vai em mà khóc, một cách ngốc nghếch.

Cuộc họp chính thức đầu tiên của “Nhóm Học tập”. Tôi định để Sulpice Mitonnet làm chủ tọa, nhưng các bạn cậu hình như hơi tách cậu ra. Dĩ nhiên, tôi cho là không nên nói thêm nữa.

Vả lại chúng tôi cũng chỉ hoàn chỉnh vài mục của một chương trình buộc phải rất khiêm tốn, cân xứng với phương tiện chúng tôi có. Hiển nhiên là đám trẻ thiếu sáng kiến, thiếu hào hứng. Như Englebert Denisane bộc lộ, chúng sợ “làm người ta cười”. Tôi có

cảm giác chúng chỉ đến với tôi vì nhàn rỗi, vì buồn chán – để xem sao...

Gặp cha xứ Torcy trên đường Desvres. Ông đưa tôi về tận nhà, bằng xe của ông, và còn rất vui lòng uống một cốc rượu Bordeaux trứ danh của tôi nữa. Ông bảo “Anh có thấy nó ngon không?” Tôi trả lời rằng tôi chỉ dùng loại rượu vang thô mua ở hiệu thực phẩm Bốn Cây Bò đề. Ông có vẻ yên lòng.

Tôi có cảm giác rất rõ ông có một ý tưởng trong đầu, nhưng ông đã quyết định rồi, là giữ nó lại cho mình. Ông nghe tôi nói với vẻ lơ đãng, trong khi ánh mắt ông cứ đặt ra cho tôi, ngoài ý muốn của ông, một câu hỏi mà ví thử phải trả lời chắc tôi sẽ rất lo âu, bởi ông đã chẳng thoát ra câu hỏi ấy. Như thường lệ, khi cảm thấy e ngại, tôi nói năng hơi lung tung. Có một vài sự thinh lặng chúng hấp dẫn anh, mê hoặc anh, ta muốn ném vào đấy bất kỳ cái gì, những lời lẽ... Cuối cùng, ông bảo tôi: “Cậu là một vật thể kỳ cục. Toàn giáo khu này, chẳng tìm ra một gã nào ngốc hơn đâu, chắc chắn như vậy! Đã thế, cậu còn làm quần quật như ngựa, cậu tự giết mình. Hẳn là Đức Chủ giáo quá cần cha xứ nên mới giao một xứ đạo vào tay cậu! May mà một xứ đạo, về cơ bản, nó vững vàng! Không khéo cậu làm nó vỡ vụn.”

Tôi cảm thấy rõ là vì thương tôi, ông chuyển thành bông đùa, một cách nhìn rất chín chắn, rất chân thành. Ông đọc được ý nghĩ này trong mắt tôi.

– Tôi có thể dồn cho cậu bao lời khuyên, ích gì chứ? Thờì còn dạy toán, ở trường trung học Saint-Omer, tôi đã biết những học sinh

kỳ lạ, rốt cuộc họ đã giải được những bài toán hết sức phức tạp bất kể các quy tắc thông dụng, thế đấy, do trớ trêu tình quái. Với lại, anh bạn nhỏ ạ, cậu không ở dưới quyền tôi, tôi phải để cậu làm, để cậu trở tài. Không có quyền làm sai lạc sự xét đoán ở các bề trên của cậu. Lần khác tôi sẽ bảo cậu phương pháp của tôi.

– Phương pháp nào thế?

Ông không trả lời thẳng.

– Cậu ạ, các bề trên khuyên nên cẩn trọng là có lý. Bản thân tôi cũng cẩn trọng, vì chẳng có điều gì hay hơn. Đó là bản tính của tôi. Không gì ngốc hơn một linh mục nông nổi đóng vai những gã khinh suất, chẳng vì cái gì hết, vì khí chất. Nhưng dù sao, những con đường của chúng ta không phải con đường của công chúng! Chúng ta không giới thiệu Chân lý với mọi người như một đơn bảo hiểm hay một chất lọc máu. Sự sống là Sự Sống. Chân lý của Chúa Trời, đó là Sự Sống. Chúng ta có vẻ như mang nó đến, chính nó mang chúng ta, con ạ.

– Tôi đã làm lẩn ở chỗ nào? Tôi hỏi. (Giọng tôi run lên, tôi phải nói lại hai lần)

– Cậu đã quấy cựa quá nhiều, cậu như con ong bò vẽ trong chai. Nhưng tôi tin là cậu có tinh thần nguyện cầu.

Tôi tưởng ông sắp khuyên tôi chuồn đến Solesmes, làm thầy tu. Và một lần nữa, ông lại đoán được ý nghĩ của tôi. (Vả lại, chắc điều này không khó lắm). “Các thầy tu láu cá hơn chúng ta, mà cậu không có ý thức thực tế, những kế hoạch trứ danh của cậu không đứng vững được. Còn kinh nghiệm về con người, thôi, ta đừng nói đến nữa, như thế lại hơn. Cậu coi bá tước nhỏ bé là một lãnh chúa,

coi các chú nhóc học lớp giáo lý của cậu là những thi sĩ kiểu như cậu, còn tăng viện trưởng là một nhà xã hội chủ nghĩa. Tóm lại, đứng trước xứ đạo mới tinh của cậu, tôi thấy cậu có bộ dạng kỳ cục. Nói khì không phải, cậu giống những gã chồng trẻ khù khờ cứ tự phụ là “quan sát tìm hiểu vợ mình” trong lúc cô ta ngay từ đầu đã ước lượng được anh chàng, tỏ tường đâu ra đấy, từ đầu đến chân.

– Thế thì?... (Tôi nói không nên lời, tôi ngớ ngàng chừng hửng)

– Thế thì?... Này, tiếp tục đi, cậu muốn tôi bảo cậu cái gì chứ? Cậu chẳng hề tự ái, và khó mà có ý kiến về các thể nghiệm của cậu, bởi cậu tiến hành chúng đến nơi đến chốn, cậu nhập cuộc. Dĩ nhiên, người ta không sai khi hành động theo sự khôn ngoan cẩn trọng của con người. Cậu hãy nhớ lời này của Ruysbroeck Kỳ diệu, người miền Flandres như tôi: “Ví phỏng người đang được xuất thần tiếp xúc với Chúa, mà một người ốm đòi xin người bát canh, hãy bước xuống từ thiên giới cực lạc, và cho họ cái mà họ yêu cầu.” Phải, đó là một lời giáo huấn hay, nhưng không được sử dụng nó làm cái cớ để lười biếng. Bởi có một sự lười biếng siêu tự nhiên, nó đến cùng với thời gian, với sự từng trải, những thất vọng. A! các linh mục già thường cứng lòng! Điều bất cẩn tối hậu là sự cẩn trọng, khi nó chuẩn bị thật nhẹ nhàng cho ta không cần đến Chúa. Có những linh mục già đáng kinh sợ.

Tôi thuật lại lời ông được đến đâu thì đến, hình như sai thì phải. Bởi tôi chỉ hơi lắng nghe đôi chút. Tôi đoán được bao điều! Tôi không tự tin chút nào, tuy thể thiện chí trong tôi lớn đến mức tôi luôn tưởng tượng rằng nó lồ lộ trước mắt mọi người, rằng người ta sẽ dựa trên ý định của tôi mà xét đoán tôi. Điên rồ biết mấy! Thế mà tôi

cứ ngỡ mình hãy còn đứng ở bậc cửa cái thế giới nhỏ bé nọ. Tôi đã bước vào sâu lắm rồi, đơn độc – và đường về đã đóng lại đằng sau tôi, chẳng rút lui vào đâu được. Tôi không hiểu xứ đạo của tôi, còn nó vờ như không biết tôi. Nhưng nó đã hình dung về tôi quá rành mạch, quá rõ ràng. Từ giờ trở đi, phải nỗ lực vô cùng vô tận tôi mới hòng thay đổi được chút gì trong hình ảnh ấy.

Cha xứ Torcy đã đọc được nỗi kinh hoàng trên bộ mặt lồ bích tức cười của tôi, và chắc chắn ông hiểu rằng mọi ý định trấn an tôi đều vô hiệu vào lúc này. Ông ngừng lời. Tôi gắng gượng mỉm cười. Thậm chí tôi cho rằng tôi đã mỉm cười. Thật gay go.

Đêm khó ngủ. Lúc ba giờ sáng, tôi xách đèn lồng đến tận nhà thờ. Không sao tìm được chìa khóa cánh cửa nhỏ, tôi buộc phải mở cửa chính. Tiếng chìa khóa rít vang động dưới mái vòm.

Tôi thiếp đi trên ghế dài, hai tay ôm lấy đầu và ngủ một giấc dài đến tảng sáng, chỉ những giọt mưa hắt qua khung kính vỡ mới làm cho tỉnh giấc. Lúc ra khỏi nghĩa trang tôi gặp Arsène Miron mà không nhận rõ, ông ta chào tôi với giọng điệu điệu cợt. Chắc bộ dạng tôi phải kỳ cục với cặp mắt còn mọng lên vì ngái ngủ và áo dòng sưng ướm.

Tôi phải không ngừng cưỡng lại ý muốn chạy thẳng đến Torcy. Sự vội vã ngu xuẩn của kẻ đánh bạc biết rõ mình thua mà vẫn không chán nghe nói về chuyện ấy. Vả lại trong trạng thái dễ bị kích động, tôi chỉ có thể lúng túng tuôn ra những lời cáo lỗi vô bổ. Nhắc lại quá khứ làm gì? Tôi chỉ quan tâm đến tương lai và cảm thấy chưa thể nhìn thẳng vào nó.

Cha xứ Torcy hẳn cũng nghĩ như tôi. Chắc chắn nữa. Sáng nay, trong khi treo màn trướng cho tang lễ Marie Perdrot, tôi đã tưởng như nhận ra bước chân thật quả quyết, hơi nặng nề của cha trên tấm lát. Té ra chỉ là người phu đào huyệt đến báo với tôi rằng công việc của bác ta đã hoàn tất.

Nỗi thất vọng suýt hất tôi khỏi chiếc thang...Ồ! không, tôi chưa sẵn sàng...

Lẽ ra tôi phải nói với bác sĩ Delbende rằng giáo hội không phải chỉ như ông tưởng, một loại Nhà nước có chủ quyền với những đạo luật, công chức, quân đội của nó, một thời điểm thật vinh quang như người ta ao ước, của loài người. Nó đi qua thời gian như một đoàn quân qua xứ lạ nơi không thể có sự tiếp tế thông thường. Nó sống trên những chế độ và những xã hội kế tiếp như đội quân sống nhờ cư dân bản xứ, ngày nào hay ngày ấy.

Giáo hội làm thế nào trả cho Người Nghèo, kẻ thừa kế hợp pháp của Thượng đế một thiên đường không có trên đời? Nó đang tìm kiếm Người Nghèo, kêu gọi họ trên mọi nẻo đường trái đất. Còn Người Nghèo vẫn ở nguyên một chỗ, tột điểm của đỉnh cao chênh vênh đối diện với vị chúa tể của những Vực Thẳm, người nhắc lại với họ không một mỗi từ hai mươi thế kỷ nay bằng giọng nói thiên thần, giọng cao cả diệu kỳ của Người: “Tất cả cái này là của con, nếu con rạp mình xuống, con tôn thờ ta...”

Có lẽ đó chính là cách giải thích siêu nhiên về sự nhẫn nhục phi thường của quần chúng. Quyền lực ở trong tầm tay Người Nghèo mà Người Nghèo không biết, hoặc có vẻ không biết. Họ cụp mắt

xuống đất và kẻ Quyền rũ chờ từng giây lời nói sẽ phó thác loài người chúng ta cho y, nhưng lời nói ấy không bao giờ thoát khỏi miệng tôn nghiêm mà tự Đức Chúa Trời đã đóng kín.

Vấn đề nan giải. Khôi phục quyền hạn cho Người Nghèo mà không đặt họ trong Quyền lực. Nếu vạn nhất xảy ra việc một nền chuyên chế tàn nhẫn, được phục vụ bởi một đội quân các công chức, các chuyên viên, các nhà thống kê học, bản thân họ lại dựa vào hàng triệu chỉ điểm và hiến binh, đạt kết quả làm e sợ, cùng một lúc khắp mọi nơi trên thế giới, những trí khôn ăn thịt sống, những dã thú hung dữ và mưu mẹo sinh ra để kiếm lãi, cái giống người ăn thịt người – vì sự thèm khát mãi mãi tiền bạc chắc chỉ là hình thức giả dối hoặc có thể là vô ý thức, của cái đói khủng khiếp và xấu xa đang dày vò nó – sự chán ghét sẽ đến nhanh từ *Aurea mediocritas* được dựng lên thành quy tắc phổ biến và người ta sẽ thấy những sự nghèo khổ tự nguyện sẽ nở hoa lại khắp nơi như một mùa xuân mới.

Không một xã hội nào thắng được Người Nghèo. Có những người sống trên sự ngu ngốc của người khác, trên sự khoe khoang của họ, trên những thói xấu của họ. Người Nghèo, họ sống bằng lòng từ thiện, cái từ cao cả xiết bao.

Tôi không biết đêm hôm đó đã xảy ra chuyện gì, có lẽ tôi mơ. Khoảng ba giờ sáng (tôi mới hâm nóng một chút vang và bẻ vụn bánh mì cho vào đó như thường lệ) cánh cửa vườn bắt đầu đập và đập mạnh đến nỗi tôi phải đi xuống. Tôi vẫn thấy cửa đóng kín, điều này chẳng khiến tôi bất ngờ, bởi chắc chắn tôi đã đóng lúc chập tối,

vả chẳng tối nào cũng vậy. Khoảng hai mươi phút sau cánh cửa còn đập mạnh hơn lần đầu (trời nhiều gió, một trận bão thực sự) thật là một chuyện lạ kỳ...

Tôi lại bắt đầu những cuộc thăm viếng – nhờ ơn Chúa phù hộ! Những nhận xét của cha xứ Torcy khiến tôi thận trọng: tôi gắng bằng lòng với một ít câu hỏi đặt ra hết mức kín đáo và – ít ra nhìn bề ngoài cũng tầm thường. Tùy theo câu trả lời, tôi cố nâng cuộc trao đổi lên một chút, không quá đáng, cho đến khi chúng tôi cùng gặp một sự thật được chọn hết sức khiêm nhường. Nhưng làm gì có sự thật trung bình. Dù tôi có dè dặt đến đâu và khi tôi tránh ngay cả mấp máy điều đó trên môi, tên Chúa Trời bỗng tỏa sáng trong không khí dày đặc, ngọt ngào, và những khuôn mặt đã cởi mở bỗng khép kín lại. Nói đúng ra là những khuôn mặt ấy u ám đi, sầm tối lại.

Ồ! sự phản kháng tự nó hết hơi hết sức vì lảng nhục, báng bổ, có lẽ cái ấy chẳng hề gì?... Nỗi căm ghét của Chúa Trời khiến tôi luôn nghĩ đến sự bị ma ám. “Lúc ấy quỷ nhập vào nó (Judas).” Phải, đến sự bị ma ám, đến cơn điên. Thay vì một nỗi sợ hãi âm hiểm nào đó đối với thánh thần, cuộc trốn tránh đi xiên theo chiều dài của cuộc Đời, giống như dải bóng hẹp của một bức tường, trong khi ánh sáng tràn trề khắp nơi... Tôi nghĩ tới những con vật khốn khổ, chúng lê mình đến hang hốc của chúng sau khi đã phụng sự cho những trò chơi tàn ác của lũ trẻ. Sự hiếu kỳ tàn bạo của quỷ dữ, nỗi ân cần đáng ghê sợ của chúng đối với con người, lại càng huyền bí xiết bao!... A! nếu như chúng ta có thể nhìn thấy, bằng những cặp mắt Thiên thần, những tạo vật bị hủy hoại tàn tật!

Tôi đã đỡ hơn nhiều, các cơn đau thưa đi và đôi khi hình như cảm thấy chút gì tựa hồ thèm ăn. Dầu sao lúc này tôi không thấy chán ngấy khi chuẩn bị bữa ăn – bao giờ cũng vẫn thực đơn ấy, bánh mì và rượu vang. Duy chỉ có thêm nhiều đường vào vang và để bánh mì khô đi nhiều ngày, cho đến lúc nó cứng lại, cứng đến nỗi phải đập vỡ hơn là cắt – chiếc thớt làm việc này thật thuận tiện. Như vậy lại dễ tiêu hóa hơn nhiều.

Nhờ chế độ ăn đó, tôi hoàn thành công việc của mình không quá mệt nhọc, và cũng bắt đầu lấy lại được chút tự tin... Có lẽ thứ Sáu tôi sẽ đến nhà cha xứ Torcy chẳng? Sulpice Mitonnet thăm tôi hàng ngày. Hẳn là anh ta không thông minh lắm, nhưng tế nhị và ý tứ. Tôi đã đưa anh chìa khóa xưởng bánh mì, anh đến đây khi tôi đi vắng, gặp việc gì cũng làm. Nhờ có anh nên bộ mặt căn nhà tội nghiệp của tôi thay đổi. Anh ta bảo rượu vang không hợp với dạ dày mình, nhưng anh nhồi nhét đường.

Nước mắt lưng tròng anh nói với tôi rằng việc anh cạp kè ở nhà cha xứ phải trả giá bằng nhiều sự hắt hủi, nhiều lời nhạo báng. Tôi cho rằng nhất là vì cách sống của anh không ăn ý với những người nông dân rất mực siêng năng của chúng ta và tôi đã nghiêm khắc khiển trách anh về tính lười biếng. Anh hứa với tôi sẽ kiếm việc để làm.

Bà Dumouchel đến kho đồ thờ tìm tôi. Bà trách tôi đã đánh trượt con gái bà trong kỳ thi tam cá nguyệt.

Trong nhật ký này tôi hết sức tránh ám chỉ về một số thử thách trong đời mình, những thử thách mà tôi muốn lập tức quên đi, than ôi! bởi chúng chẳng phải là những thứ mà tôi có thể vui vẻ cam chịu

– và cam chịu là cái gì nếu không có niềm vui? Ồ! tôi không tự phóng đại tầm quan trọng của chúng. Không phải thế! Tôi biết chúng là những thử thách thông thường nhất. Nỗi hổ thẹn mà tôi cảm thấy về chúng, sự bối rối mà mình không làm chủ được, không làm vẻ vang nhiều cho tôi, nhưng tôi không thể vượt qua cảm xúc có tính thể xác, niềm ghê tởm do chúng gây nên. Phủ nhận điều này có ích gì? Tôi đã nhận ra quá sớm bộ mặt thật của sự trụy lạc, và mặc dù trong thâm tâm tôi thực sự cảm thấy nỗi thương xót to lớn với những linh hồn tội nghiệp đó, hình dung ngoài ý muốn về sự bất hạnh của họ là điều gần như tôi không thể chấp nhận được. Tóm lại, sự dâm dăng làm tôi phát sợ.

Sự hư đốn của lũ trẻ, nhất là... Tôi biết điều ấy. Ồ! tôi cũng không coi nó là bi kịch. Ngược lại, tôi cho rằng ta phải kiên nhẫn chịu đựng nó, bởi một kinh suất nhỏ nhất về vấn đề này có thể có những hậu quả đáng sợ. Rất khó phân biệt những vết thương sâu kín với những vết thương khác, ngay cả thăm dò chúng cũng thật nguy hiểm. Đôi khi tốt hơn cả là để chúng tự thành sẹo, người ta không dày vò một ung nhọt mới chớm. Nhưng như thế không ngăn cản tôi ghét cuộc đồng mưu phổ biến đó, cái định kiến không chịu thấy điều rõ như ban ngày đó, nụ cười ngớ ngẩn và hiểu biết đó của người lớn trước một nỗi khốn khổ mà người ta nghĩ là không quan trọng bởi vì những điều đó không hề được nói lên bằng ngôn ngữ của những người đã thành niên chúng ta. Tôi cũng biết quá sớm về nỗi buồn nên không thể không phẫn nộ vì sự ngu dốt và điều bất công của mọi người đối với nỗi buồn huyền bí đến thế của những em bé. Than ôi! kinh nghiệm chứng minh với ta rằng có những nỗi thất vọng

của con trẻ. Và tôi tin rằng con quỷ của nỗi lo lâu nhất thiết là một con quỷ không trong sạch.

Vậy tôi không luôn nhắc về Séraphita Dumouchel, nhưng nhiều tuần nay không phải là em không gây cho tôi nhiều nỗi lo phiền. Đến mức tôi tự hỏi hay là em ghét tôi, chính là vì sự khéo léo để dầy vò tôi có vẻ vượt quá độ tuổi của em. Những điệu bộ ỡng ẹo trêu chọc nực cười trước kia có một tính chất khờ khạo vô tâm, bây giờ dường như để lộ một sự cố ý nào đó, không cho phép tôi hoàn toàn đổ lỗi cho tính hiếu kỳ không lành mạnh phổ biến ở nhiều người cùng trang lứa với em. Trước hết bao giờ em cũng chỉ làm những điều ấy trước mặt bọn bạn gái nhỏ của em và lúc ấy, đối với tôi, em làm ra vẻ tòng phạm, thỏa thuận, đã từ lâu khiến tôi buồn cười, nay mới bắt đầu cảm thấy nguy hiểm. Dọc đường có khi bỗng nhiên gặp em – và tôi thường bắt gặp em hơi nhiều hơn là lẽ ra cần gặp – em ung dung, nghiêm trang chào tôi, hoàn toàn ngây thơ. Một hôm tôi bị mắc lừa. Em đứng im đợi tôi, mắt nhìn xuống, trong khi vừa se sẽ nói với em, tôi lại gần em. Tôi có cái vẻ của người bỏ bùa cho chim. Em không cử động; chừng nào còn ở ngoài tầm của tôi, nhưng tôi vừa sắp tới gần em – đầu em cúi thấp xuống đến nỗi tôi chỉ còn thấy chiếc gáy nhỏ bướng bỉnh, hiếm khi ngẩng lên – thì em nhảy vọt thoát khỏi tôi, quăng chiếc túi xuống hố. Tôi phải sai em bé lễ sinh mang chiếc túi đó về mà người ta tiếp nhận với thái độ rất khó chịu.

Bà Dumouchel tỏ ra lễ độ, chắc hẳn sự dốt nát của con gái bà đủ giải thích quyết định của tôi, nhưng đó cũng chỉ là cái cớ. Vả lại Séraphita quá thông minh nên thế nào cũng thoát được kỳ thi thứ nhì một cách có lợi, và tôi chẳng nên mạo hiểm để chịu một sự cải

chính nhục nhã. Vậy là hết sức kín đáo, cố làm cho bà Dumouchel hiểu rằng con bà theo ý tôi tỏ ra hiểu biết rất sớm, phát triển rất sớm, rằng nên để mắt đến nó vài tuần lễ. Dù sao em sẽ nhanh bắt kịp sự chậm trễ này, bài học sẽ mang lại kết quả.

Nghe tôi nói, người đàn bà tội nghiệp giận đỏ mặt. Tôi thấy cơn giận dữ bốc lên hai má bà, trong cặp mắt bà. Vành tai bà đỏ tía. “Con bé cũng giỏi như những đứa khác, cuối cùng bà nói, nó chỉ muốn người ta chấp nhận cái quyền của nó không hơn không kém.” Tôi trả lời rằng Séraphita quả là một học sinh giỏi, nhưng hạnh kiểm của nó, hay ít ra là phong cách của nó không hợp với tôi. “Phong cách nào?” – “Một chút đỏng dắn,” tôi đáp. Từ này khiến bà nổi đóa: Đỏng dắn! Cha xen vào chuyện gì bây giờ nào! Tính đỏng dắn có liên quan gì đến cha. Đỏng dắn! Vào cái thời buổi này, việc ấy mà lại là việc của thầy tu! Nói vô phép, thưa cha xứ, tôi thấy cha quá trẻ để nói về chuyện đó, lại còn với một đứa bé nữa!”

Bà bỏ ra về sau đó. Con bé ngoan ngoãn chờ bà trên một chiếc ghế băng trong nhà thờ vắng ngắt. Qua cánh cửa hé mở, tôi thoáng thấy những khuôn mặt của bọn con gái bạn em, tôi nghe thấy tiếng cười nén lại của chúng – chắc hẳn chúng chen nhau để nhòm. Séraphita nức nở lao vào vòng tay mẹ. Tôi e rằng đúng là nó đóng kịch.

Làm gì đây? Bọn trẻ có giác quan nhạy bén về trò nức cười, hẳn có một tình huống là chúng rất biết khai triển nó theo một lôgic đáng kinh ngạc, cho đến những hậu quả cuối cùng của nó. Cuộc đấu tay đôi tưởng tượng của bạn chúng với cha xứ rõ ràng làm chúng say

mê. Nếu cần chúng sẽ bịa ra làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn, kéo dài hơn.

Tôi tự hỏi liệu mình chuẩn bị bài giảng giáo lý Cơ đốc có đủ kỹ hay không. Tối nay tôi nghĩ là mình đã trông đợi quá, nhiều quá vào cái mà tóm lại chỉ là một nghĩa vụ giáo chức của tôi và thuộc loại bạc bẽo nhất, gay go nhất. Tôi là ai mà đi cầu xin an ủi ở những em bé này? Tôi đã ước ao trò chuyện cởi mở với chúng, chia sẻ với chúng những nỗi vất vả của tôi, những niềm vui của tôi.Ồ! chẳng có nguy cơ làm tổn thương chúng, dĩ nhiên! truyền sự sống của tôi sang việc giảng dạy này cũng như tôi đã truyền nó vào lời cầu nguyện của tôi... Tất cả những cái đó là ích kỷ.

Vậy là từ nay trở đi tôi phải tự buộc mình sa vào cảm hứng càng ít càng tốt. Khốn thay tôi thiếu thời gian, sẽ phải lấy thêm vào giờ nghỉ. Đêm nay tôi thành công nhờ một bữa ăn phụ mà tôi hoàn toàn tiêu hóa được. Thế mà trước kia tôi cứ hối tiếc là đã mua cái rượu Bordeaux tốt lành này!

Cuộc thăm viếng ở lâu đài hôm qua kết thúc bằng thăm họa. Tôi đã quyết định việc này rất nhanh sau bữa ăn trưa dù khá muộn, vì tôi mất nhiều thì giờ ở Berguez, tại nhà bà Pigeon luôn đau ốm. Đã gần bốn giờ và tôi cảm thấy “hồ hởi”, như người ta nói là rất sôi nổi. Thật quá bất ngờ – vì Bá tước thường ở lâu đài buổi chiều thứ năm – tôi chỉ gặp Bá tước phu nhân.

Làm thế nào giải thích được lúc thoát đến thật khoan khoái, bỗng nhiên tôi thấy mình không thể tiếp chuyện nổi, cho đến cả trả lời đâu ra đấy những câu người ta hỏi? Quả là tôi đã bước đi rất nhanh. Với

sự lịch thiệp tuyệt vời, Bá tước phu nhân thoát tiên giả vờ như không nhìn thấy gì, nhưng cuối cùng cũng phải lo lắng cho sức khỏe của tôi. Từ nhiều tuần nay tôi đặt cho mình nghĩa vụ né tránh những câu hỏi loại này, và thậm chí cho là mình được phép nói dối. Kể ra tôi làm việc đó khá đạt và nhận thấy rằng, từ lúc tôi tuyên bố sức khỏe mình ổn cả, mọi người chỉ muốn tin tôi. Hẳn rằng sự gầy gò của tôi là đặc biệt (bọn trẻ đã cho tôi cái biệt hiệu “Thí mà buồn”, tiếng địa phương nghĩa là “Thấy mà buồn”) ấy thế mà lời khẳng định “cả gia đình đều vậy cả” tức thì đem sự bình tâm trở lại trên nét mặt mọi người. Tôi không hề có ý nuối tiếc gì về điều đó. Thú nhận những nỗi buồn phiền của mình sẽ có nguy cơ làm mình bị triệt hồi như cha xứ Torcy thường nói. Và rồi không có cách gì hơn – bởi tôi ít có thời giờ đọc kinh – dường như tôi chỉ cần chia sẻ với Thiên chúa của chúng ta, ít ra cũng là hết mức có thể, những nỗi khó chịu nhỏ mọn đó.

Vậy là tôi đã trả lời Bá tước phu nhân rằng do ăn trưa rất muộn tôi hơi bị đau dạ dày. Điều tệ hại nhất là tôi phải đột nhiên chào từ biệt, tôi bước xuống thềm như một kẻ mộng du. Bà chủ lâu đài đã tử tế tiễn tôi đến bậc cuối, mà tôi đã không thể cảm ơn bà, tôi không rời khăn tay trên miệng. Bà nhìn tôi với một vẻ lạ lùng, khó xác định, của tình bạn bè, nỗi ngạc nhiên, lòng thương hại, cũng có đôi chút chán lợm, tôi tin như vậy. Một người đàn ông buồn nôn bao giờ cũng đến là nực cười! Cuối cùng bà vừa nắm lấy bàn tay tôi chìa ra cho bà vừa nói như thể với bản thân mình, bởi tôi đoán câu nói qua làn môi mấp máy của bà: “Cậu bé tội nghiệp!” hoặc có thể là: “Cậu bé tội nghiệp của tôi!”

Tôi hết sức ngạc nhiên, hết sức xúc động, thành thử đã bước qua thảm cỏ để ra đại lộ – cái thảm cỏ Anh quốc xinh đẹp mà Bá tước quan tâm biết mấy, và bây giờ nó phải in lại dấu đôi giày thô của tôi.

Vâng, tôi tự trách mình là đã cầu nguyện ít, và dở. Hầu như ngày nào sau lễ mi-xa tôi cũng phải ngừng việc tạ ơn để tiếp người này người khác, thường là những người bệnh.

Người bạn ở tiểu chủng viện cũ của tôi Fabregargues mở cửa hàng bán dược phẩm tại vùng phụ cận Montreuil, gửi cho tôi những hộp mẫu quảng cáo. Hình như thầy giáo tiểu học không vừa lòng về sự cạnh tranh này, bởi lẽ ngày xưa anh ta là người duy nhất giúp những việc nho nhỏ đó. Thật khó tránh gây bất bình với ai. Và cho dù người ta có làm gì đi nữa, mọi người dường như sẵn lòng sử dụng các thiện ý ít hơn là thích thú đem chúng đối lập lẫn nhau một cách vô ý thức. Sự cần cỗi không thể hiểu nổi của biết bao linh hồn không rõ từ đâu tới!

Hắn con người là kẻ thù của chính mình ở bất cứ đâu, kẻ thù bí mật và xảo trá của mình. Điều ác quảng bất kỳ ở đâu cũng gần như là chắc chắn nảy mầm. Thế mà hạt giống nhỏ nhất của điều thiện, để không bị bóp nghẹt, lại cần một cơ may đặc biệt, một vận đồ diệu kỳ.

Sáng nay tìm thấy trong thư từ của tôi, một lá thư dán tem gửi từ Boulogne, viết trên tờ giấy xấu kẻ ô vuông, như loại người ta thường thấy trong những quán rượu bình dân. Bức thư không có chữ ký.

Một người có thiện chí khuyên cha nên xin đổi. Càng sớm càng tốt. Đến khi cha nhận ra điều đó rõ như ban ngày trước mắt mọi người thì cha sẽ khóc ra lệ máu. Người ta ái ngại cho cha nhưng vẫn nhắc cha “Hãy đi đi!”

Như thế là thế nào? Tôi ngỡ nhận ra nét chữ của Pégriot, bà ta để lại đây một quyển sổ ghi các khoản chi tiêu về xà phòng, về tiền giặt giũ và về nước Javel. Đương nhiên người đàn bà này ít có thiện cảm với tôi. Nhưng vì sao bà ta lại mong muốn sớm sáng đến thế sự ra đi của tôi?

Tôi gửi bức thư ngắn gọn xin lỗi Bá tước phu nhân. Sulpice Mitonnet vui lòng mang thư đến lâu đài. Cậu không tỏ vẻ kiêu căng.

Lại một đêm kinh khủng, một giấc ngủ đứt đoạn vì những cơn ác mộng. Trời mưa to đến nỗi tôi không dám đi đến tận nhà thờ. Tôi chưa bao giờ cố gắng cầu nguyện, mới đầu từ tốn, bình tĩnh, tiếp đến một sự mãnh liệt tập trung, dữ dội và cuối cùng – khó khăn lắm mới tìm lại được lòng can đảm – với ý chí gần như tuyệt vọng (từ cuối này làm tôi kinh hãi) một cơn phản kích của ý chí, khiến cả trái tim tôi run lên khắc khoải. Chẳng có gì.

Ồ! tôi hoàn toàn biết rằng mong muốn cầu nguyện đã là một sự cầu nguyện, và rằng Đức Chúa Trời không đòi hỏi gì hơn nữa. Nhưng tôi không làm tròn bổn phận. Cầu nguyện đối với tôi lúc này cần như không khí cho lá phổi, như dưỡng khí cho máu của tôi. Sau tôi, không còn là đời sống quen thuộc hàng ngày, mà người ta vừa lẩy đà để thoát ra trong khi vẫn tin chắc trong thâm tâm rằng lúc nào

muốn là trở về đó được ngay. Sau tôi không có gì hết. Và trước mặt tôi, một bức tường, một bức tường đen.

Chúng ta thường có một ý tưởng thật phi lý về sự cầu nguyện! Những ai không biết mấy về cầu nguyện – ít biết hoặc không biết – sao lại dám nói về điều đó một cách khinh suất đến thế? Một tu sĩ dòng Trappơ, một tu sĩ dòng thánh Brunô sẽ làm việc nhiều năm để trở thành một người cầu nguyện, ấy thế mà bất cứ gã nông nổi nào lại khoe rằng nhận định được về sự cố gắng của cả một đời người! Nếu cầu nguyện đúng là điều họ nghĩ, một loại tán gẫu, cuộc đối thoại của một kẻ bị ám ảnh với cái bóng của mình, hoặc còn thấp hơn – một lời cầu vô tích sự và mê tín với mục đích xin của cải trong cõi đời này – có thể nào tin được rằng hàng nghìn người tìm thấy ở điều đó, cho đến ngày cuối cùng trong đời họ, tôi không nói là tìm thấy bao sự êm dịu – họ ngờ vực những sự an ủi đa cảm – mà tìm thấy một niềm vui khác khổ, mạnh mẽ và trọn vẹn! Ồ! tất nhiên, những nhà bác học nói về sự ám thị. Đó là vì hẳn chưa bao giờ họ thấy những thầy tu già này, thật chín chắn, thật hiền minh, năng lực phán đoán thật không gì lay chuyển được, thế mà họ tỏa rạng ngời ngời trí tuệ và tình thương, một tình người thật thấm thiết. Do phép lạ nào mà những người dở điên khùng ấy, những tù nhân của điều mộng tưởng ấy, những người ngu đần táo ấy dường như mỗi ngày một nhận thức sâu hơn nỗi khổ khổ của người khác? Giấc mơ lạ thường, chất nha phiến đặc biệt, chẳng hề khiến cá nhân thu mình lại, cô lập cá nhân khỏi đồng loại, mà khiến nó đoàn kết liên đới với tất cả mọi người trong tinh thần của tình nhân ái phổ quát.

Tôi mạo muội đưa ra sự so sánh đó, xin tha thứ điều đó cho tôi, nhưng có lẽ sự so sánh ấy thỏa mãn được một số lớn người, ta không thể chờ đợi ở họ bất kỳ một suy nghĩ cá nhân nào nếu trước tiên họ không được kích lệ bởi vài hình ảnh bất ngờ làm họ bối rối. Mới vài lần hú họa bấm nhẹ lên phím đàn dương cầm liệu một người biết điều nào có tự cho mình có quyền phán quyết về âm nhạc với thái độ kiêu ngạo? Và nếu bản hòa tấu nào đó của Beethoven, khúc nhạc duỗi nào đó của Bach khiến người ấy vẫn đứng vững, lạnh nhạt, nếu người ấy dành quan sát trên mặt kẻ khác ánh phản chiếu của những lạc thú cao thượng không thể đạt tới, người ấy há chẳng kết tội chính mình thôi hay sao?

Than ôi! Người ta tin điều ấy, bằng vào lời nói của các thầy thuốc tâm thần, và lời chứng đồng tâm nhất trí của các Thánh bị coi như không đáng kể hoặc không là gì hết. Các vị Thánh có khẳng định rằng sự đi sâu vào nội tâm ấy không giống bất cứ sự đào sâu nào khác, rằng thay vì phát hiện dần dần cho chúng ta tính phức tạp của chính chúng ta, nó dẫn đến một thiên khai đột nhiên và trọn vẹn, rằng nó thoát ra chốn không trung, sự khẳng định ấy cũng vô ích, chỉ nhún vai mà thôi. Có con người cầu nguyện nào từng bao giờ thú nhận rằng sự cầu nguyện đã làm người ấy thất vọng?

Sáng nay quả là tôi không đứng vững. Những giờ phút mà tôi thấy dài đến thế, chẳng để lại cho tôi một hồi ức rõ rệt nào – chỉ có cảm giác về một đôn không biết từ đâu ra, trúng ngay giữa ngực, mà một trạng thái tê mê thờ thần phúc đức còn chưa cho phép tôi lường được tầm quan trọng.

Không bao giờ người ta cầu nguyện một mình. Hẳn là nỗi buồn của tôi quá lớn? Tôi chỉ cầu xin Chúa vì tôi. Người không tới.

.....

Sáng nay, tôi đọc lại những dòng đã viết này lúc thức dậy. Từ khi...

Trừ phi là một ảo ảnh?... Hoặc có thể là... Các Thánh từng biết những trạng thái suy nhược này... Nhưng chắc chắn không phải sự phản kháng âm thầm đó, sự im lặng cau có của tâm hồn, gần như hần học...

Đã một giờ khuya – ngọn đèn cuối cùng trong làng mới tắt. Gió và mưa.

Cùng nỗi cô đơn. Cùng sự im lặng. Và lần này không có hy vọng nào đập tan hoặc tránh né trở ngại. Vả chẳng làm gì có trở ngại. Chẳng có gì hết. Chúa ơi! Tôi thở, tôi hít đêm tối vào, đêm tối đi vào trong tôi bằng kẽ hở nào chẳng biết của tâm hồn, không quan niệm được, không tưởng tượng được. Bản thân tôi là đêm tối.

Tôi cố nghĩ đến những nỗi lo âu giống nỗi lo âu của mình. Không có chút lòng thương nào đối với những kẻ chưa biết đó. Nỗi cô đơn của tôi là hoàn toàn, và tôi căm ghét nó. Không có chút thương hại nào cho bản thân mình.

Ví phỏng tôi sắp chẳng còn yêu nữa!

Tôi nằm dài ở chân giường, mặt úp xuống đất. A! đúng là tôi không còn đủ thơ ngây để tin vào sự hiệu nghiệm của một biện pháp như vậy. Tôi chỉ muốn thực sự thực hiện cử chỉ của sự chấp nhận hoàn toàn, của sự phó thác. Tôi nằm bên bờ khoảng trống, bên bờ hư vô, như một kẻ hành khất, như một gã say, như một người chết, và tôi đợi người ta lượm tôi đi.

Từ giây đầu tiên, trước cả lúc môi tôi chạm đất, tôi đã xấu hổ về điều nói dối này. Bởi vì tôi chẳng đợi gì hết.

Gì mà tôi chẳng đổi để mà đau! Bản thân sự đau đớn cũng thoái thác. Cái đau thông thường nhất, khiêm nhường nhất, sự đau đớn của dạ dày tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu kinh khủng.

Tôi không sợ cái chết, đối với tôi nó cũng đứng vững như sự sống, cái ấy không thể bày tỏ.

Hình như tôi đã trở ngược lại toàn bộ con đường đã đi từ khi Thượng đế kéo tôi ra khỏi hư vô. Trước hết tôi chỉ là cái tia lửa ấy, cái hạt bụi ấy, ánh lên sắc đỏ nhạt từ tình thương thánh thiện. Tôi lại chỉ còn là cái ấy lần nữa trong Đêm tối không dò thấu. Nhưng hạt bụi như không còn ánh lên sắc đỏ nhạt, nó sắp tắt.

.....

Tôi thức dậy rất muộn. Hẳn là giấc ngủ đã đột ngột xâm chiếm lấy tôi, ở cái chỗ mà tôi bị ngã xuống. Đã đến giờ lễ mi-xa. Thế nhưng tôi còn muốn viết cái này trước khi đi: *“Cho dù có điều gì xảy ra chẳng nữa, tôi sẽ chẳng bao giờ nói cái này với ai, và đặc biệt là với cha xứ Torcy.”*

Buổi sáng trong trẻo đến thế, dịu dàng đến thế, và với vẻ nhẹ nhàng tuyệt vời... Hồi còn thơ dại, có lần lúc tờ mờ sáng tôi nép vào một trong những hàng rào ướt đầm đĩa và trở về nhà, người ướt sũng, run lập cập, sung sướng để nhận một cái đét của bà mẹ tội nghiệp, và một bát sữa lớn nóng bỏng.

Cả ngày, trong đầu tôi chỉ có những hình ảnh thời thơ ấu. Tôi nghĩ về tôi như nghĩ về một người đã chết.

.....

(N.B. Khoảng chục trang bị xé khỏi quyển vở? Vài từ còn lại ở bên lề đã được gạch xóa cẩn thận).

.....

Sáng nay bác sĩ Delbende được tìm thấy ở bìa rừng Bazancourt, đầu vỡ tan, đã lạnh giá. Ông ta đã lăn xuống đáy một con đường trũng nhỏ, bên bờ cây phỉ mọc rất um tùm. Người ta đồ chừng rằng ông muốn kéo khẩu súng mắc trong cành cây về phía mình và phát đạn nổ.

.....

Tôi đã định hủy cuốn nhật ký này. Nghĩ lại, tôi chỉ hủy bỏ một phần xem như vô ích, mà thật ra tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần đến thuộc lòng. Giống như một giọng đang nói chuyện với tôi, không im tiếng, bất kể đêm ngày. Nhưng nó sẽ tắt đi cùng với tôi, tôi đồ chừng như vậy? Hay là lúc đó...

Vài ngày nay tôi nghĩ nhiều đến tội lỗi. Do cứ định nghĩa mãi tội lỗi như một sự thiếu sót đối với luật Chúa, tôi thấy hình như người ta có nguy cơ đưa ra một ý tưởng quá sơ lược về tội lỗi. Mọi người nói bao nhiêu điều ngu ngốc về chuyện đó! Và như thường lệ, chẳng

bao giờ họ chịu khó suy nghĩ. Đấy, hết thế kỷ này sang thế kỷ khác thầy thuốc tranh luận với nhau về bệnh tật. Nếu như họ bằng lòng định nghĩa bệnh tật là sự thiếu sót đối với những quy tắc về sức khỏe tốt, họ đã nhất trí từ lâu. Đẳng này họ nghiên cứu bệnh trên người bệnh với ý định chữa khỏi cho họ. Đó chính là điều mà chúng ta đây, chúng ta đang cố thử làm. Lúc ấy, những lời đùa cợt về tội lỗi, những sự mỉa mai, những cái mỉm cười không gây xúc động nhiều cho chúng ta.

Đương nhiên người ta không muốn nhìn xa hơn là lỗi lầm. Thế mà chung quy lại, lỗi lầm chỉ là một triệu chứng. Và những triệu chứng gây ấn tượng nhất đối với những kẻ phạm tục không phải bao giờ cũng là triệu chứng đáng lo ngại nhất, nghiêm trọng nhất.

Tôi tin, tôi cả quyết là nhiều người không bao giờ đem cả bản thể họ, cả sự chân thành sâu xa của họ nhập cuộc. Họ sống hời hợt ở bề ngoài bản thân và đất màu nhân loại phì nhiêu đến nỗi cả lớp mỏng bề mặt ấy đủ để cho một mùa gặt nghèo nàn, gây ảo tưởng về một số phận thực sự. Hình như trong cuộc chiến vừa qua những viên chức nhỏ rụt rè dần dần tỏ ra là những vị chỉ huy; họ có sự ham mê chỉ huy mà không biết. Ồ! hẳn là ở đó không có gì giống với cái mà chúng ta gọi bằng một cái tên thật đẹp “sự cải hoán” – *convertere* – nhưng rất cuộc, với những con người tội nghiệp đó, thể nghiệm về chủ nghĩa anh hùng ở trạng thái thô, về một chủ nghĩa anh hùng không thuần khiết, thế cũng đủ. Biết bao nhiêu người chẳng bao giờ có một ý tưởng nhỏ nào về chủ nghĩa anh hùng siêu nhiên, nếu không có điều đó thì chẳng có cuộc sống nội tâm! Và đúng là họ sẽ bị phán xét về cuộc sống đó: khi người ta suy nghĩ về

điều ấy một chút, sự vật có vẻ chắc chắn, rõ ràng. Lúc đó ra sao? Lúc đó, bị cái chết tước đi mọi chân tay nhân tạo mà xã hội cấp cho những người thuộc loại như họ, họ sẽ thấy lại mình đúng như họ tồn tại, như họ từng tồn tại mà họ không biết – những quái vật ghê tởm không phát triển, những mồm người què cụt.

Được cấu tạo như thế, thử hỏi họ có thể nói gì và tội lỗi? Thử hỏi họ biết gì về tội lỗi? Khối ung thư làm họ hao mòn, giống với nhiều khối u – không đau. Hoặc ít ra phần lớn trong số họ cũng chỉ cảm nhận thấy, vào một giai đoạn nào đó trong đời, một cảm giác thoáng qua về nó, mau chóng trôi qua. Hiếm khi một đứa trẻ mà không có một thứ đời sống nội tâm, hiểu theo nghĩa Thiên chúa giáo của từ – cho dù là ở tình trạng phôi thai. Tới một lúc nào đó nhiệt tình cuộc sống trẻ của nó lớn mạnh hơn, tinh thần anh hùng chủ nghĩa xao xuyên dưới đáy trái tim vô tội của đứa trẻ. Có lẽ không nhiều, tuy thế cũng vừa đủ để sinh thể bé nhỏ mơ hồ thoáng thấy, đôi khi chấp nhận mùi mờ điều bất trắc lớn lao của sự cứu rỗi, tạo nên toàn bộ chất thánh thiện của đời người. Nó đã biết đôi điều về cái thiện và cái ác, một khái niệm về thiện và về ác nguyên chất không có bất kỳ sự hỗn hợp nào, còn chưa biết gì về những quy phạm và tập quán xã hội. Nhưng, đương nhiên, nó đã phản ứng lại với tư cách trẻ con, và người đứng tuổi chỉ giữ lại về cái phút quyết định, trang trọng nào đó, kỷ niệm về một bi kịch trẻ thơ, về một trò tinh nghịch bề ngoài mà anh ta không hiểu được ý nghĩa thực, mà anh ta sẽ nói đến cùng với nụ cười cảm động, quá bóng bẩy, gần như tà dâm ấy, của những người già...

Khó mà tưởng tượng nổi những người mà thiên hạ bảo là nghiêm túc lại trẻ thơ đến mức nào, một trẻ thơ siêu nhiên, quả thực không giải thích được. Dù tôi chỉ là một linh mục trẻ cũng thế thôi, tôi thường vẫn mỉm cười về chuyện ấy. Và với chúng tôi, phong cách khoan dung, thông cảm gì mà kỳ thế! Một công chứng viên ở Arras mà tôi đã có mặt bên cạnh phút lâm chung – nhân vật đáng kính, cựu nghị viên viện nguyên lão, một trong những chủ sở hữu lớn nhất trong quận của ông ta – một hôm nói với tôi và dường như là để xin lỗi vì đã tiếp nhận những lời khuyên dụ của tôi với chút ít hoài nghi, tuy có hảo ý: “Tôi hiểu ông, thưa linh mục, tôi biết những tình cảm của ông, tôi cũng vậy, tôi rất ngoan đạo. Hồi mười một tuổi, tôi không đời nào ngủ được mà không đọc ba lần Kinh *Ave Maria*, và kể cả tôi có thể nín thở đọc liền một mạch. Nếu không, tôi nghĩ, điều ấy có thể mang tai họa đến cho tôi...”

Ông tưởng rằng tôi không với xa được hơn thế, rằng chúng tôi tất cả không với xa hơn thế, chúng tôi, những giáo sĩ tội nghiệp. Cuối cùng, lúc ông sắp qua đời, tôi đã nghe ông xưng tội. Nói gì đây? Chẳng có gì nhiều nhận, đôi khi chỉ chứa đựng trong ít lời, một cuộc đời công chứng viên.

.....

Tội lỗi chống lại niềm hy vọng – tội chết người nhất trong các tội, và có thể là tội được tiếp nhận niềm nở, được ve vuốt nhiều nhất. Phải mất nhiều thời gian mới nhận ra điều ấy, và nỗi buồn báo hiệu nó, đến trước nó mới êm dịu làm sao! Là loại rượu giá trị nhất của quỹ, thức ăn thần tiên của nó. Bởi mỗi lo âu... (Trang đã bị xé)

Hôm nay tôi phát giác được một điều thật lạ lùng Cô Louise thường để cuốn sách kinh tụng buổi chiều trên ghế của cô, trong ngăn đựng nhỏ. Sáng nay tôi thấy cuốn sách lớn trên các tấm đá lát và vì rằng những tranh mộ đạo đầy trong sách bị tung tóe, bắt buộc dĩ tôi phải lật qua nó ra một chút. Vài dòng chép tay ở mặt sau trang lót đập vào mắt tôi. Đó là tên và địa chỉ của cô giáo – có lẽ là một địa chỉ cũ – ở Charleville (Ardennes). Chữ viết giống như chữ trong bức thư giấu tên. Ít ra, tôi cho là như vậy.

Bây giờ, với tôi có hệ trọng gì?

Những nhà quyền quý trên đời này biết cách đuổi đi không cưỡng được bằng một cử chỉ, bằng một ánh nhìn, bằng ít hơn thế nữa. Nhưng Chúa...

Tôi không mất Đức Tin, không mất Niềm Hy vọng, cũng không mất lòng Từ thiện. Nhưng đối với con người trần tục ở cõi đời này, những thiên lộc có giá trị gì? Chính lòng ham muốn thiên lộc mới đáng kể. Dường như tôi không ham muốn chúng nữa.

Gặp cha xứ Torcy tại lễ tang người bạn già của ông. Tôi có thể nói rằng tư tưởng của bác sĩ Delbende không rời khỏi tôi. Nhưng một tư tưởng, dù là xé ruột đau lòng không phải là, không thể nào là một lời cầu nguyện.

Chúa hiểu tôi và phán xét tôi.

Tôi quyết định tiếp tục quyền nhật ký này vì rằng một sự tường thuật thành thực, chính xác một cách thật tỉ mỉ những biến cố đời mình trong quá trình thử thách đã trải qua, một ngày nào đó có thể có ích cho tôi – ai mà biết được? Có ích cho tôi hay cho những

người khác. Vì mặc dầu trái tim tôi đã trở nên cứng rắn đến thế (dường như tôi không cảm thấy bất cứ sự thương hại nào đối với ai, lòng thương xót với tôi cũng trở nên khó khăn như lời cầu xin, đêm nay tôi còn nhận thấy điều đó khi túc trực bên Adeline Soupault, cho dù tôi vẫn cứu giúp hết sức mình) tôi không thể nghĩ không thân ái đến độc giả tương lai, chắc là tưởng tượng của cuốn nhật ký này... Niềm thương mến mà tôi ít tán thưởng vì qua các trang này tất nhiên chỉ dẫn đến bản thân tôi. Tôi trở thành tác giả hoặc như cha xứ quản hạt Blangermont nói là thi sẩy... Ấy vậy mà...

Vậy là tôi muốn viết ở đây hoàn toàn thẳng thắn rằng, tôi không chênh mảng các bổn phận của mình, trái lại. Sự cải thiện sức khỏe hầu như khó có thể tin được đã giúp cho công việc của tôi rất nhiều. Cũng như nói rằng tôi không cầu nguyện cho bác sĩ Delbende chưa hẳn đã hoàn toàn đúng. Tôi làm trọn nghĩa vụ đó như các nghĩa vụ khác. Những ngày vừa qua thậm chí tôi đã nhịn rượu, việc này đã làm cho tôi yếu đi một cách nguy hiểm.

Cuộc nói chuyện ngắn với cha xứ Torcy. Sự kiềm chế mà vị linh mục đáng khâm phục này tiến hành với bản thân mình là hiển nhiên. Nó rành rành trước mắt, vậy mà người ta hoài công đi tìm cái dấu hiệu cụ thể của nó, nó không thể hiện bằng bất cứ cử chỉ nào, bất cứ lời nói chính xác nào, bất cứ cái gì để lộ ra ý chí và sự cố gắng. Khuôn mặt ông cho thấy sự đau khổ của ông, biểu hiện nó với sự thẳng thắn, tính giản dị quả là tối cao. Trong những trạng huống như thế, có khi ta bắt chợt ở những người tốt nhất một cái nhìn lập lòe, thuộc những cái nhìn nói lên ít hay nhiều rõ ràng: “Anh xem, tôi không nao núng, đừng có ca tụng tôi, cái đó đối với tôi là tự nhiên,

xin cảm ơn...” Cái nhìn ở ông hồn nhiên tìm kiếm lòng trắc ẩn của anh, thiện cảm của anh, nhưng với sự cao thượng nhường nào! Một vị quốc vương có thể đi ăn xin như thế đó. Ông đã qua hai đêm bên cạnh thi hài, và chiếc áo dòng của ông bao giờ cũng sạch sẽ đến thế, chỉnh tề là thế mà đã nhàu nát từng nếp lớn theo hình rẽ quạt, nhem nhuốc. Có lẽ ông quên cạo râu lần đầu tiên trong đời.

Tuy nhiên sự tự chủ ấy nổi rõ ở dấu hiệu này: sức mạnh siêu nhiên tỏa ra từ ông không bị một tổn thương nào. Rõ ràng là bị mối lo âu dày vò (tiếng đồn rằng bác sĩ Delbende tự tử) ông vẫn là người tạo ra bình tĩnh, xác tín và an bình. Sáng hôm đó tôi đã hành lễ cùng ông với tư cách là phó trợ tế. Trước đây tôi đã quan sát thấy thường khi, trong khi làm phép dâng bánh, rượu, những bàn tay đẹp đẽ của ông xòe ra trên bình rượu lễ run run. Hôm nay tay ông không run. Thậm chí chúng có một uy quyền, một vẻ oai nghiêm... Sự tương phản với khuôn mặt hõm sâu vì mất ngủ, mệt nhọc, và ảo ảnh nào đó dần vệt hơn – mà tôi đoán ra – cái ấy thực sự không thể tả được.

Ông ra đi chẳng muốn dự bữa ăn lễ tang do cô cháu gái ông bác sĩ dọn ra – cô này rất giống bà Pégriot, dù còn to béo hơn nữa. Tôi đi cùng ông tới ga, và vì còn nửa giờ nữa tàu mới đến, chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế dài. Ông rất mệt và giữa ánh sáng ban ngày, tôi thấy mặt ông lộ vẻ đau đớn nhiều hơn. Trước đây tôi chưa nhận thấy hai nếp nhăn ở khóe miệng, chứa chất một nỗi buồn và niềm cay đắng đến ngạc nhiên. Tôi tin rằng điều ấy đã khiến tôi quyết định. Bỗng nhiên tôi nói với ông:

– Cha có sợ rằng liệu bác sĩ đã...

Ông không để tôi nói hết câu, cái nhìn khẩn thiết của ông tựa như làm tắc nghẽn lời sau cùng trên môi tôi. Tôi rất chật vật để giữ không hạ mắt tôi nhìn xuống vì tôi biết ông không thích như vậy. “Những con mắt thoái chí,” ông hay nói thế. Cuối cùng nét mặt ông dịu dần, và thậm chí ông gần như mỉm cười.

Tôi sẽ không kể lại cuộc nói chuyện của ông. Hơn nữa liệu có phải là một cuộc nói chuyện hay không? Việc đó không lâu tới hai mươi phút, có lẽ thế... Sân ga nhỏ bé vắng ngắt với hai hàng cây bồ đề, dường như còn yên tĩnh hơn mọi khi nhiều. Tôi còn nhớ một bầy chim bồ câu đều đều bay qua bên trên chúng tôi, nhanh vèo và thấp đến mức nghe thấy tiếng cánh chim quạt gió.

Quả thực, ông sợ rằng người bạn già của ông tự sát. Hình như ông ta đã quá mất tinh thần, cho đến lúc cuối cùng ông vẫn trông cậy vào gia tài của một bà cô đã già lắm, gần đây bà ta đã đặt toàn bộ tài sản của mình vào tay một nhà kinh doanh rất có tiếng, được uỷ quyền của Đức giám mục ở S..., đổi lấy niên kim trọn đời. Ngày xưa ông bác sĩ kiếm được nhiều tiền, và tiêu số tiền ấy vào những tặng phẩm hào phóng bao giờ cũng rất độc đáo, hơi quá đáng, chúng không phải khi nào cũng kín đáo và gây ra nghi ngờ rằng ông có những tham vọng chính trị. Từ khi các đồng nghiệp trẻ hơn chia nhau số khách hàng của ông, ông vẫn không chịu thay đổi thói quen của mình: “Anh bảo sao cơ? Đó không phải là một người chặn không cho lửa lan rộng. Ông đã nhắc với tôi hàng trăm lần rằng cuộc chiến đấu chống lại cái mà ông gọi là tính tàn bạo của con người và sự ngu dại của số phận đã được tiến hành bất chấp lương tri và rằng người ta sẽ không chữa được cho một xã hội khỏi bất

công – ai tiêu diệt bất công sẽ tiêu diệt xã hội. Ông so sánh ảo tưởng của các nhà cải cách với ảo tưởng của các người theo phương pháp Pasteur ngày trước, mơ ước một thế giới vô trùng. Tóm lại, ông tự cho mình là một kẻ phản kháng, không có gì hơn, kẻ sống sót của một chủng tộc đã biến mất từ lâu – giả sử rằng chủng tộc đó chưa bao giờ tồn tại – và ông tiến hành chống lại kẻ xâm lược, qua nhiều thế kỷ đã trở thành người sở hữu hợp pháp, một cuộc chiến đấu không hy vọng và không thương xót. “Tôi báo thù,” ông thường nói. Tóm lại, ông không tin vào quân đội chính quy, anh có hiểu không? “Khi tôi gặp một sự bất công đang lượn quanh đơn độc, không đề phòng, và thấy nó vừa tầm vóc với mình, không quá yếu cũng không quá khỏe, tôi lao vào và tôi bóp cổ nó.” Điều ấy khiến ông phải trả giá đắt. Mới mùa thu vừa rồi, ông đã trả những món nợ cho bà cụ Gachevaume, mười một nghìn franc, vì rằng ông Duponsot, chủ nhà máy bột, đã thu xếp để mua lại các giấy nợ và ông ta rình rập khoản đất đai. Rõ ràng là cái chết của bà cô tệ hại đã giáng cho ông đòn cuối cùng. Mà sao! Ba hoặc bốn trăm nghìn franc, chừng ấy trong tay ông sẽ hết ngay! Càng chóng hết hơn nữa vì cùng với tuổi tác, con người thân mến tội nghiệp ấy trở nên kì quặc. Chẳng phải là ông đã nảy ra ý nghĩ “bao” – đó là từ thích đáng – một lão sâu rọu tên là Rebattut, nguyên là dân săn bắn trái phép, lười như chuột sóc, sống trong một túp lều của người đốt than bên bìa đất đai Goubault, được coi như chạy theo những trẻ gái chăn bò, luôn say khướt, thêm vào đó còn cóc cằn ông?Ồ! xin chú ý là ông ta không phải là không biết nét đặc sắc cuối cùng này, không! Ông có cái lý của ông, cái lý rất riêng của ông, như thường lệ.

– Cái lý gì kia?

– Lý rằng cái nhà lão Rebattut là một tay săn giỏi nhất hiếm có, lý rằng người ta không thể tước quyền hưởng cái thú vui chè chén kia của lão cùng như tước đi việc ăn uống, rằng với những biên bản của họ, cảnh sát cuối cùng sẽ biến kẻ có thói tật vô hại này thành một kẻ man di nguy hiểm. Tất cả những cái ấy hòa trộn với những định kiến trong đầu óc già nua thân thương của ông, những ám ảnh thực sự. Ông nói với tôi: “Ban cho con người dục vọng rồi cấm họ thỏa mãn những dục vọng đó, tôi cho là thực quá đáng, tôi không phải là Chúa Trời.” Phải thừa nhận rằng ông ghét hầu tước Bolbec, và rằng ông hầu tước này đã cam đoan tiêu diệt dần dần Rebattut bằng đám tuần phiên của mình, tổng cổ lão đi đầy ở Guyane. “Vậy là, chà chà!”

Tôi nhớ có một hôm tôi đã viết trong cuốn nhật ký này rằng sự buồn bã dường như xa lạ với cha Torcy. Tâm hồn ông vui vẻ. Ngay cả lúc này, hề tôi không quan sát nữa gương mặt của ông, mà lúc nào ông cũng ngẩng lên rất cao, rất thẳng, tôi thấy kinh ngạc vì một âm sắc nào đó trong giọng nói của ông. Giọng nói ấy có nghiêm trang mấy cũng không thể cho là buồn rầu được: nó giữ được nét run rẩy nào đó gần như không nhận thấy như thể là cái run rẩy của niềm vui bên trong, một niềm vui sâu xa đến nỗi không có gì làm cho phai lạt được, giống như nguồn nước lớn bình thản dưới những trận bão.

Ông kể cho tôi nhiều chuyện khác, những chuyện gần như khó tin, gần như điên cuồng. Năm mười bốn tuổi ông bạn chúng ta muốn trở thành nhà truyền giáo, ông mất lòng tin trong khi ông theo học y khoa. Ông là học trò yêu nhất của một bậc thầy rất lớn, mà tôi không

còn nhớ tên, và tất cả các ông đều đoán trước về ông một đường công danh đặc biệt xuất sắc. Tin ông về lập nghiệp ở vùng hẻo lánh này đã gây nhiều sự ngạc nhiên. Ông bảo là lúc đó ông quá nghèo nên không chuẩn bị thi thạc sĩ được, vả chăng công việc quá mức đã gây tổn hại nặng tới sức khỏe của ông. Sự thực là ông không nguôi khuây được vì đã mất lòng tin.

Ông vẫn giữ những thói quen lạ lùng, ví như có lúc ông đã chất vắn cây thập giá treo trên tường trong phòng ông. Đôi khi ông thẫn thức dưới chân cây thập giá, tay ôm lấy đầu, có khi ông đi đến chỗ thách thức, giơ nắm tay hăm dọa nó.

Cách đây vài ngày, có thể là tôi nghe những chuyện tâm sự này bình tĩnh hơn. Nhưng lúc này tôi không còn khả năng chịu đựng chúng nữa cứ như thể là một dòng chì nóng chảy đổ trên một vết thương dữ dội. Hẳn là, tôi chưa từng đau đớn chừng nầy và có lẽ chẳng bao giờ tôi sẽ đau đớn hơn thế, dù là đau để chết. Tất cả những gì tôi có khả năng làm được là hạ mắt nhìn xuống. Nếu tôi ngược mắt nhìn lên cha xứ Torcy nghĩ mình sẽ hét lên. Khốn thay, trong những thế, người ta thường làm chủ lời nói kém hơn là mắt nhìn.

– Nếu quả thực ông ấy tự sát, cha có cho rằng...

Cha xứ Torcy giật nảy mình như thể là câu hỏi của tôi đột ngột kéo ông ra khỏi một giấc mơ (đúng ra là đã từ năm phút ông nói có một chút gì như là trong mơ). Tôi cảm thấy ông ngăm quan sát tôi, và chắc ông đoán được nhiều chuyện.

– Nếu là một người khác không phải anh đặt cho tôi câu hỏi tương tự!

Rồi ông im lặng hồi lâu. Sân ga nhỏ bé vẫn vắng vẻ như thế, trong sáng như thế, và theo khoảng cách đều đều, trong vòng bay đơn điệu của chúng, những con chim lớn dường như từ trên trời cao lao xuống chúng tôi. Tôi máy móc chờ chúng quay lại, chờ tiếng rít cánh bay đó tựa như tiếng rít của một lưới hái lớn.

– Chỉ có Chúa là người phân xử, ông đáp giọng bình tĩnh. Và Maxence (đó là lần đầu tôi nghe ông gọi người bạn già của ông như vậy) là một con người công minh. Chúa xét xử những người công minh. Không phải những kẻ ngu ngốc hoặc những bọn đơn thuần vô lại gây cho tôi nhiều nỗi bận tâm, anh ạ! Các vị Thánh dùng để làm gì? Các vị chịu tội, chuộc tội cho việc ấy, các vị ấy cứng rắn. Còn như...

Hai bàn tay ông đặt lên đầu gối và đôi vai rộng trải ra một cái bóng lớn trước mặt ông.

– Chúng ta đang chiến tranh, anh muốn gì nào? Phải nhìn thẳng vào mặt kẻ thù, đương đầu, như ông ta nói, anh có nhớ không? Đó là khẩu hiệu của ông ta. Đang lúc chiến tranh, nếu một gã thuộc phòng tuyến thứ ba hay thứ tư, nếu một người dốt la phục vụ ở các trạm trú quân mà lười, điều đó chẳng mấy quan trọng, có phải không? Và nếu là một dân thường lẩn cẩn chỉ đọc báo hàng ngày mà lười trốn, anh bảo việc ấy liên quan gì đến vị tổng tư lệnh chứ? Nhưng có những người thuộc tiền tuyến. Ở tiền tuyến, một bộ ngực là một bộ ngực. Thiếu mất một bộ ngực, đó là điều đáng kể. Có những vị Thánh. Tôi gọi Thánh là những vị được nhận lãnh nhiều hơn những người khác. Những người giàu. Trong thâm tâm bao giờ tôi cũng nghĩ rằng sự nghiên cứu những xã hội loài người, nếu ta biết theo

tinh thần siêu tự nhiên, sẽ cho chúng ta chìa khóa của khá nhiều điều huyền bí. Chung quy, con người là theo hình ảnh của Chúa và giống với Chúa: khi họ thử thiết lập một trật tự vừa với tâm của họ, họ phải vụng về bất chước cái trật tự kia, trật tự thật. Sự phân chia kẻ giàu người nghèo, chắc là phải đáp ứng một quy luật phổ quát lớn nào đó. Một người giàu, theo ý của giáo hội, là người bảo trợ kẻ nghèo, là anh cả của họ, chứ sao! Xin chú ý rằng anh ta thường là như vậy mặc dù không muốn, do sự vận động đơn giản của những lực lượng kinh tế như mọi người thường nói. Một nhà tỷ phú phá sản, và thế là hàng nghìn con người ra vĩa hè. Lúc ấy, người ta có thể tưởng tượng cái gì diễn ra trong thế giới vô hình khi một trong số nhà giàu ấy bị vấp ngã như tôi nói, người quản lý các ân phước của Chúa. Sự an toàn của người tâm thường là điều vô nghĩa lý. Nhưng sự an toàn của các Thánh, là chuyện rùm beng biết mấy! Chỉ có điên mới không hiểu rằng sự bào chữa duy nhất cho tình trạng bất bình đẳng của các thân phận siêu nhiên là sự nguy hiểm. Sự nguy hiểm của chúng ta. Của anh. Của tôi.

Trong khi ông nói như thế, người ông vẫn thẳng, bất động. Ai nhìn thấy ông ngồi trên chiếc ghế dài vào cái buổi chiều lạnh dãi nắng mùa đông này cũng tưởng ông là một cha xứ trung hậu đang bàn bạc về hàng nghìn chuyện tầm phào của xứ đạo ông và hơi huênh hoang tí chút, bên người đồng nghiệp trẻ lể độ, chăm chú.

– Hãy nhớ những gì tôi sắp nói với anh: Có lẽ mọi tai họa đều bắt nguồn từ chỗ ông ghét cái tâm thường. “Anh ghét những cái tâm thường,” tôi nói với ông. Ông không hề chối cãi điều ấy, vì đó là một người công minh, tôi nhắc lại điều đó. Người ta phải coi chừng, anh

thấy không. Cái tầm thường là bấy của quý. Sự tầm thường quá rắc rối với chúng ta, đó là việc của Chúa. Trong khi chờ đợi, cái tầm thường phải tìm được nơi ẩn náu dưới bóng của chúng ta, dưới sự che chở của chúng ta. Một nơi ẩn náu ấm áp, chúng cần hơi ấm, những gã tội nghiệp! “Nếu anh thực sự tìm kiếm Thiên chúa, anh sẽ tìm thấy Người,” tôi nói thêm với ông. Ông đáp lời tôi: “Tôi đi tìm Chúa ở nơi mà tôi có cơ may nhất tìm thấy Người, giữa những người nghèo của Người.” Hấp! Chỉ có điều những người nghèo của Người, chính là hết thảy những mẫu người cùng loại với ông ấy, tóm lại, những người phản kháng, những lãnh chúa. Một hôm tôi đặt câu hỏi cho ông: “Thế ngộ nhỡ chúa Kitô lại đang chờ anh dưới bộ dạng bề ngoài của một trong số những gã mà anh khinh bỉ, vì ngoại trừ tội lỗi, Người căng đáng và thánh hóa mọi nỗi khốn khó chúng ta? Thí dụ kẻ hèn nhát này chỉ là một kẻ đáng thương bị đè bẹp dưới guồng máy xã hội như một con chuột mắc kẹt dưới cây xà, kẻ keo kiệt kia chỉ là một người hay lo, tin chắc là mình bắt lực mà bị dày vò về nỗi sợ ‘thiếu thốn’. Kẻ nọ có vẻ tàn nhẫn, chính hẳn mắc loại bệnh sợ người nghèo, có chuyện ấy đấy – nỗi khiếp sợ cũng không giải thích được như nỗi sợ mà những con nhện, những con chuột nhắt gây cho những kẻ thần kinh dễ bị kích thích. Anh có tìm kiếm Chúa trong những loại người đó không? tôi hỏi ông. Và nếu như ông không tìm Người ở đó, thì ông phàn nàn về nỗi gì? Chính ông đã để lỡ mất Người... Quả thực, có lẽ ông ấy đã lỡ mất Người.

Người ta đã trở lại vào đêm hôm đó (vào lúc chập tối thì đúng hơn) trong vườn nhà cha xứ. Tôi cho rằng người ta định kéo chuông

lúc đột nhiên tôi mở cửa mái ngay trên cửa sổ. Tiếng bước chân ra xa rất nhanh. Có lẽ một em bé?

Bá tước vừa rời khỏi đây. Lý do: mưa. Mỗi bước, nước tóe ra từ những chiếc ủng dài của ông. Ba hay bốn con thỏ bị giết làm thành một đồng bùn lẫn máu và lông xám ở đáy túi săn, nhìn phát gớm. Ông ta treo cái dây hai túi lên tường, và trong khi ông nói với tôi, tôi nhìn thấy qua lưới dây, giữa những bộ lông tua tủa, một con mắt hầy còn ướt, rất hiền, nhìn tôi chòng chọc.

Ông xin lỗi đề cập ngay đề tài của mình, không quanh co, với tính thẳng thắn quân nhân. Cả làng coi Sulpice là có phẩm hạnh và những thói quen đáng ghét. Ở trung đoàn, anh ta “suýt nữa là ra trước hội đồng chiến tranh”, theo từ ngữ của Bá tước. Một kẻ phóng đảng, một tên xảo trá, án quyết là như thế.

Như thường lệ, đó là những tin đồn lan truyền, những sự kiện mà người ta dẫn giải, chẳng có gì chính xác hết. Ví dụ như chắc chắn Sulpice đã hầu hạ nhiều tháng trời tại nhà một cựu pháp quan thuộc địa hồi hưu, tiếng tăm đáng ngờ. Tôi trả lời rằng người ta không chọn được chủ của mình. Bá tước nhún vai nhìn lướt tôi từ trên xuống dưới, mang ý nghĩa rõ ràng là: “Hắn có phải là một thằng ngốc không, hay là hắn giả vờ ngốc?”

Tôi thừa nhận là thái độ của tôi có cái gì đó khiến ông ngạc nhiên. Tôi cho rằng ông chờ sự phản kháng. Tôi vẫn bình tĩnh, tôi không dám nói là dừng dưng. Điều tôi chịu đựng như thế là đủ. Vả chăng tôi nghe những lời lẽ của ông với ấn tượng lạ lùng rằng những lời đó nói với một người khác tôi – cái con người mà tôi đã là như thế, mà nay tôi không còn như thế nữa. Những lời lẽ đó đến quá muộn. Bá

tước cũng đến quá muộn. Sự ân cần của ông lần này tôi thấy rất giả tạo, hơi tầm thường nữa. Tôi cũng không thích lắm cái nhìn láo liên khắp nơi của ông, nó nhảy từ xó này sang xó khác trong gian nhà nhanh thoăn thoắt và quay lại nhìn chòng chọc vào mắt tôi.

Tôi mới dùng bữa tối, hũ vang còn trên bàn. Ông rót đầy một cốc, không khách sáo, và nói với tôi: “Cha uống vang bị chua rồi, thừa cha xức, độc đấy. Cần giữ cho cái hũ thật sạch, đúng nó vào nước sôi.”

Mittonnet chiều nay tới như thường lệ. Anh ta hơi đau mạn sườn, kêu ngạt thở và ho nhiều. Đang lúc nói với anh ta, bỗng tôi cảm thấy chán ngấy, một thứ lạnh nhạt, tôi để anh ta làm công việc của mình (anh ta thay thế rất khéo léo vài tấm ván sàn mục), tôi đi bách bộ ngoài đường. Khi trở về, dĩ nhiên tôi còn chưa quyết định điều gì. Tôi mở cửa phòng. Lúí húi bào sàn nhà, anh ta không thể nhìn thấy cũng không nghe thấy tôi. Ấy thế mà đột nhiên anh ta quay lại, ánh mắt của chúng tôi gặp nhau. Tôi nhận ra trong cái nhìn của anh ta sự ngạc nhiên, rồi sự chú tâm, rồi đến lời nói dối. Không phải điều nói dối này hay điều nói dối nọ, mà là ý định dối trá. Nó như thể làn nước đục, một chất bùn. Và cuối cùng – tôi vẫn nhìn anh ta chòng chọc, sự việc chỉ trong khoảnh khắc, có lẽ vài giây, tôi không nhớ – màu sắc thực sự của cái nhìn lại xuất hiện, dưới lớp cặn ấy, điều này không thể miêu tả được. Miệng anh ta bắt đầu run lên. Anh ta xếp dụng cụ, cuộn lại cẩn thận trong một mảnh vải, và bước ra ngoài không nói lời nào.

Đáng lẽ tôi phải giữ anh ta lại, gạn hỏi. Tôi không làm được. Tôi không thể rời mắt khỏi cái bóng đáng thảm hại của anh ta trên

đường. Vả lại cái bóng dáng ấy dần dần vươn thẳng dậy và thậm chí khi đi qua gần nhà Degas, anh ta lật chiếc mũ lưỡi trai với một cử chỉ rất ngang nhiên. Đi xa thêm hai chục bước, chắc anh ta phải huýt sáo một bài hát yêu thích, thuộc điệu tình khúc nhằm tai kinh khủng mà anh ta chép cẩn thận lời ca trong một quyển sổ nhỏ.

Tôi trở vào phòng mình, mệt lử – một sự mệt mỏi khác thường. Tôi không hiểu gì về những chuyện đã xảy ra. Dưới vẻ bề ngoài hơi rụt rè, Sulpice khá trơ tráo thì phải. Hơn nữa, anh ta biết mình ăn nói giỏi, anh ta lợi dụng điều đó. Anh ta đã bỏ lỡ cơ hội tự bào chữa – theo anh ta thì việc ấy dễ lắm! bởi chắc chắn anh ta ít coi trọng sự từng trải và năng lực phán xét của tôi – điều này khiến tôi rất ngạc nhiên. Vả lại, làm sao anh ta có thể đoán ra nhỉ? Tôi cho là mình đã không nói một lời nào, và tôi nhìn anh ta chắc chắn là không khinh bỉ, không tức giận... Anh ta có quay lại hay không?

Tôi vừa nằm dài trên giường để thử nghỉ ngơi một chút, thì có cái gì đó dường như vỡ ra trong tôi, trong lồng ngực tôi, và tôi bị một cơn run rẩy hầy còn kéo dài cho đến lúc tôi viết.

Không, tôi không mất lòng tin! Vả chăng từ ngữ “mất lòng tin” này như là người ta mất túi tiền hay mất chùm chìa khóa, bao giờ tôi cũng thấy là hơi ngớ ngẩn. Nó phải thuộc về từ vựng của lòng kính tín tư sản và do những vị linh mục đáng buồn thế kỷ XVIII đến là ba hoa truyền lại.

Người ta không mất lòng tin, lòng tin ngừng thông báo cho đời, có thể thôi. Và vì vậy những cha đạo già nua đã không nhằm khi tỏ ra hoài nghi về những cuộc khủng hoảng tinh thần, chắc hẳn hiếm khi

xảy ra hơn là người ta nói. Khi một con người có học thức đi dần dần, một cách khó nhận biết, đến chỗ dồn nén tín ngưỡng của mình vào một xó xỉnh nào đó trong trí óc, tại đó họ lại tìm thấy niềm tín ngưỡng ấy nhờ một nỗ lực suy tư, hồi tưởng, liệu họ có còn tình thương mến đối với cái không còn là, lẽ ra có thể là, người ta không gọi một dấu hiệu trừu tượng là lòng tin được, nó không giống với lòng tin nữa, để lặp lại một sự so sánh nổi tiếng, như chòm sao Thiên nga không giống với một con thiên nga nữa.

Tôi không mất lòng tin. Sự tàn ác của điều thử thách, tính chất đột ngột như sét đánh, không thể giải thích nổi, rất có thể làm đảo lộn trí óc, thần kinh của tôi, đột nhiên làm cạn kiệt tinh thần cầu nguyện trong tôi - mãi mãi, ai mà biết được ? - làm cho tôi đầy ứ một nỗi nhẫn nhục tối tăm, đáng khiếp sợ hơn cả những cơn bột phát của nỗi thất vọng, những sự tiêu trầm lớn lao của nó, lòng tin của tôi vẫn nguyên vẹn, tôi cảm thấy điều đó. Nó ở đâu, tôi không thể với tới được. Tôi không tìm lại được nó trong đầu óc thâm hại của tôi, cái đầu óc không thể kết hợp đúng đắn hai ý tưởng, chỉ hoạt động trên những hình ảnh gằn như hoang tưởng, cũng không tìm lại được nó trong cảm tính, trong ý thức của tôi. Đôi khi tôi có cảm tưởng rằng nó đã rút về, rằng nó còn nguyên ở chỗ mà chắc tôi không tìm nó tại đó, trong xác thịt tôi, xác thịt khốn khổ của tôi, trong máu và thịt của tôi, xác thịt phải diệt vong, nhưng được rửa tội của tôi. Tôi muốn diễn tả ý mình một cách giản dị nhất, hồn nhiên nhất có thể được. Tôi không mất lòng tin, vì rằng Chúa đã hạ cố giữ cho tôi khỏi điều ô trọc.Ồ! tất nhiên, một sự đối chiếu như thế khiến những nhà triết học mỉm cười! Và rõ ràng là những sự phóng đại lớn nhất

không làm lầm lạc một người có lý trí tới mức khiến anh ta không tin vào tính chính đáng của một số tiên đề hình học chẳng hạn. Nhưng, một ngoại lệ: chứng điên. Chung quy người ta biết gì về chứng điên? Người ta biết gì về sự dâm dăng? Người ta biết gì về những quan hệ thâm kín giữa chúng? Sự dâm dăng là một vết thương bí hiểm ở mạn sườn giống loài. Nói gì, ở mạn sườn nó ư? Ở ngay nguồn gốc của đời sống. Lẫn lộn sự dâm dăng riêng của con người và sự ham muốn nó khiến nam nữ xích gần nhau cũng như gọi khối u và cơ quan mà khối u đó phá hủy bằng cùng một tên mà có lúc sự dị hình của khối u mô phỏng dáng dấp của cơ quan một cách kinh khủng. Thiên hạ rất là vất vả, nhờ mọi uy tín của nghệ thuật trợ giúp để giấu giếm cái vết thương xấu hổ này. Cứ như thế họ sợ, đối với mỗi thế hệ mới, một cuộc nổi dậy của phẩm cách, của sự tuyệt vọng - sự chối bỏ của những sinh thể còn trong sáng, trinh bạch. Với sự ân cần thật lạ lùng, người ta chăm chú theo dõi những đứa trẻ, dùng những hình tượng hấp dẫn mê say, để giảm nhẹ trước nỗi nhục nhã của trải nghiệm đầu tiên, hầu như dĩ nhiên là chẳng ra gì hết! Và khi sự trang nghiêm non trẻ của con người cất lên tiếng than nửa có ý thức, sự trang nghiêm bị lũ quỷ nhạo báng, lăng nhục, sao mà họ giỏi bóp nghẹt nó dưới những tiếng cười chế nhạo! Liều lượng của tình cảm và của lý trí, của lòng xót thương, của tình âu yếm, của sự mỉa mai sao mà khéo thế, sự cảnh giác đồng lõa xung quanh tuổi mới lớn sao mà chu đáo thế! Những con én già bên cạnh chú chim non lần đầu cất cánh, cũng chẳng tất bật hơn đâu. Và nếu sự ghê tởm quá mạnh, nếu con người bé bỏng quý báu còn được các thiên thần thức trông nom mà buồn nôn, hãy thử nôn ra, người ta chìa cho em chiếc chậu bằng vàng chạm trổ bởi những nghệ sĩ, dát nạm

bởi các nhà thơ, bằng bàn tay ân cần biết mấy, trong khi dàn nhạc khẽ đệm theo bằng tiếng rì rào mênh mông của cành lá và nước chảy, những tiếng nấc của nó!

Nhưng thế gian chẳng mất nhiều công như thế vì tôi... Một đứa nghèo, mười hai tuổi đầu, hiểu được nhiều điều. Và liệu hiểu có thể giúp gì cho tôi? Tôi đã nhìn thấy. Sự dâm dăng không hiểu được, nó nhìn thấy được. Tôi đã nhìn thấy những bộ mặt dữ tợn ấy, bỗng dừng sững lại trong một nụ cười khó tả. Chúa tôi! Có sao người ta không hay nhận thấy rằng bộ mặt của hoan lạc, tước đi mọi sự giả dối chính là bộ mặt của lo âu?Ồ! những bộ mặt hau háu còn xuất hiện với tôi trong giấc mơ – có thể một trong mười đêm – những bộ mặt đau xót! Ngồi sau quầy hàng của quán rượu bình dân, ngồi xổm – vì tôi thường xuyên chuồn khỏi chái nhà tối om nơi mà cô tôi tưởng tôi bận học bài – bọn họ hiện lên phía trên tôi và ánh mờ của chiếc đèn tòi, treo bằng một sợi dây đồng, luôn bị mấy gã say đu đưa, làm cho bóng bọn họ nhảy nhót trên trần nhà. Dù rất non nớt như tôi, tôi phân biệt rất rõ giữa cái say này với cái say kia, tôi muốn nói là cái say kia, duy nhất, thực sự khiến tôi phát sợ. Chỉ cần xuất hiện cô hầu trẻ – một người con gái què khốn khổ, màu da xám như tro – cũng đủ để những cái nhìn ngây dại đột nhiên sững lại chòng chọc thống thiết đến nỗi giờ đây tôi hãy còn không thể nghĩ về chuyện ấy, một cách bình tĩnh...Ồ! chắc chắn người ta sẽ nói đó là những ấn tượng trẻ con, rằng sự chính xác lạ thường của những ký ức như thế, nỗi khiếp sợ mà chúng gợi lên cho tôi sau nhiều năm khiến chúng thật đáng ngờ...Được! những người thuộc giới xã giao lịch thiệp cứ đến mà xem! Tôi không tin rằng người ta có thể biết

được điều gì ở những bộ mặt quá nhạy cảm, quá thất thường, khéo giả vờ và nấu mình để hưởng thụ, như những con vật nấu mình để chết. Hàng nghìn con người sống cuộc đời của họ trong sự phóng đãng và kéo dài đến ngưỡng cửa tuổi già – đôi khi còn xa hơn thế – những sự tò mò không bao giờ thỏa mãn của tuổi thiếu niên, hẳn là tôi không phủ nhận điều ấy. Biết được gì ở những con người phù phiếm đó? Họ là đồ chơi của quỷ, có thể, họ không phải là con mồi thực sự của quỷ. Dường như Chúa, tôi không biết là với ý đồ bí ẩn nào, đã không muốn cho phép họ thực sự đem linh hồn nhập cuộc. Là nạn nhân có thể của những mầm di truyền thảm hại mà họ chỉ biểu thị một bức biếm họa vô hại, là những trẻ chậm phát triển, những đứa bé như nhuốc, ô uế nhưng không hư hỏng, Thượng đế cho phép chúng hưởng một số miễn dịch của tuổi thơ... Và rồi sao? Kết luận thế nào? Vì rằng có những kẻ cuồng vô hại, người ta có phải phủ nhận sự tồn tại những tên điên nguy hiểm hay không? Nhà đạo đức học định nghĩa, nhà tâm lý học phân tích và xếp loại, thi nhân tạo nhạc điệu, họa sĩ chơi với màu sắc của họ như con mèo vờn đuôi mình, tên hề cười rộ, có hề chi! Tôi nhắc lại rằng người ta không hiểu cả sự điên rồ lẫn sự dâm đãng và xã hội tự vệ chống lại cả hai, mà không thú nhận rõ lắm, với cùng nỗi sợ hãi vờ vĩnh, cùng sự hồ thẹn ngấm ngấm và hầu như bằng cùng những phương tiện... Nếu như điên rồ và dâm đãng chỉ là một?

Một nhà triết học thoải mái trong thư viện của ông ta, dĩ nhiên sẽ có về vấn đề đó, một quan điểm khác với quan điểm của một linh mục và nhất là của một linh mục vùng quê. Tôi tin rằng ít có những linh mục không cảm thấy lâu dần, tính đơn điệu nặng nề của những

lời thú tội ấy, cảm thấy một thứ choáng váng. Vì những gì họ nghe thấy ít hơn là vì những điều họ đoán ra qua số ít từ, bao giờ cũng như nhau, mà tính ngớ ngẩn làm người ta tức phát ghen khi đọc, nhưng khi được thì thảo trong thinh lặng và bóng tối, thì chúng lúc nhúc như sâu bọ cùng với mùi của nấm mồ. Và ám ảnh ta lúc ấy là hình ảnh của cái vết thương luôn mở miệng, từ đó chảy ra cái chất của giống loài khốn khổ chúng ta. Bộ óc con người có khả năng cố gắng đến đâu nếu loài ruồi bị nhiễm độc không để ấu trùng của nó vào đó!

Người ta lên án chúng tôi, người ta sẽ lên án chúng tôi mãi mãi, những linh mục chúng tôi – thật dễ dàng biết mấy! – là đã nuôi dưỡng trong đáy lòng chúng tôi một mối hận thù đố kỵ, giả đạo đức, đối với sự cường tráng nam tính: tuy nhiên người nào có vài trải nghiệm tội lỗi không thể không biết rằng sự dâm dăng không ngừng đe dọa dập tắt sự cường tráng nam tính cũng như trí thông minh, dưới những loại nấm ký sinh, những hiện tượng phân bào góp ghiếc của nó. Không có khả năng sáng tạo, nó chỉ có thể làm ô uế triển vọng nhân tính mỏng manh từ lúc còn mầm mống; từ khởi thủy, có lẽ nó là căn nguyên của tất cả các tật của giống nòi chúng ta, và ngay khi mà ở bước ngoặt của rừng hoang rộng lớn nơi chúng ta không am tường ngõ ngách, người ta bắt gặp nó mặt đối mặt, đúng như nó tồn tại, đúng như nó được tạo ra từ tay Chủ tể của những phép lạ, tiếng kêu thốt ra từ gan ruột, không phải chỉ là sự kinh hãi mà là lời nguyện rửa: “Chính mi, chỉ có mi đã thả tung cái chết ra trong thế gian!”

Sai lầm của nhiều linh mục sốt sắng hơn là khôn ngoan, ở chỗ đã cho rằng có tà ý: “Anh không tin nữa vì tín ngưỡng gò bó anh.” Tôi đã nghe thấy bao linh mục nói như thế! Phải chăng đúng hơn phải nói là: Sự trong trắng không phải được quy định cho chúng ta như sự trừng phạt, nó là một trong những điều kiện bí ẩn nhưng hiển nhiên – kinh nghiệm chứng thực nó – của nhận thức siêu tự nhiên về bản thân mình, về bản thân mình trong Chúa, tên nó là lòng tin. Sự ô trọc không phá hủy nhận thức ấy, nó tiêu diệt nhu cầu nhận thức. Người ta không tin nữa, vì người ta không thích tin nữa. Anh không thích biết về anh nữa. Sự thật sâu xa đó, sự thật của anh, không làm anh quan tâm nữa. Và anh có nói mãi là những giáo điều hôm qua giành được sự tán thành của anh bao giờ cũng hiện diện trong tư duy anh, chỉ có lý trí xua đuổi chúng, có hề chi! Người ta chỉ thực sự sở hữu cái gì người ta thích, vì với con người không có sự chiếm hữu toàn bộ, tuyệt đối. Anh không còn ham muốn bản thân mình nữa. Anh không ham muốn niềm vui của mình nữa. Anh chỉ có thể yêu mình nơi Chúa, anh không yêu anh nữa. Và anh sẽ không bao giờ còn yêu mình nữa, ở cõi đời này, cũng như ở cõi đời kia – vĩnh viễn.

(Người ta có thể đọc ở cuối trang này, ngoài lề, những dòng sau đây, nhiều lần gạch xóa nhưng còn đọc được: Tôi viết điều này trong một mối lo âu lớn lao trọn vẹn của tâm tình và thể xác. Sự xáo động của tư tưởng, hình ảnh, lời nói. Linh hồn nín lặng. Chúa nín lặng. Thinh lặng).

Ấn tượng rằng điều đó còn chưa là cái gì hết, rằng sự cảm dỗ thực sự – điều tôi chờ đợi – ở xa phía sau, rằng nó dâng lên về phía tôi, chậm rãi, báo trước bởi lời gào thét điên loạn. Và linh hồn khốn khổ của tôi cũng chờ nó. Linh hồn nín lặng. Sự mê hoặc của xác thịt và linh hồn.

(Sự thô bạo, tính chất bàng hoàng sét đánh của nỗi bất hạnh trong tôi. Tinh thần cầu nguyện rời bỏ tôi không đau xé, tự bản thân nó, như một trái cây rụng xuống...)

Nỗi kinh hoàng chỉ đến sau đó. Tôi hiểu rằng bình đã vỡ khi ngắm nhìn hai bàn tay không của mình.

Tôi biết rõ rằng một sự thử thách như thế không mới lạ. Giá thử một thầy thuốc chắc sẽ nói với tôi rằng tôi chỉ suy nhược thần kinh mà thôi, rằng có tham vọng tự nuôi dưỡng được bằng một chút bánh và rượu vang thì thật nực cười. Nhưng trước hết tôi không cảm thấy suy kiệt, còn lâu mới kiệt. Tôi thấy khỏe hơn. Hôm qua tôi gần như ăn một bữa: khoai tây này, bơ này. Hơn nữa, tôi hoàn thành công việc của mình một cách dễ dàng. Chúa biết có lúc tôi ao ước duy trì một cuộc chiến đấu chống lại bản thân mình! Tôi nghĩ rằng mình sẽ lấy lại được can đảm. Đôi khi cơn đau dạ dày của tôi lại trỗi dậy. Nhưng lúc đó nó đến bất thần, tôi không phải thấp thỏm từng giây chờ nó đến như ngày xưa nữa...

Tôi cũng biết rằng người ta thuật lại nhiều sự việc, đúng hoặc sai, về những nỗi đau khổ bên trong của các vị Thánh. Sự giống nhau chỉ là bề ngoài, than ôi! Các vị Thánh không phải tập quen với nỗi bất hạnh của họ, và tôi cảm thấy mình đã tập quen với nỗi bất hạnh

của mình. Nếu tôi không cưỡng được niềm căm dỗ than phiền với bất cứ ai, thì mối liên hệ cuối cùng giữa Chúa và tôi sẽ tan vỡ, tôi có cảm tưởng rằng mình sẽ bước vào sự im lặng vĩnh viễn.

Ấy thế mà hôm qua tôi đã đi được một chặng dài, trên đường Torcy. Nỗi cô đơn của tôi giờ đây hết sức sâu xa, thực sự vô tình đến mức bỗng dưng tôi nảy ra ý định đến đọc kinh tại mộ ông bác sĩ già Delbende. Rồi tôi nghĩ tới kẻ được ông bảo trợ, tới cái ông Rebattut mà tôi không quen. Vào lúc cuối cùng, tôi không đủ sức hoàn thành.

Tiểu thư Chantal đến thăm. Tối nay tôi không tin rằng mình có thể thuật lại bất cứ gì về một cuộc nói chuyện như vậy đến là đáng kinh ngạc... Khổ thân tôi! Tôi không hiểu chút nào về con người. Tôi sẽ không bao giờ biết chút gì về họ. Những lỗi mà tôi mắc phải chẳng giúp gì cho tôi: chúng làm tôi bối rối quá nhiều. Nhất định là tôi thuộc về nơi những kẻ yếu, những kẻ khốn khổ mà ý định vẫn tốt, nhưng suốt đời họ dao động giữa sự mù mờ không biết và nỗi tuyệt vọng.

Sáng nay tôi chạy tới Torcy, sau buổi lễ nhà thờ. Cha xứ Torcy bị ốm tại nhà cô cháu gái ông, ở Lille. Và sẽ phải ít nhất là tám hoặc mười ngày nữa ông mới trở về. Từ đây đến đó...

Hình như với tôi viết là vô ích. Tôi không thể thổ lộ một điều bí mật trên giấy, tôi không có khả năng, và lại có lẽ tôi không có quyền như thế.

Mỗi thất vọng mạnh đến mức khi biết tin ra đi của cha xứ, tôi phải dựa vào tường cho khỏi ngã. Bà quản gia quan sát tôi bằng cái nhìn tò mò hơn là ái ngại, cái nhìn mà tôi đã chợt thấy hơn một lần từ

cách đây vài tuần, và ở những người rất khác nhau – cái nhìn của Bá tước phu nhân, cái nhìn của Sulpice, và của những người khác nữa... Cứ như thế tôi làm người ta hơi sợ.

Chị thợ giặt Martial phơi đồ giặt trong sân, và vì tôi còn nán lại thờ trước khi lại khởi hành, tôi nghe rất rõ hai người đàn bà nói về tôi. Một trong hai người nói to hơn, với một giọng điệu khiến tôi đỏ cả mặt: “Chàng trai tội nghiệp!”... Họ biết gì nào?

Một ngày kinh khủng đối với tôi. Và cái tệ nhất là tôi cảm thấy không có khả năng có bất cứ sự đánh giá phải chăng nào, ôn hòa nào về những sự việc mà có lẽ tôi không nắm bắt được ý nghĩa chân thực. Ô! tôi đã biết những khoảnh khắc rối loạn, cô đơn tuyệt vọng. Nhưng lúc đó, tuy tôi không hay biết, tôi vẫn gìn giữ sự an bình nội tại nơi những sự kiện và những con người được phản chiếu như trong một tấm gương, một làn nước trong vắt nó hắt lại cho tôi hình ảnh chúng. Giờ đây dòng suối bị vẩn đục.

Chuyện lạ thường, xấu xa chẳng? Trong khi đó chắc chắn là do lỗi của tôi, tôi thấy sự cứu giúp của cầu nguyện với tôi thật là ít ỏi, tôi chỉ tìm lại được một chút can đảm tại cái bàn này, trước những tờ giấy trắng.

Ồ! tôi rất muốn điều ấy chỉ là một giấc mộng, một giấc mộng xấu!

.....

Vì đám ma bà Ferrand, tôi phải đọc kinh lúc sáu giờ sáng nay. Lễ sinh không đến, tôi tưởng có mình tôi trong nhà thờ. Vào giờ này, vào mùa này, tầm nhìn hầu như không xa quá các bậc điện thờ bao nhiêu, còn lại là bóng tối. Bỗng dưng rõ ràng tôi nghe thấy tiếng động nhỏ của một chuỗi tràng hạt lướt dọc theo chiếc ghế dài gỗ sồi,

trên các tấm đá lát. Rồi không thấy gì nữa. Đến lúc chúc phước, tôi không dám ngược mắt lên.

Tiểu thư đợi tôi ở ngoài cửa kho đồ thờ. Tôi biết vậy. Khuôn mặt mảnh dẻ của cô còn bị dằn vặt hơn ngày hôm kia, và cái nếp nhăn ở khóe miệng, ngạo mạn đến thế, khắc nghiệt đến thế. Tôi nói với tiểu thư: “Con biết rõ là ta không thể tiếp con ở đây, con đi đi!” Cái nhìn của cô làm tôi sợ, tuy tôi vẫn nghĩ rằng mình chẳng hèn nhát. Chúa ơi! giọng nói của cô ta thù hận biết bao! Và cái nhìn ấy vẫn kiêu hãnh, không hổ thẹn. Vậy người ta có thể căm thù mà không hổ thẹn chẳng?

– Thưa tiểu thư, tôi nói, tôi đã hứa làm là tôi sẽ làm. – “Hôm nay?”
– “Ngay hôm nay.” – “Thưa ông bởi vì ngày mai, sẽ là quá muộn.” Cô ta biết rằng tôi đã đến nhà cha xứ, cô ta biết hết. Quỷ quyết như một con thú! Ngày xưa tôi đâu có ngờ: người ta quen với cặp mắt cô ta, cứ tưởng là hiền. Giờ đây tôi muốn moi chúng ra, cặp mắt cô ta, vâng, tôi xéo chúng xuống chân, như thế này! – “Nói như vậy, cách Thánh Thể có hai bước, cô không sợ Chúa chút nào ư!” – “Tôi sẽ giết con ấy, tiểu thư nói với tôi. Tôi sẽ giết nó hay là tôi tự sát. Cha đi mà giải thích điều đó, một ngày nào đó, với Chúa nhân từ của cha!”

Tiểu thư tuôn ra những điều điên rồ đó mà không hề cao giọng, ngược lại. Đôi khi tôi nghe chỉ hơi rõ một chút. Tôi nhìn tiểu thư cũng không rõ, ít nhất thì cũng không nhận rõ dung mạo cô. Một bàn tay vịn vào tường, tay kia để tấm choàng lông thú thông xuống bên hông, tiểu thư nghiêng mình về phía tôi, bóng cô ngã rất dài trên cốc tấm đá lát, thành hình cánh cung. Lạy Chúa, những người nghĩ rằng việc xưng tội khiến chúng tôi gần gũi một cách nguy hiểm với những

người đàn bà là họ làm to! Những người đàn bà dối trá hoặc bị ám ảnh khiến chúng tôi thương hại thì đúng hơn, sự nhún nhường tự hạ của những người khác, những người chân thành, lại dễ lây. Chỉ vào lúc ấy tôi mới hiểu sự chế ngự thâm kín của giới này lên lịch sử, loại tính chất định mệnh của giới đó. Một người đàn ông cuồng nộ có vẻ một người điên. Và những người con gái dân dã tội nghiệp mà tôi biết trong thời thơ ấu của mình, với những động tác khua chân múa tay, tiếng la hét, cách khoa trương lỗ lã, họ khiến tôi nực cười. Tôi chẳng biết gì về cơn khích nộ lạng lẽ hầu như không cưỡng nổi, về mối hăm dọa lớn lao của toàn bộ con người phụ nữ lao vào cái ác, vào con mồi – sự tự do ấy, tính chất tự nhiên trong cái ác, lòng căm hận, nổi hổ thẹn... Điều đó hầu như đẹp, một vẻ đẹp không phải của thế giới này – cũng không của thế giới kia – của một thế giới xưa cũ hơn, có thể trước cả tội lỗi chăng? – trước tội lỗi của các Thiên thần.

Tôi đã cố sức gạt đi từ hồi đó tư tưởng ấy. Nó phi lý, nguy hiểm. Trước hết, tôi thấy nó không đẹp, vả lại tôi chỉ mới tự tỏ bày với mình tư tưởng đó một cách không đầy đủ. Mặt tiểu thư Chantal rất gần mặt tôi. Rạng đông dâng lên chậm chạp qua cửa kính cầu bản của kho đồ lễ, một bình minh mùa đông, buồn đáng sợ. Tất nhiên, sự im lặng giữa hai chúng tôi chỉ trong khoảnh khắc, thời gian một bài kinh *Xin Đức Bà cứu vớt* (và quả thực, những lời *Kinh Xin Đức Bà cứu vớt* đẹp đến thế, trong sáng đến thế, đã xuất hiện thực sự trên môi mình mà tôi không biết).

Hắn là tiểu thư nhận ra tôi cầu nguyện. Cô dậm chân tức giận. Tôi nắm lấy tay cô, một bàn tay quá mềm mại, chỉ hơi cứng lại trong tay tôi. Chắc là tôi xiết mạnh hơn tôi tưởng. Tôi nói với cô: “Trước

hết con hãy quỳ xuống!” Cô hơi gập đầu gối trước bàn Thánh. Cô chống hai tay lên bàn và nhìn tôi, với vẻ ngạo mạn và tuyệt vọng không thể tưởng tượng được. “Con hãy nói: Lạy Chúa, trong lúc này con cảm thấy con chỉ có thể xúc phạm Người, nhưng không phải là con xúc phạm Chúa, mà là con quỳ trong trái tim con.” Cô đã nhắc lại từng lời như vậy bằng giọng trẻ con đọc thuộc lòng. Dù sao hầu như tiểu thư chỉ là một bé gái! Tám choàng lông dài tuột hẳn xuống đất và tôi dẫm lên trên. Cô đột nhiên nhồm dậy, đúng hơn là thoát khỏi tôi, và xoay mặt về phía bàn thờ, cô nói rít trong kẽ răng: “Cha cứ việc đày tôi xuống địa ngục, nếu như cha muốn, tôi coi thường chuyện đó!” Tôi vờ như không nghe thấy. Có ích gì?

“Thưa tiểu thư, tôi nói tiếp, cha sẽ không tiếp tục cuộc nói chuyện này ở đây, giữa nhà thờ. Chỉ có một chỗ mà cha có thể nghe con nói...” Và tôi nhẹ nhàng đẩy cô lại phòng xưng tội. Cô tự mình quỳ xuống. – “Con không muốn xưng tội.” “Cha không yêu cầu con điều đó. Con hãy chỉ nghĩ rằng những vách gỗ ngăn này đã nghe thấy lời thú của nhiều nỗi hổ thẹn, như thể là chúng bị thấm đẫm những nỗi hổ thẹn đó. Dù con có là một tiểu thư quý phái, ở đây tính kiêu ngạo là một tội lỗi như những tội lỗi khác, thêm một ít bùn trên một đồng bùn.” – “Việc đó đủ rồi, tiểu thư nói. Cha biết rất rõ rằng con chỉ đòi hỏi sự công bằng, vả lại, con coi thường bùn. Bùn, chính là bị làm nhục như con bị nhục. Từ khi cái người đàn bà ghê tởm đó vào trong nhà, con ăn bùn nhiều hơn bánh.” – “Đó là những lời lẽ con học trong sách. Con là một cô bé, con phải nói năng như một cô bé.” – “Một cô bé! Đã lâu nay con không còn là một cô bé nữa. Từ nay con biết tất cả những gì mà người ta có thể biết. Con biết những

điều đó đủ cho cả đời.” – “Con hãy bình tĩnh!” – “Con vẫn bình tĩnh. Con mong cha cũng bình tĩnh như con. Con đã nghe thấy họ đêm vừa rồi. Con ở ngay dưới cửa sổ của họ, trong vườn hoa. Ngay cả màn che cửa họ cũng chẳng chịu khó khép lại nữa (Cô bắt đầu cười một cách kinh khủng. Vì cô không muốn quỳ nữa nên phải đứng gập người, trán tựa vào vách, và cơn giận làm cô ghen ngào). Con hoàn toàn biết rằng họ dàn xếp với nhau để đuổi con đi, bằng bất cứ giá nào. Thứ ba tới con phải sang Anh. Mẹ con có một cô em họ ở đấy, bà thấy phương án ấy rất thích hợp, rất thực tế... Thích hợp! Thật buồn cười đến tức bụng! Nhưng bà tin tất cả những gì họ nói với bà, bất kỳ điều gì, hết như một con ếch đớp con ruồi: Khiếp!...” – “Mẹ con, tôi bắt đầu...” Tiểu thư trả lời tôi bằng những lời gần như nhóp nhúa mà tôi không dám thuật lại. Cô nói rằng người đàn bà đáng thương không biết bảo vệ hạnh phúc của mình, cuộc đời của mình, rằng bà ngu xuẩn và hèn nhát – “Con nghe ngoài cửa, tôi nói tiếp, con nhìn qua lỗ khóa, con làm nghề mật thám, con, một tiểu thư, và tự tôn kiêu hãnh đến thế! Cha, cha chỉ là một người dân quê nghèo, cha sống hai năm tuổi trẻ của cha trong một quán rượu bình dân tồi tàn nơi con sẽ không muốn đặt chân đến, nhưng cha sẽ không cư xử như con, dù đó là để bảo toàn cuộc sống của mình.” Cô đột nhiên đứng phắt dậy, đứng trước phòng xưng tội, đầu cúi thấp, mặt vẫn rắn đanh như thế. Tôi kêu lên: “Con hãy quỳ xuống. Quỳ xuống...” Cô lại vâng lời tôi.

Hôm kia, tôi tự trách mình đã quan trọng hóa cái có lẽ chỉ là ghen tuông âm thầm, mơ mộng không lành mạnh, ác mộng. Người ta đã làm chúng tôi cảnh giác đề phòng biết mấy sự tinh quái của những

người mà chuyên luận đạo đức cũ của chúng ta gọi thật buồn cười là “những người của giới tính”. Lúc ấy tôi hình dung rất rõ cái nhún vai của cha xứ Torcy. Nhưng đó là lúc tôi ngồi một mình ở bàn suy nghĩ về những lời mà trí nhớ máy móc giữ lại được, mà giọng điệu đã biến đi mãi mãi. Còn bây giờ trước mặt tôi là một bộ mặt lạ thường, biến dạng đi không phải vì sợ, mà vì một mối kinh hoàng sâu sắc hơn, nội tâm hơn. Vâng, tôi có kinh nghiệm về một sự biến đổi dung mạo nào đó gần tương tự, có điều cho đến lúc ấy tôi chỉ mới quan sát thấy trên mặt những người đang hấp hối và dĩ nhiên gán cho nó một nguyên nhân vật chất, tầm thường. Thầy thuốc sẵn lòng nói về “về mặt của sự hấp hối!” Thầy thuốc hay lắm.

Nói gì đây, làm gì đây, giúp cho con người bị tổn thương đó mà sự sống hình như trào ra ào ạt từ một vết cắt xẻ vô hình? Và dù sao, tôi có cảm tưởng là tôi phải giữ im lặng vài giây nữa, phải mạo hiểm điều này. Vả chăng tôi đã lấy lại được chút sức lực để cầu nguyện. Tiểu thư cũng không nói nữa.

Lúc này đã xảy ra một sự việc kỳ cục. Tôi không giải thích sự việc đó, tôi thuật lại đúng như nó đã xảy ra. Tôi rất mệt, rất căng thẳng, thành thử dù sao, rất có thể là tôi đã mơ. Tóm lại, trong lúc tôi nhìn đắm đắm vào cái hốc tối, nơi khó nhận ra một khuôn mặt, ngay cả giữa ban ngày, tiểu thư Chantal bắt đầu hiện ra dần dần, tuần tự. Hình ảnh dừng ở đó, dưới mắt tôi, trong một dạng bất định huyền diệu, và tôi đứng yên như thể chỉ một cử động nhỏ nhất cũng có thể xóa nó đi. Dĩ nhiên tôi không nhận xét như thế ngay tức khắc, nhận xét này chỉ đến với tôi sau đó. Tôi tự hỏi liệu cái loại ảo ảnh này có liên quan chẳng đến lời tôi cầu nguyện, thậm chí có lẽ nó chính là lời

tôi cầu nguyện? Tôi hầu như khó mà chịu nổi nỗi buồn đó, thế mà đồng thời tôi mong được chia sẻ, được đảm đương nó trọn vẹn để nó thấm vào tôi, choán đầy trái tim tôi, linh hồn tôi, xương tủy tôi, bản thể tôi. Nó làm câm nín trong tôi tiếng xì xào ngấm ngấm của những tiếng nói mơ hồ, thù địch, mà tôi không ngừng nghe thấy từ hai tuần nay, nó phục hồi sự thinh lặng ngày xưa, sự thinh lặng phúc đức, bên trong sự thinh lặng đó Chúa sắp nói – Chúa đang nói...

Tôi ra khỏi phòng xưng tội và tiểu thư đã đứng dậy trước tôi, chúng tôi lại đối mặt nhau lần nữa, và tôi không còn nhận ra ảo ảnh của tôi. Tiểu thư xanh xao quá mức gần như nực cười. Tay cô run rẩy – “Con không chịu được nữa, cô nói bằng giọng trẻ thơ. Vì sao cha nhìn con như thế? Cha mặc con!” Cặp mắt cô ráo hoảnh, bốc lửa. Tôi chẳng biết trả lời ra sao. Tôi nhẹ nhàng tiến cô đến tận cửa nhà thờ – “Nếu con yêu cha con, con không ở mãi trong tình trạng nổi loạn khủng khiếp ấy. Vậy mà con gọi đó là yêu ư.” – “Con không yêu ông ấy nữa, cô đáp, con cho là con căm ghét ông ta, con căm ghét tất cả bọn họ.” Từ ngữ rít lên trong miệng cô và cuối mỗi câu, cô như nấc một cái, cái nấc vì kinh tởm, vì mệt mỏi, tôi chẳng biết. – “Con không muốn cha coi con như một con bé ngốc nghếch, cô nói với một giọng tự phụ và kiêu hãnh. Mẹ con tưởng rằng con không biết gì về cuộc đời, như bà thường nói, có mắt mà phải như mù kia! Bọn đầy tớ nhà con là những con khỉ thực sự thế mà bà cho là chúng không chê vào đâu được – ‘những người rất đáng tin cậy’. Bà đã lựa chọn chúng, cha xem! Phải cho những đứa con gái vào nhà ký túc. Tóm lại, năm mươi tuổi, có thể từ trước đó nữa, con không phải là đã không biết khá nhiều. Điều đó làm con ghê tởm, thương

xót, con đành chấp nhận chúng như người ta chấp nhận bệnh tật, chết chóc, nhiều điều tất yếu ghê tởm khác cần phải nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng lại còn cha con. Cha con là tất cả đối với con, là một ông thầy, một ông vua, một vị thần – một người bạn, một người bạn lớn. Con gái bé bỏng, ông không ngừng nói với con, ông đã xử với con gần như ngang hàng, con có ảnh ông trong chiếc khung nhỏ, đeo trên ngực con cùng với một món tóc. Mẹ con không bao giờ hiểu được điều đó. Mẹ con...” – “Đừng nói đến mẹ con. Con không yêu bà. Và thậm chí...” – “Ồ! cha cứ tiếp tục đi, con ghét bà, bao giờ con cũng gh...” – “Con im đi! Than ôi! Trong mọi nhà kể cả gia đình Thiên chúa giáo đều có những con thú vô hình, những con quỷ. Con thú hung dữ nhất ở trong trái tim con, đã từ lâu, và con không biết điều ấy. – “Càng tốt, tiểu thư nói. Con muốn con thú ấy phải xấu xa, gớm guốc. Con không còn kính trọng cha con. Con không còn tin ông ta, con coi thường những gì còn lại. Ông đã lừa con. Người ta có thể lừa dối con gái như người ta lừa vợ. Không phải là chuyện như nhau, đó là điều tồi tệ hơn. Nhưng con sẽ trả thù. Con sẽ trốn đi Paris, con sẽ làm cho mình ô danh, con sẽ viết cho ông ấy: “Đây là cái mà ông đã làm cho tôi!” Và ông ta sẽ đau khổ điều mà con đã đau khổ!” Tôi suy nghĩ một lát. Hình như tôi đọc được dần dần trên môi cô những lời khác mà cô không nói ra, chúng khắc từng lời từng lời trong trí óc tôi, sáng chói. Tôi thét lên như thể ngoài ý muốn: “Con sẽ không thể làm như thế. Cha biết là con không định làm như thế.” Cô bắt đầu run mạnh đến nỗi phải vịn cả hai tay vào tường. Và đã xảy ra một việc nhỏ khác mà tôi thuật lại cùng với việc kia, cũng không giải thích. Giờ đây tôi đoán chừng, mình đã tình cờ gặp đâu nói đấy. Ấy thế mà, lúc đó tôi chắc chắn là mình không làm. “Hãy

đưa cho cha bức thư, bức thư đang ở kia, trong túi xách của con. Đưa ngay cho cha!” Cô không thể cưỡng lại, cô chỉ thở thật dài, vừa đưa tờ giấy cho tôi, vừa nhún vai “Vậy cha là quý!” cô nói.

Chúng tôi bước ra ngoài gần như bình tĩnh, nhưng tôi không đứng nổi, tôi bước cúi gập người, cơn đau dạ dày hầu như quên đi, lại cảm thấy mạnh hơn, day dứt hơn, tôi chưa từng đau như thế bao giờ. Một lời của ông bác sĩ già thân mến Delbende trở lại trong trí nhớ: đau như xiên. Quả thật, như vậy đó. Tôi nghĩ đến con chồn mà ông Bá tước đã lao ngọn thương một nhát, cắm nó xuống đất, trước mặt tôi, và nó hấp hối trong hố, bị xuyên thủng từ bên này sang bên kia, đến lỗ chóc cũng bỏ không thêm.

Hơn nữa tiểu thư Chantal không hề để ý đến tôi. Cô ngẩng cao đầu đi qua các nấm mồ. Hầu như tôi không dám nhìn cô, tôi cầm lá thư của cô giữa mấy ngón tay và đôi khi cô liếc xéo nhìn lên với một vẻ lạ lùng. Tôi khó theo kịp cô, mỗi bước có nguy cơ làm tôi bật lên một tiếng kêu và tôi tàn nhẫn cắn chặt môi. Sau cùng tôi cho rằng bướng bỉnh chống lại sự đau đớn như thế không phải là không rất nhiều kiêu ngạo, và tôi yêu cầu một cách giản dị cô dừng lại cho một phút, tôi mệt quá rồi.

Có lẽ đó là lần đầu tôi ngắm nhìn một khuôn mặt phụ nữ.Ồ! Chắc hẳn bình thường tôi không tránh chúng và còn có lúc thấy những gương mặt dễ chịu, nhưng không có cùng sự ngại ngùng của một số bạn cùng học trường dòng, tôi hiểu quá rõ sự tinh quái của mọi người nên không thể không chú ý đến sự giữ gìn ý tứ cần thiết của một linh mục. Hôm nay sự hiếu kỳ thắng được sự giữ gìn đó. Một sự hiếu kỳ mà tôi không thể xấu hổ. Tôi cho đó là tính hiếu kỳ của

người lính mạo hiểm ra ngoài hầm trú ẩn để cuối cùng nhìn thấy được kẻ thù mà không đề phòng hay còn là... Tôi nhớ lại hồi bảy hoặc tám tuổi, tôi đi theo bà tôi đến nhà người họ hàng già đã chết và ở lại một mình trong căn phòng, tôi đã lật tấm vải liệm và nhìn mặt người chết.

Có những khuôn mặt trong sáng, tỏa ngời sự thuần khiết. Gương mặt mà tôi nhìn thấy đây chắc hẳn ngày xưa đã là như thế. Và bây giờ nó có một cái gì đó tôi không biết, khép kín, bí hiểm, vẻ thuần khiết không còn trên khuôn mặt nữa, nhưng nổi giận dữ, cả sự khinh bỉ, cả nỗi hổ thẹn vẫn còn chưa đạt tới kết quả là xóa đi cái dấu hiệu huyền bí. Chúng chỉ nhấn nhó trên gương mặt. Sự cao quý lạ thường của khuôn mặt, gần như đáng khiếp sợ, chứng tỏ sức mạnh của cái ác, của tội lỗi, của cái tội lỗi không phải là của nó... Chúa tôi! Chúng ta khốn khổ đến nỗi cuộc nổi dậy của một tâm hồn kiêu hãnh có thể quay lại chống bản thân mình! – “Con có cố cũng vô ích, tôi nói với cô (chúng tôi đang ở mãi cuối nghĩa trang gần chiếc cửa nhỏ mở ra khoảng đất có rào vây quanh của Casimir* ở trong cái xó bỏ hoang chỗ cỏ mọc cao đến nỗi không nhìn thấy những ngôi mộ nữa, những ngôi mộ bỏ hoang từ một thế kỷ) một người không phải là cha có lẽ đã từ chối nghe con nói. Được, cha đã nghe con. Nhưng cha không nhận lời thách thức của con. Chúa không nhận những lời thách thức.” – “Cha đưa lại cho con bức thư và con sẽ coi như cha không vướng mắc gì hết, cô nói. Con sẽ biết tự bảo vệ một mình.” – “Con tự bảo vệ chống lại ai, chống lại cái gì? Điều ác mạnh hơn con, con gái của cha. Con có kiêu ngạo đến mức cho là không có gì phạm đến mình được không?” – “Ít ra cũng là bùn nếu con muốn,”

cô nói. – “Bản thân con cũng là bùn.” – “Nói khuếch! Có phải Chúa của cha giờ đây cấm yêu cha mình?” – “Con đừng có nói cái từ tình yêu, tôi nói, con đã đánh mất quyền được yêu, có thể là khả năng yêu. Tình yêu! Khắp thiên hạ có hàng nghìn sinh thể cầu xin tình yêu nơi Thượng đế, họ sẵn sàng chịu ngàn cái chết để được rơi vào miệng đã cháy khô của họ một giọt nước, thứ nước mà người phụ nữ thành Samarie* đã không bị từ chối, và họ khấn cầu vô ích. Cha là người đang nói với con...”

Casimir hay Jean II hay Jean-Casimir (1600-1667) vua Ba Lan thoái vị, lui về Pháp và trở thành tu viện trưởng xứ đạo Saint-Germain-des-Prés.

Tên dải đất của Palestin nằm giữa Galilée và Judeé, thủ đô của vương quốc Israel.

Tôi đã dừng lại kịp thời. Nhưng chắc tiểu thư đã hiểu, tôi thấy cô tỏ ra bối rối. Thực ra, mặc dù tôi đã hạ thấp giọng – hoặc biết đâu chẳng vì lý do đó – sự bó buộc mà tôi tự áp đặt chắc phải làm cho giọng nói của tôi có một âm điệu đặc biệt. Tôi cảm thấy giọng nói của mình như rung lên trong ngực. Có thể là người con gái ấy cho rằng tôi điên? Cái nhìn của cô lẩn tránh cái nhìn của tôi, và tôi tưởng như thấy hõm tối trên má cô lan rộng ra. – “Phải, tôi nói tiếp, con hãy dành cho những người khác một sự cáo lỗi như thế. Cha chỉ là một linh mục tội nghiệp rất không xứng đáng và rất bất hạnh. Nhưng cha biết thế nào là tội lỗi. Con không biết thế nào là tội lỗi đâu. Mọi tội lỗi đều giống nhau, chỉ có một tội duy nhất. Cha không nói với con cách nói khó hiểu. Những sự thật đó vừa tầm người giáo dân khiêm nhường nhất, miễn là người ấy vui lòng thu nhận chúng ở chúng ta.

Thế giới tội lỗi đối mặt với thế giới ân sủng, cũng như hình ảnh phản chiếu của một phong cảnh tại bờ nước đen và sâu thẳm. Có sự cùng chung ý nghĩ của các thánh, cũng có sự cùng ý nghĩ của những kẻ phạm tội. Trong sự hận thù mà những kẻ phạm tội người nọ hướng sang người kia, trong sự khinh miệt, họ kết hợp với nhau, họ ôm hôn nhau, họ kết tụ lại với nhau, họ hòa lẫn vào nhau, một ngày nào đó, dưới con mắt của Thượng đế họ sẽ chỉ còn là cái hồ bùn lầy lội ấy trên đó nước thủy triều mệnh mông của tình yêu thiêng liêng chảy qua chảy lại một cách vô ích là biển lửa sống và găm thét đã làm cho cõi hỗn mang sinh sôi. Con là ai mà phán xét lỗi lầm của người khác? Ai phán xét một lỗi lầm chỉ là một với lỗi lầm ấy, về hòa với nó. Và người đàn bà con căm ghét, con tưởng chừng như rất xa người ấy, trong khi lòng căm ghét của con và lầm lỗi của người ấy giống như hai chồi của cùng một gốc. Cuộc cãi vã của các người có ý nghĩa gì không? Những cử động chân tay, những tiếng kêu, không có gì hơn – là gió. Cái chết, muốn hay không, sẽ nhanh chóng trả các người về với sự bất động, sự im lặng. Có hề chi, nếu từ nay các người kết hợp với nhau trong cái ác, cả ba sa vào bẫy của cùng một tội lỗi – cùng một xác thịt tội lỗi – những người bạn – phải, những người bạn! – những người bạn muôn đời.”

Hắn là tôi thuật lại rất không đúng với những lời nói của chính tôi, vì không có gì chính xác trong trí nhớ của tôi ngoài những biến động trên khuôn mặt mà tôi ngỡ như đọc được. – “Đủ rồi!” cô nói với giọng trầm đục. Chỉ có cặp mắt là không cầu xin tha thứ. Chưa bao giờ tôi trông thấy, chắc là tôi sẽ không bao giờ trông thấy khuôn mặt rắn đanh đến thế. Và tuy nhiên tôi không biết linh cảm nào khiến tôi

tin chắc rằng đó là nỗ lực lớn nhất và cuối cùng của cô chống lại Chúa, rằng tội lỗi rời khỏi cô. Người ta nói gì về tuổi trẻ, về tuổi già? Vậy cái khuôn mặt đau đớn này phải chăng là cùng khuôn mặt tôi đã nhìn thấy vài tuần lễ trước, gần như trẻ thơ? Tôi không biết gương mặt ấy bao nhiêu tuổi và quả thực, nó không có tuổi cũng nên? Sự kiêu hãnh không có tuổi. Chung quy, sự đau khổ cũng không có tuổi.

Đột nhiên, cô đi khỏi không nói một lời, sau một hồi lâu im lặng... Tôi đã làm gì!

Tôi trở về Aubin rất khuya nơi tôi phải thăm những bệnh nhân, sau bữa tối. Chắc là có ngủ cũng vô ích.

Làm sao tôi lại để cho cô đi như thế? Thậm chí tôi cũng chẳng hỏi xem cô trông chờ gì ở tôi!

Bức thư luôn trong túi tôi, nhưng tôi vừa nhìn địa chỉ ghi trên phong bì: thư gửi cho Bá tước.

Cái đau của tôi ở sâu trong dạ dày, “đau xuyên”, không ngừng, vùng lưng cũng cảm giác thấy. Buồn nôn liên miên. Tôi hầu như sung sướng là không có khả năng suy nghĩ: sự lãng trí tàn khốc của nỗi đau mạnh hơn mọi lo âu. Tôi nghĩ đến những con ngựa bắt kham lúc còn bé tôi đi xem bịt móng sắt tại nhà người thợ đóng móng ngựa Cardinot. Từ lúc cái dây mảnh dính máu và bọt mép chẳng quanh mõm chúng, những con vật tội nghiệp lặng im, cụp tai xuống và những chiếc cẳng dài run run. “Mày có bị ngược đãi – thẳng điên!” Người thợ đóng móng cười lớn nói.

Tôi bị ngược đãi, tôi cũng vậy.

Cơn đau bỗng ngưng. Vả lại nó đều đều, không đổi, thêm vào đó sự mệt mỏi, đến nỗi tôi hầu như ngủ thiếp đi. Đến lúc cơn đau lui, tôi bật dậy, mạch thái dương đập, đầu óc cực kỳ minh mẫn, với cảm giác – tin chắc – nghe tiếng gọi mình...

Đèn tôi còn thấp sáng trên bàn.

Tôi dạo quanh vườn, vô ích. Tôi biết rằng mình sẽ chẳng gặp được ai. Tất cả những điều đó, tôi có cảm tưởng vẫn còn là giấc mộng, nhưng mỗi chi tiết hiện ra với tôi rất rõ ràng, giữa một thứ ánh sáng bên trong, một sự chiếu sáng lạnh buốt không để lại bất cứ một góc tối nào để tôi có thể tìm lại được chút ít yên ổn, chút ít nghỉ ngơi. Ở phía bên kia cái chết, con người phải nhìn lại bản thân mình như thế đó. A! phải, tôi đã làm gì!

Đã nhiều tuần tôi không cầu kinh nữa, tôi không thể cầu kinh nữa. Tôi không còn có thể? Biết đâu đấy? Ân huệ của các ân huệ này đòi phải xứng đáng, như một ân huệ khác, và tôi không xứng đáng với nó nữa, chắc vậy. Cuối cùng, Chúa rời khỏi tôi, ít ra về điều này, tôi tin chắc là như vậy. Từ đó, tôi không là gì nữa, và tôi đã giữ cho riêng mình điều bí mật ấy! Hơn nữa: tôi hãnh diện về việc giữ im lặng đó, tôi thấy nó cao thượng, anh hùng. Đã đành là tôi toan thăm cha xứ Torcy. Nhưng chính ra tôi phải đến quỳ gối trước cha bề trên, linh mục quản hạt Blangermont. Nếu như thế tôi sẽ nói với ông: “Con không có khả năng cai quản một xứ đạo nữa, con không khôn ngoan, không biết phán đoán, không có lương tri, không có sự nhún nhường thực sự. Mới cách đây vài ngày, con mạo muội phán xét

cha, hầu như con coi thường cha. Chúa đã trừng phạt con. Hãy trả con về chủng viện, con là một mối nguy hiểm cho các linh hồn!”

Giả dụ như vậy chắc ông hiểu, chính ông! Và chẳng ai mà không hiểu, dù chỉ cần đọc những trang khốn khổ này, nơi sự yếu đuối của tôi, cái yếu đuối hổ thẹn hiện ra ở từng dòng! Phải chăng đó là bằng chứng của một người đứng đầu xứ đạo, của một người dẫn dắt linh hồn, của một ông thầy? Vì lẽ ra tôi phải là chủ của cái xứ đạo này, thế mà tại đây tôi tỏ ra đúng như tôi là ai: một tên ăn mày bất hạnh, bước đi, tay chìa ra, từ cửa này sang cửa khác, gõ cửa cũng không dám. A! Tất nhiên là thế, tôi đã không từ chối công việc, tôi đã làm việc hết sức mình, có ích gì? Cái hết sức mình đó chẳng là gì hết. Người đứng đầu sẽ không được đánh giá chỉ theo ý định: đã cố gắng đáng chức vụ, anh ta chịu trách nhiệm về kết quả. Và ví dụ như, khi tôi không chịu thú nhận tình trạng sức khỏe xấu của mình, có cần phải tin rằng tôi chỉ phục tùng một ý thức về nghĩa vụ, dù cuồng nhiệt, hay không? Vả chăng tôi có quyền mạo hiểm như vậy không? Sự mạo hiểm của một người đứng đầu là sự mạo hiểm của tất cả mọi người.

Hôm kia lẽ ra tôi không nên tiếp cô Chantal. Cuộc thăm đầu tiên của cô ở nhà cha xứ hầu như không thích hợp. Nhưng ít ra cũng có thể cắt đứt cuộc thăm đó trước khi... Nhưng vẫn như mọi khi, tôi hành động một mình. Tôi chỉ muốn thấy con người ấy, trước mặt tôi, bên bờ của lòng căm hận và nỗi tuyệt vọng như bên bờ một vực thẳm kếp và hoàn toàn lao đảo... Ôi khuôn mặt bị dần vật! Hẳn là một khuôn mặt như thế không biết nói dối, nỗi thống khổ như thế. Tuy nhiên nỗi thống khổ của những người khác không làm cho tôi

động lòng đến mức đó. Vì đâu mà tôi thấy nỗi thống khổ này có vẻ như một sự thách thức không sao chịu nổi? Ký ức tuổi thơ thảm hại của tôi, tôi cảm thấy nó quá gần. Tôi cũng vậy, xưa kia tôi đã biết thế nào là cái giạt lùi kinh ngạc trước tai họa và điều xấu hổ trên đời... Chúa tôi! Sự phát lộ điều ô uế sẽ chỉ là một thử thách tầm thường nếu nó không phát lộ ta với chính ta. Cái tiếng nói gớm ghiếc đó, chưa bao giờ từng nghe thấy, thế mà nó, ngay từ đầu, gọi lên tiếng thì thâm dài trong chúng ta...

Chẳng hề gì! Càng phải hành động với nhiều suy nghĩ, nhiều sự thận trọng hơn nữa. Thế mà tôi đã bị đầu đánh đấy, có nguy cơ đánh trúng, qua con thú cưỡng đoạt, nạn nhân vô tội, bị tước vũ khí... Một linh mục, xứng với tên gọi đó không chỉ nhìn thấy trường hợp cụ thể. Như thường lệ, tôi nhận thấy mình không tính chút nào đến những bó buộc gia đình, xã hội, những thỏa hiệp, chắc là chính đáng, do những bó buộc đó sinh ra. Kẻ vô chính phủ, một người mơ mộng, một thi nhân, cha linh mục quản hạt Blangermont rất có lý.

Tôi vừa qua hơn một tiếng đồng hồ ở cửa sổ, bất chấp khí lạnh. Ánh trăng tạo ra trong thung lũng một thứ bông tơ rực sáng, nhẹ đến nỗi không khí chuyển động vuốt thành những vệt dài chênh chếch lên trời, dường như bay lượn trên đó ở một độ cao chóng mặt. Thế mà lại rất gần... gần đến nỗi tôi thấy phát phơ những mảnh trên ngọn những cây dương. Ôi ảo tưởng hão huyền!

Thực sự chúng ta không biết gì hết về thế gian này, chúng ta không ở thế gian.

Ở bên trái, tôi nhìn thấy một khối lớn sẫm tối được một quang sáng bao quanh, và do tương phản, có cái bóng loáng của một núi đá ba-zan, có tính chất đông đặc của khoáng sản. Đó là điểm cao nhất của khuôn viên, một khu rừng trồng cây du, và về phía đỉnh đồi, những cây thông rất lớn mà những trận bão phía tây làm cụt cành cụt ngọn vào mỗi mùa thu. Lâu đài ở sườn đồi bên kia, quay lưng lại làng, quay lưng lại tất cả chúng ta.

Không! Có cố sức cũng vô ích, tôi không nhớ lại chút gì về cuộc nói chuyện đó, không câu nào rõ ràng... Cứ như thế, sự cố gắng của tôi để tóm tắt câu chuyện đó bằng vài dòng trong cuốn nhật ký này, cuối cùng đã xóa mất nó. Ký ức tôi trống rỗng. Tuy nhiên một sự việc khiến tôi ngạc nhiên. Tôi có cảm tưởng là mình nói năng hoạt bát trong khi bình thường tôi không thể nói liên tiếp mười từ mà không vấp vấp. Vậy mà có lẽ đó là lần đầu tôi diễn đạt không dè dặt, không quanh co, kể cả không đắn đo, tôi e như thế, cảm giác rất mãnh liệt ấy (nhưng không phải là một cảm giác, hầu như đó là một ảo tưởng, cái ấy không có gì là trừu tượng), rốt cuộc hình ảnh mà tôi hình dung về cái ác, về sức mạnh của nó, bởi thường tôi gắng sức gạt đi một ý nghĩ như vậy, nó làm tôi quá đau khổ, nó buộc tôi phải hiểu một số cái chết chưa được giải thích, một số vụ tự tử... Phải, nhiều linh hồn, nhiều hơn người ta dám hình dung, bề ngoài đứng vững với mọi tôn giáo, hoặc ngay cả với mọi đạo đức, đã phải, một ngày nào đó giữa cuộc đời – một lát cũng đủ rồi – ngò vực điều gì đó về sự ám ảnh này, muốn thoát khỏi điều ấy bằng bất cứ giá nào. Sự liên kết trong cái ác, đó là cái làm ghê sợ! Vì những tội ác, dù có tàn bạo đến đâu, cho biết về bản chất của cái ác chẳng nhiều hơn

những tác phẩm cao siêu của các vị thánh về ánh sáng rực rỡ của Chúa. Khi ở Đại chủng viện, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu những cuốn sách đó mà một nhà báo hội viên hội Tam điểm cuối thế kỷ – tôi nghĩ là Léo Taxil – đã đưa ra cho công chúng dưới cái tựa đề, và chẳng cũng dối trá. “Sách kín của linh mục nghe xưng tội”, điều khiến chúng tôi ngạc nhiên trước hết đó là sự nghèo nàn cực độ của những phương tiện mà con người có thể sử dụng để, tôi không nói là xúc phạm, nhưng là lăng nhục Chúa, bắt chước quỷ dữ một cách ti tiện... Vì Satan là một bậc thầy quá khắc nghiệt: không phải là hấn ra lệnh, như Đấng nọ, với sự thuần phác thiêng liêng: Hãy bắt chước ta! Hấn không cho phép nạn nhân của hấn giống hấn, chỉ cho phép họ là một bức biếm họa thô thiển đê hèn, bất lực mà sự mỉa mai tàn bạo của vực thẳm hưởng thụ, song chẳng bao giờ thỏa thuê.

Tóm lại, thế giới của cái Ác thoát ra ngoài sự chiếm lĩnh của trí tuệ chúng ta! Vả lại không bao giờ tôi hình dung được rằng nó là một thế giới, một vũ trụ. Nó là, nó bao giờ cũng sẽ chỉ là một bản phác thảo, bản phác thảo của một sự sáng tạo gớm ghiếc, bị thui chột, ở giới hạn cuối cùng của con người. Tôi nghĩ về những cái túi mềm nhẽo và trong mờ mờ của biển. Thêm hay bớt một kẻ tội phạm có gì quan trọng đối với quái vật! Nó ngẫu nhiên tội ác của nó tại chỗ, sáp nhập tội ác vào thực thể đáng ghê sợ của nó, tiêu hóa tội ác mà không ra khỏi sự bất động đáng sợ và muôn thuở của nó lấy một lát. Nhưng nhà sử học, nhà đạo đức học, ngay cả nhà triết học chỉ muốn nhìn thấy kẻ phạm tội ác mà thôi, họ sửa lại cái ác theo hình ảnh con người và giống với con người. Họ không hình thành

bất cứ một tư tưởng nào về bản thân cái ác, sức hút cực lớn ấy của cái trống rỗng, cái hư vô. Vì nếu giống loài chúng ta phải tiêu vong, nó sẽ tiêu vong vì chán ghét, vì buồn phiền. Bản thân nhân loại sẽ bị ăn mòn chậm chạp, như một cây xà vì những cái nắm vô hình, trong vài tuần lễ khiến một khúc gỗ sồi thành một chất liệu xốp mà ngón tay làm bục dễ dàng. Và nhà đạo đức học sẽ tranh luận về những dục vọng, nhà chính trị tăng số cảnh sát và công chức, nhà giáo dục thảo các chương trình – người ta phí phạm bao tiền của để nhào một cách vô ích một chất bột từ nay trở đi không có men.

(Và thí dụ, những cuộc chiến tranh lan rộng này dường như chứng tỏ một hoạt động kỳ diệu của con người, trong khi ngược lại chúng tố giác tính trì độn vô cảm ngày càng lớn của con người... Cuối cùng vào những thời kỳ nhất định, chúng dẫn hàng đàn vô kể những con người nhẩn nhục đến lò sát sinh).

Họ nói rằng sau hàng nghìn thế kỷ trái đất còn giữa tuổi thanh xuân như ở những giai đoạn đầu của bước tiến hóa hành tinh của nó. Cái ác cũng thế, mới bắt đầu.

Lạy Chúa tôi, con đã đánh giá quá cao sức mạnh của con. Chúa đã quăng con vào nỗi tuyệt vọng như người ta vứt một con vật bé nhỏ, vừa ra đời chưa mở mắt, xuống nước.

.....

Đêm ấy dường như không bao giờ kết thúc. Bên ngoài, không khí yên tĩnh, trong trẻo đến mức tôi nghe rõ, mỗi khắc chuông chiếc đồng hồ lớn ở nhà thờ Morienvall, cách ba cây số...Ồ! Một người bình thần chắc sẽ mỉm cười về mối lo âu của tôi, nhưng liệu người ta có làm chủ được một linh cảm hay không?

Làm sao tôi lại để cho cô ấy ra đi? Vì sao tôi đã không gọi cô quay trở lại?...

.....

Bức thư ở kia, trên bàn tôi. Tôi đã vô ý rút bức thư ở túi ra, cùng với một xếp giấy tờ. Chi tiết kỳ lạ, khó hiểu: *tôi không nghĩ đến chuyện ấy nữa*. Vả chăng tôi cần một nỗ lực lớn về ý chí, về sức tập trung tư tưởng để tìm lại tận sâu trong tôi điều gì đó thúc đẩy không cưỡng nổi đã làm tôi thốt lên những lời mà tôi tưởng như còn nghe rõ: “Đưa lá thư của con cho cha.” Có phải tôi đã thốt lên những lời ấy thật hay không? Tôi tự hỏi điều ấy. Có thể là bị nỗi e sợ và lòng ân hận làm cho nhầm lẫn, Tiểu thư tưởng mình không thể giấu giếm tôi bí mật của cô. Cô đã đưa bức thư cho tôi một cách tự nhiên bột phát. Trí tưởng tượng của tôi thực hiện phần còn lại...

Tôi vừa mới ném bức thư vào lửa mà không đọc. Tôi nhìn nó cháy. Từ chiếc phong bì bị ngọn lửa làm rách, một góc giấy thoát ra ngoài, cháy đen ngay. Chữ viết nổi trên đó rành rành một giây và tôi ngỡ thấy rõ: “Vĩnh Biệt...”

Những cơn đau dạ dày của tôi trở lại, khủng khiếp, không chịu nổi. Tôi phải cưỡng lại sự thèm muốn nằm dài ra vỉ hè, lăn lộn tại đấy mà rên rỉ như một con vật. Chỉ Chúa có thể biết tôi chịu đựng cái gì. Nhưng ngài có biết hay không? (TB. *Câu cuối cùng viết ngoài lề, đã bị xóa*).

Viện bất kỳ cơ gì – thanh toán lễ cầu siêu mà Bá tước phu nhân cho cử hành hàng quý trong gia đình – sáng hôm đó tôi đến lâu đài. Tâm trạng bồn chồn trong tôi lớn đến nỗi lúc bước vào công viên tôi

dừng lại lúc lâu để ngắm Clovis người làm vườn già bó củi khô như mọi khi. Sự bình thản của ông ta có tác động tốt với tôi.

Gia nhân tỏ ra ngần ngừ một lúc khiến tôi đột nhiên hoảng hốt nhớ lại rằng Bá tước phu nhân đã thanh toán chi phí hồi tháng trước. Nói sao đây? Qua cánh cửa hé mở tôi thấy bàn ăn lót dạ buổi sáng đã bày ra và có thể là mọi người vừa rời khỏi. Tôi muốn đếm những chiếc tách, con số rơi tung lên trong đầu tôi. Ở cửa phòng khách Bá tước phu nhân nhìn tôi – đã từ một lúc – bằng cặp mắt cận thị. Hình như bà nhún vai nhưng không có ác ý. Cái nhún vai ấy có thể có nghĩa: “Chàng trai tội nghiệp! bao giờ cũng vẫn thế thôi, người ta sẽ chẳng làm cho cậu ta thay đổi được...” hoặc một điều gì đó tương tự.

Chúng tôi vào một căn phòng nhỏ tiếp theo sau phòng khách. Bà chỉ cho tôi chiếc ghế ngồi, tôi không thấy, cuối cùng bà phải đích thân đẩy ghế lại cho tôi. Tôi xấu hổ về sự hèn nhát của mình. “Tôi đến nói với bà về tiểu thư con gái bà,” tôi nói.

Lặng đi một lát. Hẳn là trong tất cả những người được sự che chở dịu dàng của Chúa chăm chú theo dõi ngày đêm, chắc chắn tôi là một trong số người bị bỏ rơi nhất, một trong số người khốn khổ nhất. Nhưng mọi lòng tự ái như là đã chết trong tôi. Bá tước phu nhân thôi mỉm cười. “Tôi nghe cha, bà nói, xin cha cứ nói đừng ngại, tôi tin là tôi biết nhiều chuyện về con bé tội nghiệp đó hơn cha nhiều lắm!” – “Thưa Phu nhân, tôi nói tiếp, Chúa nhân từ biết điều bí mật của các linh hồn, chỉ có một mình ngài. Những người sáng suốt nhất cũng làm về điều ấy.” – “Còn cha? (bà giả vờ tập trung chú ý vào việc cời lửa) cha có tự xếp mình vào số những người sáng suốt

không?” Có lẽ phu nhân muốn xúc phạm tôi. Nhưng ở cái phút ấy tôi thực sự không có khả năng cảm thấy bất kỳ sự xúc phạm nào. Cái mà thông thường bao giờ cũng thắng trong tôi đó là ý thức về sự bất lực của tất cả chúng ta, những con người tội nghiệp, về sự mù quáng không thể khắc phục nỗi của ta và ý thức này lúc đó mạnh hơn bao giờ hết, như cái kim vặn kẹp chặt lấy trái tim. – “Thưa phu nhân, tôi nói, cho dù ta có giàu sang hoặc dòng dõi cao đến đâu, bao giờ người ta cũng là nô bộc của ai đó. Tôi, tôi là nô bộc của tất cả mọi người. Còn hơn thế nữa, phải chăng nô bộc là một từ quá cao quý đối với một linh mục nhỏ bé bất hạnh như tôi, tôi phải nói là đồ vật của tất cả mọi người, hoặc dưới mức ấy nữa, nếu Chúa ưng như thế.” – “Người ta lại có thể kém một đồ vật ư?” – “Có những đồ vật vứt đi, những đồ vật người ta quăng đi, do không thể dùng được chúng. Ví dụ, nếu tôi được các bậc bề trên coi như không có khả năng hoàn thành chức vụ khiêm nhường do các ngài phó thác, tôi sẽ là một vật bỏ đi.” – “Với một quan niệm như thế về bản thân, tôi thấy cha rất không thận trọng khi bảo là...” – “Tôi không bảo cái gì hết, tôi đáp. Cái cời lửa kia chỉ là một dụng cụ trong tay bà. Nếu Chúa nhân từ cho nó vừa đủ hiểu biết để tự đặt bản thân nó vào tầm tay bà, khi bà cần đến nó, cái đó sẽ gần giống như tôi tồn tại đối với tất cả các người như tôi muốn tồn tại.” Phu nhân mỉm cười mặc dù nét mặt bà chắc chắn biểu lộ điều gì đó khác với sự bình tĩnh của mình. Có thể sự bình tĩnh đó tương phản với những lời nói nhún nhường của tôi, một sự tương phản làm bà phải suy nghĩ, ngượng ngùng chẳng?... Bà vừa liếc trộm tôi nhiều lần vừa thở dài – “Cha muốn nói gì về con gái tôi?” – “Hôm qua tôi gặp tiểu thư ở nhà thờ.” – “Ở nhà thờ? Cha làm tôi ngạc nhiên. Những đứa con gái nổi loạn

chống lại bố mẹ chúng không có việc gì ở nhà thờ cả.” – “Thưa bà, nhà thờ là của tất cả mọi người.” Phu nhân lại nhìn tôi, lần này nhìn trực diện. Mắt bà dường như vẫn còn mím cười, trong khi cả phần dưới khuôn mặt chúng tỏ nỗi ngạc nhiên, sự ngờ vực một vẻ ngoan cố không diễn tả nổi. – “Cha bị con bé dùng mảnh khố lừa rồi.” – “Xin bà đừng đẩy tiểu thư đến chỗ tuyệt vọng, tôi nói. Chúa cấm điều đó.”

Tôi tĩnh tâm một lát. Các khúc củi rít lên trong lò sưởi. Qua cửa sổ mở, qua những bức rèm vải phin mỏng, người ta nhìn thấy bãi cỏ mênh mông đóng kín bởi những cây thông tạo thành bức tường màu đen, dưới bầu trời trầm mặc. Giống như là một ao nước tù đọng. Những lời tôi vừa thốt ra khiến tôi kinh ngạc sửng sờ. Chúng cách xa biết mấy ý nghĩ của tôi một khắc đồng hồ trước đây. Và tôi cũng cảm thấy rất rõ rằng chúng không thể vấn hồi được nữa, rằng tôi phải đi tới cùng. Con người ở trước mặt tôi chẳng giống chút nào với con người tôi đã hình dung.

“Thưa Cha xứ, bà tiếp lời, tôi không nghi ngờ ý định của cha là tốt, thậm chí rất tốt. Vì cha sẵn lòng thừa nhận sự thiếu từng trải của mình, tôi sẽ không nhấn mạnh điều ấy nữa. Vả lại có một số trạng huống mà – từng trải hay không – một người đàn ông sẽ không bao giờ hiểu gì hết. Chỉ những người đàn bà mới biết nhìn chúng tận mặt. Đàn ông các ông chỉ tin theo vẻ bề ngoài. Và có những sự hỗn loạn...” – “Tất cả những sự hỗn loạn đều bắt nguồn từ cùng một người cha, và đó là người cha của sự lừa dối.” – “Có sự hỗn loạn này và sự hỗn loạn khác.” – “Hẳn là thế, tôi nói với bà, nhưng chúng ta hiểu rằng, chỉ có một trật tự, trật tự của tình thương.” Bà bắt đầu

cười, một cái cười độc ác, hằn thù. – “Hắn là tôi không ngờ...” bà bắt đầu nói. Tôi tin là bà đã đọc được trong cái nhìn của tôi nỗi ngạc nhiên, lòng thương xót, lập tức bà tự kiềm chế ngay – “Cha biết gì? Nó đã kể gì với cha? Các thiếu nữ bao giờ cũng vẫn đáng thương, không được thấu hiểu. Và bao giờ thiên hạ cũng tìm thấy những kẻ ngờ ngợch để tin chúng...” Tôi nhìn thẳng vào mặt bà. Không biết vì sao tôi lại có sự táo bạo như thế để nói với bà. – “Bà không yêu con gái bà,” tôi nói – “Cha mà lại dám!...” – “Thưa phu nhân, có Chúa làm chứng rằng sáng nay tôi đến đây với ý định phục vụ cho tất cả các vị. Và tôi thật ngu ngốc để không chuẩn bị trước gì hết. Chính bản thân bà vừa xui khiến tôi nói những lời đó và tôi lấy làm tiếc là những lời đó đã xúc phạm bà.” – “Có lẽ cha có năng lực đọc được trái tim tôi chẳng?” – “Thưa bà, tôi tin cho là như vậy,” tôi đáp. Tôi sợ phu nhân mất bình tĩnh, lắng nhục tôi. Cặp mắt màu xám của bà, bình thường dịu dàng là thế, như chuyển thành màu đen. Nhưng rồi cuộc bà cúi đầu xuống và dùng đầu que cời vẽ những vòng tròn vào tro bếp.

“Cha có biết, cuối cùng bà nói với giọng dịu dàng, rằng các bậc bề trên của cha sẽ phê phán nghiêm khắc cách xử sự của cha hay không?” – “Các bậc bề trên của tôi có thể phủ nhận tôi, nếu các vị ượng làm như thế, họ có quyền làm như thế.” – “Tôi biết cha, cha là một linh mục trẻ tuổi, trung hậu, không khoe khoang, không tham vọng, chắc chắn cha không ưa thủ đoạn, hẳn là người ta đã lên lớp cho cha. Cái phong cách nói đó... sự tự tin đó... tôi cam đoan cứ tưởng thấy trong mơ! Nào, xin cha hãy thành thực. Cha coi tôi như một bà mẹ tồi, một bà mẹ ghẻ?” – “Tôi không tự cho phép xét đoán

bà.” – “Thế thì sao đây?” – “*Tôi cũng không cho phép mình xét đoán Tiểu thư. Nhưng tôi có kinh nghiệm về sự đau khổ, tôi biết nó là gì.*” – “*Ở tuổi của cha?*”^{*} – “Tuổi tác chẳng ăn nhằm gì về kinh nghiệm đó. Tôi cũng biết rằng sự đau khổ có ngôn ngữ của nó, rằng người ta không được vội vàng căn cứ vào lời nói của nó, kết án nó theo lời nó nói, rằng nó báng bổ tất cả, xã hội, gia đình, tổ quốc, kể cả Chúa.” – “Biết đâu cha chẳng tán thành cái ấy?” – “Tôi không tán thành, tôi cố tìm hiểu. Một linh mục giống như thầy thuốc, ông ta không được sợ những vết loét, mủ, máu me. Tất cả những vết thương của tâm hồn đều mưng mủ, thừa Phu nhân.” Đột nhiên bà tái mặt đi và tỏ ý muốn đứng dậy. – “Đó là vì sao tôi không ngăn cản những lời nói của Tiểu thư, vả lại tôi không có cái quyền làm như thế. Một linh mục chỉ chú ý đến nỗi đau khổ, nếu là nỗi đau thật. Có hề chi những từ biểu lộ nỗi đau khổ ấy? Và giả dụ những từ ấy là chùng ấy lời dối trá...” – “Phải, lời dối trá và sự thật trên cùng một bình diện, cái đạo đức mới hay làm sao!” – “Tôi không phải là một giáo sư đạo đức học,” tôi nói.

Hai câu in nghiêng thiếu trong sách in, được Caruri dịch bổ sung.

Rõ ràng là phu nhân sốt ruột, và tôi chờ bà bảo tôi ra về. Chắc hẳn bà những mong đuổi tôi về, nhưng mỗi lần bà đưa mắt nhìn về mặt buồn bã của tôi (tôi nhìn thấy mặt mình trong gương, và ánh phản chiếu xanh của bãi cỏ còn làm cho nó có vẻ nực cười hơn nữa, tái nhợt hơn nữa), bà có một động tác cảm khó nhận thấy, bà có vẻ như lấy lại được sức mạnh và ý chí để thuyết phục tôi, để thắng trong cuộc tranh luận – “Con gái tôi hoàn toàn đơn giản là ghen về cô giáo, hẳn là nó đã kể với cha những chuyện xấu xa ghê

góm?” – “Tôi nghĩ rằng tiểu thư ghen nhất là về tình bạn của bố cô.” – “Ghen với bố nó? Còn tôi, tôi sẽ là gì?” – “Cần làm yên lòng tiểu thư, làm cho tiểu thư nguôi đi.” – “Vâng, tôi phải quỳ xuống chân nó để xin lỗi nó chẳng?” – “Nhưng ít ra cũng không để cô ấy đi xa bà, xa nhà, với nỗi tuyệt vọng trong lòng.” – “Thế nhưng nó sẽ đi.” – “Bà có thể bắt buộc tiểu thư về chuyện này. Chúa sẽ phán xét.”

Tôi đứng dậy. Bà đứng dậy cùng một lúc với tôi, và tôi nhận ra trong cái nhìn của bà một thứ hãi hùng. Phu nhân có vẻ rất sợ tôi từ biệt bà và đồng thời đấu tranh chống lại mong muốn bọc bạch hết, bọc lộ bí mật thảm hại của bà. Bà không giữ nó nữa. Cuối cùng điều sâu kín đã thoát ra khỏi bà cũng như nó đã thoát ra khỏi người kia, con gái bà. – “Cha không biết tôi đã đau lòng như thế nào. Cha không biết gì hết về cuộc đời. Hồi lên năm, con gái tôi đã y như nó bây giờ. Tất cả và ngay lập tức, đó là khẩu hiệu của nó.Ồ! các vị linh mục, các vị có ý nghĩ ngây thơ và phi lý về đời sống gia đình. Chỉ cần nghe các vị nói – (phu nhân cười) trong những đám tang. Gia đình hòa thuận, ông bố được kính nể, bà mẹ không ai sánh kịp, cảnh tượng an ủi, tế bào xã hội, nước Pháp thân mến của chúng ta, và thế này, và thế nọ... Điều lạ thường không ở chỗ các vị nói lên những điều đó, mà ở chỗ các vị tưởng tượng rằng những chuyện đó làm vui lòng, rằng các vị vui thích nói chúng ra. Gia đình, thưa ông...”

Phu nhân dừng lại đột ngột, đột ngột đến nỗi có vẻ như bà nuốt lại những lời nói của mình, theo nghĩa đen của từ. Sao! Có phải chính đó là cùng một phu nhân, rất mực dè dặt, kín đáo, rất mực dịu dàng, mà trong chuyến đến thăm lâu đài lần đầu tiên, tôi đã thấy thu

mình sâu trong chiếc ghế bành lớn của bà, vẻ mặt đắm chiều dưới tấm ren đen?... Cả giọng nói của bà cũng đã thay đổi đến nỗi tôi khó nhận ra nó, giọng nói trở nên chói tai, kéo dài ở những vần cuối. Tôi cho rằng phu nhân nhận ra điều đó và bà khổ tâm ghê gớm là đã không thể tự chế ngự được. Tôi chẳng biết nghĩ sao về một sự yếu đuối đến thế ở một người đàn bà bình thường hết sức tự chủ. Vì sự táo bạo của tôi còn được biện minh: có lẽ tôi đã mất bình tĩnh, đã lao về phía trước, theo kiểu anh chàng nhút nhát, muốn chắc chắn hoàn thành đến cùng nhiệm vụ của mình, tự chặn mọi ngã tháo lui, dần thân đến cùng. Nhưng phu nhân? tôi tin rằng, bà thật dễ dàng làm cho tôi bối rối! Một nụ cười nào đó có lẽ cũng sẽ đủ làm việc ấy.

Lạy Chúa tôi, có phải đó là vì sự rối loạn trong tư tưởng, tâm hồn tôi hay không? Mối lo sợ mà tôi đau nhói trong lòng có dễ lây không? Từ ít lâu nay tôi có cảm tưởng rằng chỉ riêng sự có mặt của tôi đã khiến tội lỗi ra từ trong hang của nó, dẫn nó giống như ra bề ngoài của bản thể, ở cặp mắt, ở miệng, ở giọng nói... Tưởng chừng như kẻ thù không thêm nấu mình trước một đối phương kém cỏi đến thế, đến thách thức tôi trực diện, coi thường tôi.

Chúng tôi vẫn đứng sát cạnh nhau. Tôi nhớ lại rằng mưa đập vào cửa kính. Tôi cũng nhớ lại ông già Clovis đã xong công việc, chùi tay vào tạp dề xanh. Người ta nghe thấy ở phía bên kia tiền sảnh, tiếng cốc chạm nhau, tiếng bát đĩa khua động. Tất cả đều yên tĩnh, dung dị, thân tình.

“Nạn nhân đặc biệt!” bà nói tiếp. “Đúng hơn, đó là một con thú nhỏ săn mồi. Con bé là như vậy đó.”

Bà lén quan sát tôi. Tôi không có gì để đáp, tôi câm lặng. Sự im lặng đó như khiến bà nổi xung.

“Tôi tự hỏi vì sao tôi lại thổ lộ với cha những điều bí mật ấy của đời tôi. Chẳng sao! Tuy vậy tôi sẽ không giấu gì cha! Sự thật là tôi từng say mê ước ao một đứa con trai. Tôi đã có nó. Nó chỉ sống được mười tám tháng. Chị nó đã căm ghét nó rồi... Vâng, dù còn rất bé, nó đã căm ghét em nó. Còn về bố nó...”

Phu nhân phải lấy hơi trước khi tiếp tục. Mắt bà chăm chăm, bàn tay buông thõng xuống, làm động tác như bám víu lấy, tựa vào cái gì vô hình. Bà có vẻ trượt trên một cái dốc.

“Ngày cuối cùng, cả hai đều ra đi. Khi họ quay về, đứa bé đã chết. Họ không rời nhau ra nữa. Và con bé mới khôn khéo làm sao! Dĩ nhiên, cha thấy cái từ đó lạ lắm thì phải? Cha nghĩ rằng một đứa con gái ngoan ngoãn chờ đợi tuổi trưởng thành của mình để là một người đàn bà, hả? Các linh mục thường ngâm thơ. Khi con mèo con vờn một cuộn len, tôi không biết có phải nó nghĩ đến chuột nhất hay không, nhưng nó làm đúng cái gì nó phải làm. Một người đàn ông cần tình âu yếm, người ta bảo thế, được. Nhưng là một thứ tình âu yếm – một thứ duy nhất – chỉ có một – của cái tình âu yếm hợp với bản tính của anh ta, cái tình âu yếm vì nó mà anh ta sinh ra. Sự chân thành, có hệ trọng gì đâu! Phải chăng những người mẹ chúng tôi, chúng tôi không cho những đứa con trai cái sở thích hư cấu tưởng tượng từ trong nội, làm cho dịu đi, làm yên lòng, ru ngủ, những hư cấu tưởng tượng dịu ngọt và ấm áp như một bầu vú? Tóm lại, tôi nhanh chóng hiểu rằng con bé ấy là bà chủ ở nhà của tôi, rằng tôi phải cam chịu vai trò bị hy sinh, chỉ là nữ khán giả hoặc

đầy tớ gái. Tôi, tôi sống bằng kỷ niệm của con trai tôi, tôi nhận ra nó khắp nơi – chiếc ghế của nó, những cái áo dài của nó, một đồ chơi bị gãy, ồ khốn khổ! Nói sao đây? Một người đàn bà như tôi không tự hạ mình xuống những sự cạnh tranh làm mất danh dự. Và hơn nữa, nỗi khốn khổ của tôi vô phương cứu chữa. Những sự bất hạnh tồi tệ nhất của gia đình bao giờ cũng có cái gì đó lố bịch. Tôi đã sống giữa hai con người đó, người nọ hợp với người kia đến thế, mặc dầu hoàn toàn khác nhau, và sự ân cần của họ đối với tôi – bao giờ cũng đồng lõa với nhau – làm tôi tức điên lên. Vâng, xin cha hãy khiển trách tôi nếu cha muốn, sự ân cần ấy làm đau xé lòng tôi, nó đổ vào đó vô vàn nọc độc, giả dụ lòng căm thù của họ chắc tôi thích hơn. Sau cùng, tôi đã trụ vững, tôi đã âm thầm chịu đựng đau khổ. Hồi ấy tôi trẻ, tôi được ưa thích. Khi người ta chắc chắn rằng mình được ưa thích, rằng yêu và được yêu chỉ là do mình quyết định, người phụ nữ giữ đức hạnh không khó, ít ra là với những người đàn bà giống như tôi. Chỉ riêng lòng tự hào đủ để chúng tôi đứng vững. Tôi làm tròn bất cứ nhiệm vụ nào của mình. Thậm chí đôi khi tôi thấy mình hạnh phúc. Chồng tôi không phải là một người đàn ông siêu việt, trái lại là khác. Do phép lạ nào Chantal, mà năng lực phán đoán rất vững, thường là dữ dội, nó lại không hiểu rằng... Nó đã không hiểu gì hết. Cho đến ngày... Xin cha ghi cho kỹ, thưa cha, rằng tôi đã chịu đựng suốt cả đời tôi vô số những hành động không chung thủy, thô bỉ đến thế, trơ trẽn đến thế, mà chúng không hề làm tôi đau chút nào. Vả lại, nó và tôi, chắc hẳn không phải tôi, là người bị phản bội nhiều nhất!...”

Phu nhân lại nín lặng. Tôi cho là tôi đã đặt bàn tay lên cánh tay bà một cách vô ý thức. Tôi ngạc nhiên, thương cảm đến cực độ – “Tôi đã hiểu, thưa bà,” tôi nói với phu nhân. “Tôi không muốn rằng ngày nào đó bà sẽ hối tiếc đã phát biểu những lời chỉ có linh mục được nghe, với một người đàn ông tội nghiệp như tôi.” Bà nhìn tôi ngờ ngác – “Tôi sẽ đi đến cùng,” bà nói với giọng rít lên. “Cha muốn như vậy mà.” – “Tôi không muốn điều đó!” – “Không nên đến đây. Và hơn nữa cha rất biết ép người ta tâm sự, cha là một linh mục bé nhỏ mưu mẹo. Nào! Ta hãy chấm dứt chuyện này! Chantal đã nói gì với cha? Xin cha hãy gắng trả lời cho thành thật.” Bà dậm chân giống như con gái bà. Bà đứng thẳng, cánh tay gấp trên mặt lò sưởi, nhưng bàn tay quắp lại quanh một cái quạt cũ để đỡ giữa những đồ mỹ nghệ khác, tôi thấy cái cán quạt đòi mỗi dần dần vỡ vụn dưới những ngón tay bà. – “Con bé không thể chịu nổi cô giáo, nó không bao giờ chịu nổi ai ở đây cả!” Tôi nín lặng – “Vậy cha hãy trả lời đi! Nó đã kể với cha rằng bố nó... Ồ! xin cha đừng nói dối, tôi đoán được sự thật trong mắt cha. Và cha đã tin nó? Một con bé khôn khéo nó dám...” Bà không thể nói hết câu... Tôi tin rằng sự im lặng của tôi hoặc ánh mắt tôi, hoặc cái gì đó tôi không biết toát ra từ tôi – nỗi buồn nào đó – đã ngăn bà lại trước khi bà có thể cất cao giọng và mỗi lần bà phải lấy lại, mặc dù run lên vì tức giận, giọng nói bình thường của bà, chỉ hơi bị khản đi. Tôi tin rằng sự bất lực đó, thoát đầu làm bà khó chịu, cuối cùng khiến bà lo lắng. Vì bà nói các ngón tay, chiếc quạt bị gãy tụt khỏi tay và bà gạt nhanh những mảnh vụn xuống dưới chiếc đồng hồ quả lắc, đổ bưng mặt – “Tôi đã phát khùng,” bà bắt đầu, nhưng giọng điệu nhẹ nhàng vờ vĩnh của bà có vẻ quá giả dối. Bà có cái vẻ của một anh thợ vụng, thử hết dụng cụ

này đến dụng cụ khác, không thấy dụng cụ cần tìm, cúi tiết quảng chúng lại đằng sau anh ta. – “Cuối cùng, chính cha hãy nói đi. Vì sao cha đến, cha yêu cầu cái gì?” – “Tiểu thư Chantal nói với tôi về chuyến đi rất gần của cô.” – “Rất gần, quả thế. Và lại sự việc đã được thu xếp từ lâu. Nó đã nói dối cha. Cha lấy quyền gì mà cản trở chuyện...” bà gượng cười nói tiếp – “Tôi không có bất cứ quyền gì, tôi chỉ muốn biết ý định của bà, và nếu sự quyết định không thể đổi lại được...” – “Nó có thể đổi lại được. Tôi không nghĩ rằng một cô gái có thể có lý coi việc lưu lại vài tháng ở nước Anh trong một gia đình người thân là một thử thách quá sức nó?” – “Cho nên tôi những mong được đồng tình với bà để xin tiểu thư con gái bà cam chịu, vâng lời.” – “Vâng lời? Cha thà giết nó đi còn hơn!” – “Quả thực, tôi sợ rằng tiểu thư đi đến một hành động cực đoan nào đó.” – “Hành động cực đoan nào đó... cha nói mới hay làm sao! Hẳn là cha muốn nói bóng gió rằng nó tự tử. Nhưng đó là việc cuối cùng mà nó có khả năng làm! Nó cuống lên vì một cơn đau đầu, nó sợ chết một cách kinh khủng. Duy có điểm đó là nó giống bố nó.” – “Thưa bà, tôi nói, chính những người ấy họ tự tử.” – “Thôi đi!” – “Khoảng trống dự hoặc những ai không dám nhìn thẳng nó, họ lao vào đó vì sợ bị rơi vào đó.” – “Chắc người ta đã dạy cho cha điều ấy, hay cha đọc được ở đâu đó. Điều ấy vượt quá sự từng trải của cha. Cha có sợ chết không cha?” – “Có, thưa bà. Nhưng xin bà cho phép tôi nói thành thật với bà. Cái chết là một lối đi qua rất khó khăn, nó không phải là dành cho những đầu óc kiêu ngạo.” Tôi đã không kiên nhẫn được nữa. – “Tôi ít sợ cái chết của tôi hơn là sợ cái chết của bà,” tôi nói với phu nhân. Đúng là tôi trông thấy phu nhân hoặc ngỡ rằng nhìn thấy phu nhân, vào lúc đó, đã chết. Và chắc là hình ảnh được

hình thành qua cách nhìn của tôi đã phải chuyển sang cái nhìn của bà, vì bà đã thốt lên một tiếng kêu ghen ngào, một thứ rên rỉ dữ tợn. Bà đi tới tận cửa sổ. – “Chồng tôi được tự do giữ lại ở đây người nào ông ưa thích. Vả lại cô giáo không có nguồn thu nhập, chúng tôi không thể quẳng cô ta ra đường phố để thỏa mãn mối hiềm thù của một con bé trơ trẽn!” Một lần nữa bà đã không thể tiếp tục cùng một giọng, giọng bà đã nao núng. – “Có thể chồng tôi đã đối với cô ấy quá... quá chú ý, quá thân mật. Những người đàn ông ở tuổi ấy dễ dàng đa cảm hoặc tưởng là mình như thế.” Bà lại ngừng. – “Và chung quy lại, nếu chuyện đó chẳng can hệ gì đến tôi! Sao! Tôi đã đau khổ từ nhiều năm nay về những điều nhục nhã nhục cười – ông ấy đã lừa dối tôi với mọi cô hầu, những đứa con gái kỳ quặc những đứa thực sự bẩn thỉu – thế mà ngày nay, lúc mà tôi chỉ còn là một người đàn bà già, lúc mà tôi cam chịu như vậy, tôi lại phải mở mắt, đấu tranh, dấn thân mạo hiểm, và vì sao? Có cần phải coi trọng sự kiêu hãnh của con gái tôi hơn là lòng kiêu hãnh của tôi hay không? Cái mà tôi đã chịu đựng, nó không thể đến lượt mình chịu đựng hay sao?” Bà đã thốt lên câu nói kinh khủng này mà không cất cao giọng. Đứng trong khuôn cửa sổ mênh mông, một cánh tay buông thõng dọc theo rèm tuyn, bà tuôn ra những lời nói đó với tôi như phun ra thuốc độc nóng bỏng. Qua những tấm kính dầm nước mưa, tôi nhìn thấy khuôn viên, thanh cao đến thế, bình thản đến thế, những đường cong uy nghi của những bãi cỏ, những cây cổ thụ trang trọng... Chắc chắn, người đàn bà này không phải gọi lên trong tôi chỉ lòng thương xót. Nhưng trong khi thông thường tôi rất dễ dàng chấp nhận lỗi lầm của người khác, chia sẻ nỗi xấu hổ về những lỗi lầm đó với họ, sự tương phản của ngôi nhà thanh bình với

những điều sâu kín kinh khủng của nó khiến tôi tức giận. Phải, sự điên rồ của những con người hiện ra với tôi ít hơn là sự ương ngạnh của họ, cái tinh quái của họ, sự giúp đỡ xảo trá của họ, dưới cái nhìn của Chúa, đối với mọi thể lực của sự hỗn tạp và của cái chết. Sao kia! Sự ngu dốt, bệnh tật, nỗi khổ sở vô xé hàng nghìn kẻ vô tội, và lúc Thượng đế, do phép lạ, dành cho vài nơi nương náu, ở đó có thể nảy nở sự yên bình, thì những dục vọng nép mình ở đó bằng cách bò rạp xuống, và vừa yên chỗ tức thì, liền gào thét ở đó ngày đêm như những con thú... – “Thưa bà,” tôi nói với phu nhân, “xin hãy coi chừng!” – “Coi chừng ai? Coi chừng cái gì? Biết đâu chẳng coi chừng cha? Chúng ta chớ bị kịch hóa điều gì hết. Cái mà cha vừa nghe thấy, tôi chưa thú nhận với bất kỳ ai.” – “Không thú nhận với cả cha nghe xưng tội của bà ư?” – “Điều đó không có gì đáng đáng đến cha nghe xưng tội của tôi. Đó là những tình cảm mà tôi không làm chủ được. Hơn nữa, những tình cảm đó không bao giờ xui khiến cách cư xử của tôi, gia đình này, thưa cha xứ, là một gia đình tín đồ đạo Thiên chúa.” – “Tín đồ Thiên chúa!” tôi kêu lên. Lời nói như đập vào giữa ngực tôi, nó thiêu cháy tôi – “Chắc hẳn thưa bà, bà tiếp đón đáng Christ ở đó, nhưng bà làm gì với đáng bà tiếp đón? Đáng Christ cũng ở nhà Caïphe.” – “Caïphe? Cha có điên không đấy? Tôi không trách chồng tôi, cũng không trách con gái tôi đã không hiểu tôi. Một số điều hiểu lầm là không thể sửa chữa được. Người ta phải cam chịu chúng.” – “Vâng thưa bà, người ta cam chịu không yêu. Quý làm uế tạp hết thảy, cho tới cả sự nhẫn chịu của các thánh.” – “Cha lý luận như một người bình dân. Mỗi gia đình có những điều thâm kín của nó. Khi chúng tôi trưng những điều thâm kín của chúng tôi ra cửa sổ, liệu chúng tôi có tiến bộ hơn hay

không? Bị lừa dối nhiều đến thế, lẽ ra tôi có thể là một người vợ không chung thủy. Tôi không có tí gì trong quá khứ đáng phải xấu hổ.” – “Cầu phúc cho những lỗi lầm nó để lại trong chúng ta nỗi hổ thẹn! Lạy Chúa phù hộ cho bà tự khinh bỉ mình!” – “Cái thứ đạo đức thật lạ lùng!” – “Thực ra không phải là đạo đức của thế gian. Uy tín, phẩm giá, khoa học, Chúa không hề quan tâm đến, nếu tất cả cái đó chỉ là vài lựa liệm trên xác chết thối nát.” – “Có thể là cha ưng chuyện tai tiếng hơn?” – “Bà có cho rằng những người nghèo bị mù và điếc không? Than ôi! Sự khốn khổ có thừa sáng suốt! Thưa bà, không có sự cả tin nào tồi tệ hơn sự cả tin của những chiếc bụng phệ. Ô! các vị có thể giấu kín trước bọn khốn khó những tật xấu của nhà các vị, họ nhận biết những điều ấy từ xa, qua mùi của chúng. Người ta nói mãi với chúng ta về điều ghê tởm của những kẻ tà giáo, nhưng ít ra họ cũng chỉ đòi hỏi nô lệ một sự phục tùng giống như sự phục tùng của gia súc, và mỗi năm một lần, họ mỉm cười về những sự phục thù trong những hội hè trác táng. Trong khi các vị lạm dụng Kinh thánh dạy cho người nghèo sự vui lòng thuận phục, các vị lại định đánh cắp bằng mưu mẹo cái mà lẽ ra các vị phải quỳ gối tiếp nhận như tặng vật trời cho. Không có gì rồi ren tồi tệ trên đời này hơn tính đạo đức giả của những kẻ có quyền thế.” – “Những kẻ quyền thế! Tôi có thể chỉ cho cha mười điền chủ giàu có hơn chúng tôi. Nhưng thưa ông linh mục tội nghiệp, chúng tôi là những người rất bình thường.” – “Người ta tưởng các vị là những chủ nhân, những lãnh chúa. Không có nền tảng nào khác của quyền thế ngoài ảo tưởng của những người khốn khổ.” – “Đó là những lời rỗng tuếch. Những người khốn khổ bận tâm quái gì đến những chuyện phức tạp của gia đình chúng tôi!” – Ô! thưa bà, tôi nói với phu nhân,

thực sự chỉ có một gia đình, gia đình lớn nhân loại mà Chúa của chúng ta là chủ. Và các vị là những người giàu có, lẽ ra các vị có thể là những đứa con được ưu ái của ngài. Bà hãy nhớ Cựu ước: của cải trần thế vẫn thường là chứng cứ của ân huệ thiên giới. Vậy thì sao! Phải chăng không phải một đặc quyền khá quý báu việc sinh ra đã được miễn trừ những tạp dịch thế tục, chúng làm cho cuộc đời những người nghèo thành một sự mưu cầu đơn điệu đồ nhu yếu, một cuộc chiến đấu kiệt sức chống đói, khát, cái bụng chẳng bao giờ no nó đòi nợ mỗi ngày đó ư? Nhà các vị lẽ ra phải là những nhà của sự an bình, của lời cầu nguyện. Vậy chưa bao giờ bà từng xúc động về sự trung thành của những người nghèo đối với hình ảnh hồn nhiên mà họ hình dung về các vị hay sao? Than ôi! bà luôn nói về cuộc đời của họ, mà không hiểu rằng họ ham muốn tài sản của bà ít hơn là điều gì đó tôi chẳng biết nữa, vả chăng họ không biết gọi cái ấy là gì, cái điều đôi khi làm cho nỗi cô đơn của họ hân hoan, một giấc mộng về sự huy hoàng, về sự cao cả, một giấc mộng tội nghiệp, một giấc mộng của người nghèo, nhưng được Chúa ban phúc?

Bà tiến lên về phía tôi, như để đuổi tôi ra về. Tôi cảm thấy những lời cuối cùng của tôi đã cho bà thời gian trở lại bình tĩnh, tôi tiếc là đã nói ra những lời đó. Đọc lại, chúng làm cho tôi lo lắng.Ồ! không, tôi không chối những lời đó! Nhưng chỉ là những lời nói nhân ái, không có gì thêm nữa. Chúng diễn tả mối thất vọng rất dữ dội, rất sâu kín trong trái tim con trẻ của tôi. Hẳn là, những người khác ngoài tôi, hàng triệu người thuộc giai cấp tôi, giống loài tôi, sẽ còn biết mối thất vọng đó. Nó ở trong di sản của người nghèo, nó là một

trong những yếu tố chủ yếu của sự nghèo khổ, chắc hẳn nó chính là sự nghèo khổ. Thượng đế muốn rằng người khốn khổ ăn mày sự cao cả như những thứ khác, sự cao cả tỏa sáng từ nó, mà nó không hay biết.

Tôi cầm lấy mũ để trên chiếc ghế tựa. Lúc phu nhân thấy tôi ở ngưỡng cửa, tay đặt lên nắm đấm, bà có một cử động toàn thân bà, một đả nhiệt tình khiến tôi bị xáo động. Tôi nhận thấy trong mắt bà một mối bồn chồn áy náy không sao hiểu được.

– “Cha là một linh mục kỳ dị, bà nói giọng run lên vì sốt ruột, căng thẳng, một linh mục như tôi chưa bao giờ được biết. Ta hãy từ biệt nhau ít ra như những người bạn tốt.” – “Làm sao mà tôi lại không phải là bạn của bà, thưa bà, tôi là linh mục của bà, người hướng đạo của bà.” – “Những lời hoa mỹ! Đúng ra, cha biết gì về tôi?” – “Điều bà đã nói với tôi.” – “Cha muốn làm tôi bối rối, nhưng cha sẽ không thành công đâu. Tôi có quá nhiều lương tri.” Tôi nín lặng. – “Cuối cùng, vừa dậm chân bà vừa nói, chúng ta sẽ được phán xét qua hành vi của ta, tôi cho là như vậy? Tôi đã phạm lỗi gì? Đã đành là chúng tôi, con gái tôi và tôi, như là hai người xa lạ. Cho đến nay chúng tôi đã không để lộ chút gì về chuyện đó. Cuộc khủng hoảng đã tới. Tôi thực hiện những ý muốn của chồng tôi. Nếu ông ấy nhầm... Ồ! ông ấy tin rằng con gái ông sẽ trở về với ông.” Có cái gì đó động đậy trên khuôn mặt bà, bà cắn môi, quá muộn. – “Và bà, bà có tin điều đó không, thưa bà?” tôi nói. Chúa tôi! Bà hát đầu về phía sau, và tôi thấy – vâng, tôi thấy – thời gian một tia chớp, lời thú nhận trào lên ngoài ý muốn của bà, từ những chiều sâu của tâm hồn không tha thứ của bà. Cái nhìn bị bắt chợt giữa sự dối trá nói: “có”,

trong khi động tác không cưỡng được của con người bên trong thốt ra tiếng “không” qua miệng hé mở?

Tôi tin rằng tiếng “không” đó làm cho bản thân bà ngạc nhiên nhưng bà đã không dụng tâm nói chữa lại. Những sự căm ghét trong gia đình là nguy hiểm nhất trong tất cả các niềm căm ghét bởi lẽ chúng tự thỏa mãn dần dần, do tiếp xúc liên miên, chúng giống những ung nhọt hờ, nó đầu độc dần dần, không phát sốt.

– “Thưa bà, tôi nói với phu nhân, bà quăng một đứa con ra khỏi nhà, và bà biết rằng đó là mãi mãi.” – “Cái đó tùy ở nó.” – “Tôi phản đối điều đó.” – “Cha ít biết nó. Nó nhiều kiêu hãnh quá nên không vì được khoan dung mà ở lại đây, nó sẽ không chịu đựng sự khoan dung.” Tôi không kiên nhẫn được nữa – “Chúa sẽ làm cho bà tan nát.” Tôi kêu lên. Bà thốt ra tiếng rên, ồ! không, không phải một tiếng rên của kẻ thất bại xin ân xá, đúng hơn là tiếng thở dài, tiếng thở dài thầm kín của một người thu thập sức mạnh của mình trước khi đưa ra một thách thức – “Làm tôi tan nát? Ngài đã làm tôi tan nát rồi. Từ nay trở đi ngài có thể chống tôi gì nào? Ngài đã bắt đi con trai tôi. Tôi không sợ ngài nữa.” – “Chúa đã đưa nó xa bà một thời gian, và sự khắc nghiệt của bà...” – “Cha im đi!” – “Sự khắc nghiệt của trái tim bà có thể làm cho bà xa nó mãi mãi.” – “Cha báng bổ, Chúa không báo thù.” – “Chúa không báo thù, đó là những lời nói của con người, nó chỉ có nghĩa với bà.” – “Con trai tôi căm ghét tôi chắc? Đứa con trai mà tôi đã mang thai, đã nuôi nấng!” – “Bà sẽ không tự ghét mình đâu, bà sẽ không nhận ra mình nữa.” – “Cha im đi!” – “Không, tôi sẽ không im, thưa bà. Các linh mục đã im tiếng quá thường xuyên rồi, và tôi những mong chỉ là vì lòng thương xót.

Chúng tôi hèn nhát. Nguyên tắc một khi được đặt ra rồi, chúng tôi để cho nói ra. Và các người, các người đã làm gì với địa ngục? Một thứ nhà tù vĩnh cửu, tương tự như nhà tù của các người, và các người thâm hiểm nhất trước ở đó loài thú săn là con người mà các cảnh sát của các người vây bắt từ lúc khai thiên lập địa – những kẻ thù của xã hội. Các người rất muốn thêm vào đó những kẻ báng bổ và những kẻ phạm thượng. Đầu óc có lương tri nào, trái tim kiêu hãnh nào lại đi chấp nhận mà không kinh tởm một hình ảnh như thế về công lý của Chúa? Khi hình ảnh ấy làm phiền cho bà, bà gạt nó đi quá dễ dàng. Người ta xét đoán địa ngục theo các châm ngôn của thế giới này mà địa ngục lại không thuộc thế giới này. Nó không thuộc thế giới này và còn thuộc ít hơn thế giới đạo Cơ đốc. Một hình phạt vĩnh cửu, một sự đền tội vĩnh cửu – phép lạ là ở chỗ chúng ta lại có thể quan niệm điều đó ở dưới trần gian này, trong khi lỗi lầm vừa xuất phát từ chúng ta, chỉ cần một cái nhìn, một dấu hiệu, một tiếng gọi câm lặng đủ cho sự tha thứ lao vào đó, từ trên trời cao như một con đại bàng. A! Chính vì người khốn khổ nhất trong những người đang sống, nếu hắn tưởng rằng không còn yêu nữa, là hắn còn giữ được sức mạnh tình yêu. Ngay cả lòng căm thù của chúng ta cũng tỏa sáng và kẻ bị quỷ dữ hành hạ ít nhất sẽ tươi nở trong cái mà chúng ta gọi là nỗi tuyệt vọng, cũng như trong một buổi bình minh sáng sữa, huy hoàng. Địa ngục, thưa bà, đó là không yêu nữa. Không yêu nữa, điều đó vang lên bên tai bà như một từ ngữ quen thuộc. Không yêu nữa đối với một người đang sống có ý nghĩa là yêu ít hoặc yêu ở chỗ khác. Và, tuy thế, nếu cái năng lực ấy, mà ta thấy, dường như không tách rời bản thể chúng ta, dường như chính là bản thể chúng ta – thấu hiểu vẫn còn là một cách yêu – có thể

biến mất? Không yêu nữa, không hiểu nữa, mà cứ sống, ồ kỳ diệu làm sao! Sai lầm chung của mọi người là gán cho những con người bị ruồng bỏ đó cái gì còn là của chúng ta, của tính linh hoạt vĩnh cửu của chúng ta khi mà chúng đã ở ngoài thời gian, ngoài sự vận động, cố định mãi mãi. Than ôi! Nếu Chúa dặt tay chúng ta tới một trong số những sự vật đau khổ đó, giả sử dù ngày xưa sự vật đó đã là bạn thân nhất, chúng ta sẽ nói với nó bằng ngôn ngữ nào đây? Hẳn là, nếu một người đang sống, đồng loại của chúng ta, người cuối cùng của tất cả mọi người, người đê hèn giữa những kẻ đê hèn, bị ném đúng như người đó đang tồn tại vào những cõi u minh cháy rực ấy, tôi sẽ muốn chia sẻ số phận của họ, tôi sẽ đến tranh đoạt họ với đao phủ hành hạ họ. Chia sẻ số phận của họ!... Tai họa, tai họa không tưởng tượng được của những viên đá bị đốt cháy đã từng là những con người, chính là chúng không còn có gì để chia sẻ hết.”

Tôi tin là đã thuật lại khá trung thành những lời lẽ của tôi, và có thể là lúc đọc lại, chúng gây được ấn tượng nào đó. Nhưng tôi chắc là đã phát biểu chúng lúng túng, vụng về đến nỗi chúng phải có vẻ nực cười. Tôi không đủ sức nói ra một cách rành rọt những lời cuối cùng. Tôi bị kiệt sức. Giả dụ có ai nom thấy tôi, lưng tựa vào tường, ngón tay bóp chiếc mũ, bên cạnh người đàn bà oai vệ đó, chắc là coi tôi như kẻ phạm tội, đang cố tự bào chữa một cách vô ích (có khi tôi như thế thật). Phụ nhân quan sát tôi với một sự chú ý đặc biệt. – “Không có lầm lỗi nào, bà nói tiếng khàn khàn, có thể hợp pháp hóa...” Tôi tưởng như nghe thấy tiếng nói ấy xuyên qua một trong những đám sương mù dày đặc làm cho các âm thanh nghẹt thở đi. Và đồng thời nỗi buồn chiếm lấy tôi, một nỗi buồn khó tả mà tôi hoàn

toàn bất lực đối với nó. Biết đâu đó chẳng là sự cảm dỗ lớn nhất của đời tôi. Lúc đó, Chúa đã cứu giúp tôi: bỗng dưng tôi cảm thấy một giọt nước mắt trên má tôi. Một giọt nước mắt duy nhất, như người ta nhìn thấy trên mặt những người hấp hối, vào giới hạn cuối cùng những nỗi khốn khổ của họ. Bà nhìn giọt nước mắt ấy chảy.

– “Cha có nghe tôi không? bà nói. Cha có hiểu tôi không? Tôi nói với cha rằng không một lỗi lầm nào trên đời...” Tôi thú nhận rằng không, rằng tôi không nghe thấy. Bà không rời mắt khỏi tôi. – “Cha hãy nghỉ đi một lát, cha không thể đi nổi đến mười bước, tôi còn khỏe hơn cha. Nào. Tất cả cái đó ít giống với cái mà người ta dạy chúng ta. Đó là những điều mơ mộng hão huyền, những bài thơ. Tôi không coi cha là người ác. Tôi tin chắc là nghĩ kỹ lại cha sẽ xấu hổ vì sự đe dọa phát giác ghê tởm này. Không gì có thể phân cách chúng ta, ở thế giới này hay ở thế giới khác, với cái mà chúng ta đã yêu mến hơn bản thân mình, hơn cả cuộc đời, hơn cả sự cứu chuộc.” – “Thưa bà, tôi nói với phu nhân, ngay cả ở thế giới này, chỉ cần một chuyện tầm phào, một xuất huyết não nhỏ tội nghiệp, còn ít hơn nữa, là chúng ta không còn nhận biết những người ngày xưa rất thân tình nữa.” – “Cái chết không phải là sự điên rồ.” – “Quả thực là chúng ta ít biết về nó hơn.” – “Tình yêu mạnh hơn cái chết, điều đó được viết trong sách của các cha.” – “Không phải là chúng ta đã sáng tạo ra tình yêu. Nó có đẳng cấp của nó, nó có luật của nó.” – “Chúa là chủ của tình yêu.” – “Ngài không phải là chủ của tình yêu mà chính ngài là tình yêu. Nếu bà muốn yêu, xin bà đừng đặt mình ở bên ngoài tình yêu.” Bà đặt cả hai bàn tay lên cánh tay tôi, mặt bà hầu như chạm vào mặt tôi. – “Thật là điên rồ, cha nói với tôi như với

một người đàn bà phạm tội. Những hành động không chung thủy của chồng tôi, sự vô tình của con gái tôi, sự nổi loạn của nó, tất cả cái đó không là gì hết!” – “Thưa bà, tôi bảo phu nhân, tôi nói với bà với tư cách là linh mục, và theo ánh sáng tôi đã được tiếp nhận. Bà coi tôi như một kẻ cuồng nhiệt là bà lầm. Mặc dù tôi còn trẻ, tôi không phải không biết có nhiều gia đình như gia đình bà, hoặc còn bất hạnh hơn. Nhưng tai họa nào đó tránh người này, lại tiêu diệt người kia, và tôi thấy hình như Chúa đã cho phép tôi biết mỗi nguy hiểm đang đe dọa bà, bà, một mình bà.” – “Như vậy khác nào nói tôi là nguyên nhân của mọi sự.” – “Ồ! thưa bà, không ai biết trước cái mà về lâu dài, có thể là hậu quả của một tư tưởng xấu xa. Với những tư tưởng xấu cũng như với những tư tưởng tốt: Một ngàn bị gió cuốn đi, gai góc bóp nghẹt, bị mặt trời làm khô héo, chỉ có một là mọc rễ. Hạt giống của cái ác và cái thiện bay đi khắp nơi. Nỗi bất hạnh lớn là công lý của con người can thiệp bao giờ cũng quá chậm, nó trấn áp và lên án những hành vi, không thể đi ngược lên cao hơn cũng không xa hơn người đã phạm những hành vi đó. Nhưng những lỗi lầm giấu giếm của chúng ta đầu độc không khí những người khác hít thở, và tội ác mà một người khốn khổ mang hạt mầm song không biết, quả của nó sẽ không bao giờ chín được nếu như không có căn nguyên hủy hoại đó.” – “Đó là những điều điên rồ, những điều điên rồ thuần túy, những giấc mơ độc. (Phu nhân tái nhợt đi). Nếu người ta nghĩ đến những chuyện đó, người ta không sống được.” – “Tôi tin vậy, thưa bà. Tôi tin rằng nếu Chúa cho chúng ta một ý tưởng sáng suốt về tình đoàn kết nối liền người này với người khác, trong cái thiện và trong cái ác, quả nhiên chúng ta sẽ không thể sống được nữa.”

Đọc những dòng này chắc người ta sẽ nghĩ rằng tôi không nói hú họa, rằng tôi theo một dàn ý. Không hề như vậy. Tôi thề đấy. Tôi tự bào chữa. Có thể thôi.

– “Cha có hạ cố nói với tôi lỗi lầm bị giấu giếm đó là gì, bà nói sau một hồi dài im lặng, có phải con sâu trong trái cây?...” – “Bà cần phải cam chịu... ý muốn của Chúa, mở cõi lòng bà.” Tôi không dám nói với phu nhân rõ hơn về đứa bé chết, và cái từ cam chịu có vẻ bất ngờ với bà. – “Tôi cam chịu? Về cái gì?” Rồi hốt nhiên bà hiểu.

Có lúc tôi gặp những kẻ phạm tội chai sạn. Số đông chỉ tự vệ chống lại Chúa do một loại tình cảm mù quáng, và thậm chí quả là xót xa khi nhận ra trên nét mặt của một người già, biện hộ cho sự đồi bại của mình, cái vẻ vừa khờ khạo vừa dữ tợn của một đứa trẻ hay hờn. Nhưng lần này tôi thấy sự nổi loạn, cuộc nổi loạn thực sự, bùng ra trên một bộ mặt người. Việc ấy không bày tỏ ra ở cái nhìn, trừng trừng và như bị mờ đi, cũng không ở cái miệng, và ngay cả mái đầu, không vươn lên kiêu hãnh mà nghiêng xuống vai, hình như oằn xuống dưới một gánh nặng vô hình... A! những khoe khoang khoác lác của sự báng bổ chẳng có tí gì mon men xấp xỉ được với sự giản dị bi thảm đó! Tưởng chừng như cơn nổi khùng đột ngột của ý chí, sự rực cháy của nó, để lại cơ thể trơ lì, thản nhiên, kiệt sức do sự tiêu hao quá lớn của bản thể.

– “Cam chịu ư? Bà nói bằng một giọng dịu dàng làm lạnh buốt tim, những từ ấy cha hiểu như thế nào? Có phải tôi đã không cam chịu chút nào? Nếu tôi không cam chịu, tôi đã chết rồi. Cam chịu! Tôi chỉ đã cam chịu quá – cam chịu! Tôi đã hờn thẹn về điều ấy (tiếng bà, không nâng cao giọng, có một âm vang kì dị, và như là tiếng vang

kim loại). Ô! Ngày xưa hơn một lần, tôi đã ghen tị với những người đàn bà yếu đuối, họ không trèo ngược lên những dốc như thế. Nhưng chúng tôi, chúng tôi được xây bằng vôi và cát. Để ngăn cái thể xác tội nghiệp này đừng quên, lẽ ra tôi phải giết nó đi. Không phải cứ ai muốn giết mình là giết được.” – “Tôi không nói về cái sự cam chịu đấy, tôi nói với phu nhân, bà biết rõ như thế mà.” – “Sao cơ? Tôi đi lễ nhà thờ, tôi chịu lễ ban thánh thể vào dịp Phục sinh, lẽ ra tôi đã có thể từ bỏ mọi lễ nghi, tôi đã nghĩ đến việc ấy. Tôi thấy việc ấy không xứng đáng với mình.” – “Thưa bà, bất kỳ lời báng bổ nào còn hơn là một lời lẽ như thế. Trong miệng bà có tất cả sự ngiệt ngã của địa ngục.” Phu nhân ngừng nói, bà nhìn trân trân vào tường. – “Tại sao bà dám đối xử với Chúa như vậy? Bà khép trái tim bà với Ngài, và bà...” – “Ít ra tôi cũng sống an bình. Có thể tôi sẽ chết trong an bình.” – “Việc ấy không thể được nữa.” Bà dựng người lên như con rắn độc. – “Chúa đối với tôi đã thành người dưng. Khi nào cha ép buộc được tôi đồng ý rằng tôi ghét Ngài, cha có tiến bộ hơn hay không, đồ ngốc?” – “Bà không căm ghét Ngài nữa, tôi nói với phu nhân. Lòng thù hận là dửng dưng và khinh bỉ. Và bây giờ, cuối cùng thế là bà mặt đối mặt, Ngài và bà đấy.” Bà nhìn mãi một điểm trong không gian, không đáp.

Vào lúc đó, tôi không biết sự khiếp sợ nào nhiễm vào tôi. Tất cả những gì tôi vừa nói, tất cả những gì phu nhân vừa nói với tôi, tôi thấy cuộc đối thoại không dứt ấy vô nghĩa. Người có lương tri nào lại phán đoán về điều đó khác đi được? Dĩ nhiên tôi đã để một cô gái điên khùng vì ghen ghét và tự phụ lừa dối, tôi đã tưởng đoán được trong mắt cô sự tự tử, ý chí tự sát, cũng rõ ràng, cũng rành rọt

như một từ viết trên tường. Đó chỉ là một trong những rung động thiếu suy nghĩ mà ngay sự mãnh liệt của nó cũng đáng ngờ. Và tất nhiên người đàn bà đứng trước mặt tôi như đứng trước một quan tòa, đã thực sự sống khá nhiều năm trong sự an bình khủng khiếp của những tâm hồn bị cự tuyệt, nó là hình thái tàn khốc nhất, nặng nhất không thể chữa khỏi được, kém nhân bản nhất, của nỗi tuyệt vọng. Nhưng một nỗi khốn khổ như thế đúng là thuộc những khốn khổ mà một linh mục chỉ có thể run rẩy mà đến gần. Tôi muốn sưởi ấm ngay cho trái tim lạnh giá này, mang ánh sáng tới biên bản cuối cùng của một lương tâm mà lòng xót thương của Chúa có lẽ muốn còn để lại trong cõi tăm tối từ bi. Nói gì đây? Làm gì đây? Tôi như một người, đã leo một mạch cái dốc dựng đứng, mở mắt, dừng lại choáng váng, không còn khả năng leo lên hay tụt xuống.

Chính lúc đó – không! điều này không thể tỏ bày ra – trong khi tôi chiến đấu bằng toàn bộ sức lực của mình chống lại sự nghi hoặc, nỗi sợ hãi, thì tinh thần cầu nguyện trở về trong tôi. Xin hãy nghe tôi cho rõ: từ lúc khởi đầu cuộc nói chuyện phi thường này tôi không ngừng cầu nguyện, theo nghĩa mà những tín đồ Cơ đốc giáo phù phiếm gán cho từ này. Một con vật khốn khổ dưới cái chuông bài khí, có thể làm mọi động tác của sự hô hấp, có hề chi! Và kìa bỗng nhiên không khí lại rít lên trong phế quản nó, giờ ra từng cái một những mô phổi mảnh dẻ đã khô héo đi, máy vừa chạy một phát là những động mạch đã rung rinh màu đỏ – toàn bộ sinh thể như một con tàu bùng lên những cánh buồm căng gió.

Bà gieo mình xuống ghế bành, vùi đầu vào hai bàn tay. Chiếc khăn trùm dài bị rách vương trên vai bà, bà nhẹ nhàng gỡ ra, nhẹ

nhàng ném xuống chân bà. Không một cử động nào của bà lọt khỏi mắt tôi, thế mà tôi có cảm giác kỳ lạ rằng chúng tôi, cả người này lẫn kia đều không ở căn phòng khách nhỏ bé âm u này, rằng gian phòng trống rỗng.

Tôi nhìn thấy bà rút từ trên ngực tấm khung ảnh đeo cổ ở đầu một dây chuyền bạc giản dị. Và vẫn với cùng sự nhẹ nhàng đó, đáng sợ hơn bất cứ bạo lực nào, bà lấy móng tay nạy cái nắp, mặt kính lặn trên tấm thảm mà bà dường như không để ý. Còn lại ở đầu ngón tay bà một lọn tóc vàng tưởng như một phoi vàng.

“Cha hãy thề với tôi...” bà lên tiếng. Nhưng ngay lập tức bà thấy trong cái nhìn của tôi rằng tôi đã hiểu, rằng tôi sẽ không thề điều gì hết.

– “Con gái ta ơi, tôi nói với bà (lời tự nhiên xuất hiện trên miệng tôi) người ta không mặc cả với Chúa Trời, cần phải thuận theo Ngài không điều kiện. Hãy tặng cho Ngài tất cả, Ngài sẽ hoàn lại cho con còn nhiều hơn. Ta không phải là một nhà tiên tri, chẳng phải một thầy đoán số, và từ chốn ấy nơi mà chúng ta đi đến tất cả, chỉ có Ngài trở lại.” Phu nhân không phản kháng, bà chỉ hơi cúi xuống đất, và cứ mỗi lời nói, tôi thấy vai bà run lên. “Tuy nhiên cái mà ta có thể khẳng định với con là không có một vương quốc của những người sống và vương quốc của những người chết, chỉ có vương quốc của Chúa, người sống hay người đã chết, và chúng ta ở trong.” Tôi đã nói ra những lời ấy, tôi có thể nói những lời khác, cái đó vào thời điểm ấy sao ít quan trọng đến thế! Tôi có cảm tưởng rằng một bàn tay huyền bí vừa mới mở một kẽ hở không biết ở bức thành vô hình nào, và sự bằng an trở về từ khắp mọi nơi, uy nghi dâng lên, một sự

bằng an chưa từng được biết trên trái đất, sự bằng an êm dịu của những người chết giống như một làn nước sâu.

– “Tôi thấy điều ấy có vẻ rõ ràng, bà nói giọng lạc đi một cách kỳ lạ, nhưng bình thản. Cha có biết điều mà tôi tự hỏi lúc nãy, cách đây một lát hay không? Có lẽ tôi không nên thú nhận nó với cha chẳng? Này nhé, tôi tự nhủ: Nếu đâu đấy tồn tại, trong cõi đời này hay trong cõi đời khác, một nơi mà Chúa không tồn tại – dù tôi có phải chịu đựng ở nơi ấy, mỗi một giây là ngàn lần chết, vĩnh viễn – tôi sẽ mang theo đến nơi ấy... của tôi (bà không dám thốt ra tên của đứa bé đã chết) và tôi sẽ nói với Chúa: Xin Ngài hãy thỏa ý đi! Hãy đề bẹp chúng tôi đi! Chắc cha thấy cái đó có vẻ khủng khiếp?” – “Không, thưa bà.” – “Vì sao không?” – “Tại vì, thưa bà, tôi cũng vậy... đôi khi có lúc tôi...” Tôi không thể nói hết. Hình ảnh bác sĩ Delbende đang ở trước mặt tôi – chiếu vào cái nhìn của tôi là cái nhìn già nua tiều tụy của ông không nao núng, một cái nhìn mà tôi sợ đoán hiểu. Và tôi cũng nghe thấy, tôi tưởng như nghe thấy, ngay ở cái phút ấy, tiếng rên bật ra từ biết bao bộ ngực đàn ông, những tiếng thở dài, những tiếng thổn thức những tiếng khò khè – nhân loại khốn khổ của chúng ta dưới cái máy ép, tiếng rì rầm đáng sợ đó... – “Thôi đi nào! bà nói với tôi chậm rãi. Liệu người ta có thể hay chẳng? Cả đến những đứa trẻ, những đứa trẻ hiền lành bé bỏng có lòng kiên tín... Cha có bao giờ nhìn thấy chúng chết hay không?” – “Không, thưa bà.” – “Thằng bé đã ngoan ngoãn chấp những bàn tay bé nhỏ, nó lấy vẻ nghiêm trang và... và... tôi đã cố cho nó uống, một lát trước đó, và hãy còn trên cái miệng nứt nẻ, một giọt sữa...” Bà bắt đầu run lên như tàu lá. Tôi có cảm tưởng là tôi đơn độc một

mình, đứng một mình, giữa Chúa và con người bị dẫn vật này. Cứ như thể những tiếng đập mạnh thỉnh thoảng trong ngực tôi. Tuy nhiên Chúa đã cho phép tôi đối mặt. – “Thưa bà, tôi nói với phu nhân, nếu Chúa của chúng ta là Chúa của những người theo tà đạo hoặc những triết gia (đối với tôi, họ cũng thế cả) dù ngài có thể lách lên đỉnh những vòm trời cao nhất, nỗi khốn khổ của chúng ta sẽ lật nhào ngài xuống. Nhưng bà biết rằng Chúa của chúng ta đến từ phía trước. Bà có thể giơ nắm đấm với ngài, nhổ vào mặt ngài, đánh ngài bằng roi và cuối cùng đóng đinh ngài trên cây thập giá, có hề chi? *Việc ấy đã rồi, con gái của ta...*” Bà không dám nhìn tấm khung ảnh đeo cổ vẫn nằm trong lòng tay bà. Tôi thật không ngờ tới điều bà sắp làm. Bà nói với tôi: – “Xin cha hãy nhắc lại câu nói đó... cái câu nói về... địa ngục, đó là không yêu nữa.” – “Vâng, thưa bà.” – “Cha nhắc lại đi!” – “Địa ngục, đó là không yêu nữa. Hễ chúng ta còn sống, thì chúng ta có thể gây ảo tưởng cho mình, tưởng rằng chúng ta yêu bằng chính sức mình, rằng chúng ta yêu ở bên ngoài Chúa. Nhưng chúng ta giống như những người điên chìa cánh tay về phía ánh trăng trong nước. Xin lỗi bà, tôi diễn đạt rất dở những ý nghĩ của tôi.” Phu nhân có một nụ cười kì lạ không làm giãn ra được bộ mặt co rút của bà, một nụ cười ảo não. Bà lại khép tay nắm chiếc khung ảnh nhỏ và lấy bàn tay kia xiết nắm tay ấy vào ngực bà. – “Cha muốn tôi nói gì?” – “Hãy nói: Cầu cho sự trị vì của Ngài hãy tới.” – “Cầu cho sự trị vì của Ngài hãy tới.” – “Cầu cho ý chí của Ngài được thực hiện!” Đột nhiên bà đứng dậy, tay vẫn xiết chặt lấy ngực. – “Nào, tôi kêu lên. Đó là một lời mà bà đã nhắc lại nhiều lần, giờ đây cần thốt nó lên từ đáy lòng.” – “Tôi chưa bao giờ đọc *Kinh Lạy Cha* từ... từ khi... vả lại, cha biết điều đó, cha biết sự việc trước khi

người ta nói với cha,” vừa nhún vai bà nói tiếp, và lần này vẻ giận dữ. Rồi bà có một cử chỉ mà mãi về sau tôi mới hiểu ra. Trán bà lúng mờ mờ. – “Tôi không thể, bà rên rỉ, tôi có cảm tưởng rằng tôi mất nó hai lần.” – “Sự trị vì mà bà vừa cầu chúc lên ngôi cũng là sự trị vì của bà và của cháu.” – “Thế thì, cầu cho sự trị vì ấy tới.” Bà ngược nhìn ánh mắt tôi, và chúng tôi cứ như thế vài giây, rồi bà nói với tôi: – “Chính là tôi thuận theo cha.” – “Theo tôi!” – “Vâng, theo cha. Tôi làm méch lòng Chúa, chắc là tôi đã căm ghét ngài. Vâng, bây giờ tôi tin rằng có thể tôi sẽ chết với lòng căm ghét đó trong trái tim. Nhưng tôi chỉ thuận theo cha.” – “Tôi là một người quá nghèo. Chẳng khác gì bà đặt một đồng vàng vào một bàn tay thùng.” – “Cách đây một giờ tôi thấy cuộc sống của tôi có vẻ rất ngăn nắp, vật nào ở chỗ nấy, thế rồi cha đã chẳng để cái gì còn đứng được tại cuộc đời đó, chẳng gì hết.” – “Bà hãy dâng Chúa cuộc đời ấy đúng như nó tồn tại.” – “Tôi muốn cho tất cả hoặc không cho tí gì, chúng tôi là những người con gái được tạo ra như thế.” – “Hãy cho tất cả.” – “Ồ! Cha không thể hiểu được, cha tưởng rằng tôi đã nhu thuận. Chút kiêu hãnh còn lại trong tôi rất đủ để rửa cho cha bị đày hỏa ngục!” – “Hãy dâng niềm kiêu hãnh của bà cùng những cái khác, hãy cho tất cả.” Vừa dứt lời, tôi đã thấy dâng lên trong cái nhìn của phu nhân không biết là ánh sáng nào, nhưng đã quá muộn để tôi có thể ngăn trở bất cứ điều gì. Bà đã ném cái khung ảnh nhỏ vào giữa những khúc củi đang cháy. Tôi quỳ vội xuống, tôi thọc cánh tay mình vào lửa, tôi không cảm thấy vết bỏng. Một lát, tôi đã tưởng tóm được giữa mấy ngón tay lọn tóc nhỏ vàng hoe, nhưng nó đã tuột khỏi tay tôi, nó đã rơi vào trong than hồng đỏ. Phía sau tôi xảy ra một sự im lặng kinh

khủng đến nỗi tôi không dám quay lại. Ông tay áo của tôi bị cháy đến khuỷu.

“Sao bà dám làm thế! tôi lấp bắp. Điền rồ biết bao!” Phu nhân đã lui về phía bức tường, bà tựa lưng, tựa bàn tay vào đó. – “Tôi xin cha tha lỗi,” bà nói với giọng khiêm nhường. – “Có phải bà coi Chúa như một đao phủ hay không? Ngài muốn rằng chúng ta hãy thương xót lấy bản thân mình. Vả lại những đau khổ của chúng ta không phải là thuộc về chúng ta, Ngài đảm nhận chúng, chúng ở trong trái tim Ngài. Chúng ta không có quyền đi tìm chúng ở đó để thách thức chúng, lăng nhục chúng. Bà có hiểu không?” – “Điều đã rồi là đã rồi, tôi không thể làm gì được nữa.” – “Vậy con hãy bằng an, con gái của ta.” Tôi nói với phu nhân. Và tôi ban phước cho bà.

Những ngón tay tôi hơi chảy máu, da rộp lên từng mảng. Bà đã xé một chiếc khăn tay và băng bó cho tôi. Chúng tôi không trao đổi lời nào. Sự bằng an mà tôi mời gọi cho bà đã tỏa xuống tôi. Và giản dị, thân tình đến nỗi bất kỳ sự hiện diện nào cũng không thể khuấy động được nó. Vâng, chúng tôi trở lại cuộc sống hàng ngày hết sức nhẹ nhàng, đến nỗi giả sử người chứng kiến chăm chú nhất cũng không bắt chợt được chút gì về điều bí mật đó, cái điều bí mật đã không còn thuộc về chúng tôi nữa.

Bà xin tôi ngày mai nghe bà xưng tội. Tôi bảo bà hãy hứa là không nói lại với một người nào về điều đã xảy ra giữa chúng tôi, và tôi cũng hứa là bản thân tôi tuân thủ một sự im lặng tuyệt đối. “Dù có thế nào đi nữa,” tôi nói. Trong khi thốt ra những tiếng cuối cùng này, tôi cảm thấy trái tim mình thất lại, nỗi buồn lại xâm chiếm lòng tôi. Cầu cho ý muốn của Chúa được thực hiện!

Tôi rời lâu đài lúc mười một giờ và tôi phải đi Dombasle ngay tức khắc. Lúc quay về tôi dừng lại ở mỏm rừng, từ nơi này nhìn thấy miền đất bằng phẳng, những dốc dài thoải thoai rất nhẹ, xuôi từ từ ra biển. Tôi mua ở làng một chút bánh và bơ, và ăn rất ngon miệng. Như sau mỗi thử thách quyết định của đời tôi, tôi cảm thấy một thứ đỡ dần, một sự tê dại trong tư tưởng, nó không khó chịu, cho tôi một ảo tưởng kỳ lạ về sự nhẹ nhàng, về hạnh phúc. Hạnh phúc nào? Tôi không thể nói được. Đó là một niềm vui không diện mạo. Điều phải tồn tại thì đã tồn tại, không còn gì nữa. Tôi trở về nhà rất muộn, và dọc đường tôi gặp ông già Clovis, ông trao cho tôi một gói nhỏ do Bá tước phu nhân gửi. Tôi không quyết định mở gói ra, ấy thế mà *tôi biết* bên trong chứa đựng cái gì. Đó là chiếc khung ảnh nhỏ đeo cổ, bây giờ rỗng không, ở đầu sợi dây chuyền bị đứt.

Còn có một lá thư. Nó đây. Lá thư lạ lùng.

“Thưa cha xứ, tôi không tin cha có khả năng tưởng tượng cha đã để tôi ở lại trong tình trạng nào, chắc cha phải hoàn toàn dừng dừng với những vấn đề tâm lý học ấy. Nói gì với cha đây? Ký ức tuyệt vọng về một đứa trẻ thơ khiến tôi xa lánh hết thảy, trong một niềm cô đơn kinh khủng, và tôi có cảm tưởng là một đứa trẻ khác đã kéo tôi ra khỏi nỗi cô đơn đó. Tôi hy vọng không làm cha méch lòng khi coi cha như trẻ thơ? Cha là trẻ thơ. Cầu Chúa phù hộ cho cha như thế, mãi mãi!

“Tôi tự hỏi cha đã làm điều gì, cha đã làm điều đó như thế nào. Hay đúng hơn là tôi không tự hỏi điều ấy nữa. Mọi việc điều tốt. Tôi không nghĩ rằng sự nhẫn nhục là có thể. Và quả thật không phải sự nhẫn nhục đã đến. Nó không phải là bản chất của tôi, và linh cảm

của tôi về việc đó đã không làm. Tôi không nhẫn nhục, *tôi hạnh phúc*. Tôi không ao ước điều gì hết.

“Ngày mai cha đừng chờ tôi. Tôi sẽ đi xưng tội với cha X... như mọi khi. Tôi sẽ cố gắng làm việc này thành khẩn nhất, nhưng cũng kín đáo hết mức có thể được phải không cha? Tất cả việc ấy đơn giản biết bao! Khi tôi sẽ nói: “Tôi đã phạm tội chống lại niềm hy vọng, từng giờ trong ngày, từ mười một năm nay,” là tôi đã nói hết. Niềm hy vọng! Tôi đã giữ niềm hy vọng chết rồi trong cánh tay tôi, vào cái buổi tối tháng ba kinh khủng, có gió, ảo não... tôi cảm thấy hơi thở cuối cùng của nó trên má tôi, ở một chỗ mà tôi biết. Bây giờ nó được trả lại cho tôi. Lần này không phải cho mượn mà là cho. Một niềm hy vọng quả thực là của tôi, chỉ của một mình tôi, nó không giống với cái mà những nhà triết học gọi tên như vậy, như cái từ tình yêu không giống với người được yêu. Một niềm hy vọng như là thịt của thịt tôi. Điều ấy không diễn tả được. Cần phải có những lời của trẻ thơ.

“Tôi muốn nói với cha những điều ấy ngay từ tối hôm nay. Cần phải như thế. Và rồi chúng ta sẽ không nói lại về những điều ấy nữa, có phải không cha? Không bao giờ nữa! Tiếng ấy thật êm dịu. Không bao giờ! Vừa viết nó, tôi vừa đọc nó lên thật khẽ, và tôi cảm thấy nó diễn đạt một cách tuyệt diệu, khó tả nên lời, sự an bình mà tôi nhận được từ cha.”

Tôi luôn bức thư này trong cuốn *Noi gương* của tôi, một cuốn sách cũ của mẹ tôi, còn phảng phất mùi oải hương, oải hương mà bà để trong túi thơm trong áo quần của bà, theo kiểu cổ. Bà không đọc nó luôn vì chữ thì nhỏ và sách thuộc loại giấy mỏng đến nỗi

những ngón tay tội nghiệp của bà, nứt nẻ vì giặt giũ, không lật được trang.

Không bao giờ... không bao giờ nữa... Sao lại thế? Đã đành là tiếng ấy êm dịu.

Tôi buồn ngủ. Để hoàn thành kinh nhật tụng, tôi phải đi dọc đi ngang, mắt bắt giác nhắm lại. Tôi có hạnh phúc hay không, tôi không biết.

Sáu giờ rưỡi.

Bá tước phu nhân chết đêm hôm ấy.

.....

Tôi trải qua những giờ đầu tiên của cái ngày kinh khủng ấy trong một trạng thái gần như nổi loạn. Nổi loạn đó là vì không hiểu, và tôi không hiểu. Người ta rất có thể chịu đựng những thử thách thoát tiên hình như quá sức mình – ai trong chúng ta biết được sức của mình? Nhưng tôi cảm thấy mình nực cười trong nỗi bất hạnh, không có khả năng làm cái gì có ích, một sự vương bận cho tất cả mọi người. Nỗi khổ não hỗ thẹn lớn đến nỗi tôi không thể tìm mình nhân mặt. Tôi nhìn thấy trong gương, trong các cửa kính, một bộ mặt dường như biến dạng, do buồn phiền ít hơn do sợ hãi, với cái nhếch mép sầu thảm cầu xin thương xót, giống như một nụ cười góm ghiếc. Chúa ơi!

Trong khi tôi hồi hải vô ích, mỗi người ra sức làm phận sự của mình, và cuối cùng người ta để tôi lại một mình. Bá tước ít bận tâm đến tôi và tiểu thư Chantal làm ra vẻ không thấy tôi. Sự việc xảy ra lúc hai giờ sáng. Bá tước phu nhân đã tuột khỏi giường bà, và trong

khi ngã bà làm vỡ chiếc đồng hồ báo thức để trên bàn. Nhưng người ta chỉ phát hiện thấy tử thi tất nhiên là muộn hơn nhiều. Cánh tay trái bà đã cứng, vắn hơi gập lại. Từ nhiều tháng nay bà đã thấy mệt mỏi khó ở và thầy thuốc cho là không quan trọng. Bệnh đau ngực, chắc thế.

Tôi chạy đến lầu đài, vuốt mồ hôi. Tôi hy vọng không biết điều gì. Ở cửa phòng, tôi đã phải cố gắng lắm, một cố gắng phi lý, để bước vào, rằng đánh lập cập. Tôi hèn nhát đến thế hay sao! Khuôn mặt phu nhân phủ vải sa và tôi chỉ hơi nhận ra nét mặt, nhưng nhìn rất rõ cặp môi bà chạm vào vải phủ. Tôi ao ước đến mấy giá như bà mỉm cười, cái nụ cười bí hiểm ấy của những người chết, và hòa hợp đến thế với sự im lặng huyền diệu của họ!... Bà không mỉm cười. Khuôn miệng nhếch về phía bên phải, có một vẻ thờ ơ, coi thường, gần như khinh miệt. Khi giờ bàn tay để cầu phúc cho bà, cánh tay tôi nặng trĩu.

Do một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, hai bà xơ đi quyền tiền đến lầu đài hôm trước, và Bá tước đã đề nghị, khi họ hoàn tất chuyến đi, dùng xe tiễn họ ra ga hôm nay. Vậy là họ đã ngủ tại đây. Tôi thấy họ ở đấy, nhỏ bé trong những tấm áo thùng thình, với những đôi giày nhỏ thô kệch lắm bùn. Tôi sợ rằng thái độ của tôi khiến họ ngạc nhiên. Họ lần lượt lên quan sát tôi, tôi không thể đứng tĩnh tâm được. Tôi cảm thấy mình lạnh như băng, trừ cái khoảng bên trong ngực, nóng bỏng. Tôi đã ngỡ mình ngã xuống.

Cuối cùng, Chúa phù hộ, tôi đã có thể cầu nguyện. Giờ đây tôi tự vẫn mãi mà không thấy luyến tiếc điều gì. Giả thử tiếc thì luyến tiếc cái gì chứ? Ấy vậy mà có đấy! Tôi nghĩ rằng lẽ ra tôi có thể thức

đêm qua, giữ vẹn nguyên thêm vài giờ nữa ký ức của cuộc trò chuyện ấy nó là cuộc trò chuyện cuối cùng. Vả lại, cũng là cuộc đầu tiên. Cuộc đầu tiên và cuộc cuối cùng. Tôi có hạnh phúc hay không, có phải tôi đã viết... Tôi khờ dại làm sao! Bây giờ tôi biết rằng tôi chưa bao giờ biết, rằng tôi sẽ không bao giờ tìm lại được những giờ trọn vẹn như thế, êm ái đến thế, hoàn toàn đầy ắp một sự hiện diện, một cái nhìn, một cuộc sống con người, trong khi tối hôm qua, ngồi chống tay trên bàn, tôi cầm xiết trong lòng bàn tay cuốn sách cũ mà tôi phó thác lá thư của mình, như phó thác cho một người bạn đáng tin cậy và kín đáo. Và cái mà tôi sắp mất đi nhanh đến thế, tôi đã tự cố ý chôn vùi trong giấc ngủ, một giấc ngủ li bì, không mộng mị...

Bây giờ thế là hết. Kỷ niệm về người đàn bà còn sống đã đang tan nhòa và ký ức sẽ chỉ còn giữ lại hình ảnh của người đàn bà đã chết, mà Chúa đã đặt bàn tay lên, tôi biết điều đó. Thì người ta muốn tôi còn nhớ được gì trong óc về những tình huống ngẫu nhiên đến thế, những tình huống mà tôi dò dẫm đi qua, như người mù? Chúa cần có một nhân chứng, và tôi đã được chọn, hẳn vì không chọn được ai hơn, như người ta gọi một người khách qua đường. Phải chi tôi thực sự điên mới tưởng tượng mình đã đóng một vai trò, một vai trò thực sự. Đã là quá nhiều khi Chúa cho tôi ân phước được tham dự cuộc giải hòa của một linh hồn với niềm hy vọng, tham dự cuộc hôn lễ long trọng đó.

Tôi phải rời lâu đài vào khoảng hai giờ, và buổi dạy giáo lý kéo dài muộn hơn tôi nghĩ rất nhiều vì chúng tôi đang trong kỳ thi tam cá nguyệt. Tôi rất muốn qua đêm bên cạnh Bá tước phu nhân, nhưng những nữ tu vẫn ở đó và linh mục de la Motte-Beuvron, một người

chú của Bá tước, phụ tá Đức chủ giáo, đã quyết định thức đêm trông với họ. Tôi không dám nài. Vả lại Bá tước tiếp tục tỏ ra với tôi một vẻ lạnh lùng khó hiểu, gần như là thù địch. Nghĩ thế nào đây?

Linh mục phụ tá de la Motte-Beuvron cũng bực bội rõ rệt với tôi, ông gặp riêng tôi một lát để hỏi rằng có phải trong cuộc nói chuyện của chúng tôi hôm qua, Bá tước phu nhân đã có đề cập gì đó về sức khỏe của bà. Tôi hiểu rất rõ rằng như vậy là ông ta kín đáo mời tôi nói. Liệu tôi có phải nói hay không? Tôi nghĩ là không. Giả sử nói thì phải nói hết. Mà bí mật của Bá tước phu nhân, chưa bao giờ hoàn toàn thuộc về tôi, nay càng thuộc về tôi ít hơn bao giờ hết, hay đúng hơn, vừa bị lấy đi của tôi vĩnh viễn. Tôi có thể lường trước được sự dốt nát, lòng ghen tức, có thể là mối hận thù sẽ lợi dụng việc này như thế nào không? Giờ đây khi những sự cạnh tranh tàn khốc kia không còn ý nghĩa nữa, tôi lại đi mạo hiểm khơi dậy kỷ niệm về những điều ấy hay sao? Và vấn đề không chỉ là một kỷ niệm, tôi sợ rằng những sự cạnh tranh vẫn còn sống dai dẳng, chúng thuộc về những cạnh tranh mà cái chết không phải bao giờ cũng làm nguôi được. Và rồi những điều bực bực mà tôi tiếp nhận, nếu tôi thuật lại chúng, liệu chúng chẳng có vẻ biện minh cho những mối thù oán cũ hay sao? Tiểu thư còn trẻ, và tôi biết, qua kinh nghiệm, những ấn tượng của tuổi trẻ bền bỉ khẳng khẳng, có lẽ không thể xóa nhòa như thế nào... Tóm lại, tôi đã trả lời linh mục phụ tá rằng Bá tước phu nhân bày tỏ lòng mong muốn thấy được khôi phục sự hòa thuận giữa các thành viên gia đình bà. “Thật thế à? Ông ta lãnh đạm nói. Ông có phải là cha nghe xưng tội của phu nhân không, thưa ông cha xứ?” “Không.” Tôi phải thú nhận rằng giọng nói của ông ta làm tôi

khó chịu đôi chút. – “Tôi tin rằng Phu nhân sẵn sàng xuất hiện trước mặt Chúa,” tôi nói thêm. Ông ta nhìn tôi vẻ lạ thường.

Tôi trở vào trong phòng lần cuối. Những nữ tu đã lần tràng hạt xong. Người ta xếp chặt ních dọc theo bức tường những bó hoa do bè bạn, bà con mang đến, những người này không ngớt điếu qua suốt ngày và do đó tiếng xì xào gần như vui vẻ đầy nhà. Mỗi lúc, đèn pha ô tô lại sáng lóe qua cửa kính, tôi nghe thấy lạo xạo tiếng cát ở các lối đi, vọng lên tiếng gọi của các lái xe, tiếng còi. Tất cả những cái ấy không hề làm ngưng lại tiếng ào ào đơn điệu của các bà xơ hiền lành, cứ như thể hai người thợ kéo sợi.

Ánh nền làm lộ khuôn mặt qua lớp vải sa rõ hơn là ánh sáng ban ngày. Mới vài tiếng đồng hồ đã đủ để làm dịu đi, làm dần ra khuôn mặt ấy, và quảng lan rộng của những mí mắt khép kín tạo nên như thể vẻ nhìn suy tưởng. Vẫn còn là một bộ mặt kiêu hãnh, hãnh vậy, và thậm chí oai vệ. Nhưng hình như nó đã ngoảnh đi khỏi một kẻ thù đã từ lâu thách thức mặt đối mặt, để dần dần đắm chìm vào một sự trầm ngâm vô tận, không dò thấu được. Nó đã cách xa chúng ta, ở bên ngoài quyền hạn của chúng ta biết bao nhiêu! Và bỗng nhiên tôi nhìn thấy những bàn tay tội nghiệp chấp lại, những bàn tay rất thanh mảnh, rất dài, thật sự chết chóc hơn cả khuôn mặt, và tôi nhận ra một dấu hiệu nhỏ, chỉ là một vết cào xước, mà tôi đã nhìn thấy tối hôm trước khi bà xiết chặt chiếc khung ảnh nhỏ vào ngực bà. Lớp dính mỏng vẫn còn đó. Tôi không biết vì sao lúc ấy lòng tôi bỗng tan nát. Hồi ức về cuộc đấu tranh mà bà đã giữ vững trước mặt tôi, dưới mắt tôi, cuộc chiến đấu lớn lao vì cuộc sống vĩnh cửu mà bà đã vượt ra khỏi, kiệt sức, chưa có ai địch nổi, đã trở lại hết sức mạnh mẽ

trong ký ức của tôi đến mức tôi đã tưởng mình là đi. Tại sao tôi đã không đoán được rằng một ngày như thế sẽ không có ngày mai, rằng cả hai chúng tôi đã đối địch nhau tại giới hạn cuối cùng của cái thế giới vô hình đó bên bờ vực ánh sáng? Sao mà chúng tôi lại không cùng rơi xuống đó chứ! “Xin hãy bằng an,” tôi đã nói với bà. Và bà đã quỳ xuống để nhận lấy sự bằng an đó. Mong rằng phu nhân hãy bảo vệ lấy nó mãi mãi! Chính tôi đã đem lại sự bằng an đó cho bà. Ôi kỳ diệu, khi người ta có thể biểu cái mà bản thân người ta không có, ôi phép lạ dịu dàng của bàn tay trống không của chúng ta! Niềm hy vọng đang chết đi trong trái tim tôi đã nở hoa lại trong trái tim bà, tinh thần cầu nguyện mà tôi tưởng đã mất đi không trở lại, Chúa đã trả lại cho bà, và biết đâu đấy? nhân danh tôi cũng nên... Mong rằng bà hãy bảo vệ lấy niềm hy vọng ấy, mong rằng bà hãy bảo vệ lấy tất cả! Con đã bị tước bỏ, Chúa ơi, vì chỉ có ngài biết tước bỏ, vì không có gì thoát khỏi sự ân cần đáng sợ của ngài, tình yêu đáng sợ của ngài.

Tôi vạch tám mạng sa che mặt, lấy ngón tay vuốt nhẹ vàng trán cao và trong sáng, đầy thanh lặng. Và người linh mục bé nhỏ tội nghiệp là tôi, đứng trước người đàn bà ngày hôm qua còn cao hơn tôi đến thế về tuổi tác, về dòng dõi, về gia sản, về trí tuệ, tôi đã hiểu – vâng, tôi đã hiểu thế nào là tư cách làm cha.

Khi ra khỏi lâu đài, tôi phải đi qua hành lang. Cửa phòng khách mở rộng và cả cửa phòng ăn cũng thế, mọi người tắt bật quanh bàn và vội vàng nhăm nháp bánh mì kẹp nhân, trước khi trở về nhà họ. Phong tục xứ này là như thế. Có những người, lúc một thành viên trong gia đình đi qua, bị bắt chột miệng đầy, má phồng, đã rất vất vả

để ra vẻ buồn rầu và thông cảm. Đặc biệt tôi thấy các bà già có vẻ – tôi không dám viết từ này – đói khát, gớm ghiếc. Tiểu thư Chantal đã quay lưng lại tôi, và lúc đi qua, tôi nghe thấy như là tiếng xầm xì. Tôi có cảm tưởng là người ta nói về tôi.

Tôi vừa đến chống khuỷu tay bên cửa sổ. Cuộc diễu hành ô tô tiếp tục ở đằng kia, tiếng ầm ào trầm đục mang tính hội hè nọ... Người ta chôn bà vào thứ bảy.

Tinh mơ sáng nay, tôi đến lâu đài. Bá tước cho trả lời tôi rằng ông đang hết sức buồn phiền, rằng ông không tiếp tôi được, và rằng vị phụ tá chủ giáo de la Motte-Beuvron vào khoảng hai giờ chiều nay sẽ đến nhà cha xứ để thỏa thuận với tôi về tang lễ. Có chuyện gì xảy ra vậy?

Hai bà xơ tốt bụng thấy vẻ mặt tôi đau ốm quá, thành thử họ đòi anh hầu buồng mà không cho tôi biết một cốc rượu nho porto, tôi uống rất ngon lành. Chàng thanh niên này, cháu trai ông già Clovis, thường thường lễ phép và thậm chí ân cần, đã đáp lại rất lạnh lùng cử chỉ cầu thân của tôi (đã đành là đầy tớ các gia đình sang trọng ít ưa sự thân mật, hơn nữa chắc là vụng về, của những người như tôi). Nhưng chiều qua anh ta hầu bàn ăn và tôi nghĩ rằng hẳn anh ta bất chợt được một vài lời nào đó. Những lời gì?

Tôi chỉ có nửa tiếng để ăn sáng, thay áo choàng (trời lại bắt đầu mưa) và sắp xếp một chút nhà cửa từ mấy ngày nay lộn xộn kinh khủng. Tôi không muốn làm cho cha phụ tá chủ giáo de la Motte-Beuvron vốn đã ít thiện ý với tôi đến thế phải công phần. Vậy lẽ ra tôi còn nhiều việc để làm, hay hơn là viết những dòng này. Ấy thế

mà, hơn bao giờ hết tôi cần tập nhật ký này. Một ít thời gian mà tôi dành cho nó là thời gian duy nhất tôi cảm thấy muốn hiểu rõ về bản thân tôi. Với tôi suy nghĩ trở nên nặng nề, trí nhớ của tôi kém quá – tôi nói về trí nhớ những sự kiện mới rồi bởi vì trí nhớ kia thì! – óc tưởng tượng chậm chạp quá, đến nỗi tôi phải làm việc đến kiệt sức để dứt mình ra khỏi không biết điều mơ mộng lơ mơ, bất định nào mà lời cầu nguyện, than ôi! không phải bao giờ cũng giải thoát tôi. Hễ tôi vừa dừng lại, là tôi cảm thấy chìm đắm vào một tình trạng nửa ngủ nửa thức nó làm rối loạn mọi viễn cảnh của ký ức, làm cho mỗi một ngày đã trôi qua của đời tôi thành một cảnh tượng sương mù, không điểm mốc, không đường đi. Với điều kiện ghi lại một cách chu đáo, sớm tối, nhật ký của tôi đánh dấu cho những nỗi cô đơn đó, và có lúc tôi giúi những tờ cuối cùng vào túi để đọc lại khi mà, trong những cuộc đi quanh đơn điệu, chán ngán đến thế, từ nhà thờ lễ này đến nhà thờ lễ khác, tôi sợ không cưỡng được chứng choáng váng của mình.

Như thế, nhật ký này chiếm quá nhiều vị trí trong đời tôi... tôi không biết điều ấy. Chúa biết điều ấy.

Phụ tá giám mục de la Motte-Beuvron vừa ra khỏi đây. Đó là một linh mục rất khác với điều mà tôi tưởng tượng. Vì sao ông đã không nói với tôi rõ ràng hơn, thành thực hơn? Có lẽ ông ta mong như thế, nhưng những con người lịch thiệp ấy, hợp thức đến thế, rõ ràng là rất sợ mũi lòng.

Trước hết chúng tôi quyết định chi tiết các lễ an táng, mà Bá tước muốn hợp thức, không thêm gì nữa, thể theo – ông ta bảo đảm – ý

muốn đã nhiều lần bày tỏ của vợ ông. Xong việc, cả hai chúng tôi vẫn im lặng khá lâu, tôi rất bứt rứt. Cha phụ tá giám mục nhìn lên trần, máy móc hết mở lại đóng vỏ chiếc đồng hồ quả quýt vàng to dùng của ông ta. – “Tôi cần báo với cha, cuối cùng ông ta nói, rằng cháu Omer của tôi (Bá tước tên là Omer mà tôi không biết) muốn gặp riêng cha tối nay.” Tôi trả lời rằng tôi đã hẹn gặp người giữ đồ thờ lúc bốn giờ để giở màn trướng ra, ngay sau đó tôi sẽ đến lâu đài. – “Thôi nào, con, con sẽ tiếp nó ở nhà cha xứ. Con chẳng phải là linh mục phụ trách nhà thờ riêng của lâu đài, rõ thật! Và thậm chí ta khuyên con hãy hết sức dè dặt, đừng để lời cuốn vào tranh luận với hân ta về hành vi thuộc giáo chức của con.” – “Hành vi nào?”

Ông đã ngẫm nghĩ trước khi trả lời.

“Con đã gặp đứa cháu gái của ta ở đây phải không?” – “Tiểu thư Chantal đã đến đây tìm tôi, thưa Cha phụ tá giám mục.” – “Đó là một đứa nguy hiểm, bất trị. Hân là nó biết làm cho con xúc động?” – “Tôi đã đối xử cứng rắn với tiểu thư. Tôi cho là áp đảo tiểu thư thì đúng hơn.” – “Nó ghét cha.” – “Tôi không nghĩ như vậy, thưa cha phụ tá giám mục, có thể tiểu thư tưởng là ghét tôi, đó không phải là cùng một sự việc như nhau.” – “Con cho là con có ảnh hưởng nào đó với nó ư?” – “Trong lúc này chắc là không. Nhưng có lẽ tiểu thư sẽ không quên rằng một người đàn ông kém cỏi như tôi một hôm đã đương đầu với tiểu thư, và rằng người ta không bội nghĩa Chúa nhân từ.” – “Nó đã thuyết giải về cuộc hội kiến cùng con một cách rất khác.” – “Tùy ý tiểu thư. Tiểu thư quá kiêu hãnh nên sớm hay muộn rồi cũng xấu hổ về sự dối trá của mình, và tiểu thư sẽ xấu hổ về điều dối trá này? Tiểu thư rất cần xấu hổ.” – “Còn con?” – “Ồ! tôi,

tôi nói với ông ta, xin cha hãy nhìn vào mặt tôi. Nếu Chúa nhân từ đã tạo nên nó để cho điều gì đó, thì chính là để cho những cái tát và tôi còn chưa từng nhận cái tát nào.” Vào lúc này, Cha phụ tá nhìn trúng vào cửa bếp để mở, và ông đã thấy bàn ăn của tôi hãy còn trải tấm vải sơn, với những thứ còn lại của bữa ăn: bánh, táo (hôm qua người ta mang đến cho tôi một giỏ táo), và chai vang đã vơi đi ba phần tư. – “Con không chăm sóc nhiều đến sức khỏe của mình có phải không?” – “Dạ dày của tôi rất thất thường, tôi trả lời ông, tôi ăn được rất ít thứ, bánh, hoa quả, rượu vang.” – “Trong tình trạng ta nhìn thấy con, ta sợ rằng rượu vang có hại nhiều hơn có lợi cho con. Ảo tưởng về sức khỏe không phải là sức khỏe.” Tôi đã cố giải thích với ông ta rằng thứ vang này là một loại boocđô cũ do một người coi khu săn bắn cung cấp. Ông ta mỉm cười.

“Thưa cha xứ, ông nhắc lại với một giọng ngang hàng, gần như tôn kính, có lẽ rằng chúng ta không có lấy hai ý kiến chung về những gì liên quan đến việc cai quản các xứ đạo, nhưng cha là chủ xứ đạo này, cha có quyền ấy, chỉ cần nghe cha là biết. Trong đời tôi, tôi đã quá thường xuyên phục tùng thành thử không thể không có một ý niệm nào đó về uy quyền thực sự, bất kể tôi gặp nó ở đâu. Cha chỉ nên sử dụng uy quyền của mình một cách thận trọng. Chắc uy lực ấy lớn lao đối với một số linh hồn. Tôi là một linh mục già, tôi biết là sự đào tạo của chủng viện san bằng những tính cách đến như thế nào và thường thường, than ôi! đến mức hòa trộn những tính cách ấy vào một sự tầm thường chung. Sự đào tạo đó đã chẳng làm gì được cha. Và duyên do quyền lực của cha chính là ở chỗ không biết hoặc không dám biết mình khác những người khác đến độ nào.” –

“Cha chế nhạo tôi,” tôi nói với ông. Một sự bất an lạ kỳ choán lấy tôi, tôi cảm thấy run lên vì khiếp sợ trước cái nhìn khó tả mà vẻ thần nhiên khiến tôi ớn lạnh. – “Vấn đề không phải là biết quyền lực của mình, thừa cha xứ, mà là cái cách người ta sử dụng quyền lực đó, vì đúng là điều ấy tạo nên con người. Có nghĩa gì một quyền lực mà người ta không sử dụng bao giờ hoặc người ta chỉ sử dụng một nửa? Trong những thời cơ lớn cũng như nhỏ, cha huy động quyền lực của cha đến cùng, và chắc là cha không biết. Cái ấy giải thích được nhiều điều.”

Vừa nói ông vừa cầm một tờ giấy trên bàn làm việc của tôi, kéo về phía ông quần bút, lọ mực. Rồi ông đẩy tất cả đến trước mặt tôi. – “Tôi không cần biết cái gì đã xảy ra giữa cha và... và người quá cố, ông nói. Nhưng ta muốn chấm dứt những lời gièm pha ngu xuẩn, và hẳn là nguy hiểm. Cháu tôi chọc trời khuấy nước. Đức ông đơn giản đến nỗi ngài coi nó là một nhân vật. Cha hãy tóm tắt vài dòng cuộc đàm thoại của cha ngày hôm kia. Không có chuyện không chính xác, lại càng không có chuyện – ông nhấn mạnh những từ này – phát lộ những gì đã được phó thác không chỉ cho danh dự giáo chức của cha, dĩ nhiên rồi, mà cho sự kín đáo bình thường của cha. Vả chẳng tờ giấy này sẽ chỉ rời khỏi túi ta để đặt dưới mắt Đức ông. Nhưng ta cảnh giác với những chuyện ngòi lê đôi mách.” Vì tôi không đáp, ông chăm chăm nhìn tôi một lần nữa rất lâu bằng cặp mắt cố ý mờ đi, bằng cặp mắt chết. Không một thớ thịt nào trên mặt ông động đậy. – “Cha ngờ vực ta ư?” Ông ta nói tiếp bằng một giọng bình thản, tự tin, không cho cãi lại. Tôi trả lời rằng tôi không hiểu một cuộc trò chuyện như thế lại có thể làm nội dung cho một bản báo

cáo, rằng nó không có ai chứng kiến và do đó Bá tước phu nhân sẽ là người duy nhất có quyền cho phép tiết lộ việc này. Ông nhún vai – “Cha chưa biết tinh thần của các văn phòng. Do ta giới thiệu, người ta sẽ chấp nhận bằng chứng của cha một cách biết ơn, người ta sẽ xếp vấn đề lại, và không ai còn nghĩ đến nữa. Nếu không, cha sẽ miên man trong những sự giải thích bằng lời nói vả lại vô tích sự, vì cha không bao giờ biết nói thứ ngôn ngữ của họ. Khi cha khẳng định với họ rằng hai và hai là bốn, họ vẫn cứ coi cha như một kẻ cuồng nhiệt, như một người điên.” Tôi nín lặng. Ông đặt bàn tay lên vai tôi. “Nào, hãy gác chuyện đó lại. Ta sẽ gặp lại cha vào ngày mai nếu cha cho phép. Ta không giấu gì cha rằng ta đến đây với ý định chuẩn bị cho cha về việc thăm của cháu ta, nhưng có ích gì? Cha không thuộc loại người có thể nói để chẳng nói lên điều gì, và chẳng may điều đó lại là cái cần.” – “Rốt cuộc, tôi kêu lên, tôi đã làm điều gì sai trái, người ta chê trách tôi vì cái gì?” – “Vì cha là con người như Cha đang là, không có cách gì chữa được đâu. Con muốn gì, con của ta, những người ấy không căm ghét sự ngây thơ chân chất của con, họ tự vệ chống lại nó, nó như một thứ lửa đốt cháy họ. Con đi đây đi đó trong cuộc đời với nụ cười khiêm nhường tội nghiệp cầu xin tha thứ của con, và một ngọn đuốc nắm trong tay, mà con có vẻ coi như chiếc gậy mục đồng. Mười lần thì đến chín lần, chúng sẽ giằng lấy nó trong tay con, dẫm chân lên trên. Nhưng chỉ cần một lúc thiếu chú ý, con hiểu không? Vả lại, nói trắng ra, ta không có thiện cảm lớn lắm đối với cô cháu xấu số của ta, những người con gái họ Tréville-Sommerange ấy bao giờ cũng là loại người kỳ quặc, và ta tin rằng bản thân quý dữ, cũng không dễ dàng moi ra một tiếng thở dài từ miệng họ, và một giọt nước mắt từ mắt họ. Con hãy gặp

thằng cháu ta, con hãy nói với nó tùy như ý con muốn. Con chỉ nên nhớ rằng nó là một thằng ngốc. Và xin con đừng vì nề gì tên họ chức tước và những chuyện nhảm nhí khác mà ta e rằng lòng hào hiệp của con quá coi trọng. Không còn những nhà quý tộc nữa, ông bạn thân mến ạ, hãy ghi nhớ chuyện đó trong đầu. Ta có biết hai hoặc ba nhà quý tộc, vào thời ta còn trẻ. Đó là những nhân vật nực cười, nhưng vô cùng rõ nét. Họ làm ta nghĩ tới những cây sồi hai mươi phân mà những người Nhật Bản trồng trong các chậu nhỏ. Những chiếc chậu nhỏ là tập quán của chúng ta, phong tục của chúng ta. Không có gia đình nào cưỡng lại được tác động làm mòn cũ đi một cách từ từ của tính hà tiện một khi luật pháp đối với tất cả mọi người là bình đẳng, còn dư luận là chủ và là người phán xét. Những người quý tộc ngày nay là những người tư sản then thùng.”

Tôi tiến ông đến tận cửa và còn đi vài bước với ông ngoài đường. Tôi ngờ rằng ông chờ đợi ở tôi một cử chỉ thành thực, tin cậy, nhưng tôi ưng im lặng. Tôi tự cảm thấy mình quá thiếu khả năng chế ngự vào lúc này một cảm giác nặng nề, vả chăng tôi cũng không che đậy được nó trước ánh mắt kỳ lạ của ông ta, cứ nhìn tôi từng lúc một, với một vẻ tò mò lạnh lẽ. Làm thế nào để nói với ông ta rằng tôi chẳng bất ngờ chút nào về những mối bất bình của Bá tước, và rằng chúng tôi vừa mới chơi trò chẳng ai hiểu ai mà ông ta không ngờ?

Muộn quá đến nỗi tôi thấy đến nhà thờ cũng vô ích, người giữ đồ thờ chắc đã làm cái cần phải làm.

Cuộc đến thăm của Bá tước chẳng cho tôi biết điều gì. Tôi đã thu dọn bàn, xếp lại trật tự tất cả, nhưng để – dĩ nhiên – mở cửa tủ hộc tường. Cũng giống như cha phụ tá giám mục nhìn, thoát tiên Bá

tước nhìn ngay thấy chai vang. Đó là một điều kỳ quái buộc phải làm. Khi nghĩ đến thực đơn hàng ngày của mình, mà nhiều người nghèo chắc chẳng đành chịu ăn như vậy, tôi thấy sự ngạc nhiên của mọi người khi nhận ra rằng tôi không chỉ uống toàn nước, hơi làm tôi bực tức. Tôi đứng lên không vội vã, và đóng cửa lại.

Bá tước tỏ ra rất lạnh nhạt, nhưng lễ phép. Tôi cho rằng ông không biết sự dàn xếp của chú ông, và tôi lại phải bàn bạc quyết định một lần nữa vấn đề lễ tang. Ông biết các giá biểu rõ hơn tôi, thảo luận về giá nền và bản thân ông vạch rõ bằng một nét bút trên bản vẽ mặt bằng nhà thờ, vị trí chính xác nơi ông muốn nhà táng dựng ở đó. Tuy thế mặt ông in dấu vết của nỗi buồn rầu, sự mệt mỏi, ngay cả tiếng nói của ông cũng thay đổi, âm mũi nghe khó chịu, ít hơn mọi khi, và trong bộ com-lê đen rất đơn giản với đôi giày nặng nề, ông giống như bất kỳ một nông dân giàu có nào. “Ông già ăn mặc đẹp này, tôi nghĩ bụng, vậy đây là bạn đường của người này và bố của người kia...” Than ôi! Chúng ta nói: Gia đình, những gia đình, giống như chúng ta cũng nói Tổ quốc, cần cầu nguyện cho các gia đình, các gia đình làm tôi phát sợ. Xin Chúa rộng lòng miễn xá cho họ!

Vậy mà tôi tin chắc rằng phụ tá đức giám mục de la Motte-Beuvron không đánh lừa tôi. Bất chấp những cố gắng của ông, Bá tước ngày càng tỏ ra bị kích động. Về cuối, thậm chí tôi ngờ rằng ông ta sắp sửa nói, nhưng lúc ấy xảy ra một chuyện khủng khiếp. Trong khi lục lọi ở bàn giấy để tìm một mẫu in mà chúng tôi đang cần, tôi làm tung tóe giấy tờ hầu như khắp nơi. Trong lúc tôi vội vã xếp lại, tôi tưởng như nghe thấy sau lưng tôi tiếng ông ta thở dồn

dập hơn, gấp hơn, tôi chờ giây này sang giây khác để ông ta phá tan sự im lặng, tôi cố ý kéo dài công việc của mình, cảm giác trở nên mạnh đến nỗi tôi vụt quay lại, thiếu chút nữa là đụng phải ông ta. Bá tước đứng rất gần tôi, mặt đỏ bừng và chìa ra cho tôi một tờ giấy gấp tư đã tuột xuống dưới bàn. Đó là bức thư của Bá tước phu nhân, tôi suýt thốt ra một tiếng kêu, và trong khi tôi cầm lại bức thư từ tay ông, hẳn là ông nhận thấy tôi run vì ngón tay chúng tôi đụng vào nhau. Thậm chí tôi cho rằng ông ta sợ. Sau vài câu vô nghĩa, chúng tôi từ biệt nhau bằng cái chào trịnh trọng. Sáng mai tôi sẽ đến lâu đài.

Tôi thức suốt đêm, ngày bắt đầu ló rạng, cửa sổ phòng tôi vẫn mở và tôi rét run lập cập. Mấy ngón tay hầu như không cảm nổi bút, nhưng tôi có cảm tưởng là mình thở dễ hơn, tôi bình tĩnh hơn. Quả thật tôi không thể ngủ, nhưng cái lạnh thấm vào người tôi này thay cho giấc ngủ. Đã một hoặc hai giờ, trong khi cầu nguyện, ngồi xếp, má tựa vào mặt bàn, đột nhiên tôi cảm thấy rỗng tuếch, trống không đến nỗi tưởng mình đang chết đi. Điều ấy êm dịu.

May mắn, còn một chút vang ở đáy chai. Tôi uống thật nóng và thật nhiều đường, cần phải thừa nhận rằng một người đàn ông ở tuổi tôi ít có hy vọng giữ sức của mình với vài cốc vang, ít rau và đôi khi một miếng mỡ. Chắc chắn tôi phạm lỗi nặng là hoãn hết ngày ấy sang ngày khác việc đi khám bệnh cho mình ở Lille.

Thế mà tôi không tin rằng mình hèn nhát. Tôi chỉ rất vất vả để đấu tranh chống lại cái thứ đờ đẫn ấy, nó không phải là sự thờ ơ, lại cũng không phải là sự nhẫn nhục, và ở đó tôi tìm kiếm gần như

ngoài ý muốn một vị thuốc chữa các bệnh của mình. Buông xuôi theo ý chí của Chúa thực là dễ khi mà kinh nghiệm chứng tỏ với anh rằng hàng ngày anh không có khả năng làm nên trò trống gì hết! Nhưng cuối cùng người ta đâm ra âu yếm đón nhận như những ân huệ, những điều nhọc nhãi và những vận rủi, chúng chỉ là những hậu quả tai hại của sự ngu ngốc nơi ta. Sự giúp đỡ to lớn của cuốn nhật ký này đối với tôi là buộc tôi tìm ra phần trách nhiệm thuộc về mình trong bao nỗi đắng cay. Và lần này nữa, chỉ cần tôi đặt bút lên giấy, là đủ đánh thức dậy trong tôi cảm giác về nỗi bất lực sâu xa, không giải thích nổi, chẳng làm tốt được việc gì, về sự vụng về phi thường của tôi.

(Cách đây một khắc đồng hồ, ai có thể tin được rằng tôi có khả năng viết ra những dòng này, khôn ngoan đến thế? Vậy mà tôi đã viết chúng).

Sáng qua tôi đã đến lâu đài như tôi đã hứa. Chính tiểu thư Chantal ra mở cửa cho tôi. Điều đó làm tôi phải đề phòng. Tôi hy vọng cô tiếp tôi trong phòng, nhưng gần như cô đẩy tôi vào phòng khách nhỏ, cửa chớp đóng kín. Chiếc quạt bị gãy vẫn còn trên lò sưởi, phía sau chiếc đồng hồ. Tôi cho rằng tiểu thư đã bắt chọt được cái nhìn của tôi. Nét mặt cô nghiêm ngẽ hơn bao giờ hết. Cô làm động tác ngồi xuống chiếc ghế bành nơi mà hai ngày trước... Lúc đó, tôi tưởng nắm bắt trong mắt cô như một tia chớp, tôi nói với cô: – “Thưa tiểu thư, chỉ có ít thời gian, tôi sẽ đứng để nói với cô.” Cô ta đỏ mặt, miệng run lên tức giận – “Vì sao?” – “Vì ở đây không phải là chỗ của tôi, cũng không phải chỗ của cô.” Cô đã thốt ra một

lời nói khủng khiếp, vượt quá tuổi cô đến nỗi tôi không thể không tin rằng quỷ dữ đã nhắc cho cô nói. Cô bảo tôi: “Tôi không sợ những người chết.” Tôi xây lưng lại cô. Cô lao vào giữa tôi và cánh cửa, dang hai tay ở ngưỡng cửa ngăn tôi lại – “Liệu tôi đóng kịch thì có tốt hơn chẳng? Nếu tôi có khả năng cầu nguyện, tôi sẽ cầu nguyện. Thậm chí tôi cũng đã thử làm. Người ta không cầu nguyện cái ấy ở đây...” Cô chỉ vào ngực mình – “Cái gì?” – “Xin cha hãy gọi tên điều ấy tùy theo ý cha, tôi cho rằng đó là sự vui sướng. Tôi đoán được điều cha nghĩ, rằng tôi là một quái vật?” – “Làm gì có quái vật.” – “Nếu thế giới bên kia giống như người ta kể, mẹ tôi phải hiểu. Bà chưa bao giờ yêu tôi. Từ khi em tôi chết, bà ghét bỏ tôi. Phải chăng tôi không đúng khi đã nói với cha một cách thành thực?” – “Ý kiến của ta ít có tầm quan trọng với con...” – “Cha biết rằng có chứ nhưng cha không thèm thú nhận điều ấy. Tóm lại niềm kiêu hãnh của cha ngang bằng niềm kiêu hãnh của tôi.” – “Tiểu thư nói như trẻ con, tôi nói với cô, tiểu thư báng bổ cũng như một đứa trẻ.” Và tôi tiến một bước ra phía cửa, nhưng cô đã giữ nắm đấm cửa trong tay – “Cô giáo đang sửa soạn hòm xiềng. Thứ năm cô ấy đi. Cha xem cái mà tôi muốn, là tôi đạt được.” – “Có hề chi, tôi nói với tiểu thư, việc ấy chẳng làm cho con tiến lên mấy nỗi. Nếu con vẫn cứ như thế, bao giờ con cũng vẫn tìm được cái để căm ghét... Và nếu con có thể nghe ta, thậm chí ta sẽ nói thêm rằng...” – “Cái gì?” – “Này nhé, chính là con căm ghét bản thân mình, một mình con!” Cô ngẫm nghĩ một lát. – “Dào ôi! cô thốt lên, tôi sẽ tự căm ghét mình nếu tôi không đạt được cái mà tôi ao ước. Tôi phải được hạnh phúc, nếu không!... Tất nhiên đó là lỗi lầm của họ! Vì sao, họ lại nhốt tôi trong cái nhà tồi tàn bẩn thỉu này? Có những người con gái, tôi giả dụ, cho

dù ở ngay tại đây cũng sẽ tìm được cách để không ai chịu nổi mình: Điều ấy an ủi. Tôi thì tôi ghê tởm những cuộc cãi vã, tôi thấy chúng dễ tiện, tôi có thể chịu đựng bất cứ điều gì không nao núng. Khi máu ta đang sôi lên trong huyết quản, chẳng lớn tiếng, vẫn bình thản cúi xuống đồ khâu thêu của mình, mắt lim dim, ngậm miệng làm thinh, niềm thích thú nào bằng! Mẹ tôi là thế đấy, cha biết. Chúng tôi có thể kéo dài nhiều giờ, làm việc bên cạnh nhau, mỗi người trong giấc mơ của mình, trong cơn giận dữ của mình, và bố, đương nhiên, không nhận thấy gì hết. Vào những lúc ấy, người ta tưởng như cảm thấy một cái gì đó không biết, một sức mạnh phi thường tích tụ trong miền sâu thẳm của ta, và cả cuộc đời cũng sẽ không đủ dài để tiêu phí nó... Đương nhiên, cha coi tôi là đứa nói dối, đạo đức giả ư?” – “Tên mà ta gọi con, Chúa biết,” tôi nói với tiểu thư. – “Chính đó là cái làm cho tôi tức giận. Người ta không biết cha nghĩ cái gì. Nhưng cha sẽ biết tôi đúng như tôi tồn tại, tôi muốn thế! Có thật rằng có những người đọc hiểu được những linh hồn, cha có tin vào những chuyện ấy hay không? Làm sao cái ấy có thể xảy ra được nhỉ?” – “Con không xấu hổ về những chuyện tầm phào ấy ư? Con tưởng ta không đoán được rằng từ lâu con đã làm hại ta vài điều, ta không biết điều gì, và rằng con nôn nóng muốn ném sự thú nhận những điều ấy vào mặt ta?” – “Vâng, tôi hiểu rõ. Cha sắp nói với tôi về tha thứ, sắp đóng trò người tuấn đạo chứ gì?” – “Con hãy tỉnh ngộ, tôi nói với tiểu thư, ta là đây tớ của một chủ tể uy quyền, và với tư cách linh mục, ta chỉ có thể xá tội nhân danh Ngài. Lòng bác ái không phải là cái mà người đời tưởng tượng, và nếu con muốn ngẫm nghĩ kỹ về cái mà ngày xưa con đã học, con sẽ đồng ý với ta rằng có một thời cho lòng từ bi, một thời cho công lý và nỗi bất hạnh duy nhất không

vấn hỏi được là một ngày nào đó không ăn năn trước mặt Ngài dung thứ.” – “Vậy thì, cô nói, cha sẽ không biết gì hết!” Tiểu thư dịch ra khỏi cửa để tôi rộng lối đi qua. Trong lúc bước qua ngưỡng cửa, tôi nhìn thấy cô lần cuối cùng đứng tựa lưng vào cánh tay buồng thông, đầu cúi xuống ngực.

Chỉ một khắc sau Bá tước mới về. Ông từ ngoài đồng trở về, lấm đầy bùn, ngậm chiếc tẩu ở miệng vẻ sung sướng. Tôi tin rằng ông ta có mùi rượu, ông tỏ vẻ ngạc nhiên thấy tôi ở đây. – “Con gái tôi đã đưa cha giấy tờ, đó là chi tiết của cuộc tang lễ cử hành cho bà nhạc tôi bởi vì tiền nhiệm của cha. Tôi muốn rằng người ta làm y như thế đối với đám ma, chỉ khác vài chi tiết.” – “Các giá biểu chẳng may đã thay đổi từ hồi đó.” – “Cha cứ gặp con gái tôi.” – “Nhưng tiểu thư chưa chuyển gì cho tôi cả.” – “Sao kia, thế cha không gặp nó ư?” – “Tôi vừa mới gặp tiểu thư.” – “Thế nào! báo cho tiểu thư,” ông nói với cô hầu phòng. Tiểu thư đã không rời phòng khách nhỏ, thậm chí tôi nghĩ rằng cô ở sau cửa, cô xuất hiện tức khắc. Nét mặt Bá tước thay đổi nhanh đến nỗi tôi không tin ở mắt mình. Ông có vẻ rất bất rút. Cô nhìn ông với vẻ buồn rầu, với một nụ cười như người ta ngấm một đứa trẻ vô trách nhiệm. Thậm chí cô còn gật đầu chào tôi. Làm thế nào tin được một sự bình tĩnh như thế ở một con người ít tuổi đến thế! – “Chúng con đã nói về chuyện khác, cha xứ và con, tiểu thư nói bằng một giọng dịu dàng. Con thấy rằng bố cần để cha được toàn quyền, những thể thức phiền toái ấy là phi lý. Bố cũng cần ký ngân phiếu cho cô Ferrand. Bố nhớ rằng tối nay cô ấy đi.” – “Thế nào, tối nay! Cô ấy sẽ không tham dự tang lễ ư? Điều ấy sẽ có vẻ khác thường đối với tất cả mọi người.” – “Tất cả mọi người!

Ngược lại, con tự hỏi ai để ý đến sự vắng mặt của cô ta chứ. Và rồi, làm thế nào được? Cô ấy thích đi hơn.” Sự có mặt của tôi làm cho Bá tước lúng túng rõ rệt, ông đỏ bừng hết cả gương mặt, nhưng giọng nói của tiểu thư vẫn hoàn toàn ung dung, bình tĩnh đến nỗi ông ta không thể không trả lời cô với cùng một giọng. – “Sáu tháng tiền công – ông ta lại nói, tôi thấy là quá đáng, là nực cười...” – “Nhưng đó chính là số tiền mà má và bố đã định khi nói đến việc đuổi cổ cô ấy. Vả lại ba ngàn franc – ôi! cô gái khốn khổ! – chỉ vừa đủ cho chuyến đi, đường biển không thôi đã tốn hai ngàn lẻ năm franc.” – “Sao, một chuyến du hành bằng đường biển ư? Bố tưởng rằng cô ta sẽ nghỉ lại ở Lille, nơi bà dì Premaugis?” – “Không đâu. Đã mười năm nay cô ta mơ tưởng một chuyến đi vòng quanh Địa Trung Hải. Con cho rằng cô ta hết sức có lý khi muốn nhõn nhõn vui chơi một tí. Cuộc sống dù sao không lấy gì làm vui vẻ ở đây.” Ngài bá tước đã lựa chọn sự giận dữ – “Tốt, tốt, cố mà giữ lấy cho mình những suy nghĩ ấy. Và cô còn đợi gì nữa?” “Tám séc, sổ của bố ở trong ngăn bàn giấy của phòng khách ấy.” – “Để cho ta yên!” – “Tùy ý bố, thưa bố. Con chỉ muốn bố khỏi phải tranh cãi về những vấn đề ấy với cô giáo hiện đang bối rối.” Ông ta nhìn thẳng vào mặt con mình lần đầu tiên, nhưng cô gái đã chịu đựng cái nhìn đó với một vẻ ngạc nhiên và ngây thơ. Và mặc dầu tôi không thể lúc đó nghi ngờ rằng cô ta đang đóng một vở hài kịch thảm hại, song trong tư thế của cô, một chút gì cao thượng tôi không biết được, một thứ nhân phẩm còn trẻ con, một thứ chua cay sớm làm lòng người thất vọng. Ất là cô ta phán xét cha mình, điều phán xét đó là dứt khoát, và chắc là không có sự lượng thứ, nhưng không phải là không đượm nỗi buồn phiền. Và chính không phải sự khinh bỉ mà nỗi buồn phiền đó đặt

ông già vào hoàn cảnh phó mặc cho cô khu xử, vì không có gì ở ông, than ôi! có thể hòa hợp với một nỗi buồn như vậy, ông không hiểu gì về nỗi buồn đó – “Ta đi kí séc cho con đây, ông nói. Mười phút nữa con hãy trở lại đây.” Cô nở một nụ cười cảm ơn ông.

“Đó là đứa trẻ rất tế nhị, rất đa cảm, người ta phải gượng nhẹ với nó nhiều; ông nói với tôi, giọng kiêu kì. Cô giáo đã không gượng nhẹ đủ mức với nó. Mẹ nó còn sống ngày nào thì người đàn bà khốn khổ đó tránh được cho nó những va chạm, còn bây giờ...”

Ông đi trước tôi vào phòng ăn, nhưng không mời tôi ngồi vào ghế. Ông lại nói: “Thưa cha xứ, thà nói thật với cha. Tôi kính trọng giới tăng lữ; những người trong gia đình tôi luôn giữ với những vị tiền nhiệm của cha những quan hệ tuyệt vời, song đó là những quan hệ tôn kính, quý trọng, hoặc một cách đặc biệt hơn, những quan hệ bầu bạn. Tôi không muốn một linh mục xen vào công việc gia đình của tôi.” “Xảy ra việc chúng tôi đã phải miễn cưỡng xen vào,” tôi nói với ông ta. – “Các ngài là nguyên nhân dù không muốn... ít nhất cũng là vô ý thức... của... một nỗi bất hạnh lớn... Tôi mong rằng cuộc đối thoại mà cha vừa có với con gái tôi là cuộc cuối cùng. Mọi người, và cả những bề trên của cha, sẽ đồng ý rằng một linh mục trẻ như ngài không thể tự cho là có thể hướng dẫn lương tâm của một người con gái ở lứa tuổi nó. Chantal chẳng đã là quá nhạy cảm đó ư? Tôn giáo có cái tốt, tất nhiên, và cái tốt nhất hạng. Nhưng sứ mệnh chính của Nhà thờ là bảo vệ gia đình, xã hội, nó bài xích mọi sự thái quá, nó là quyền lực của sự trật tự, của sự chừng mực.” – “Làm sao, tôi nói với ông ta, tôi đã là nguyên nhân của một bất hạnh lớn?” – “Chú tôi, ông de la Motte-Beuvron sẽ giải minh vấn đề đó

cho cha, cha chỉ cần biết được tôi không tán thành những kinh suất của cha và tính nết của cha cũng như các thói quen của cha, tôi cho là một nỗi hiểm nguy cho xứ đạo. Tôi xin kính chào cha.”

Ông quay lưng lại với tôi. Tôi không dám leo lên đến căn phòng ấy. Tuồng như chúng ta phải đến gần những người chết chỉ với một sự thanh thản lớn. Tôi cảm thấy mình quá rối loạn vì những lời vừa mới nghe, mà tôi không tìm thấy một ý nghĩa gì. Tính nết tôi? Đồng ý. Nhưng các thói quen? Những thói quen nào?

Tôi đã trở về nhà cha xứ bằng con đường mà không hiểu tại sao người ta gọi là đường Thiên đàng – một hẻm bùn lầy giữa hai hàng rào. Tôi đã phải hầu như chạy ngay đến nhà thờ, tại đó người giữ đồ thờ đang đợi tôi từ lâu. Các đồ dùng làm lễ của tôi ở trong tình trạng thảm hại, và tôi phải thừa nhận rằng giá như có một sự kiểm kê nghiêm túc, làm kịp thời, sẽ tránh cho tôi nhiều điều lo âu.

Người giữ đồ thờ là một ông già hay càu nhàu và dưới những thái độ quàu quạu, thậm chí thô lỗ, ẩn giấu một sự nhạy cảm thất thường và đồng bóng. Người ta thường gặp nhiều hơn người ta tưởng ở những người nông dân thứ tính khí ẻo lả nặng nề tính này, mà nó dường như là đặc quyền của những người giàu ăn không ngồi rồi. Thậm chí Chúa hiểu đến mức nào có thể là mảnh mai mà không hay biết những người bị nhốt từ nhiều thế hệ, thậm chí từ nhiều thế kỷ, trong một sự im lặng mà họ không thể đo chiều sâu vì họ không có sẵn một phương tiện nào cả để bề gãy nó; vả lại họ không nghĩ tới việc ấy, kết hợp một cách ngây thơ vào công việc nặng nhọc đơn điệu hàng ngày, sự diễn biến chậm chạp của các

giấc mơ của họ... cho đến ngày mà đôi khi... Ôi sự cô đơn của những người nghèo!

Sau khi đã treo các màn trướng, chúng tôi ngồi nghỉ một lát trên cái ghế dài bằng đá của kho giữ đồ. Tôi nhìn thấy ông trong bóng tối, hai bàn tay to tướng ngoan ngoãn đặt chéo quanh hai đầu gối gầy, thân hình nghiêng về phía trước, lọn tóc ngắn hoa râm ép sát vào cái trán bóng mờ hời. – “Người ta nghĩ gì về tôi trong xứ đạo?”, tôi hỏi đột ngột. Từ trước đến nay chỉ trao đổi với ông toàn những chuyện vặt vãnh, câu hỏi của tôi dường như phi lý và tôi không mong ông ta trả lời. Sự thực là ông đã để tôi đợi lâu. – “Người ta kể rằng cha không hề chăm lo nuôi dưỡng mình, cuối cùng ông chịu nói ra bằng một giọng ồ ồ như toát lên từ đáy hang, và cha làm cho những đứa bé gái phát rồ, trong các giờ học giáo lí Cơ đốc, với những câu chuyện của thế giới bên kia.” – “Còn ông, ông Arsène, ông nghĩ gì về tôi?” Ông còn suy nghĩ lâu hơn lần trước, đến nỗi tôi đã lại tiếp tục công việc của tôi và quay lưng về phía ông. “Theo ý tôi, cha chưa ở tuổi...” Tôi cố cười, tuy không muốn cười.” – “Ông Arsène, ông muốn gì, tuổi sẽ đến!” Nhưng ông không nghe tôi nói mà cứ tiếp tục một cách bướng bỉnh sự suy tư của mình. “Cha xứ là như một viên công chứng. Cha có mặt ở đó trong trường hợp cần thiết. Không nên làm phiền nhiều ai cả.” – “Nhưng xem nhé, ông Arsène, viên công chứng làm việc cho bản thân mình, tôi làm việc cho Đức Chúa trời. Người ta hiếm tự quy theo đạo một mình lắm.” Ông đã nhặt cái can lên và tựa cằm vào cái tay nắm. Tưởng chừng như ông đang ngủ. Cuối cùng, ông nói tiếp: “Quy theo đạo... quy theo đạo... Tôi đã bảy mươi ba tuổi, tôi chưa bao giờ tự mất mình

thấy điều đó. Mỗi người sinh ra như thế này hoặc như thế khác và chết cũng vậy. Trong gia đình chúng tôi, chúng tôi là người của nhà thờ. Ông nội tôi làm nghề đánh chuông nhà thờ ở Lyon; người mẹ đã qua đời của tôi là người hầu xứ đạo Wilman; và không có trường hợp người trong gia đình tôi qua đời mà không chịu thánh lễ. Chính huyết thống đã muốn như vậy, không sao khác được.” – “Ông sẽ gặp lại tất cả họ ở trên kia,” tôi nói với ông ta. Lần này ông đã suy nghĩ lâu, rất lâu. Tôi vừa tiếp tục công việc của mình vừa ghé mắt quan sát ông và tôi đã không còn hy vọng nghe ông ta nói một lần nữa, thì ông đưa ra lời phán truyền cuối cùng bằng một giọng mơn mõi không thể nào quên, một giọng tưởng chừng như vọng lại từ đáy các thời đại. – “Khi người ta chết, mọi cái đều chết,” ông ta nói.

Tôi giả vờ không hiểu. Tôi không cảm thấy mình có khả năng trả lời, vả lại ích gì? Chắc là ông không nghĩ xúc phạm Đức Chúa trời bởi lời báng bổ đó, nó chỉ là lời thú nhận sự bất lực của ông trong việc tưởng tượng ra cuộc đời vĩnh cửu kia, mà kinh nghiệm các sự vật không cung cấp cho ông một chứng cứ có giá trị nào, nhưng sự hiển minh khiêm nhường của giống nòi ông vẫn tiết lộ cho ông rằng nó là xác thực và ông tin vào nó, tuy không thể biểu đạt gì về lòng tin của mình, người thừa kế chính thống mặc dù lâu bầu, của vô số tổ tiên đã được rửa tội... Bất kể, tôi lạnh toát cả người, trái tim tôi bỗng chốc cảm thấy rụng rời, tôi viện cớ bị chứng nhức nửa đầu, và ra đi một mình dưới mưa và trong gió.

...

Giờ đây khi những dòng này đã được viết ra, tôi nhìn với nỗi kinh hoàng cửa sổ của tôi mở vào đêm tối, sự lộn xộn của bàn viết, hàng ngàn dấu hiệu nhỏ, mà chỉ mắt tôi mới thấy, tại đó đã ghi lại như bằng một ngôn ngữ bí ẩn niềm lo âu lớn của những giờ vừa qua. Tôi có sáng suốt hơn không? Hoặc là sức mạnh của sự tiên cảm cho phép tôi tụ hội lại thành một bó duy nhất những sự cố tự chúng không quan trọng, đã bị sự mệt mỏi, sự mất ngủ và nỗi chán ghét làm cho suy yếu đi? Tôi không biết nữa. Tất cả những cái đó đối với tôi hình như phi lý. Tại sao tôi đã không đòi hỏi ở ngài Bá tước một sự giải thích mà bản thân cha phụ tá giám mục de la Motte-Beuvron, cũng xét thấy cần thiết? Trước hết vì tôi nghi ngờ một mưu mẹo khả ố của cô Chantal và vì tôi lo sợ phải hay biết mưu mẹo đó. Rồi thì, chừng nào người phụ nữ đã qua đời như vẫn còn ở dưới mái nhà bà, cho đến ngày mai, mong rằng người ta giữ im lặng! Sau này có lẽ... Nhưng sẽ không có sau này. Hoàn cảnh của tôi đã trở nên khó khăn trong xứ đạo đến mức sự can thiệp của ngài bá tước với Đức giám mục chắc chắn sẽ thành công hoàn toàn.

Bất kể! Tôi hoài công đọc lại những trang này trong đó phán đoán của tôi không có gì đáng chê trách, chúng hình như vô bổ đối với tôi. Chính là vì không lập luận nào trong đời này có thể gây nên nỗi buồn chân chính – nỗi buồn của tâm hồn – hoặc chiến thắng nó khi nó đã đi vào trong ta bởi trời biết khe hở nào của ta... Nói gì đây? Nó không đi vào ta, nó ở trong ta. Tôi ngày càng tin rằng cái mà chúng ta gọi là nỗi buồn, lo âu, niềm thất vọng, như để thuyết phục ta rằng là những chuyển động nào đó của tâm hồn, là chính cái tâm hồn đó mà từ ngày bị sa ngã, thân phận con người đã đến nỗi nó chỉ

còn có thể tri giác mọi điều ở trong nó và ngoài nó dưới hình thái của sự lo âu. Người thờ ơ nhất với cái siêu nhiên vẫn giữ lại ngay cả trong thú vui, ý thức lơ mờ về phép lạ hải hùng, là sự nở rộ của một niềm vui duy nhất ở một sinh thể có khả năng hình dung sự hủy diệt của bản thân mình, và buộc phải biện minh một cách rất khó khăn, bằng những lập luận bấp bênh, cho sự nổi loạn dữ dội của xác thịt nó chống lại cái giả thuyết phi lý và gớm ghiếc đó. Giá như không có cái lòng xót thương đầy cảnh giác của Đức Chúa trời, tôi hình như cho rằng với ý thức đầu tiên mà con người có về bản thân mình, con người đã phải tan trở lại thành cát bụi.

Tôi vừa đóng cửa sổ lại và đã đốt lên một ít lửa. Vì lí do quá xa với một trong những họ đạo lẻ, tôi được miễn sự nhin ăn theo như thánh lễ trong ngày tôi phải làm Lễ Thánh Thiện, cho đến nay tôi chưa sử dụng phép khoan dung này. Tôi sẽ hâm cho mình một bát rượu vang pha đường.

Đọc lại lá thư của Bá tước phu nhân, tôi tưởng như nhìn thấy bà, nghe tiếng bà... “Tôi không ao ước gì hết.” Sự thử thách lâu dài của bà đã kết thúc, đã hoàn thành. Sự thử thách của tôi bắt đầu. Có lẽ là cùng một nỗi thử thách chăng? Có lẽ Đức Chúa trời muốn khoác lên vai tôi gánh nặng mà Người vừa trút bỏ khỏi con người kiệt sức kia. Trong thời điểm tôi ban phép lành cho bà, từ đâu đến với tôi niềm vui trộn lẫn nỗi sợ ấy, sự êm dịu đầy đe dọa ấy! Người đàn bà mà tôi vừa xá tội và vài giờ sau cái chết đón nhận ở thềm căn phòng quen thuộc được tạo ra cho bình yên và sự yên nghỉ (tôi nhớ là ngày hôm sau chiếc đồng hồ của bà còn được tìm thấy treo ở tường, ở chỗ mà bà đã để lúc đi ngủ) đã thuộc về thế giới vô hình, tôi ngấm nhìn mà

không biết, trên trán bà, ánh hồi quang của sự bình an của những người chết.

Phải trả giá điều đó, hẳn thế.

Lời chú – Nhiều trang ở đây đã bị xé đi, hình như là trong vội vã. Những gì còn lại của chữ viết ở các lề là không đọc được, mỗi từ bị xóa đi bởi những nét bút gạch quá mạnh đến nỗi chúng làm thủng giấy ở nhiều nơi.

Một tờ trắng được để lại nguyên vẹn. Nó chỉ mang vền vền những dòng này:

“Đã quyết tâm không hủy cuốn nhật kí này, nhưng tin tưởng là phải làm biến mất những trang viết trong cơn mê sảng thực sự này, tuy nhiên tôi muốn đưa ra chống lại tôi lời minh chứng rằng sự thử thách nghiêm trọng của tôi – sự thất vọng nhất của cuộc đời khốn khổ của tôi, vì tôi không thể hình dung ra cái tồi tệ hơn – đã thấy tôi một thời gian không nhấn nhúc, không can đảm, và sự cảm dỗ từ... đã đến với tôi

(Câu này không kết thúc. Thiếu vài ba dòng ở trang sau)

...

mà phải biết cắt đứt bằng mọi giá.” – “Sao, tôi nói, bằng mọi giá ư? Tôi không hiểu ngài. Tôi không hiểu tí gì về những điều tế nhị ấy. Tôi là một linh mục nhỏ bé khốn khổ chỉ muốn đi qua mà không ai nhìn thấy. Nếu tôi làm những điều đại dột, chúng là ở tầm cỡ của tôi, chúng làm cho tôi thành buồn cười, chúng ắt phải gây cười. Người

ta cũng không thể để cho tôi có thì giờ nhìn thấy rõ ư? Nhưng thế nào đây! Người ta thiếu các linh mục. Lỗi tại ai! Những người thượng lưu, như họ nói, đến với các tu sĩ và chỉ những nông dân nghèo như tôi mới được giao trách nhiệm về ba xứ đạo! Vả lại, như ngài biết đấy, tôi thậm chí không phải là nông dân. Những nông dân thực thụ khinh bỉ những người như chúng tôi, những người hầu, những tôi tớ thay đổi xứ sở theo nơi ở của chủ, khi họ không là những người buôn lậu, những người săn bắn trái phép, những kẻ không-là-gì cả, những người sống ngoài vòng pháp luật... Ôi! tôi không cho tôi là một kẻ ngu xuẩn. Là một đứa đại dốt còn hơn. Không anh hùng, không hãnh diện, và cũng..." "Im mồm đi, cha xứ đạo Torcy nói với tôi, đừng làm đứa trẻ con."

Gió thổi mạnh, bỗng chốc tôi thấy khuôn mặt già nua thân thương mà cái lạnh đã làm cho tái xanh. "Vào đây, tôi bị lạnh cóng." Đó là cái lều nhỏ mà Clovis dùng để xếp những bó củi – "Tôi không thể đi theo cha về nhà lúc này, chúng ta sẽ có vẻ như thế nào? Rồi nữa, người chủ nhà xe, ông Bigre, phải đánh xe đưa tôi về đến Torcy. Nói cho cùng, cha thấy không, lẽ ra tôi phải ở thêm vài ngày nữa ở Lille, thời tiết này không có gì hay đối với tôi." – "Cha đã đến vì tôi!" tôi nói. Thoạt tiên ông ta nhún vai một cách tức giận.

– "Còn đám tang? Vả lại điều đó không liên quan đến cha, chàng trai ạ, tôi làm điều gì tôi thích; đến thăm tôi ngày mai." – "Không ngày mai, không ngày kia. Không trong tuần này, trừ phi là..." – "Không 'trừ phi' gì cả. Đến hay không đến. Cha tính toán nhiều quá. Cha đang lạc bước trong những trạng từ. Phải kiến tạo cuộc đời thật rõ ràng như một câu kiểu Pháp. Mỗi người phụng thờ Đức Chúa trời

theo cách của mình, trong ngôn ngữ của mình, đúng không? Và cả cách ăn mặc của cha, phong cách của cha, cái áo choàng hành hương này, chẳng hạn...”

– “Cái áo choàng này là một tặng phẩm của dì tôi!” – “Cha giống một nhà lãnh mạn chủ nghĩa Đức. Rồi cái sắc mặt này!” Cha xứ Torcy có một vẻ mà tôi chưa từng thấy, gần như ác cảm. Tôi tưởng là cha đã cố gượng để nói với tôi một cách nghiêm khắc, nhưng những từ nghiêm khắc nhất, lúc này, tự chúng đến miệng cha và có lẽ cha nổi cáu lên vì không thể kìm chúng lại. “Tôi không làm ra sắc mặt mình!” tôi nói với ông. – “Có! Trước hết cha tự nuôi mình một cách kì khôi. Kì khôi. Tôi. Tôi sẽ phải nói với cha về đề tài ấy, một cách rất nghiêm túc. Tôi tự hỏi xem cha có biết không rằng...” Ông im lặng. – “Không, sau này cơ, ông lại nói với một giọng đã dịu đi, chúng ta sẽ không nói về điều đó trong cái túp lều này. Nói vắn tắt, cha đã tự nuôi mình bất chấp lương tri, thế mà cha còn ngạc nhiên về sự đau đớn... ở địa vị của cha, tôi cũng thế, tôi sẽ có những cơn co thắt dạ dày! Và đối với cái liên quan đến đời sống bên trong, anh bạn ạ, tôi sợ là cũng giống như thế. Cha cầu nguyện không đủ. Cha đau khổ quá nhiều về những gì cha cầu nguyện, ý kiến của tôi là thế đó. Phải tự nuôi mình tỉ lệ thuận với những vất vả của mình, và sự cầu nguyện phải tương xứng với những nhọc nhằn của mình.” – “Chính vì... tôi không... tôi không thể!” tôi kêu lên. Tôi tức khắc tiếc lời thú nhận của mình, vì cái nhìn của cha đã trở nên nghiêm nghị. – “Nếu cha không kêu lên được, hãy lải nhải! Nghe đây, tôi cũng vậy, tôi có những khó khăn trở ngại của tôi! Quý dũ gọi cho tôi nổi khiếp sợ sự cầu nguyện tới mức tôi đổ mồ hôi hột để lần xong chuỗi hạt,

cha cố mà hiểu!” “Ô! tôi hiểu!”, tôi đáp, và với một sự hăm hở tới mức cha xù nhìn ngắm tôi rất lâu từ đầu đến chân, nhưng không ác ý, trái lại thế. – “Nghe đây, ông nói, tôi không nghĩ là mình sai lầm trong sự đánh giá cha. Cố trả lời câu hỏi tôi sắp đặt ra với cha. Ôi! tôi đưa ra cho cha sự thử thách bé nhỏ của tôi vừa với giá trị của nó, đó chỉ là một ý kiến của tôi, một cách tự nhận ra mình ở đó, và nhiều lần nó đã lừa được tôi, tất nhiên. Tóm lại, tôi đã suy nghĩ nhiều về thiên hướng. Tất cả chúng ta đều được vờ gọi, đúng thế! Nhưng không cùng một cách. Và để đơn giản hóa sự việc, tôi bắt đầu bằng cách thử đặt lại mỗi chúng ta vào đúng chỗ trong kinh Phúc âm. Ôi! chắc thế, điều này làm chúng ta trẻ đi hai ngàn năm, và sau đó! Thời gian không là gì đối với Đức Chúa trời, cái nhìn của Người xuyên suốt qua nó. Tôi tự bảo rằng rất lâu trước sự ra đời của chúng ta – để nói tiếng nói nhân thế – Đức Chúa trời đã gặp chúng ta đâu đó, ở Bethléem, ở Nazareth, trên những con đường xứ Galilée, tôi làm sao biết được. Một ngày trong những ngày, mắt Người nhìn chăm chăm vào chúng ta và tùy theo địa điểm, thời gian, tình cảnh, thiên hướng của ta có một tính cách đặc biệt. Ôi! Tôi không cung cấp cho cha cái đó với ý nghĩa thần học! Rốt cuộc tôi suy nghĩ, tôi tưởng tượng, tôi mơ màng, gì nhỉ! rằng nếu tâm hồn chúng ta, vốn không quên và luôn nhớ, có thể kéo lê thân thể khốn khó của chúng ta từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, có thể cho nó đi ngược lên cái đường dốc khổng lồ hai ngàn năm, nó sẽ dắt cơ thể của chúng ta thẳng đến cùng cái chỗ mà... Sao? cha làm sao thế, cái gì xảy ra với cha thế?” Tôi đã không thấy được là mình khóc, tôi không nghĩ đến khóc – “Tại sao cha khóc?” Sự thật là từ bao giờ chính tại vườn Cây ôliu tôi tự tìm thấy lại mình, và vào thời điểm đó – vâng, quái lạ thật, chính

vào thời điểm chính xác đó, đặt tay lên vai của Pierre, Người đặt câu hỏi này – tóm lại rất vô bổ, gần như ngây thơ – nhưng nhũn nhặn và dịu ngọt đến thế: “Người ngủ ư?” Đó là một động thái tâm hồn rất quen thuộc, rất tự nhiên, mà tôi cho đến lúc đó không nhìn thấy, và bỗng chốc: – “Cái gì xảy ra với cha thế. Cha xứ đạo Torcy sốt ruột lặp lại. Nhưng cha thậm chí không nghe tôi, cha mơ màng. Ông bạn ơi, ai muốn cầu nguyện thì người đó không mơ màng. Lời cầu nguyện của cha trôi vào sự mơ màng. Không gì nghiêm trọng cho linh hồn hơn là sự xuất huyết này!” Tôi hé miệng, sắp trả lời, nhưng không thể được. Mặc kệ! Không đủ hay sao là Đức Chúa trời cho tôi một ân sủng – bộc lộ cho tôi hôm nay, qua cửa miệng của người thầy cao tuổi của tôi, rằng không gì dứt tôi ra khỏi chỗ tôi đã chọn cho mình từ muôn đời, rằng tôi là tù nhân của sự hấp hối thánh thiện? Ai dám tự phụ về một ân sủng như thế? Tôi lau mắt và xỉ mũi vụng về đến mức cha xứ Torcy mỉm cười. – “Tôi không nghĩ rằng cha trẻ con đến như vậy, thần kinh cha hết chịu nổi rồi, con ạ.” (Nhưng đồng thời, cha lại quan sát tôi một lần nữa với một sự chú ý đầy linh hoạt, đến mức tôi phải khó khăn lắm mới giữ im lặng được, tôi nhìn thấy đôi mắt cha xứ lúng liếng và dường như cha đã ở bên bờ của điều bí mật của tôi. Ôi! đó là một bậc thầy chân chính của các linh hồn, một chủ tế!). Cuối cùng, cha xứ Torcy nhún vai với vẻ một người đang chối bỏ. – “Như thế đủ rồi. Chúng ta không thể ở trong túp lều này đến chiều. Dù sao, Đức Chúa có thể giữ cha trong nỗi buồn. Nhưng tôi luôn nhận ra rằng những thử thách ấy, dầu có ném ta vào sự buồn phiền to lớn đến mấy, cũng không bao giờ làm sai lệch sự phán đoán của chúng ta mỗi khi lợi ích của linh hồn đòi hỏi. Người ta đã thuật lại về cha những điều đáng buồn, đáng bức

mình; chẳng hề chi! Tôi biết tính hiềm độc của người đời. Nhưng đúng là cha chỉ làm rặt điều đại khờ với bà Bá tước, cứ như kịch!” – “Tôi không hiểu.” – “Cha có đọc *Con tin* của Paul Claudel không?” Tôi trả lời là không biết cha ấy nói về ai và về cái gì. – Thế sao? càng tốt. Đó là quyển sách nói về một cô gái thánh thiện đã từ hôn theo lời khuyên của một cha xứ kiểu như cha, cưới một kẻ bỏ đạo, rơi vào thất vọng, tất cả vịn cớ ngăn cản giáo hoàng khỏi đi tù, như thể từ thời thánh Pierre vị trí của một giáo hoàng không phải ở Mamertine đúng hơn là ở trong một lâu đài đã được trang hoàng từ dưới lên trên bởi những kẻ xấu xa của thời Phục hưng, để vẽ Đức Mẹ đồng trinh, những kẻ đó lại dùng bọn đĩ trai đồng giới làm mẫu! Hãy nhận xét rằng ngài Claudel ấy là một thiên tài, tôi không phủ nhận, song các nhà làm văn chương ấy tất cả đều giống nhau: họ muốn đụng đến sự thánh thiện, họ tự bôi lem luốc mình bằng cái cao cả, tự xoa trát cái cao cả khắp người! Sự thánh thiện không cao cả, và nếu tôi nghe nữ nhân vật xưng tội, tôi đã trước tiên buộc cô ta thay cái tên chim – cô tên là Thiên Nga – bằng cái tên thật của tín đồ Thiên chúa giáo. Cô phải giữ lời hứa vì cuối cùng, người ta chỉ có một lời hứa mà thôi, và đức cha thánh thiện của ta là Đức Giáo hoàng bên trên cũng không làm gì được.” “Nhưng ở vấn đề gì, bản thân tôi có kể...” tôi nói với cha xứ Torcy – “Câu chuyện chiếc khung ảnh nhỏ đeo ở cổ?” – “Chiếc khung ảnh nhỏ.” Tôi không hiểu nổi – “Này nhé, chàng ngốc, người ta đã nghe các người, người ta đã thấy các người... không có phép lạ trong chuyện này, cha cứ yên tâm đi.” – “Ai nhìn thấy chúng tôi?” – “Con gái bà ấy. Nhưng de la Motte-Beuvron đã bảo cho cha; đừng giả bộ ngây ngô nữa.” – “Không.” – “Sao, không ư? Ủa! Thế thì tôi đã vào tròng, tôi nghĩ là

bây giờ tôi phải đi đến cùng, phải không?” Tôi không dao động, tôi đã có thì giờ lấy lại chút bình tĩnh. Trong trường hợp cô Chantal đã nói sai sự thật, cô ta đã làm một cách khéo léo, tôi sắp giã giụa trong một màng những điều nửa thật nửa giả mà tôi sẽ không bút ra được mà không có nguy cơ đến lượt tôi phản bội người mới mất. Cha xứ đạo Torcy tuồng như ngạc nhiên về sự im lặng của tôi, có vẻ chững hờ. – “Tôi tự hỏi cha hiểu như thế nào về sự nhẫn nhục... Cưỡng ép một người mẹ ném vào lửa kỷ niệm duy nhất bà giữ được về đứa con đã qua đời, cái đó giống với một câu chuyện Do Thái, đó là thuộc về Kinh Cựu ước. Và lấy quyền gì cha nói về một sự chia ly vĩnh cửu. Người ta không dọa phát giác các tâm hồn, cha bé bỏng ạ...” – “Cha trình bày các sự việc như vậy, tôi nói, tôi có thể trình bày theo cách khác. Ích lợi gì? Cái cốt lõi là thật.” – “Đó là tất cả những gì cha tìm thấy để trả lời?” – “Vâng.” Tôi tưởng rằng cha xứ Torcy sắp dồn ép tôi. Trái lại cha trở nên rất xanh xao, gần như nhợt nhạt; lúc này tôi mới hiểu ra là cha thương tôi biết dường nào. Cha thì thầm: “Chúng ta đừng ở lại đây lâu hơn nữa, và nhất là hãy từ chối tiếp cô con gái, đó là một con quỷ cái.” – “Tôi không đóng cửa lại với cô ta. Tôi không đóng cửa lại với ai cả kì đến lúc tôi còn làm cha xứ đạo này.” – “Cô ta cho rằng mẹ cô đã cưỡng lại đến cùng, rằng cha đã để bà ở lại trong một trạng thái xúc động, một sự rối loạn tâm trí không thể tả được. Có thật thế không?” – “Không!” – “Cha đã để bà lại...” – “Tôi đã để bà ta lại với Chúa, trong an bình.” – “A! (Cha đã thở dài náo nức). Hãy nghĩ rằng bà ta có thể khi mất giữ kỉ niệm về sự ép buộc của cha, về sự nghiệt ngã của cha...” – “Bà ấy đã qua đời trong yên bình.” – “Cha biết gì về điều đó?” Thậm chí tôi không bị cám dỗ nói về bức thư. Nếu cách biểu đạt không có

vẻ buồn cười, tôi sẽ nói rằng từ đầu đến chân tôi chỉ còn là im lặng. Sự im lặng và đêm tối – “Tóm lại, bà ta đã chết. Cha muốn người ta suy nghĩ gì! Những cảnh như vậy không ích lợi gì cho một người đau tim.” Tôi giữ im lặng. Chúng tôi chia tay nhau với những từ ấy.

Tôi chậm rãi quay trở về nhà cha xứ. Tôi không đau khổ. Tôi còn cảm thấy được cất đi một gánh nặng. Cuộc hội kiến với cha xứ đạo Torcy, nó như là cuộc tổng diễn tập của cuộc nói chuyện mà tôi sẽ có không ngừng với những người bề trên của tôi, và tôi phát hiện ra gần như với niềm vui rằng tôi không có gì để nói. Hai ngày nay, và không có ý thức rõ rệt, nỗi lo sợ của tôi là sợ người ta buộc cho tôi một tội mà tôi không phạm. Trong trường hợp đó, sự trung thực cấm tôi giữ im lặng. Thay vì từ nay tôi tự do để cho mỗi người phán xét theo ý mình những hành vi giáo chức của tôi, và lại có thể có những đánh giá rất khác nhau. Và đối với tôi cũng là một sự an ủi khi nghĩ rằng cô Chantal có thể nhầm lẫn một cách thực lòng về tính chất thực của một cuộc đối thoại mà chắc cô ta chỉ nghe tiếng được tiếng mất. Tôi giả định rằng cô gái ở trong vườn, dưới cửa sổ mà bộ chống rất cao trên mặt đất.

Về đến nhà, tôi rất ngạc nhiên là thấy đói. Số táo dự trữ chưa hết, tôi rất thường hay nấu chín trên than hồng, và rưới thêm bơ tươi. Tôi cũng có trứng. Rượu vang quả thật là tồi, nhưng hâm nóng và cho thêm đường nó cũng tạm được. Tôi cảm thấy sợ rét tới mức tôi đổ đầy một xoong nhỏ. Như thế là đạt giá trị một cốc đựng nước, không nhiều hơn, tôi thề là thế. Tôi vừa ăn xong thì cha xứ Torcy đi vào. Sự ngạc nhiên – mà không chỉ sự ngạc nhiên – đã làm tôi ngẩn ra bất động. Tôi bèn đứng lên lão đạo; chắc tôi phải có vẻ nhớn

nhắc. Khi đứng lên bàn tay trái của tôi đã vụng về khế chạm cái chai, nó vỡ ra loảng xoảng. Một thứ rượu đen, nhót như bùn, chảy thành rãnh trên đá lát.

– “Đứa con khốn khổ của tôi!” cha xứ Torcy nói. Và cha lặp lại. “Thì ra là... thì ra là như vậy...” với giọng dịu dàng. Tôi chưa hiểu, tôi không hiểu gì cả, nếu không là sự yên bình mà tôi vừa được hưởng chỉ là, như xưa nay vẫn vậy sự báo trước của một bất hạnh mới. – “Đó không phải rượu vang, đó là một thứ thuốc nhuộm ghê tởm. Con tự đầu độc, ngốc ạ!” – “Tôi không có thứ nào khác.” – “Phải hỏi xin tôi chứ.” – “Tôi thề với cha rằng...” “Im đi!” Cha xứ Torcy dùng chân đẩy các mảnh vỡ của cái chai, cứ như thể cha đã đè bẹp một con vật dơ dáy. Tôi đợi cho đến khi cha làm xong, không nói được một tiếng nào. “Cha muốn có sắc mặt ra sao đây, con trai tội nghiệp của ta, với một chất rượu như thế trong dạ dày, lẽ ra cha đã phải chết rồi!” Cha xứ Torcy đứng lại trước mặt tôi, hai bàn tay trong hai túi cái áo choàng bông của cha, và khi tôi thấy đôi vai của cha cựa quậy, tôi cảm nhận rằng cha sẽ nói ra tất cả, không tha cho tôi dù chỉ một lời. “Này, tôi đã nhớ mất chuyến xe của ông Bigre, nhưng tôi hài lòng là đã đến đây. Trước hết, cha hãy ngồi xuống!” – “Không,” tôi nói. Và tôi cảm thấy giọng tôi run lên trong lồng ngực, như thường xảy ra mỗi khi một động thái nào đó của tâm hồn, tôi không biết là cái gì, báo trước cho tôi là thời điểm đã đến, là tôi phải đương đầu. Đương đầu không phải bao giờ cũng là chống đối. Tôi tin rằng vào lúc đó tôi sẽ thú nhận bất cứ gì để người ta cho tôi yên, cùng với Đức Chúa trời. Nhưng không sức mạnh nào trên đời ngăn cản tôi cứ đứng. – “Nghe đây, cha xứ đạo Torcy nói tiếp, tôi không

giận cha đâu. Và đừng tưởng rằng tôi cho cha là một người nghiện rượu. Ông bạn Delbende của chúng ta ngay lần đầu đã thấy rõ bệnh ở chỗ nào. Chúng ta, ở nông thôn, tất cả chúng ta ít nhiều đều là con cái những người nghiện rượu. Bố mẹ cha đã không uống nhiều hơn các bậc bố mẹ khác, có thể là ít hơn, chỉ có điều họ ăn kém, hoặc không ăn gì cả. Hãy nói thêm là vì không có gì hơn, họ tự tìm lấy những liều thuốc trộn theo loại này, những liều thuốc đủ để giết chết một con ngựa. Cha muốn gì? Sớm hay muộn cha sẽ cảm nhận điều đó, một nỗi khát, một nỗi khát dầu sao không thuộc về cha, và nó kéo dài, đúng, nó có thể kéo dài hàng thế kỉ, nỗi khát của những người nghèo khổ, đó là một di sản bền vững! Năm thế hệ triệu phú không phải bao giờ cũng có thể giải được nó, nó đã ở trong xương, trong tủy. Vô ích nếu cha trả lời tôi rằng cha không hay không biết gì, tôi chắc là thế! Và khi cha chỉ uống hằng ngày một khẩu phần của một cô gái, bất kể. Cha đã sinh ra bão hòa, cha khốn khổ ạ. Cha trượt nhẹ nhàng đến chỗ xin ở rượu – và rượu nào kia chứ! – sức mạnh và lòng can đảm mà lẽ ra cha phải tìm được trong một món quay – món thực thụ. Nói một cách tình người, cái xấu nhất có thể đến với chúng ta là chết, và cha đang tự giết chết mình. Sẽ không phải là một niềm an ủi khi tự nhủ rằng cha đã tự chôn với một liều không đủ dù để giữ cho một người trồng nho ở Anjou được vui vẻ khỏe mạnh? và hãy chú ý rằng cha không xúc phạm đến Đức Chúa trời lòng lành. Bây giờ con đã được báo trước, con ạ. Có nghĩa là bây giờ con sẽ xúc phạm.”

Cha xứ đạo Torcy im tiếng. Tôi nhìn cha, mà chẳng nghĩ là mình nhìn như tôi đã nhìn Mitonnet hoặc tiểu thư Bá tước, hoặc... ồ,

vâng, tôi cảm thấy tràn ngập từ trong tôi nỗi buồn ấy... Nhưng cha xứ Torcy là một người mạnh mẽ và trầm tĩnh, một đầy tớ chân chính của Chúa, một con người, cha cũng thế, cha đã đương đầu. Chúng tôi có vẻ như nói lời từ biệt nhau từ xa, ở bờ bên này sang bờ bên kia một con đường vô hình.

“Và bây giờ, cha xứ Torcy kết luận với giọng hơi khàn khàn so với ngày thường, đừng cho trí tưởng tượng bốc lên. Tôi chỉ có một lời cam đoan, và tôi cho cha lời đó. Dẫu sao cha cũng là một cha đạo bé nhỏ rất cừ! Không muốn nói xấu người quá cố tội nghiệp, phải thừa nhận rằng...” – “Chúng ta hãy để yên điều đó,” tôi nói. – “Tùy ý cha.”

Tôi những muốn bỏ đi, như đã làm một giờ trước đây trong lều người làm vườn. Nhưng cha ấy ở nhà tôi, tôi phải chờ đợi ý cha. Tạ ơn Chúa! Người đã cho phép người thầy cao tuổi không bỏ rơi tôi, một lần nữa, làm tròn nhiệm vụ. Cái nhìn lo âu của cha bỗng nhiên kiên định lại, và tôi lại nghe thấy giọng nói mà tôi rất biết, khỏe, táo bạo, tràn đầy một sự hoan hỉ bí ẩn.

“Hãy làm việc, cha xứ Torcy nói, hãy làm những điều nhỏ, vừa làm vừa chờ đợi ngày lại ngày. Hãy chăm chỉ. Hãy nhớ lại đứa học trò còng lưng trên trang viết tập và thè lưỡi ra. Đức Chúa trời mong nhìn thấy ta như thế đó, khi Người bỏ ta cho sức mạnh riêng của mình. Những điều nhỏ nhặt không có vẻ là gì cả, nhưng chúng tạo ra sự yên bình. Chúng giống như những hoa đồng nội, cha thấy không? Người ta tưởng chúng không có mùi thơm, nhưng tất cả cùng nhau, chúng tỏa hương. Lời cầu nguyện nơi những điều nhỏ là ngây thơ vô tội. Trong mỗi điều nhỏ có một vị thiên thần. Cha có cầu

nguyện các Thiên thần không?” – “Lạy Chúa, có... hẳn thế...” – “Người ta cầu nguyện các Thiên thần mấy cũng không đủ; các thiên thần làm những nhà thần học hơi sợ, do liên quan đến những dị giáo các Nhà thờ phương Đông, một nỗi sợ thuộc về thần kinh, chính thế! Thế giới tràn đầy thiên thần. Và Đức mẹ đồng trinh, cha có cầu nguyện Người không?” – “Ừa!” – “Người ta nói điều đó... Nhưng cha có cầu nguyện một cách nghiêm túc không? cha có cầu nguyện một cách thành kính không? Người là mẹ của chúng ta, điều đó đã rõ – Người là mẹ của loài người, nàng Eve mới. Nhưng Người cũng là con gái của Eve. Thế giới cũ, thế giới đau thương, thế giới trước ân sủng đã ru Người rất lâu trên trái tim sâu muộn của nó – nhiều thế kỉ và nhiều thế kỉ, trong sự chờ đợi tăm tối và không hiểu đối một *virgo genitrix**. Nhiều thế kỉ và nhiều thế kỉ, thế giới đã gìn giữ trong những bàn tay già nua đầy tội lỗi, những bàn tay nặng trĩu, cô bé thần kì mà đến cái tên nó cũng không được biết. Một cô gái nhỏ, nữ vương của các Thiên thần và người vẫn giữ nguyên như thế – đừng quên điều đó! Trung thế kỉ đã hiểu rõ điều đó, Trung thế kỉ hiểu rõ tất cả. Nhưng hãy đi mà ngăn cản những kẻ ngu đần làm lại theo cách của họ ‘Tấn kích giáng sinh’, như chúng gọi. Trong khi họ tin là phải vì uy tín, mặc thành nhân vật múa rối những quan tòa hòa giải khiêm nhường hoặc đính lon trên ống tay áo của những kiểm soát viên xe lửa, họ quá hồ thẹn khi thú nhận với những người không tin đạo rằng tấn kích duy nhất, độc nhất, tấn kích của các tấn kích – vì không có tấn kích nào khác, đã diễn ra không có phối cảnh và không có đồ thêu ren. Nghĩ mà xem, Đức Chúa con đã biến thành người trần thế, và những nhà báo của thời đó không hay biết gì cả! Trong khi kinh nghiệm hàng ngày dạy cho họ rằng những điều

cao cả chân chính, ngay khi thuộc về con người, thiên tài, chủ nghĩa anh hùng, thậm chí tình yêu – tình yêu khốn khổ của họ – để thừa nhận những điều ấy, khó khăn lắm lắm. Đến mức là chín mươi chín lần trên một trăm họ mang những văn hoa của tu từ học ra nghĩa địa; họ chỉ đầu hàng những người đã chết. Sự thánh thiện của Đức Chúa trời! Sự giản dị khủng khiếp của Đức Chúa trời, điều đã trù rửa sự kiêu hãnh của các Thiên thần! Đúng, quỷ dữ đã phải tìm cách nhìn trực diện sự giản dị đó và ngọn đuốc mệnh mông cháy rực ở đỉnh của sự sáng tạo đột ngột tắt đi trong đêm. Dân tộc Do Thái có đầu óc tri độn, không thể nó đã hiểu ra rằng một Đức Chúa hóa Người, thực hiện sự hoàn thiện của con người. Có nguy cơ đi qua không được nhìn thấy, rằng phải mở to mắt. Và này, đúng thế, cái hồi miêu tả sự đi vào đây chiến thắng thành phố Jerusalem, tôi thấy nó đẹp xiết bao! Đức Chúa của chúng ta đã hạ cố thưởng thức sự thắng lợi cũng như những cái còn lại, cũng như cái chết, Người không từ chối gì ở những niềm vui của chúng ta, Người chỉ từ chối tội lỗi. Nhưng cái chết của Người, Người đã chăm sóc nó, không để thiếu cái gì. Trong khi đó thì thắng lợi của Người, đó là thắng lợi cho những trẻ em, cha không thấy thế ư? Một bức tranh Epinal, với con của con lừa cái, những nhánh cây xanh và những người ở thôn quê đang vỗ tay. Một sự nhại dễ thương, hơi trào lộng, những cảnh huy hoàng tráng lệ của đế vương. Đức Chúa của chúng ta có vẻ mỉm cười – Người thường mỉm cười – Người nói với chúng ta: ‘Đừng coi những thứ này là quá nghiêm túc, nhưng cuối cùng có những thắng lợi chính đáng, không cảm thắng lợi, khi Jeanne d’ Arc đi vào thành Orléans, dưới hoa và cờ xí, với các áo choàng đẹp bằng dạ thếp vàng, ta không muốn rằng nàng có thể cho là làm sai. Bởi vì các con

thiết tha nó đến thế, những đứa con khốn khổ của ta, ta đã thánh hóa thắng lợi của các con, ta đã, ta đã ban phép lành cho nó, như ta đã ban phép lành cho rượu của những cây nho các con trồng.’ Và đối với các phép lạ, hãy ghi nhớ kĩ, cũng thế đấy. Người không làm nhiều phép lạ quá mức cần thiết. Các phép lạ, đó là những tranh của sách, những tranh đẹp! Nhưng hãy nhận xét kĩ lúc này, con ạ; Đức Mẹ đồng trinh không có cả chiến thắng lẫn phép lạ. Con bà đã không cho phép cái vinh quang trần thế sượt qua bà ngay cả với các mút nhỏ nhất của cái cánh lớn hoang dại của nó. Không ai đã sống, đã đau khổ, đã chết đơn giản như vậy và không hay biết hoàn toàn đến như vậy phẩm giá của chính mình, một phẩm giá tuy nhiên đã đặt Người ở trên các thiên thần. Bởi vì cuối cùng Người đã sinh ra không tội lỗi – một sự cô đơn đáng kinh ngạc làm sao. Một ngọn nguồn trong suốt đến thế, tinh khiết đến thế, tinh khiết và trong suốt đến mức bản thân Người cũng không nhìn thấy phản chiếu vào nó hình ảnh của Người, được tạo dựng duy chỉ vì niềm vui của Đức Chúa Cha – ôi niềm cô đơn thiêng liêng! Những quý dũ cổ xưa thân thuộc với con người, thầy và tớ cùng nhau, những vị lão trượng khủng khiếp đã dẫn dắt những bước đi ban đầu của Adam ở thềm của thế giới bị nguyên rủa, sự xảo quyệt và lòng kiêu ngạo, cha thấy chúng nhìn từ xa sinh thể kỳ diệu này được đặt ngoài tầm với của chúng, không thể bị gây thương tích và chẳng có vũ khí. Quả vậy, cái loài khốn khổ là chúng ta không đáng giá cao, nhưng tuổi thơ ấu luôn làm xúc động tâm can Người; sự không hay biết của trẻ em làm Người phải cúi mặt – những con mắt của Người biết cái Thiện và cái Ác, những con mắt đã nhìn thấy nhiều điều. Nhưng chỉ là sự dốt nát, nói cho cùng. Đức Mẹ Đồng Trinh là sự trong trắng. Cha hãy biết

rằng chúng ta, loài người, chủng loại người, chúng ta là gì đối với Người? Ôi! Dĩ nhiên là Người ghét tội lỗi, nhưng cuối cùng, Người không có về nó một chút kinh nghiệm nào, thứ kinh nghiệm không thiếu với những vị thánh lớn nhất, cả bản thân thánh Assise* rất thần tiên. Cái nhìn của Đức Mẹ Đồng Trinh là cái nhìn duy nhất thực sự trẻ thơ, cái nhìn chân chính trẻ thơ duy nhất từng ngược lên nỗi hổ thẹn và sự khốn khổ của chúng ta. Đúng, con ạ, để cầu nguyện Người cho tốt, phải cảm nhận cái nhìn ấy nơi mình, cái nhìn không hoàn toàn là của sự bao dung – vì sự bao dung không khi nào không có một sự trải nghiệm chua cay nào đó – mà của sự đồng cảm dịu dàng, của sự ngạc nhiên đau đớn, của một tình cảm mà người ta chưa biết đến, không hình dung nổi, không diễn đạt nổi, nó làm cho Người trẻ hơn tội lỗi, trẻ hơn giống nòi sản sinh ra Người, và dấu là Đức Mẹ do ân sủng Đức Mẹ của các ân sủng, Người lại là con út của loài người.

Tiếng La tinh nghĩa là một nữ trinh làm mẹ, Đức mẹ đồng trinh.

Đây là thánh François d'Assise, sáng lập ra dòng tu Franciscain (1182 – 1226). Con một thương gia lớn, sau một thời tuổi trẻ vàng son, ông từ bỏ thế sự, ông có rất nhiều đồ đệ cùng ông hiến mình cho sự nghèo khổ thánh thiện. Dòng tu của ông gồm cả nam và nữ tu sĩ phát triển rất mạnh và cốt lõi là sự vui thú trong việc làm phúc lành cho người nghèo.

“Xin cảm ơn cha,” tôi nói với cha xứ Torcy. Tôi chỉ kiếm được lời đó. Mà còn thốt ra quá lạnh lùng!

– “Tôi xin cha ban phép lành cho tôi.” Tôi nói tiếp cũng với một giọng như vậy. Sự thực là từ mười phút qua tôi đấu tranh chống lại cái đau của tôi, cái đau khủng khiếp chưa bao giờ lại cấp bách đến thế. Chúa ơi, cái đau còn có thể chịu được, nhưng thứ buồn nôn kèm theo nó lúc này làm sụp đổ hẳn lòng can đảm của tôi. Chúng tôi đứng ở thềm cửa. – “Cha đang đau khổ, cha xứ Torcy trả lời tôi. Chính cha phải làm phép lành cho tôi.” Và ông đã nắm bàn tay tôi trong tay ông, ông nâng nhanh lên ngang trán mình, và ông ra đi. Quả thật là gió bắt đầu thổi mạnh, nhưng lần đầu tiên tôi không thấy cha vươn thẳng tấm thân cao lớn lên mà bước đi hoàn toàn cúi gằm thân mình.

Sau khi cha đạo xứ Torcy đã ra đi, tôi còn ngồi một lát trong nhà bếp, tôi không muốn suy nghĩ quá nhiều. “Nếu điều xảy ra với tôi – tôi nghĩ ngợi – có tầm quan trọng đến như vậy dưới mắt tôi, chính vì tôi tưởng mình vô tội. Chắc chắn có nhiều linh mục có thể phạm những khinh suất lớn, và người ta không buộc tội tôi điều gì khác. Rất có thể là sự xúc động đã làm cho cái chết của bá tước phu nhân đến sớm; sai lầm của cha xứ Torcy chỉ liên quan đến tính chất thật của cuộc nói chuyện của chúng tôi.” Dẫu có vẻ lạ đời đến mấy, một ý nghĩ như vậy là một niềm an ủi đối với tôi. Trong lúc tôi không ngừng lấy làm tiếc về sự kém cỏi của mình, tôi lại ngần ngại xếp tôi vào loại linh mục xoàng đến thế ư? Những thành công đầu tiên của thời học trò chắc chắn là quá dịu dàng đối với trái tim của cậu bé khốn khổ là tôi lúc bấy giờ, và kỷ niệm của chúng dẫu sao còn lưu lại trong tôi. Tôi không chịu nổi ý nghĩ rằng sau khi đã là một học trò “xuất sắc” – quá xuất sắc! – tôi phải hôm nay ngồi ở những bậc phía

trên cùng các học trò lười. Tôi cũng tự bảo rằng sự khiển trách vừa rồi của cha đạo không phải là bất công như tôi đã nghĩ trước đây. Sự thật là lương tâm tôi không hề khiển trách gì tôi về điều đó: tôi đã không tự nguyện lựa chọn cái chế độ ăn mà cha xứ Torcy cho là nông cuồng. Dạy dầy tôi không chịu đựng được chế độ ăn uống nào khác, thế thôi. Hơn nữa, tôi còn nghĩ ít nhất là sai lầm này sẽ không khiến ai công phẫn cả. Chính bác sĩ Delbende đã bảo vị thầy già của tôi cảnh giác đề phòng, và sự cố nực cười về cái chai bị vỡ đã đơn giản làm ông vững tin vào một ý kiến hoàn toàn không bằng cứ.

Cuối cùng tôi mỉm cười về những nỗi lo sợ của mình. Chắc hẳn bà Pegriot, Mitonnet, ngài bá tước, một vài người khác, vẫn biết là tôi uống rượu vang, và rồi sao nữa? Thật quá phi lý nếu người ta phải quy định thành trọng tội cho tôi một thiếu sót cùng lắm chỉ thuộc tội tham ăn, quen thuộc với nhiều đồng nghiệp của tôi. Và Chúa biết rằng từ đây tôi không được coi là tham ăn.

(Tôi đã ngắt cuốn nhật ký này lại hai ngày nay, tôi quá chán ghét việc tiếp tục nó – Sau khi suy ngẫm, tôi tự tuân theo một sự ngại ngùng đắn đo chính đáng ít hơn là tuân theo một cảm giác xấu hổ. Tôi cố đi đến cùng.)

Sau khi cha xứ Torcy ra về, tôi lại ra đi. Tôi phải trước hết đi nắm tin tức một người ốm, ông Duploux. Tôi tìm thấy ông ta đang thở khò khè. Mặc dù theo lời thầy thuốc, ông chỉ bị một chứng viêm phổi khá nhẹ, song đây là một người to béo, trái tim ông quá nhiều mỡ đã bắt thành linh suy sụp. Bà vợ ông, ngồi xồm trước lò sưởi, bình thản

hâm một tách cà phê. Bà không hay biết gì, chỉ nói đơn giản: “Có lẽ cha nói đúng, nhà tôi sắp đi rồi.” Một lát sau lật tấm chăn lên, bà còn nói: “Ông ấy đánh rắm kìa, kết thúc rồi.” Khi tôi trở lại với Dầu thánh thì ông đã chết.

Tôi đã chạy. Tôi đã sai lầm nhận uống một tách cà phê pha với rượu đồ tùng. Rượu đồ tùng làm tôi lộn mửa. Điều bác sĩ Delbende nói là đúng, chắc thế. Sự lộn mửa của tôi giống sự lộn mửa của trạng thái no nê. Một trạng thái no nê tởm lợm. Chỉ cái mùi thôi cũng đủ. Tôi có cảm giác là cái lưỡi của tôi phồng lên trong mồm, như một miếng bọt biển.

Lẽ ra tôi phải trở về nhà cha xứ. Về nhà tôi, trong phòng tôi. Kinh nghiệm đã dần dần dạy tôi một vài điều ứng dụng, mà có lẽ người ta buồn cười, nhưng chúng giúp tôi chống lại nỗi đau của mình, làm dịu nó. Người nào có thói quen chịu đau đớn cuối cùng hiểu ra rằng nỗi đau phải được gượng nhẹ, rằng người ta thường có thể thắng được nó bằng mưu mẹo. Mỗi nỗi đau, vả lại, có cá tính của nó, những sở thích riêng của nó, nhưng chúng đều ác độc và ngu xuẩn, và cái phương kế đã một lần tỏ ra hiệu nghiệm, có thể được dùng mãi mãi. Tóm lại, tôi cảm thấy sự tấn công sẽ nặng nề, tôi đã phạm điều ngu ngốc là muốn trực diện chống lại nó. Đức Chúa Trời đã cho phép thế. Điều đó làm hại tôi, tôi e như vậy.

Đêm xuống rất nhanh. Khốn khổ hơn nữa là tôi có những cuộc viếng thăm ở vùng phụ cận sản nghiệp Galbat, nơi đó đường đi rất xấu. Trời không mưa, nhưng đất sét, nó dính vào đế giày tôi, nó chỉ khô vào tháng tám. Mỗi lần, người ta dành chỗ cho tôi ở lò sưởi, cạnh cái lò nhồi đầy than thô Bruays, hai thái dương tôi đập mạnh

tới mức tôi khó nghe thấy, tôi trả lời hơi lung tung, chắc tôi phải có vẻ rất kỳ quặc! Mặc dầu vậy, tôi vẫn trụ vững. Một cuộc đi đến sản nghiệp Bruays luôn là vất vả mệt nhọc vì các nhà nằm xa nhau rải rác qua cái đồng cỏ, và tôi không muốn có nguy cơ mất ở đây một buổi tối khác. Thỉnh thoảng, tôi trộm thăm tra lại cuốn sổ tay con, tôi dần dần gạch đi các tên; danh sách với tôi có vẻ vô tận. Mỗi khi tôi lại thấy mình ở ngoài trời, công việc đã làm xong, tôi cảm thấy đau quá tới mức tôi thiếu can đảm để trở lại con đường lớn, tôi đi theo rìa rừng. Con đường này đưa tôi qua rất gần nhà gia đình Dumouchel, mà tôi muốn đến đó. Quả là đã hai tuần nay Séraphita không thấy xuất hiện nữa ở lớp dạy giáo lý Cơ đốc. Tôi đã tự hứa sẽ hỏi bố cô ta. Lúc đầu tôi bước đi với khá nhiều can đảm, cơn đau dạ dày dường như bớt dữ dội, tôi chỉ còn bị chóng mặt và buồn nôn. Tôi nhớ rất rõ là đã vượt quá phần mũi cong của cánh rừng Auchy. Tôi bị lả đi lần đầu khi đi quá nơi đó một ít. Tôi tưởng còn đang chiến đấu để đứng vững, trong khi ấy, tôi cảm thấy, áp sát má mình là đất sét lạnh giá. Cuối cùng tôi đã đứng dậy được. Thậm chí tôi còn tìm chuối hạt trong bụi cây mâm xôi. Cái đầu khốn khổ của tôi không chịu nổi nữa. Hình ảnh Đức Mẹ Hai Đồng, đúng như cha xứ Torcy gọi cho tôi, không ngừng hiện ra trong đó và, tôi có cố gắng đến mấy để lấy lại ý thức trọn vẹn, bài cầu nguyện đã bắt đầu kết thúc thành những mơ mộng mà thỉnh thoảng tôi cảm thấy sự phi lý của chúng. Tôi không thể nói được mình đã đi như thế trong bao nhiêu lâu. Thú vị hay không, những bóng ma không làm dịu nỗi đau đón không chịu được đang uốn oằn tôi lại làm đôi. Tôi tưởng chỉ duy nhất nỗi đau đón ấy ngăn cản tôi chìm sâu vào sự điên cuồng, nó như một điểm cố định trong sự diễn tiến vô ích của các giấc mơ của

tôi. Chúng còn tiếp tục vào lúc tôi viết và nhờ ơn Chúa, không để lại cho tôi một sự ân hận nào, vì ý chí của tôi không chấp nhận chúng, lên án sự liều lĩnh của chúng. Lời nói của một người của Đức Chúa Trời mới hùng mạnh làm sao! Quả là, tôi khẳng định long trọng ở đây, tôi chưa từng tin vào một ảo ảnh theo nghĩa mà người ta dành cho từ này, bởi vì kỷ niệm về điều nhục nhã của tôi, về nỗi bất hạnh của tôi có thể nói là đã không từ bỏ tôi. Cũng không kém phần thật là hình ảnh được hình thành trong tôi không phải là hình ảnh mà trí tuệ đón nhận hoặc từ chối theo ý nó. Tôi có dám thú nhận không?...
(Ở đây có mười dòng bị gạch đi)

... Sinh thể cao cả mà những bàn tay nhỏ bé làm sấm sét giãn ra, những bàn tay đầy ân sủng của Người... Tôi nhìn những bàn tay ấy. Khi thì tôi nhìn thấy chúng, khi thì không nhìn thấy nữa, và vì nỗi đau đón của tôi trở nên thái quá, vì tôi cảm thấy mình lại bị trượt lún nữa, tôi đã nắm lấy một trong hai bàn tay ấy trong bàn tay tôi. Đó là một bàn tay trẻ thơ, trẻ thơ nghèo, đã gầy mòn vì lao động, vì công việc giặt giũ. Làm sao diễn đạt điều đó? Tôi không muốn đó là một giấc mơ, song tôi nhớ là đã nhắm mắt lại. Tôi sợ rằng nếu ngược mí mắt lên sẽ thấy khuôn mặt mà trước nó tất cả các đầu gối sẽ khuỵu xuống. Tôi đã thấy khuôn mặt ấy. Đó cũng là một khuôn mặt bé thơ, hoặc khuôn mặt cô gái rất trẻ, không chút rục rờ nào. Đó là khuôn mặt của chính sự buồn thảm, một nỗi buồn thảm tôi không hề biết đến và tôi không thể dự phần nào hết, rất gần gũi với trái tim của tôi, trái tim đàn ông khốn khổ của tôi, song le không với tới được. Không có nỗi buồn thảm nào của con người mà không có sự đắng cay, còn

nỗi buồn kia chỉ là dịu ngọt, không có nỗi loạn, và nỗi buồn kia chỉ là chấp nhận. Nó khiến nghĩ tới một đêm tối lớn lao nào tôi không biết, êm đềm và vô tận. Nỗi buồn của chúng ta, rớt cuộc, nảy nở từ kinh nghiệm của những cực khổ của chúng ta, kinh nghiệm luôn vẫn đục, còn nỗi buồn kia là ngây thơ vô tội. Nó là sự ngây thơ trong trắng. Lúc đó tôi hiểu được ý nghĩa của một số lời nói của cha xứ Torcy mà trước kia tôi thấy là tầm tối. Ngày xưa Đức Chúa Trời phải đã bằng một điều kỳ diệu nào đó, che đi nỗi buồn trinh bạch đó vì con người dù có mù quáng nhận tâm đến mấy họ vẫn nhận ra qua dấu hiệu đó người con gái quý hiếm của họ, đứa sinh sau cùng của nòi giống cổ xưa của họ, con tin tuyệt vời xung quanh đó các quỹ dữ gầm rú và họ hẳn đã đứng dậy đồng loạt, đã làm cho nó một thành lũy bằng thân thể có thể chết của họ.

Tôi nghĩ là đã bước đi một thời gian nữa, nhưng tôi đã rời khỏi con đường nhỏ, tôi chệnh choạng trong cỏ dày ướt đầm nước mưa và lún sâu dưới đế giày của tôi. Khi thấy ra mình đã lạc, tôi đang đứng trước một cái hàng rào có vẻ quá cao và quá dày đối với tôi nên chẳng hi vọng vượt qua được. Tôi đi dọc theo nó. Nước mưa từ các cành cây trút xuống như suối và làm ướt đầm cỏ và các cánh tay tôi. Nỗi đau đớn của tôi dịu dần, nhưng tôi luôn nhổ ra một thứ nước ấm mà tôi tưởng như có vị của những giọt nước mắt. Có cố gắng mấy, tôi cũng không sao rút được chiếc khăn tay trong túi ra. Tuy nhiên tôi không hề bị bất tỉnh, chỉ đơn giản là tôi cảm thấy mình là nô lệ của một nỗi đau quá sâu sắc, hay đúng hơn của kỷ niệm về nỗi đau đó – vì việc tin chắc vào sự trở lại của nó còn kinh hoàng hơn bản thân nỗi đau – và tôi đi theo nó như một con chó đi theo

chủ. Tôi cũng tự bảo mình sắp ngã xuống trong chốc lát, người ta sẽ tìm thấy tôi ở đấy, gần chết, và sẽ thêm một điều mang tai mang tiếng nữa. Dường như tôi đã kêu lên. Bỗng chốc cánh tay tôi tựa vào hàng rào có cảm giác như nằm trong khoảng không, trong khi đất dưới chân tôi bị hút hẫng. Chẳng nghi ngờ gì nữa, tôi đã đi đến bên bờ dốc, và tôi đã va mạnh hai đầu gối và trán vào mặt đường đầy sỏi đá. Một phút nữa, rồi tôi tưởng như đã lại đứng dậy và đã bước đi. Đoạn tôi thoáng thấy rằng đó chỉ là một giấc mơ. Đêm hình như bỗng chốc trở nên tối tăm hơn, dày đặc hơn, tôi nghĩ là mình đã ngã xuống một lần nữa, nhưng lần này là trong im lặng. Tôi đã bị trượt ngã vào đó. Sự im lặng khép lại bên tôi.

Khi lại mở mắt ra, trí nhớ nhanh chóng trở lại với tôi. Tôi có cảm giác như trời bắt đầu sáng. Đó là ánh phản chiếu của một chiếc đèn lồng trên dốc, trước mặt tôi. Tôi cũng thấy một ánh sáng khác phía bên trái, trong các cây, nhìn một cái là tôi nhận ra ngay ngôi nhà của Dumouchel, cái hiên nực cười. Tấm áo thầy dòng của tôi dẫm nước dính vào lưng tôi, tôi chỉ một mình.

Người ta đã đặt chiếc đèn lồng ngay gần đầu tôi – một trong những đèn lồng chuồng ngựa thắp dầu hỏa, tỏa nhiều khói hơn là ánh sáng. Một con bộ lớn xoay quanh. Tôi cố đứng dậy mà không được, tuy nhiên tôi cảm thấy có chút sức lực, tôi không còn đau nữa. Cuối cùng, tôi đã ngồi dậy. Từ phía bên kia hàng rào tôi nghe thấy các gia súc kêu lên và thở phì phò. Tôi hoàn toàn ý thức được rằng ngay trong trường hợp tôi đứng lên được, đã quá chậm để chạy trốn, tôi chỉ còn cách kiên nhẫn chịu đựng sự tò mò của người đã phát hiện ra tôi và sẽ trở lại tìm chiếc đèn lồng của mình. “Hỡi ôi!

Tôi nghĩ, ngôi nhà của Dumouchel đúng là nhà cuối cùng mà tôi mong người ta nhặt được tôi cạnh đó.” Tôi đã có thể quý nhòm người và chúng tôi đột thấy mình mặt đối mặt. Ở tư thế đứng em cũng không cao hơn tôi. Khuôn mặt bé nhỏ gầy gò của em không hề kém xảo trá hơn thường lệ, nhưng điều tôi nhận xét thấy trước tiên ở đó là một vẻ nghiêm nghị, dịu dàng, hơi trang trọng, gần như hài hước. Tôi đã nhận ra Séraphita. Tôi đã mỉm cười với em. Chắc em tưởng tôi chế giễu em, một ánh độc ác loáng lên trong con mắt xám của em – quá ít vẻ trẻ thơ – và ánh mắt đó đã làm tôi hơn một lần hạ mắt xuống. Lúc đó tôi thoáng thấy em cầm ở tay một bát bằng đất đầy nước, trong đó nổi lênh bênh một thứ giẻ lau, không quá sạch. Em đã đặt cái bát giữa hai đầu gối – “Con đã đi ra hồ lấy nước, em nói, như thể chắc hơn. Tất cả họ đều ở đằng kia, trong nhà, do có đám cưới người anh họ Victor. Con, con đã đưa gia súc về.” – “Đừng liêu nhõ bị trừng phạt.” – “Trừng phạt. Người ta chưa bao giờ trừng phạt con. Một hôm bố đã giơ tay định đánh con. Đừng cả gan đụng vào con, con nói với bố con, hoặc con sẽ đưa con bò cái Hung đến chỗ cỏ độc, nó sẽ chết vì bị phù! Con Hung là con bò cái đẹp nhất của chúng tôi.”

– “Lẽ ra con không nên nói như vậy, thế là xấu.” – “Cái xấu, em vừa đáp lại, vừa nhún vai với vẻ láu lỉnh, là tự đặt mình vào một tình cảnh như cha kia.” Tôi cảm thấy tái người, em nhìn tôi với vẻ tò mò. – “Điều may mắn là con đã tìm thấy cha. Đuổi theo các gia súc, guốc con đã lặn trên đường; con đã đi xuống, con ngỡ là cha đã chết!” – “Cha đã đỡ hơn, cha sắp đứng dậy.” – “Ít nhất cũng đừng về nhà trong tình trạng như cha!” – “Cha bị thế nào?” – “Cha đã nôn, mặt

cha lem luốc như cha đã ăn những quả dâu.” Tôi cố cầm lấy cái bát, nó suýt tuột khỏi tay tôi. – “Cha run quá, em nói với tôi, hãy để con, con quen rồi, chao ôi, nào, nào! Ở đám cưới của ông anh Narcisse của con, thật khác xa. Phải không? Cha nói gì?” Rằng tôi đánh lập cập, cuối cùng em cũng hiểu ra rằng tôi bảo em ngày hôm sau đến nhà cha xứ, rồi tôi sẽ giải thích cho em – “Thực thể không, con đã kể nhiều điều xấu về cha, những điều khủng khiếp. Cha phải đánh con mới phải. Con ghen, ghen một cách thậm tệ, ghen như một con thú. Và cha hãy dè chừng những đứa khác. Đó là những đứa đạo đức giả, những đứa ích kỷ.” Vừa nói em vừa đưa cái giẻ qua trán, qua má tôi – Nước lạnh làm tôi đỡ hơn, tôi đứng dậy, nhưng vẫn run rất mạnh. Cuối cùng cơn run đã chấm dứt. Cô nàng xứ Samarie của tôi nâng cái đèn lồng lên ngang tầm cầm tôi, để xem xét sát hơn việc mình làm, tôi cho là thế – “Nếu cha muốn, con sẽ đưa cha ra đến đầu đường. Hãy cẩn thận những cái hố. Ra khỏi các bãi chăn thả rồi, mọi việc sẽ ổn.” Em bước đi trước tôi, rồi khi con đường rộng hơn, em tới đi bên cạnh tôi, và vài bước nữa, em đặt tay em trong tay tôi, ngoan ngoãn. Những con bò cái rống thê thảm, cả hai chúng tôi đều không nói gì. Chúng tôi nghe thấy tiếng một cánh cửa đập càn cạch ở phía xa.

– “Con phải về,” em nói. Nhưng em đứng yên trước mặt tôi, trên đôi chân bé nhỏ. – “Đừng quên đi nằm khi cha trở về đến nhà, đó chính là điều tốt nhất. Tuy nhiên cha không có ai để hâm nóng cà phê cho. Một người không có vợ, con thấy điều đó rất bất hạnh, rất khiên cưỡng.” Tôi không thể rời mắt khỏi mặt em. Tất cả ở đấy đều héo hon, gầy như già nua, trừ vàng trán vẫn giữ vẻ trong sáng đến

thế. Tôi không nghĩ rằng vàng trán ấy trong sáng đến thế. – “Nghe đây, những điều con đã nói, cha đừng tin! Con biết chắc rằng cha đã không cố tình. Khéo họ đã bỏ thuốc bột vào cốc của cha, đó là điều làm họ thích thú, một kịch hề. Nhưng nhờ con, họ sẽ không hay biết gì hết, họ sẽ mắc lõm...” “Mày đâu rồi, con ranh!” Tôi nhận ra giọng nói của người bố. Em đã nhảy khỏi dốc, không gây nhiều tiếng động hơn một con mèo, tay này cầm hai chiếc guốc, tay kia chiếc đèn lồng. – “Suyt! Về nhanh lên! Ngay đêm qua, con đã mơ về cha. Cha có vẻ buồn, như bây giờ, con đã thức dậy khóc suốt mướt.”

Về đến nhà, tôi đã phải giặt cái áo dòng, vải cứng đờ, nước giặt thành màu đỏ. Tôi hiểu là mình đã nôn ra nhiều máu.

Khi đi nằm, tôi hầu như đã quyết định đi tàu hỏa đến Lille ngay lúc rạng đông. Nỗi kinh ngạc của tôi đến mức – sợ sợ chết đến muộn hơn – nếu bác sĩ già Delbende còn sống, chắc tôi đã chạy đến Desvres, trong đêm. Và điều tôi không trông đợi đúng là đã đến, như bao giờ cũng vậy. Tôi ngủ một mạch, tôi thức dậy rất khoan khoái, cùng với các chú gà trống. Thậm chí một cái cười điên đã vang lên khi tôi nhìn gần khuôn mặt buồn bã của tôi, trong lúc tôi đưa qua đưa lại lưỡi dao cạo trên một bộ râu mà không một cái nạo nào thắng được bao giờ, một bộ râu của người sống lang thang trên đường, của người lái xe chở hàng... Dẫu sao, máu để dấu lại trên áo dòng của tôi có thể do tôi chảy máu cam chăng? Làm sao một giả thuyết nghe được đến thế đã không hiện ra đầu tiên? Nhưng sự xuất huyết có thể xảy ra trong cơn ngất ngấn của tôi, và trước khi ngất tôi bị một cảm giác buồn nôn kinh khủng chi phối.

Tuy nhiên tôi sẽ đi Lille để khám bệnh tuần nay, nhất định như thế.

Sau buổi cầu kinh, thăm người đồng nghiệp ở Haucolte để nhờ thay tôi khi tôi đi vắng. Đó là một linh mục tôi ít quen biết nhưng trạc tuổi tôi, cha ấy gọi cho tôi niềm tin cậy. Dù giặt đến mấy, tấm ngực áo dòng của tôi trông thật gớm ghiếc. Tôi kể là một lọ mực đổ trong tủ đã bị đổ và cha đã ân cần cho mượn một chiếc áo choàng thầy tu cũ. Cha ấy nghĩ gì về tôi? Tôi không thể đọc trong ánh mắt của cha.

Cha xứ đạo Torcy hôm qua đã được chở đến một bệnh viện tư ở Amiens. Cha đau một cơn đau tim không nặng lắm, người ta bảo thế, nhưng đòi hỏi sự săn sóc, sự đỡ đần của một nữ y tá. Cha để lại cho tôi một mảnh giấy viết nguệch ngoạc bằng bút chì, trong lúc lên xe cứu thương: “Chú bé chuốc khổ vào thân của tôi, hãy cầu nguyện tốt Đức Chúa Trời, và đến thăm tôi ở Amiens tuần sau.”

Vào lúc ra về, từ nhà thờ tôi thấy mình đứng trước mặt cô Louise. Tôi cứ ngỡ là cô ở xa đây lắm. Cô đến từ Arches, cước bộ, đôi giày đầy bùn, gương mặt trông bản thủ và mệt mỏi, một chiếc găng tay len thủng lỗ chỗ để lộ các ngón tay. Ngày trước cô rất chải chuốt, rất chỉnh tề! Điều đó làm tôi đau buồn khủng khiếp. Tuy nhiên, ngay từ những lời đầu tiên, tôi hiểu rằng nỗi đau khổ của cô thuộc loại không thể thú nhận được.

Cô nói với tôi tiền công đã không được trả sáu tháng nay, công chứng viên của ngài bá tước đề nghị với cô một sự dàn xếp không thể chấp nhận, cô không dám rời xa Arches, sống ở khách sạn. “Ông chủ sẽ cảm thấy rất cô đơn. Đó là một người yếu đuối, ích kỷ, gắn bó với những thói quen của mình; con gái ông sẽ nuốt chửng

bố.” Tôi hiểu là cô còn hi vọng, tôi không dám nói hi vọng cái gì. Cô cố gắng gọt rửa các câu của mình, như trước đây, và thỉnh thoảng giọng nói cô giống giọng của bá tước phu nhân, mà cô đã bắt chước cả cái nhíu mày trên cái nhìn cạnh thị... Sự chịu nhục tự nguyện là vương giả, nhưng nhìn không đẹp lắm, một niềm kiêu hãnh đã bị phân hủy!...

“Ngay Bá tước phu nhân, cô ta nói, cũng đối xử với tôi như người có địa vị. Vả lại ông trẻ tôi, Đại tá Heudebert, đã lấy vợ thuộc họ Noisel, mà gia đình Noisel là bà con của bá tước phu nhân. Sự thử thách mà Đức Chúa Trời ban cho tôi...” Tôi không tìm được mình ngắt lời cô. – “Hãy đừng cầu khẩn Chúa bộp chộp đến thế...” – “Ôi! Cha dễ dàng buộc tội tôi, khinh bỉ tôi. Cha không biết cô đơn là gì!” – “Người ta không bao giờ biết, tôi nói. Người ta không bao giờ đi tận cùng nỗi cô đơn của mình.” – “À mà cha có những công việc của cha, ngày tháng qua nhanh.” Điều đó khiến tôi mỉm cười ngoài ý muốn. – “Bây giờ cô phải rời xa, tôi nói, bỏ xứ này. Cha hứa với cô đòi được những gì người ta nợ cô. Cha sẽ bảo giao lại cô ở chỗ nào cô chỉ cho cha.” – “Nhờ tiểu thư, hửn thế? Tôi không nghĩ gì xấu về người con gái đó, tôi tha thứ cho cô ta. Cô ta là một tính chất dữ dội nhưng rộng lượng. Đôi khi tôi hình dung một sự giải thích thẳng thắn...” Cô gái đã cởi ra một chiếc găng tay và nóng nảy vò nát nó trong lòng bàn tay. Cô làm tôi thương hại, quả vậy – và cũng phần nào ghê sợ. – “Cô ạ, tôi bảo cô, không có điều gì khác thì lòng tự tôn kiêu hãnh ắt cũng ngăn cô thực hiện một vài sự vận động, vả chăng cũng là vô ích. Và điều kỳ quái là có đã có ý định kết hợp cha vào đó.” “Niềm kiêu hãnh tự tôn ư? Từ bỏ xứ này, nơi tôi đã sống sung

sướng, được coi trọng, gần như ngang hàng với các chủ nhân, để ra đi như một kẻ ăn xin, phải chăng đó là những gì cha gọi là tự tôn? Ngày hôm qua, đã có ở chợ những người dân quê, giá như ngày trước đã chào tôi sát đất, nay làm bộ không nhận ra tôi.” – “Hãy cũng đừng nhận ra họ. Hãy kiêu hãnh!” – “Sự kiêu hãnh, luôn luôn sự kiêu hãnh! Trước hết, sự kiêu hãnh là gì? Tôi không bao giờ nghĩ rằng sự kiêu hãnh là một trong những đức tính thần học... Thậm chí, tôi ngạc nhiên nghe thấy từ đó ở miệng cha.” – “Xin lỗi, tôi nói với cô, nếu cô muốn nói với linh mục, ông ta sẽ yêu cầu cô thú tội để có quyền xá miễn cho cô.” – “Tôi không hề muốn điều gì như thế cả.” – “Vậy, cho phép cha lúc này nói chuyện với cô bằng một ngôn ngữ mà cô có thể hiểu được.” – “Một ngôn ngữ của con người?” – “Sao lại không? Nâng mình lên trên sự kiêu hãnh là một điều tốt đẹp. Có điều là phải đạt được đức tính đó. Cha không có quyền nói một cách tự do về danh dự theo người đời, nó không phải là một đề tài để đàm thoại đối với một linh mục khốn khổ như cha, nhưng đôi khi cha thấy người ta coi quá rẻ danh dự. Chao ôi! Tất cả chúng ta đều có thể nằm trong bùn; bùn có vẻ mát mẻ cho các trái tim kiệt sức. Và sự xấu hổ, cô thấy không, đó là một giấc ngủ như một giấc ngủ khác, một giấc ngủ nặng nề, một sự say sưa không có mộng mơ. Nếu một chút còn lại cuối cùng của niềm kiêu hãnh phải dựng đứng dậy lại một người buồn khổ, tại sao người ta nhìn vào đó sát đến thế?” – “Con là kẻ khốn khổ đó ư?” – “Đúng, tôi nói với cô ta. Và cha chỉ cho phép cha hạ nhục cô với hi vọng tránh cho cô một sự hạ nhục đau đớn hơn, không thể vãn hồi, nó làm cho cô mất phẩm giá dưới mắt cô mãi mãi. Hãy từ bỏ dự định gặp lại cô Chantal, con tự làm hèn hạ mình vô ích, con sẽ bị chà đạp, bị dẫm bẹp...” Tôi giữ im

lặng. Tôi thấy cô ta gượng chống đỡ, gượng nổi giận. Tôi những muốn tìm một lời xót thương, nhưng những lời hiện ra trong trí tôi chỉ giúp cho cô, tôi cảm thấy thế, mũi lòng về mình và khơi nguồn cho những giọt nước mắt khả ố. Không bao giờ tôi hiểu rõ hơn nỗi bất lực của tôi trước một số điều bất hạnh mà tôi không thể chia sẻ, dù tôi có làm gì đi nữa.

– “Vâng, cô nói, giữa Chantal và con, cha không do dự. Chính con là người không đủ sức. Cô ta đã làm con tan nát.” Từ đó làm tôi nhớ đến một câu trong cuộc nói chuyện vừa qua của tôi với bá tước phu nhân, “Đức Chúa Trời sẽ làm bà tan nát!” Tôi đã kêu lên. Một hồi ức như thế, trong lúc này, làm tôi đau đớn. – “Không có gì trong con để làm tan nát cả!” tôi nói. Tôi đã hối hận về lời nói đó, giờ đây tôi không hối hận nữa; nó thoát ra từ trái tim tôi. – “Chính cha là người bị cô ấy lừa!” Cô gái trả lời với một cái nhìn mặt buồn. Cô không cất cao giọng, cô chỉ nói nhanh hơn, rất nhanh; vả lại tôi không thể kể lại tất cả; nó chảy ra không cạn từ đôi môi nứt nẻ. “Cô ta ghét cha. Cô ta ghét ngay từ ngày đầu. Cô ta có một sự sáng suốt của quỷ dữ. Và mưu mẹo biết bao! Không gì thoát khỏi cô ta. Ngay khi cô thò đầu ra ngoài, trẻ con chạy theo cô, cô nhồi đường cho chúng, chúng mê mết cô. Cô ta nói với chúng về cha, chúng kể với cô ta câu chuyện gì đó về lớp học giáo lý Cơ đốc giáo, cô ta bắt chước dáng đi của cha, giọng nói của cha. Cha ám ảnh cô ta, điều đó rõ quá. Và ai ám ảnh cô, cô biến người ấy thành kẻ bị bắt nạt, truy đuổi họ đến chết, cô ta không có lòng xót thương. Mới ngày hôm kia đây...” Tôi cảm nhận như một quả đấm vào ngực. – “Im đi!” tôi nói. – “Tuy nhiên cha phải biết rõ cô ta là gì.” – “Cha biết, tôi kêu

lên; con không thể hiểu cô ấy.” Cô dướn về phía tôi khuôn mặt nhục nhĩ tội nghiệp. Trên cái má tái mét, gần như xám xịt của cô, gió đã làm khô đi những giọt nước mắt, để lại một vết dài bóng loáng mất đi trong cái hốc tối của gò má. – “Con đã nói chuyện với Famechon, người phụ vườn thường phục vụ bữa ăn khi François vắng. Chantal đã kể tất cả cho bố cô, họ cười thất ruột. Cô ta tìm thấy một quyển sách nhỏ, gần nhà Dumouchel; cô đọc thấy tên cha ở trang đầu, thế là cô ta nảy ra ý hỏi han Séraphita, và con bé, như bao giờ cũng thế, đã để người lạ khéo léo dò hỏi và để lộ cả tâm can ra...” Tôi ngăn người nhìn cô gái, không nói nên lời. Ngay cả vào lúc đó, khi cô ta ắt phải tận hưởng sự trả thù, cơn giận không thể nào cho đôi mắt cô một vẻ gì khác ngoài vẻ nhẫn nhục của một con vật nuôi trong nhà, duy chỉ có gương mặt của cô bớt tái. – “Hình như con bé đã tìm thấy cha nằm ngay trong con đường.” Tôi đã quay lưng lại. Cô chạy sau tôi, và khi thấy bàn tay cô trên tay áo tôi, tôi đã không thể ghìm một động tác ghê tởm; tôi phải bỏ ra một nỗ lực lớn mới nắm được bàn tay đó trong tay tôi và nhẹ nhàng gạt cô ta ra. – “Đi đi! Tôi nói với cô ta. Cha sẽ cầu nguyện cho con.” Cuối cùng cô gái đã khiến tôi thương xót. – “Tất cả sẽ được dàn xếp. Cha hứa với con. Cha sẽ đi gặp ngài bá tước.” Cô gái đi khỏi nhanh, đầu cúi gục và hơi nghiêng, như một con thú bị thương.

Vị linh mục phụ tá giám mục vừa rời Ambricourt. Tôi không gặp lại ông.

Hôm nay thoáng nhìn thấy Séraphita. Em ngồi cao trên bờ dốc, đang chặn con bò cái. Tôi đã đến gần, nhưng không gần lắm. Em đã chạy trốn.

Hiển nhiên, sự rụt rè của tôi, thời gian gần đây, mang tính chất một sự ám ảnh thực sự. Không thể dễ dàng khắc phục cái sợ vô lý, trẻ thơ này, nó khiến tôi đột ngột quay lại mỗi khi tôi cảm thấy có người qua đường nhìn tôi. Tim tôi nhảy nhót trong buồng ngực và tôi chỉ bắt đầu thở lại được sau khi nghe tiếng chào đáp lại tiếng chào của tôi. Khi nó đến, là tôi đã không hi vọng ở nó nữa rồi.

Tuy nhiên sự tò mò của thiên hạ đã rời bỏ tôi. Người ta đã phán xét tôi, còn đòi hỏi gì hơn? Từ nay họ có đối với hạnh kiểm của tôi một sự giải thích cụ thể, quen thuộc, làm yên lòng; nó cho phép họ thôi chú ý đến tôi, trở về với những điều nghiêm túc. Người ta biết là tôi “uống rượu”, một mình và vụng trộm; những người trẻ tuổi nói: “Không mời ai.” Như thế là đủ rồi. Than ôi! Vẫn còn sắc mặt thiếu ngủ, tang tóc mà dĩ nhiên tôi không thể nào loại bỏ; nó hòa hợp tôi với rượu chè vô độ. Họ sẽ không tha thứ cho tôi về sắc mặt đó.

Tôi rất sợ buổi dạy giáo lí Cơ đốc thứ năm hàng tuần. Chao ôi, tôi không chờ đợi cái mà tiếng lóng học trò các trường trung học gọi là “làm âm lên để trêu ghẹo thầy giáo” (các cô cậu bé nhà quê ít khi làm âm), mà chờ đợi những tiếng thì thầm, những nụ cười. Không xảy ra điều gì cả.

Séraphita đã tới trễ, thở hổn hển, khuôn mặt đỏ lựng. Tôi thấy hình như em hơi cà nhắc. Cuối bài học, trong khi tôi đọc kinh, *sub tuum** tôi thấy em lén ra phía sau các bạn gái của mình và từ *amen**

chưa được phát ra, tôi đã nghe tiếng khua chát chúa của đôi giày đế gỗ của em trên đá lát.

Tiếng La tinh, có nghĩa là: *dưới sự nương ần của Ngài*.

Từ kết thúc một kinh cầu nguyện của Cơ đốc giáo và Thiên chúa giáo.

Nhà thờ không còn người. Tôi tìm thấy dưới bực giảng chiếc khăn tay lớn màu sọc xanh sọc trắng quá rộng nên không thể bỏ vừa trong túi áo choàng của em và em hay quên. Tôi tự bảo em sẽ chẳng dám về nhà thiếu thứ đồ vật quý đó, vì bà Dumouchel nổi tiếng là người giữ của.

Em đã đến, quả thế. Em chạy một mạch đến ghế của em, không tiếng động (em đã tháo đôi giày đế gỗ ra). Em càng đi cà nhắc hơn trước, nhưng khi tôi gọi em từ đầu này nhà thờ, em lại đi gần như thẳng. – (tôi hiếm khi thấy em như thế; những xúc cảm nhỏ nhất thường làm em đỏ tía). Em đã lấy cái khăn từ tay tôi, một cách dữ tợn, không một lời cảm ơn. Rồi em đứng im, cái chân bị đau gập lại. – “Đi đi,” tôi dịu dàng nói với em. Em bước một bước về phía cửa, đoạn quay trở lại thẳng phía tôi, với một cử động tuyệt vời của đôi vai nhỏ. – “Mới đầu cô Chantal đã ép con (em đứng nhón chân để nhìn tôi thật mặt đối mặt) và sau đó... sau đó...” – Sau đó, con đã vui lòng nói ra...? Đành vậy, các cô gái đều hay bép xép.” – “Con không bép xép, con độc ác.” – “Có chắc không?” – “Chắc như Đức Chúa trời nhìn thấy con! (Bằng ngón tay cái lấm lem mực, em làm dấu thánh giá vào trán, vào môi...) Con nhớ đến những gì cha nói với các đứa khác – những lời nói tốt đẹp, những lời ngợi khen; này, cha đã gọi Telida là cô bé. Cô bé, cái con ngựa cái chột to xù ấy!

Phải đúng là cha mới nghĩ tới điều đó.” – “Con ghen.” Em buông một tiếng thở dài náo nức, vừa chớp chớp đôi mắt, như để tìm cách nhìn thấu đáy suy nghĩ của mình, hoàn toàn tận đáy.

– “Ấy thế mà, cha không đẹp, em nói lúng búng trong mồm, với một vẻ trịnh trọng không tưởng tượng nổi. Chính là chỉ vì cha buồn. Ngay khi cha mỉm cười, cha cũng buồn. Dường như nếu con hiểu vì sao cha buồn, con sẽ không bao giờ độc ác nữa!” – “Cha buồn, tôi nói với em, bởi vì Chúa không được kính yêu.” Em lắc đầu. Chiếc dải xanh cáu bần giữ ở đỉnh đầu mái tóc tội nghiệp của em đã sổ ra, bay bay một cách kì cục ngang tầm cái cằm. Dĩ nhiên câu nói của tôi đối với em có vẻ tối nghĩa, rất tối nghĩa. Nhưng em không tìm kiếm lâu. “Con cũng vậy, con buồn. Buồn là điều tốt. Nó chuộc các tội, con đã tự bảo thế, nhiều lần...” – “Vậy con phạm nhiều tội lắm sao?” – “Chà! (em nhìn tôi với vẻ trách móc và đồng lõa một cách nhún nhường). Cha biết rõ đấy không phải là bọn con trai làm con thích đâu! Chúng không đáng giá là bao. Chúng đàn đến thế là cùng. Thực sự là những con chó điên.” – “Con không xấu hổ ư?” – “Có, con xấu hổ. Với Isabelle và Noémie, chúng con thường gặp lại họ ở trên đó, chênchếch mô đất lớn Malicorne, nơi mở cát. Trước tiên, bọn con chơi trượt. Con là đứa vô lại nhất, hần thế! Nhưng khi họ đã đi hết, con chơi trò người chết.” – “Trò người chết? – Vâng, trò người chết. Con đào một cái hố trong cát, con nằm đó, nằm ngửa, thật thẳng, hai tay vòng lại, mắt nhắm nghiền. Khi con động dậy dù là rất nhẹ, cát chảy vào cổ, vào tai, vào miệng nữa. Con những muốn đây không phải một trò chơi, mà là con chết thật sự. Sau khi đã nói với cô Chantal, con đã nằm đấy nhiều giờ. Khi về nhà, bố đã

tát tai con. Con còn khóc nữa, đúng ra là hiếm đấy...” – “Con không khóc bao giờ ư?” – “Không. Con thấy điều đó chán ngấy, buồn thiu. Khi người ta khóc, nỗi buồn thoát ra khỏi cơ thể ta, trái tim tan chảy như bơ, tằm! Hoặc lúc này... (em lại chớp chớp mí mắt một lần nữa) phải tìm một cách... một cách khác để khóc, sao nữa! Cha thấy điều đó là ngớ ngẩn hay sao?...” – “Không,” tôi nói với em. Tôi lưỡng lự trả lời em; tôi nghĩ rằng dường như một sự khinh suất nhỏ nhất sẽ làm rời xa tôi, mãi mãi, con thú nhỏ hoang dại này... – “Một ngày kia, con sẽ hiểu rằng cầu nguyện đúng là cách khóc đó, những giọt nước mắt duy nhất không đón hèn.” Từ “cầu nguyện” làm em nhú lông mày, mặt em nhếch lên như mặt mèo. Em quay lưng lại phía tôi và bỏ đi, càng cà nhắc rất mạnh. – “Tại sao con đi cà nhắc?” Em đứng phắt lại; toàn thân sẵn sàng chạy trốn, chỉ có cái mặt quay về phía tôi. Rồi em có cùng một cử động của vai như trước; tôi nhẹ nhàng đến gần, em tuyệt vọng kéo cái váy len xám lên phía đầu gối. Qua một chỗ toạc của tất em, tôi nhìn thấy ống chân em bầm tím. – “Đó là vì sao con đi cà nhắc, tôi nói với em, cái gì thế?” – Em nhảy lùi lại, tôi cầm lấy tay em như đang rất đúng lúc. Trong lúc giây giụa, em để lộ ở phía trên bắp chân một ít, một sợi dây mảnh buộc chặt đến nỗi thịt làm thành hai ngón to màu cà tím. Em đã bứt ra bằng một cái nhảy, rồi nhảy lò cò qua các ghế dài; tôi chỉ đuổi kịp được em cách cửa hai bước. Lúc đầu vẻ nghiêm nghị của em làm tôi phải im lặng. – “Chính là để tự trừng phạt mình đã nói với cô Chantal. Con đã hứa giữ sợi dây cho đến tối nay.” – “Hãy cắt đi!” tôi nói với em. Tôi đưa cho em con dao của tôi. Em vâng lời, chẳng nói gì. Nhưng sự dồn máu đột ngột chắc phải đau đón ghê gớm vì em nhìn mặt trông rất thảm hại. Nếu tôi không giữ em lại, chắc chắn em

đã ngã xuống. – “Hãy hứa với cha sẽ không bao giờ lặp lại.” Em gật đầu, vẫn rất nghiêm nghị, và em đã ra về, bàn tay tựa vào tường. Cầu Chúa gìn giữ lấy em!

Đêm nay chắc tôi phải bị xuất huyết nhẹ, hãn thể, nhưng không thể nhầm với một sự chảy máu cam.

Vì không ngừng hoãn chuyến đi Lille của tôi là điều phi lý, tôi viết thư cho bác sĩ hẹn ngày 15. Sáu ngày nữa...

Tôi giữ lời hứa với cô Louise. Cuộc đến thăm ở lâu đài đối với tôi rất khó khăn. May thay tôi gặp ngài Bá tước trên đường có bóng cây râm mát. Ông không hề ngạc nhiên về yêu cầu của tôi, có thể nói là ông đang chờ đợi yêu cầu đó. Bản thân tôi cũng tiến hành khéo léo hơn tôi hy vọng rất nhiều.

Thư phúc đáp của bác sĩ đến với tôi trong chuyến thư về. Ông chấp nhận ngày đã định. Tôi có thể trở về ngay sáng hôm sau.

Tôi đã thay rượu vang bằng cà phê đen, rất đậm. Tôi cảm thấy tốt. Nhưng chế độ uống này buộc tôi phải trả giá bằng những lần mất ngủ, cũng không nặng nề quá, đôi khi còn thú vị nếu không có những lúc tim đập mạnh khá đáng lo. Sự giải thoát của bình minh đối với tôi luôn là dịu dàng. Giống như một ân huệ của Chúa, một nụ cười cầu cho những buổi sáng được ban phúc lành!

Sức lực trở lại với tôi, cùng đi theo là sự ăn ngon miệng. Vả lại thời tiết tốt, khô và lạnh. Các cánh đồng cỏ phủ đầy sương muối. Làng mạc hiện ra dưới mắt tôi rất khác với độ mùa thu. Dường như không khí trong trẻo đã dần dần làm mất đi mọi sự nặng nề, và khi

mặt trời bắt đầu xế, người ta tưởng như nó treo lơ lửng trong khoảng không, chẳng còn đụng đến mặt đất, nó thoát đi, nó bay bổng... Chính tôi mới cảm thấy mình nặng nề, mới nặng trĩu một trọng lượng lớn đè xuống mặt đất. Đôi khi, ảo giác mạnh tới mức tôi nhìn đôi giày to của tôi với một nỗi kinh hoàng, một sự ghê tởm không giải thích nổi. Chúng làm gì đấy, trong thứ ánh sáng này? Hình như tôi nhìn thấy chúng lún sâu.

Dĩ nhiên, tôi cầu nguyện tốt hơn. Song tôi không nhận ra lời cầu nguyện của tôi. Ngày trước nó mang tính chất một lời khẩn nài bướng bỉnh, và thậm chí khi bài học kinh nhật tụng, chẳng hạn, làm tôi chú ý, tôi cảm thấy tiếp tục trong tôi sự đối thoại với Chúa, lúc năn nỉ van xin, lúc thúc giục khẩn thiết – đúng, tôi muốn bứt ra từ Chúa những ân sủng, cưỡng bức sự yêu thương dịu dàng của Chúa. Lúc này, tôi thật khó mong ước bất cứ điều gì. Giống như thôn làng, lời cầu nguyện của tôi không còn trọng lượng, nó bay lên... Một điều thiện chăng? Một điều ác chăng? Tôi không biết.

Lại một sự xuất huyết nhỏ nữa, một sự khạc ra máu thì đúng hơn. Sự sợ chết đã lướt qua tôi. Ôi! Không nghi ngờ là ý tưởng về cái chết thường trở lại với tôi, và đôi khi gọi cho tôi sự lo sợ. Nhưng sự lo sợ không phải là sự sợ hãi. Sự lo sợ chỉ thoáng qua một lúc. Tôi không biết lấy gì để so sánh cái ấn tượng nhanh như chớp này. Cái quất mạnh của một lợn roi qua tim, có lẽ thế chăng?... Ôi sự Hấp hối Thánh Thiện!

Hai lá phổi của tôi đang trong trạng thái xấu, không gì chắc chắn hơn. Tuy nhiên bác sĩ Delbende đã nghe bệnh cho tôi cẩn thận.

Trong vài tuần, bệnh ho lao không thể tiến triển nhanh lắm. Hơn nữa người ta thường chiến thắng bệnh ấy bằng nghị lực, ý chí chữa lành bệnh. Tôi có cả hai điều kiện đó.

Hôm nay đã hoàn thành những cuộc thăm mà cha đạo xứ Torcy hài hước gọi là “tại gia”. Nếu tôi không quá ghét cái từ vựng thông dụng với nhiều đồng nghiệp của tôi, tôi sẽ nói rằng những cuộc viếng thăm đó là rất giàu tác dụng “an ủi”. Và tuy nhiên tôi giữ cho phần cuối những cuộc mà kết cục thuận lợi đối với tôi có vẻ đáng ngờ nhất... Sự dễ dãi đột ngột đó của người và sự vật là do đâu? Nó là tưởng tượng chăng? Tôi đã trở nên vô cảm với một số điều bất hạnh nhỏ chẳng? Hoặc sự nhỏ mọn của tôi, mà mọi người đều biết, đã làm nguôi những mối nghi ngờ và sự ác cảm chẳng? Tất cả đối với tôi như một giấc mộng.

(Nỗi sợ cái chết. Cuộc khủng hoảng thứ hai kém dữ dội hơn cuộc thứ nhất, tôi tưởng thế. Nhưng thật là lạ lùng cái rùng mình, cái co thắt ấy của toàn thân quanh một điểm nào của ngực tôi không biết nữa...)

Tôi vừa có một cuộc gặp gỡ. Ôi! Một cuộc gặp tóm lại rất ít đáng ngạc nhiên! Trong trạng thái của tôi hiện giờ, sự cố nhỏ nhất mất đi những kích thích chính xác của nó, giống như một cảnh vật trong sương mù. Tóm lại, tôi đã gặp, tôi nghĩ thế, một người bạn thân; tôi có sự thần khải của tình bạn.

Sự thú nhận này hẳn sẽ làm kinh ngạc nhiều bạn cũ của tôi, bởi vì tôi được coi là rất trung thành với một số thiện cảm thời thanh niên. Trí nhớ của tôi về lịch, sự chính xác của tôi trong việc chúc

mừng những kỷ niệm lễ phong chức chẳng hạn, là nổi tiếng. Người ta cười tôi về điều đó. Nhưng đó chỉ là những thiện cảm. Ngày nay tôi hiểu rằng tình bạn có thể bùng ra giữa hai người với tính chất đột ngột, dữ dội mà người đời chỉ vui lòng nhận thấy ở sự phát lộ của tình yêu.

Vậy là tôi đang đi đến Mézargues thì nghe thấy ở rất xa sau tôi, tiếng còi ấy, tiếng ầm ào to lên và dẹp xuống tùy theo sự thay đổi thất thường của gió hoặc những khúc quanh của con đường. Từ vài ngày nay tiếng đó trở thành quen thuộc, không còn làm ai ngẩng đầu nữa. Người ta nói đơn giản: “Đó là chiếc xe gắn máy của Ngài Olivier.” – Một xe máy Đức, kì quái, giống một đầu xe lửa nhỏ chói lọi. Ngài Olivier thực sự được gọi là Tréville-Sommerange; ngài là cháu của Bá tước phu nhân. Những cụ già đã từng biết ông ấy ở đây khi ông còn nhỏ không ngớt nói về ông, người ta đã phải cho ông nhập ngũ năm mười tám tuổi; đó là một chàng trai rất khó tính.

Tôi ngừng lại ở trên đỉnh đường dốc để thở. Tiếng động cơ ngưng vài giây (chắc do khúc quanh lớn Dilonne) rồi đột ngột vang lên tiếp. Cứ như là một tiếng kêu man dại, hồng hách, đe dọa, tuyệt vọng. Hầu như ngay lúc ấy, chồm dốc, phía trước mặt tôi, được bao quanh bởi một chùm những ngọn lửa – mặt trời rơi thẳng vào những mẫu thép bóng loáng – và chiếc xe đã lao xuống chỗ thấp của đường xuống với một tiếng thở phì hùng mạnh, rồi lao lên nhanh đến nỗi người ta có thể tưởng nó nhảy phóc lên. Vì tôi né mình sang một bên để nhường chỗ cho xe, tôi tưởng cảm thấy tim mình bị rúng đi trong lồng ngực. Tôi phải cố một lúc định thần mới biết rằng tiếng động đã tắt. Tôi chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ xé tai của các thắng, tiếng

ken két của các bánh xe trên mặt đất. Rồi các tiếng động này cũng tắt. Sự im lặng tưởng như to lớn hơn tiếng kêu.

Ông Olivier ở phía trước mặt tôi, chiếc áo nịt xám cổ cao kéo lên tận tai, đầu trần. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông gần như vậy. Ông có khuôn mặt bình thản, chăm chú và đôi mắt nhạt màu tới mức ta không thể đoán định đúng màu sắc của chúng. Đôi mắt ấy mỉm cười nhìn tôi.

“Điều này cảm ơn cha, phải không thưa cha xứ.” Ông hỏi tôi với một giọng – Chúa ơi, với một giọng mà tôi nhận ra ngay, vừa dịu dàng vừa không nao núng – giọng nói của Bá tước phu nhân (Tôi không phải là người giỏi nhớ mặt, như người ta nói, nhưng tôi có trí nhớ tốt về các giọng nói, tôi không bao giờ quên chúng, tôi yêu chúng. Một người mù mà không gì làm xao lãng ắt phải học được nhiều điều qua các giọng nói) – “Tại sao không, thưa ông?” tôi trả lời.

Chúng tôi nhìn kĩ nhau, im lặng. Tôi đọc thấy sự ngạc nhiên trong cái nhìn của ông, cả một ít hài hước nữa. Cạnh chiếc xe sáng rực, áo dòng của tôi điểm một chấm đen và buồn. Do phép lạ nào mà trong lúc đó tôi cảm nhận mình trẻ trung, rất trẻ – ôi! đúng, rất trẻ – trẻ như buổi sớm mai huy hoàng này ư? Trong một thoáng, tôi nhìn thấy thời niên thiếu buồn của tôi – không như những người chết đuối ôn lại cuộc đời, người ta bảo thế, trước khi chìm nghỉm, vì chắc hẳn không phải một loạt liên tiếp những bức tranh trải ra hầu như tức thì – không. Nó ở trước mặt tôi như một con người, một sinh thể (sống hay chết có Chúa biết!). Nhưng tôi không chắc là nhận ra thời niên thiếu của mình; tôi không thể nhận ra nó vì... Ôi! điều đó có vẻ

khá lạ lùng vì tôi nhìn thấy nó lần đầu tiên, trước kia tôi chưa bao giờ thấy nó. Ngày trước nó đã đi qua – như từng đi qua cạnh ta biết bao nhiêu người lạ mà chúng ta có thể kết làm anh em, nhưng đã đi xa không trở lại. Tôi đã không bao giờ trẻ, bởi vì tôi đã không dám. Xung quanh tôi, hẳn thế, cuộc sống tiếp nối dòng chảy của nó, các bạn bè tôi biết rõ và thưởng thức cái mùa xuân chưa chín đó, trong khi tôi cố không nghĩ đến nó, tôi tự làm mình mù mịt đi vì công việc. Tôi không thiếu những thiện cảm, hẳn thế! Song những người bạn tốt nhất của tôi ắt phải hoảng sợ, mà không biết, cái dấu hiệu mà tuổi thơ ban đầu đã ghi cho tôi, sự trải nghiệm ấu thơ của cái nghèo khổ, của nỗi sỉ nhục vì nghèo khổ. Lẽ ra phải cởi mở con tim với họ, và điều tôi những mong nói ra đúng là điều tôi muốn bằng mọi giá giữ kín... Chúa ơi! điều đó bây giờ đối với tôi hình như quá đơn giản! Tôi không bao giờ trẻ vì không ai muốn trẻ với tôi.

Đúng, sự vật bỗng chốc có vẻ hoàn toàn đơn giản đối với tôi. Ký ức về những điều ấy sẽ không rời bỏ tôi nữa. Bầu trời trong vắt mây, màn sương mù màu vàng hung chi chít ánh vàng, những sườn dốc còn trắng những đám băng, và chiếc xe bóng lộn đang phì phò nhẹ nhẹ trong nắng này... Tôi hiểu rằng tuổi thanh xuân được ban phép lành – rằng nó là một nguy cơ phải trải qua – nhưng chính nguy cơ đó được ban phép lành. Và bởi một tiên cảm mà tôi không giải nghĩa, tôi cũng hiểu, tôi biết rằng Đức Chúa trời không muốn tôi chết mà không biết đến một chút gì của nguy cơ đó – vừa đủ, có lẽ, để cho sự hy sinh của tôi được trọn vẹn, lúc thời cơ đến... Tôi được biết giây phút nhỏ nhoi khốn khổ của vinh quang.

Nói như vậy, về một cuộc gặp gỡ tầm thường đến thế, có vẻ quả khờ dại, tôi cảm thấy thế. Có hề chi đối với tôi! Để khỏi đáng buồn cười trong hạnh phúc, phải học được điều đó ngay từ tuổi ấu thơ, khi người ta thậm chí chưa bập bẹ được cái tên. Tôi sẽ không bao giờ có, dù chỉ trong một giây, sự vững vàng đó, sự thanh lịch đó. Hạnh phúc! Một thứ kiêu hãnh, một thứ hoan hỉ, một niềm hy vọng phi lý, thuần túy thể xác, hình thái thể xác của niềm hy vọng, tôi cho rằng đó là cái mà người ta gọi là hạnh phúc. Cuối cùng tôi cảm thấy trẻ, thực sự trẻ, trước người bạn cũng trẻ như tôi. Chúng tôi cả hai người đều trẻ.

“Cha đi đâu, thưa ông cha đạo?” – “Lên Mézargues.” – “Cha chưa bao giờ ngồi lên xe này?” Tôi bật cười, tôi tự nhủ rằng hai mươi năm trước, riêng việc lấy tay vuốt ve như tôi đang vuốt cái bình xăng dài còn run rẩy vì những nhịp đập chậm của động cơ, tôi đã ngất đi vì vui thích. Tuy nhiên, tôi không nhớ hồi còn nhỏ đã bao giờ dám mong muốn có một trong những đồ chơi hoang đường đối với những trẻ em nghèo, một đồ chơi cơ khí, một đồ chơi chạy được. Nhưng giấc mơ đó chắc chắn đã được áp ủ trong đáy sâu lòng tôi, nguyên vẹn. Và nó lại dâng lên từ quá khứ, nó đột ngột nở ra trong lòng ngực bệnh hoạn khốn khổ của tôi, mà có lẽ cái chết đã đụng đến? Nó ở trong đó, như một mặt trời.

“Ừa, ông nói tiếp, cha có thể tự phụ là sẽ làm tôi kinh ngạc đấy. Cái đó không làm cha sợ ư?” – “Ồ! không; tại sao ông muốn rằng cái đó làm tôi sợ?” – “Không vì lý do gì cả.” – “Nghe đây, tôi nói với ông ta, từ đây đến Mézargues, tôi tin là chúng ta sẽ không gặp ai cả. Tôi

không muốn người ta chế nhạo ông.” – “Chính tôi là một kẻ ngu xuẩn,” ông trả lời sau một phút im lặng.

Tôi leo lên ngòai tầm tạt trên một chiếc ghế nhỏ khá bất tiện và gần như ngay lúc ấy cuộc đi xuống dài mà chúng tôi phải đương đầu dường như phớt tới phía sau chúng tôi trong khi tiếng kêu mạnh của động cơ không ngừng cao dần lên đến mức chỉ phát ra một âm thanh duy nhất, trong vắt một cách lạ thường. Nó như tiếng hát của ánh sáng, nó là bản thân ánh sáng và tôi tưởng đang dõi theo nó bằng mắt, trong đường cong mênh mông của nó, sự leo lên kì diệu của nó. Cảnh vật không đi về phía chúng tôi, nó mở ra khắp nơi, và ở phía xa hơn một chút sự lướt trôi nhón nhác của con đường, nó uy nghi quay quanh nó, như cánh cửa của một thế giới khác.

Tôi hoàn toàn không có khả năng ước định đoạn đường đã đi lẫn thời gian. Tôi chỉ biết rằng chúng tôi đi nhanh, rất nhanh và mỗi lúc một nhanh hơn. Làn gió tạt vì xe chạy không còn là, như lúc đầu, chướng ngại vật mà tôi tì người vào bằng tất cả trọng lượng, nó đã trở thành một hành lang làm chóng mặt, một khoảng trống giữa hai cột không khí được hướng theo một tốc độ làm choáng người. Tôi cảm thấy chúng cuốn đi ở bên phải và bên trái tôi, tựa như hai bức thành lỏng, và khi tôi cố xòe cánh tay, nó ép sát vào hông tôi bởi một lực không cưỡng nổi. Chúng tôi đã đến như vậy ở chỗ rẽ Mézargues. Người lái xe quay lại một giây. Ngồi chót vót trên chiếc ghế, tôi vượt quá ông ta từ vai, ông phải nhìn tôi từ dưới lên – “Cẩn thận!” ông nói với tôi. Đôi mắt ông cười trong khuôn mặt căng thẳng, gió thổi mái tóc dài vàng hoe của ông dựng đứng trên đầu. Tôi nhìn thấy bờ dốc của con đường lao vào chúng tôi, để rồi đột ngột chạy

trốn cuống cuống theo chiều nghiêng nghiêng. Chân trời bao la lao đảo hai lần, và chúng tôi đã đổ vào dốc xuống Desvres. Bạn đường của tôi đã kêu lên với tôi, không rõ kêu gì; tôi trả lời bằng một tiếng cười, tôi cảm thấy sung sướng, được giải thoát, xa cách mọi thứ. Cuối cùng tôi hiểu rằng về mặt tôi đã làm ông hơi ngạc nhiên, rằng ông đã tưởng làm tôi sợ. Mézargues ở phía sau chúng tôi. Tôi không đủ can đảm phản kháng. Nói cho cùng, tôi nghĩ, tôi phải tồn không ít hơn một giờ để đi bộ, tôi còn được lãi...

Chúng tôi đã trở về nhà cha xứ một cách thận trọng hơn. Trời đầy mây. Gió bắc thổi gay gắt. Tôi cảm nhận rất rõ mình thức dậy từ một giấc mộng.

May thay, đường vắng, chúng tôi chỉ gặp bà già Madeleine đang bó những bó củi. Bà không quay lại. Tôi tưởng ông Olivier sắp đi quá đến lâu đài, nhưng ông đã xin phép vào nhà một cách dễ thương. Tôi không biết nói với ông thế nào. Tôi sẽ đổi bất cứ cái gì để có thể đãi ông một chút, bởi vì không gì lột khỏi đầu óc một dân quê như tôi rằng quân nhân luôn đói và khát. Dĩ nhiên tôi không dám mời ông rượu vang của tôi, nó chỉ còn là một thứ nước sắc, màu bùn khó coi. Nhưng chúng tôi đã đốt lên một bếp lửa to tướng, và ông đã nhồi đầy tẩu. – “Tiếc là tôi ra đi ngày mai, không thì chúng ta sẽ có thể bắt đầu lại...” – “Sự thử nghiệm này là đủ đối với tôi, tôi trả lời. Người ta không thích lắm nhìn thấy cha xứ của mình dạo khắp các nẻo đường với tốc độ một chiếc tàu tốc hành. Vả lại, tôi có thể tự giết hại mình.” – “Cha sợ điều đó ư?” – “Ồ, không... Nói cho cùng, ít thôi... Nhưng Đức Giám mục sẽ nghĩ sao?” – “Cha làm tôi thích lắm, ông nói với tôi. Lẽ ra chúng ta đã là bạn của nhau.” – “Tôi,

bạn của ông?” – “Hẳn thế! Tuy nhiên không phải vì không hiểu biết nhiều về cha đâu. Ở đây người ta chỉ có nói về cha thôi.” – “Xấu?” – “Đúng hơn là... cô em họ tôi phát điên lên. Một cô gái họ Sommerange đích thực, cô ấy.” – “Ý ông muốn nói gì?” – “Thế nào, cả tôi nữa, tôi họ Sommerange. Tham lam và tàn nhẫn, không bao giờ thỏa mãn với bất cứ cái gì, có một cái gì đó bất trị, nó ắt phải là phần của quỷ dữ ở chúng tôi, và làm cho chúng tôi là kẻ thù của chính mình một cách dữ dội, đến mức những đức tính của chúng tôi giống những tật xấu và ngay cả Đức Chúa trời cũng khó phân biệt những chàng trai xấu với những ông thánh của gia đình – nếu tình cờ có những ông thánh. Đức tính duy nhất chung cho chúng tôi là sợ tình cảm như dịch hạch. Không thích chia sẻ với người khác những niềm vui thích của chúng tôi, ít nhất chúng tôi có sự trung thực không quấy rầy người khác với những nỗi buồn khổ của chúng tôi. Đó là một đức tính hiếm có vào giờ qua đời, và sự thật buộc tôi nói rằng chúng tôi thường qua đời khá tốt. Thế đấy. Từ nay cha biết những điều đó bằng tôi. Toàn bộ cái đó gộp lại làm thành những người lính tầm tạm được. Khốn thay là nghề đó chưa mở ra cho phụ nữ, vì thế những phụ nữ ở chỗ chúng tôi, mẹ kiếp!... Bà dì khốn khổ của tôi đã tìm ra một phương châm: tất cả hoặc không gì cả. Một hôm tôi nói với bà phương châm đó không có nghĩa gì nhiều, trừ phi người ta cho nó tính chất của một sự đánh cược. Và sự đánh cược đó, người ta chỉ có thể làm nghiêm chỉnh vào giờ phút qua đời, đúng không? Không ai trong chúng tôi đã trở lại để cho chúng tôi biết lời đánh cược có được giữ không và do ai giữ.” – “Tôi chắc chắn là các vị tin ở Đức Chúa trời.” – “Ở gia đình chúng tôi, ông trả lời tôi, đó là một vấn đề không đặt ra. Tất cả chúng tôi đều tin Chúa, tất cả, đến

những người xấu nhất – những người xấu nhất có lẽ tin hơn những người khác. Tôi nghĩ rằng chúng tôi quá kiêu ngạo để chấp nhận làm điều ác mà không bị nguy hiểm gì: như vậy luôn có một nhân chứng để đối đầu: Đức Chúa trời.” Những lời nói ấy lẽ ra đã làm quặn xé lòng tôi, vì rất dễ được giải thích như là bấy nhiêu lời báng bổ, nhưng chúng không làm tôi bối rối tí nào – “Đối đầu với Chúa không xấu đến thế đâu, tôi nói với ông. Nó buộc một người phải dấn thân đến cùng – đưa niềm hy vọng ra để cam kết đến cùng, tất cả hy vọng mà mình có. Chỉ có điều Đức Chúa trời đôi khi quay mặt đi...” Ông nhìn tôi chăm chăm với đôi mắt nhợt nhạt. – “Chú tôi cho rằng cha là một cha xứ nhỏ bần thiêu không đáng gì, và ông còn khẳng định rằng cha...” Máu dồn lên mặt tôi. “Tôi nghĩ rằng cha thờ ơ với ý kiến của ông ấy, đó là kẻ ngu xuẩn hết cỡ. Còn về phần cô em họ tôi...” – “Đừng nói nốt, tôi van ông,” tôi nói. Tôi cảm thấy mắt mình đầy lệ; tôi không thể làm gì nhiều để khắc phục nỗi yếu đuối đột ngột đó, và nỗi kinh hoàng phải nhượng bộ nó, dẫu không muốn, đã tới mức một cơn run rét choán lấy tôi, tôi phải đến ngồi xổm ở góc lò sưởi, trong lớp tro. – “Lần đầu tiên tôi thấy cô em họ tôi biểu hiện một xúc cảm với... Thông thường cô ta chống lại mọi sự không kín đáo, dẫu là nhỏ mọn tầm phào, một vàng trán cao ngạo.” – “Hãy nói về tôi, thì hơn?” – “Ồ! Cha! nếu không có cái áo thụng đen này, cha sẽ giống bất cứ người nào trong bọn chúng tôi. Tôi thấy điều đó khi mới thoát nhìn.” Tôi không hiểu (hơn nữa, bây giờ tôi vẫn chưa hiểu). – “Ông không định nói rằng...” – “Quả vậy có. Tôi muốn nói điều đó. Nhưng chắc cha không biết rằng tôi phục vụ trong trung đoàn nước ngoài hay sao?” – “Trong trung đoàn?...” – “Ở trung đoàn Lê dương, sao! Từ đó làm tôi chán ngấy từ ngày những tiểu

thuyết gia đã khiến nó thành thời thượng.” “Nào, một linh mục!...” tôi lấp bắp – “Những linh mục?” “Ở đây không phải là thiếu các linh mục. Nay, cần vụ của đại tá là một cha xứ cũ ở Poitou. Chỉ về sau chúng tôi mới biết...” – “Về sau?” – “Sau khi cha ấy qua đời, tất nhiên!” “Làm sao cha ấy...” – “Làm sao cha ấy qua đời? Chứ lại, trên một con la thồ, bị buộc lại như một xúc xích lớn. Một phát đạn ở bụng.” – “Tôi không hỏi ông điều đó.” – “Nghe nhé, tôi không muốn nói dối cha. Những chàng trai trẻ thích làm ra vẻ bạo dạn, vào lúc đó. Họ có hai hoặc ba công thức khá giống với những gì cha gọi là báng bổ, chúng ta hãy chân thật!” – “Khủng khiếp làm sao!” Trong tôi diễn ra một cái gì không giải nghĩa nổi. Chúa biết rằng tôi không bao giờ nghĩ ngợi nhiều lắm đến những người cứng rắn ấy, đến thiên hướng kinh khủng, bí ẩn của họ bởi vì đối với tất cả những người thuộc thế hệ tôi, danh từ người lính chỉ gợi lên hình ảnh tâm thường của một thường dân được động viên. Tôi nhớ đến những quân nhân được nghỉ phép đến với chúng tôi mình đầy túi dết, và chúng tôi đã gặp lại cùng tối hôm đó mặc đồ nhung – những người dân quê cũng như những người khác. Và những lời nói của một người không quen bỗng chốc đánh thức trong tôi một sự hiếu kì không diễn tả nổi. – “Có báng bổ này và báng bổ khác, bạn tôi tiếp tục với giọng bình thản, hầu như rắn rỏi. Trong đầu óc cánh lính tráng đó là một cách cắt cầu đằng sau mình, họ có thói quen đó. Tôi cho điều đó ngớ ngẩn nhưng không bản thiêu. Ngoài vòng pháp luật ở thế gian này, bản thân họ tự đặt họ ngoài vòng pháp luật ở thế giới bên kia. Nếu Đức Chúa trời không cứu rỗi những người lính, tất cả những người lính, bởi là lính, cố nài là vô ích. Thêm một lời báng bổ nữa để giữ cho đúng nhịp, cầu rủi may như các bạn bè, tránh sự xá tội cho thiếu

số được đặc ân, sao – rồi thì tiếng nhạc lạc điệu!... Tóm lại, bao giờ cũng vẫn cùng một phương châm. Tất cả hoặc không gì cả, cha không thấy chẳng? – Chúng ta hãy cuộc rằng bản thân cha...” – “Tôi!” – “Ồ! hẳn là có sắc thái dị biệt. Tuy nhiên, nếu ít ra cha muốn nhìn mình...” – “Nhìn tôi!” Ông không ngăn được tiếng cười. Chúng tôi cùng cười với nhau, như đã cười một lát trước đây, ở nơi kia, trên đường, dưới ánh mặt trời. “Tôi muốn nói rằng nếu như gương mặt cha không biểu hiện...” Ông bỗng ngừng lời. Nhưng đôi mắt nhợt nhạt của ông không làm tôi bối rối nữa, tôi đọc được rất rõ ở đáy ý nghĩa của ông. – “Thói quen cầu nguyện, tôi giả định, ông lại nói. Của đáng tội! Ngôn ngữ ấy tôi không quen lắm...” – “Cầu nguyện! Thói quen cầu nguyện! Than ôi! Nếu ông biết tôi thường cầu nguyện rất kém.” Ông kiếm được một câu trả lời kì quặc, làm tôi phải suy nghĩ từ bấy đến nay – “Thói quen cầu nguyện, điều đó đối với tôi có nghĩa là sự bận lòng đời đời về cầu nguyện, một cuộc đấu tranh, một nỗ lực thì đúng hơn. Đó là lo sợ khôn nguôi sự sợ hãi, sợ hãi sự sợ hãi, nó tạo dáng vẻ mặt người can đảm. Mặt cha – cho phép tôi – dường như bị sự cầu nguyện làm mòn mỏi, nó gợi nghĩ đến một sách kinh lễ rất cũ, hoặc còn làm nghĩ đến những hình thù đã phai mờ, vạch bằng dao khắc những tượng nằm trên những tấm đá lát. Có hề gì! Tôi nghĩ rằng không cần gì nhiều lắm để khuôn mặt ấy trở thành khuôn mặt một người ngoài vòng pháp luật, theo kiểu chúng tôi. Hơn nữa, chú tôi bảo rằng cha thiếu ý thức về đời sống xã hội. Hãy thú nhận đi: trật tự của chúng ta không phải là trật tự của những người như ông ấy.” – “Tôi không từ chối trật tự của họ, tôi trả lời. Tôi chê trách nó là không có tình thương.” – “Các chàng trai của chúng tôi không biết nhiều về điều đó như cha. Họ tin đức Chúa gần

liền với một thứ công lý mà họ coi thường vì đó là một nền công lý không có danh dự.” “Bản thân danh dự.” Tôi bắt đầu... – “Ôi! chắc hẳn, một danh dự theo kích cỡ của họ... Dấu luật pháp của họ có vẻ thô lỗ đến mấy đối với các nhà thần học nghi nghiã* của cha luật pháp ấy ít nhất có giá trị là đắt giá, rất đắt giá. Nó giống như việc cầu nguyện hiến tế – chỉ một viên sỏi thôi, lớn hơn viên sỏi khác một tí – nhưng đầm đìa máu rửa tội. Dĩ nhiên, trường hợp của chúng ta không rõ ràng, và chúng ta sẽ gây cho những nhà thần học khó khăn rắc rối nếu các tiến sĩ này có thì giờ chăm sóc đến chúng ta. Dẫu sao vẫn không một ai trong họ dám quả quyết rằng sống hay chết chúng ta đều thuộc cái thế giới nơi đây, từ hai mươi thế kỷ nay, sự trừng phạt độc nhất của kinh Phúc âm giáng xuống. Vì quy luật của thế giới là sự từ chối – và chúng ta không từ chối gì cả, ngay cả tính mệnh của chúng ta – là niềm vui thích, và chúng ta chỉ đòi hỏi ở thói chơi bời trụy lạc sự nghỉ ngơi và niềm quên lãng, cũng như ở một giấc ngủ khác – sự khao khát vàng, và phần đông trong chúng ta không có cả đến những quần áo chải có ghi số đăng kí trong đó người ta chôn họ xuống đất. Hãy thừa nhận rằng sự nghèo nàn đó có thể ngang tầm so sánh với sự nghèo nàn của một số thầy tu thời thượng chuyên về sự thăm dò những linh hồn hiếm hoi!... – “Nghe đây, tôi nói với ông ta, có người lính Thiên chúa giáo...” Giọng tôi run lên, như nó vẫn run mỗi lần một dấu hiệu khó tả báo trước với tôi rằng dù tôi có làm gì đi nữa, những lời của tôi cũng sẽ mang đến, tùy theo ý muốn của Chúa, sự an ủi hay sự tai tiếng – “Chàng hiệp sĩ ư? Ông trả lời với một nụ cười. Ở trường trung học, các cha đạo chỉ còn thề thốt bằng cái mũ chiến và cái khiên của hiệp sĩ, người ta dạy chúng ta *Bài ca chàng Roland*, coi đó là *Iliade* của nước Pháp.

Dĩ nhiên những người trung thực nổi tiếng ấy không phải như các cô nàng nghĩ, nhưng sao! phải nhìn thấy họ đúng như khi họ hiện ra trước kẻ thù, khiên giáp khiên, khuỷu tay giáp khuỷu tay. Họ đáng giá như là đáng giá hình ảnh mà họ cố gắng giống như vậy. Và hình ảnh ấy, họ không vay mượn ở ai cả. Các giống nòi chúng ta có đạo hiệp sĩ trong máu, Nhà thờ chỉ việc ban phép lành. Những người lính không gì khác là những người lính, họ là thế đấy, thế giới không hề biết những ai khác. Là người bảo vệ Đô thành, họ không là những tội tở của nó, họ đối xử bình đẳng với nó. Sự hiện thân quân sự cao cả nhất của quá khứ, sự hiện thân của người lính – người cày ruộng của La Mã cổ đại, dường như họ đã xóa điều ấy khỏi lịch sử. Ôi! Chắc hẳn tất cả họ đều không là công bằng và trong trắng. Họ không vì thế mà không đại diện cho một nền công lý, một thứ công lý trong nhiều thế kỷ của các thế kỷ ám ảnh nỗi buồn của những người nghèo khổ, hoặc đôi khi trải đầy những giấc mơ của họ. Vì cuối cùng, nền công lý trong tay những người hùng mạnh chỉ là một công cụ thống trị như những cái khác. Tại sao người ta gọi nó là công lý? Chúng ta hãy nói đúng hơn là sự bất công, nhưng được tính toán, có hiệu quả, dựa hoàn toàn vào kinh nghiệm khủng khiếp về sự phản kháng của kẻ yếu, khả năng chịu đau khổ, chịu sỉ nhục và chịu sự bất hạnh của nó. Sự bất công được duy trì ở đúng độ căng cần thiết để các bánh xe của cỗ máy rộng lớn quay, tạo ra những người giàu, mà nòi hơi không nổi. Và thế là một ngày nọ tiếng đồn loang đi khắp vùng đất Thiên chúa giáo rằng sắp mọc lên một thứ hiến binh của Chúa Jésus... Một tiếng đồn loang đi, đó không phải là vấn đề gì lớn, hẳn thế! Nhưng này nhé! Khi người ta ngẫm nghĩ đến thành công hoang đường, liên tục của một quyền sách như

Don Quichotte, người ta buộc phải hiểu rằng nếu nhân loại còn chưa thôi trả thù bằng tiếng cười niềm mong đợi hão của nó, chính là vì nó đã mang sự mong đợi đó lâu rồi, và sự mong đợi đó đã vào quá sâu! Những người uốn nắn các lỗi lầm, những người uốn nắn bằng bàn tay sắt. Cha hoài công nói: những người ấy đánh bằng những đòn lớn, những đòn nặng nề; họ đã cưỡng ép bằng những đòn đánh mạnh lương tâm của chúng ta. Cả ngày nay nữa, những người đàn bà trả giá rất đắt quyền mang tên những người đó. Những cái tên khốn khổ của lính, và những biểu hiệu ngây ngô mà một tầng lớp vọng về nào đó vẽ lên cái khiên của họ làm những chủ nhân giàu có của ngành than củi, than đá hoặc thép ước mơ. Cha không thấy điều đó khôi hài hay sao?” – “Không”, tôi nói với ông ta. “Tôi thì có! Thật quá kì cục khi nghĩ rằng, những người trong giới thượng lưu tưởng nhận ra mình trong những hình ảnh cao cả đó, qua bảy trăm năm sống, thuần dưỡng, lười biếng và ngoại tình. Nhưng họ cứ việc theo đuổi. Những người lính ấy chỉ thuộc về cộng đồng Thiên chúa giáo; Thiên chúa giáo ngày nay không còn thuộc về ai cả. Không còn, sẽ không bao giờ còn cộng đồng Thiên chúa giáo nữa.” – “Tại sao?” – “Bởi vì không còn có những người lính. Không còn những người lính thì không còn cộng đồng Thiên chúa giáo. Ôi! cha sẽ nói với tôi rằng nhà thờ tiếp tục sống, rằng đó là điều chính yếu. Quả vậy. Chỉ có điều sẽ không còn có vương quốc thế lực của Chúa Kitô, hết rồi! Niềm mong đợi vì vậy đã chết cùng chúng tôi.” – “Với các ông? Tôi hết lên. Không thiếu gì những người lính.” – “Những người lính? Hãy gọi là những nhà binh. Người lính chân chính cuối cùng đã chết ngày 30 tháng Năm năm 1431, và chính các ông, đúng là các ông đã giết người lính đó! Còn tệ hơn là giết: kết tội, thanh toán,

rồi thiêu cháy.” – “Chúng tôi cũng đã tạo nên một Nữ thánh...” – “Nói đúng hơn là Đức Chúa trời muốn thế. Và nếu Chúa nâng người lính ấy lên cao đến thế, chính là vì đó là người lính cuối cùng. Người cuối cùng của một giống nòi như thế chỉ có thể là một vị thánh. Đức Chúa trời còn muốn đó phải là một Nữ thánh. Chúa đã tôn trọng công ước cổ xưa về đạo hiệp sĩ. Thanh gươm cổ không bao giờ đầu hàng nằm trên cái đầu gối mà người kiêu hãnh nhất trong chúng tôi chỉ có thể khóc mà ôm hôn. Tôi thích điều này, cha biết không, sự nhắc nhở kín đáo trong tiếng hô của các cuộc tranh tài: ‘Vinh dự cho các Đức bà!’ Ở đó có gì làm lác mắt vì oán thù các tiền sĩ của cha quá dè chừng những người của giới nữ, phải không?” Câu bông đùa lẽ ra làm tôi cười vì nó rất giống với những lời bông đùa mà tôi đã nghe biết bao lần ở tu viện, nhưng tôi thấy cái nhìn của ông ta buồn, một nỗi buồn mà tôi biết. Và nỗi buồn ấy như đánh trúng điểm yếu của tâm hồn tôi; tôi cảm nhận trước nỗi buồn đó một thứ rứt rề ngớ ngẩn không thể nào vượt qua được – “Vậy ông chê trách gì ở những người của Nhà Thờ?” cuối cùng tôi đã nói một cách ngốc nghếch. – “Tôi ấy à? Ồ! Không gì nhiều. Là đã thế tục hóa chúng tôi. Việc thế tục hóa đầu tiên thực sự là việc thế tục hóa người lính. Và nó không bắt đầu từ hôm qua. Khi các ông sụt sùi khóc giả về những thái quá của chủ nghĩa dân tộc, các ông phải nhớ rằng các ông xưa kia từng nhõn miệng cười với những nhà luật học của thời Phục Hưng họ đã bỏ vào túi họ luật pháp Thiên chúa giáo và nhả nại cải cách ngang nhiên dưới mũi các ông, trước mặt các ông, cái nhà nước tà giáo, không biết đến luật lệ nào khác ngoài luật của hạnh phúc bản thân mình – những xứ sở tàn nhẫn, đầy keo kiệt và kiêu ngạo.” – “Nghe đây, tôi nói với ông ta, tôi không hiểu gì nhiều về

lịch sử, nhưng đối với tôi hình như tình trạng vô chính phủ phong kiến có những nguy cơ của nó.” “Vâng, dĩ nhiên... Các ông không muốn mạo hiểm những nguy cơ ấy. Các ông đã để cho cộng đồng Thiên chúa giáo chưa hoàn thành; nó hình thành quá chậm; nó tốn kém nhiều và thu lãi ít. Vả lại, trước kia các ông đã không xây dựng các nhà thờ lớn với đá của các đền đó ư? Một luật pháp mới đó ư, khi bộ luật của Justin tồn tại, như trong tầm tay?... Nhà nước kiểm soát tất cả và Nhà thờ kiểm soát Nhà nước, công thức lịch sử đó phải làm vừa lòng các đường lối của các ông. Chỉ có điều, chúng tôi có mặt ở đó. Chúng tôi có những đặc quyền của chúng tôi, và vượt lên trên các biên giới, tình huynh đệ bao la của chúng tôi. Chúng tôi có cả những tu viện của chúng tôi. Những tu sĩ – người lính! Đó chính là cái đánh thức những thái thú trong mồ của họ. Cả các ông nữa, các ông cũng không ra vẻ hãnh diện! Danh dự người lính, các ông hiểu đấy, nó không mắc vào bẫy lòng các nhà thần học nghi nghiã. Chỉ cần đọc bản án của Jeanne d’Arc. “Vì lời thề với các Nữ thánh, vì sự trung thành với bá chủ, vì quyền chính thống của vua nước Pháp, người hãy để tùy chúng tôi định đoạt, họ nói. Chúng tôi giải cho người mọi điều.” – “Tôi không muốn được giải gì cả.” Nàng kêu lên. – “Vậy thì chúng ta sẽ đầy người xuống địa ngục ư?” Lẽ ra Nàng đã trả lời: Vậy tôi sẽ bị đầy với lời thề của tôi. Vì pháp luật của chúng ta là lời thề. Các ông đã ban phép lành cho lời thề đó, song chính chúng tôi thuộc về lời thề, chứ không phải thuộc về các ông. Bất kể! Các ông đã hiến chúng tôi cho Nhà nước. Nhà nước võ trang cho chúng tôi nuôi chúng tôi ăn và cho chúng tôi mặc, cũng chịu trách nhiệm về lương tâm của chúng tôi. Cấm phán xét, cấm cả hiểu biết. Và các nhà thần học của các ông tán thành, theo đúng lẽ.

Họ nhượng quyền cho chúng tôi, với một cái nhãn mặt, được giết, giết ở bất cứ nơi đâu, bằng bất cứ cách nào, được giết theo lệnh, như đối với một dao phủ. Là những người bảo vệ đất, chúng tôi cũng đàn áp cuộc nổi dậy, và khi cuộc nổi dậy thắng, chúng tôi lại phục vụ nó. Miễn lòng trung thành. Với chế độ đó, chúng tôi đã trở thành nhà binh. Và nhà binh một cách hoàn hảo tới mức là, trong một nền dân chủ quen với mọi thái độ nô lệ, nền dân chủ của những tướng lĩnh – bộ trưởng đã làm được cho các luật gia công phần, nhà binh một cách chính xác, một cách hoàn hảo tới mức một người thuộc giống nòi lớn, như Lyautey, luôn cự tuyệt cái tên bêu riếu đó. Và lại, chẳng mấy chốc, sẽ không còn nhà binh nữa. Từ bảy đến sáu mươi tuổi tất cả... tất cả... sao?... đích xác?... Quân đội cũng trở thành một từ rỗng tuếch vô nghĩa khi các dân tộc bỏ nhào vào nhau – những bộ lạc châu Phi đó sao! những bộ lạc gồm trăm triệu người. Và nhà thần học, càng ngày càng chán ngấy, tiếp tục kí những giấy miễn – những công thức tin, tôi giả định, do những biên tập viên của Bộ Ý thức quốc gia soạn thảo? Nhưng, giữa chúng ta nên nói rõ, đến đâu thì các nhà thần học của các ông ngừng lại? Những kẻ giết người giỏi nhất, mai đây sẽ giết mà không gặp nguy hiểm. Ở ba mươi ngàn piê* dưới đất bất cứ gã kĩ sư bắn thiêu nào, được sưởi ấm trong những đôi giày păng-túp, được những thợ chuyên môn quay quần xung quanh, chỉ cần xoay một cái nút để ám hại một thành phố rồi trở về vội vã, chỉ sợ nhớ mất bữa ăn tối. Dĩ nhiên không ai cho người công chức ấy cái tên: người lính. Thậm chí, hẳn xứng đáng chẳng với cái tên: nhà binh? Và các ông, những người từ chối đất thánh đối với những đào kép diễn trò khốn khổ của thế kỉ XVII các ông sẽ chôn gã kia cách thế nào? Nghề chúng tôi

phải chẳng đã trở nên hèn hạ tới mức chúng tôi tuyệt đối không còn có thể chịu trách nhiệm về một hành vi nào của chúng tôi, tới mức chúng tôi cùng chung sự vô tội thậm hại với những bộ máy thép của chúng tôi? Này nhé! Thằng cha khốn khổ, xô đẩy người bạn tình của hắn trên lớp đệm rêu một buổi tối mùa xuân, bị các ông giữ trong tình trạng tội lỗi chết người, còn kẻ sát hại những thành phố, trong lúc những em bé mà hắn đầu độc vừa nôn xong hai lá phổi vào trong lòng các bà mẹ, chỉ cần thay quần lót và đi cho bánh thánh hay sao? Các ông là những kẻ làm hề tất cả! Giả vờ thương lượng với các César cũng vô ích! Thành phố cổ đã chết; nó đã chết cũng như các vị thần của nó. Và các vị thần che chở cho thành phố hiện đại, người ta quen họ, họ ăn cơm khách và có tên gọi là những chủ ngân hàng. Hãy biên soạn nhiều thỏa ước như các ông muốn! Ngoài cộng đồng Thiên chúa giáo, không có chỗ ở phương Tây cho Tổ quốc lẫn người lính, và những việc làm chiều lòng hèn nhát của các ông sẽ nhanh chóng hoàn thành việc để cả Tổ quốc lẫn người lính bị ô danh!”

Các nhà thần học nghi ngờ là những nhà thần học chuyên giải quyết những trường hợp khó xử.

Đơn vị đo chiều dài cổ, khoảng hơn 30cm.

Ông đứng dậy; khi nói ánh mắt của ông bao bọc lấy tôi, một ánh mắt kì lạ mà màu xanh vẫn cứ nhợt nhạt như thế, nhưng trong bóng tối dường như óng vàng. Ông cúi kính ném mẩu thuốc lá vào tro.

“Tôi thì tôi cóc cần, ông lại nói. Tôi sẽ bị giết trước!” Mỗi lời ông nói đã lay động đến tận đáy lòng tôi.

Than ôi! Đức Chúa trời đã phó thác vào tay chúng tôi – Thể xác và Tâm hồn – Thể xác, tâm hồn, danh dự của Chúa trong những bàn tay tăng lữ của chúng tôi – và những gì mà những con người kia ban phát rộng rãi trên tất cả những con đường trần thế... “Liệu chúng ta có biết chết như họ hay không?” tôi tự bảo. Một lúc, tôi che mặt, tôi hoảng sợ cảm thấy nước mắt chảy giữa những ngón tay tôi. Khóc trước mặt ông ấy, như một đứa trẻ, như một người đàn bà! Nhưng Chúa đã trả lại cho tôi một ít can đảm. Tôi đã đứng lên, để hai cánh tay rơi xuống, và với một nỗ lực lớn – hồi ức làm tôi đau đớn về điều đó – tôi đưa cho ông thấy vẻ mặt buồn bã của tôi, những giọt lệ xấu hổ của tôi. Ông đã nhìn tôi rất lâu. Ôi! niềm kiêu ngạo trong tôi còn rất sâu đậm! Tôi rình một nụ cười khinh bỉ, ít nhất là nụ cười xót thương, trên cặp môi kiên quyết của ông – tôi sợ sự xót thương của ông hơn là sự khinh bỉ của ông – “Cha là một chàng trai cừ, ông nói với tôi. Tôi không muốn có một cha đạo nào khác ngoài cha bên giường qua đời của tôi.” Và ông ôm hôn tôi, theo cách các đứa trẻ, ở hai má.

Tôi quyết định đi Lille. Người thay thế tôi đã đến sáng nay. Cha ấy thấy sắc mặt tôi có vẻ tốt. Quả thật là tôi đã đỡ hơn, đỡ hơn rất nhiều. Tôi có nhiều dự định hơi điên. Chắc chắn là cho đến nay tôi đã quá nghi ngờ mình. Sự nghi ngờ mình không phải là sự tự hạ, tôi thậm chí nghĩ rằng đôi khi nó là hình thức cuồng nhiệt nhất, hầu như mê sảng, của lòng kiêu ngạo, một thứ tàn bạo đầy ganh tị khiến một người khốn khổ quay chống lại mình, để tự nuốt chửng mình. Bí mật của địa ngục hẳn là ở đó.

Tôi sợ rằng ở tôi có mầm của một niềm kiêu ngạo lớn. Đã từ lâu sự thờ ơ mà tôi cảm thấy đối với những gì mà người ta thỏa thuận gọi là những phù hoa hư ảo trên đời này gọi cho tôi nhiều nghi ngờ hơn là hài lòng. Tôi tự bảo là có một cái gì vẫn đục trong thứ chán ngấy không vượt nổi mà tôi cảm thấy đối với con người nực cười của tôi. Việc ít chăm sóc đến mình, sự vụng về tự nhiên mà tôi không đấu tranh chống lại nữa, cho đến niềm vui thích trong tôi trước một số bất công nho nhỏ người ta phạm với mình, thế mà nóng bỏng hơn nhiều bất công khác – phải chăng không che giấu một sự thất vọng mà nguyên nhân không trong sáng, dưới mắt Chúa? Quả thật, tất cả những cái đó gìn giữ tôi, dù thế nào thì thế, trong những khuynh hướng tạm được đối với người đồng loại bởi vì động thái đầu tiên của tôi là tự cho mình có lỗi, tôi tán thành khá tốt ý kiến người khác. Nhưng có đúng chẳng là tôi mất dần ở đó lòng tin cậy, nhiệt tình và niềm trông mong ở cái tốt hơn? Tuổi trẻ của tôi – cuối cùng, những gì mà tôi có ở nó! – không thuộc về tôi; tôi có không cái quyền che đậy nó? Dĩ nhiên nếu những lời của ông Olivier làm tôi vui lòng, chúng không làm đầu óc tôi quay cuồng. Tôi chỉ nhớ về những lời đó là tôi có thể chiếm được ngay từ đầu thiện cảm của những người giống ông ấy, cao hơn tôi về nhiều phương diện... Không phải là một dấu hiệu đó ư?

Tôi cũng nhớ câu của cha xứ Torcy: “Cha không được tạo nên cho cuộc chiến tranh tiêu hao.” Và đúng, ở đây, là cuộc chiến tranh tiêu hao.

Chúa ơi, nếu tôi sắp lành bệnh! Nếu cơn đau của tôi là triệu chứng đầu tiên của sự biến đổi cơ thể đôi khi đánh dấu tuổi ba

mười... Một câu tôi đọc không biết ở đâu ám ảnh tôi từ hai ngày nay: “Trái tim tôi là với những người ở phía trước, trái tim tôi là với những người đi tìm cái chết.” Những người đi tìm cái chết... những người lính, những người truyền giáo...

Thời gian hòa hợp quá là khéo với... tôi toan viết: niềm vui của tôi, song từ ấy sẽ không đúng. Sự chờ đợi sẽ phù hợp hơn. Đúng, một sự chờ đợi lớn lao huyền diệu, nó kéo dài cả trong giấc ngủ, vì chính nó đã đánh thức tôi dậy đêm nay. Tôi thấy mình mắt mở, trong bóng tối, và hạnh phúc đến nỗi cảm tưởng hầu như đau đớn, do không thể giải nghĩa nỗi. Tôi trở dậy, uống một cốc nước, tôi đã cầu nguyện cho đến rạng đông. Như thể một tiếng thì thầm lớn của tâm hồn. Cái đó làm tôi nghĩ đến tiếng rì rào mệnh mông của các tán lá trước lúc ngày thức dậy. Ngày nào thức dậy trong tôi? Đức Chúa trời có ban ân phước cho tôi không?

Tôi tìm thấy trong thùng thư của tôi một thư ngắn của ông Olivier, đề ngày ở Lille, ông sẽ sống những ngày nghỉ phép cuối cùng tại đây, ở nhà một người bạn, 30, đường Verte, ông bảo thế. Tôi không nhớ là đã nói với ông về chuyến đi sắp tới của tôi đến thành phố đó. Một sự trùng hợp mới lạ lùng làm sao!

Xe của ông Bigre sẽ đến đón tôi sáng nay, lúc năm giờ rưỡi...

Tôi đã đi nằm tối qua rất ngoan. Giấc ngủ không thể đến. Tôi chống lại rất lâu sự cám dỗ trở dậy, tiếp tục quyển nhật ký này một lần nữa. Nó thân thiết với tôi biết mấy! Ngay ý nghĩ để nó lại đây, trong một lần vắng mặt và lại rất gần đối với tôi là thực sự không chịu nổi. Tôi tin rằng tôi sẽ không chống nổi, rằng vào lúc cuối cùng

tôi sẽ nhét nó vào cái bị của tôi. Hơn nữa, các ngăn kéo đóng khóa không tốt, quả vậy và một tò mò lúc nào cũng có thể xảy ra.

Chao ôi! người ta tưởng mình không thiết cái gì cả và người ta nhận thấy, một ngày nọ, rằng người ta bị mắc vào cuộc chơi của bản thân mình, rằng người nghèo nhất có kho báu giấu kín của mình. Những kho tàng kém quý hiếm nhất, nhìn bề ngoài, không phải là kém phần đáng sợ, trái lại. Chắc chắn là có cái gì bệnh hoạn trong sự gắn bó của tôi đối với những tờ này. Chúng không vì thế mà không là một sự cứu trợ lớn đối với tôi trong lúc thử thách và ngày nay chúng mang lại cho tôi một bằng chứng rất quý, quá nhục nhã để tôi thích thú trong đó, khá chính xác để định hình ý nghĩ của tôi. Chúng đã giải thoát tôi khỏi giấc mơ. Như thế không phải là không gì cả.

Có thể, thậm chí là chắc chắn, rằng những tờ này từ nay sẽ là vô ích đối với tôi. Chúa đã ban cho tôi rất nhiều ân sủng, lại quá bất ngờ và quá kì lạ! Tôi chan chứa niềm tin và sự an bình.

Tôi bỏ một bó củi vào lò sưởi, nhìn nó cháy trước lúc viết. Nếu tổ tiên của tôi đã uống quá nhiều rượu và ăn không đủ, ắt họ cũng phải quen chịu lạnh bởi vì tôi luôn cảm thấy trước một bếp lửa lớn sự ngạc nhiên ngớ ngẩn nào không biết, sự ngạc nhiên của trẻ thơ hay của người hoang dã. Đêm mới yên tĩnh làm sao! Tôi cảm thấy rõ là tôi không ngủ được nữa.

Thế là tôi đang sửa soạn cho xong chiều nay, thì nghe tiếng kẹt cổng. Tôi đợi người thay thế, tôi tưởng nhận ra tiếng bước chân của ông ta. Nếu phải nói tất cả, tôi quả đang bị thu hút vào một công việc nực cười. Đôi giày tôi còn tốt, nhưng hơi ẩm đã làm chúng ố đỏ; tôi

lấy mực nhuộm đen chúng trước khi đánh xi. Không còn nghe tiếng động nào nữa, tôi muốn đi xuống tận nhà bếp, và thấy cô Chantal ngồi trên chiếc ghế thấp, bên lò sưởi. Cô không nhìn tôi; mắt cô nhìn đắm đắm vào lớp tro.

Điều đó không làm tôi ngạc nhiên đâu, tôi thú nhận như vậy. Cam chịu trước là phải chịu đựng hậu quả những lỗi lầm của mình, những lỗi lầm cố ý hay không cố ý, tôi có cảm tưởng là được hưởng một thời hạn khát nợ, một sự tạm hoãn, tôi không muốn dự kiến gì hết, ích gì? Cô có vẻ hơi chững hững bởi lời chào của tôi. – “Ngày mai cha lên đường, phải không?” “Vâng, thưa cô.” – “Cha sẽ trở lại?” – “Còn tùy.” – “Điều đó chỉ tùy thuộc cha thôi?” – “Không, điều đó tùy thuộc ở thầy thuốc. Vì tôi đi khám bệnh ở Lille.” – “Cha gặp may là bị ốm. Tôi thấy hình như bệnh tật chắc phải cho thì giờ để mơ mộng. Tôi không mơ mộng bao giờ. Mọi cái diễn ra trong đầu tôi với một sự chính xác gớm ghiếc như những tính toán của một môn lại hoặc một công chứng viên. Phụ nữ thuộc gia đình chúng tôi rất thiết thực, cha biết chăng?” Cô đi lại gần tôi trong khi tôi đang cẩn thận chải xi lên những chiếc giày. Tôi thậm chí làm việc này hơi lâu, và chắc hẳn không phải tôi không vui lòng thấy cuộc đàm thoại của chúng tôi kết thúc trong tiếng cười vang. Có lẽ cô đã đoán được ý nghĩ của tôi. Đột nhiên cô nói với tôi, bằng giọng rin rít: – “Anh họ tôi đã nói với cha về tôi?” – “Vâng, tôi trả lời. Nhưng tôi không thể kể lại gì với cô về những điều ông ấy nói. Tôi không nhớ gì nữa.” – “Có hệ trọng gì đến tôi! Tôi coi khinh ý kiến của anh ấy và ý kiến của ông.” – “Nghe này, tôi nói với cô, cô chỉ quá mong biết ý kiến của tôi.” Cô do dự một lúc rồi trả lời giản dị: Vâng, vì cô không thích nói dối. – “Một

linh mục không có ý kiến, tôi muốn cô hiểu điều đó. Những người thế tục xét đoán tùy theo cái tốt, cái xấu mà họ có thể làm cho nhau; còn cô không thể làm cả cái tốt lẫn cái xấu cho tôi.” – Ít nhất cha phải phán xét tôi theo... cái gì nhỉ. Cuối cùng theo quy tắc, theo đạo đức. – “Cha chỉ có thể phán xét con theo ân sủng, và cha không biết những ân sủng được ban cho con, cha mãi mãi không biết.” – “Thôi đi nào! cha có mắt có tai, cha sử dụng tai, mắt như mọi người, chắc thế chứ.” – “Ồ! chúng không cho cha biết mấy về con!” Tôi cho là tôi đã mỉm cười. – “Nói hết đi! Nói hết đi! Cha muốn bảo gì?” – “Cha e xúc phạm đến con. Cha nhớ đã nhìn thấy hồi còn nhỏ, một màn của Guignol trong một ngày hội ở Wilman. Guignol đã giấu đồ châu báu của mình trong một chiếc lọ đất và múa may ở đầu kia sân khấu để đánh lạc hướng sự chú ý của ông cầm. Cha nghĩ là con đã cựa quậy nhiều hy vọng che giấu tất cả mọi người sự thật của tâm hồn con, hoặc có thể để quên nó đi.” Cô nghe tôi chăm chú, hai cùi tay đặt trên bàn, cầm trong các lòng bàn tay, và ngón út của bàn tay trái ở giữa hai hàm răng cắn chặt. – “Tôi không sợ sự thật, thưa cha. Và nếu cha thách thức tôi về điều ấy tôi rất có thể xưng tội với cha ngay tức khắc. Tôi thề là sẽ không giấu điều gì!” – “Cha không thách thức con, tôi nói, và để chấp nhận nghe xưng tội, đúng là con phải ở trong mối hiểm nguy có thể chết. Sự xá tội sẽ đến đúng lúc của nó, cha mong thế, và do một bàn tay khác bàn tay cha, hẳn thế!” – “Ồ! Lời tiên đoán chẳng khó thực hiện. Bố tôi đã tự hứa sẽ đạt được việc chuyển chuyển cha; và tất cả mọi người ở đây bây giờ coi cha là người nghiện rượu, bởi vì...” Tôi quay ngoắt lại “Đủ rồi! tôi nói với cô. Cha không muốn thiếu tôn trọng con nhưng đừng lặp lại những điều đại dột của con, cuối cùng con sẽ làm cha xấu hổ. Vì con đã ở

đây – trái với ý muốn của cha cô nữa chứ! – Hãy giúp cha dọn dẹp nhà cửa. Một mình cha không bao giờ làm được.” Bây giờ khi nghĩ lại tôi không hiểu nổi là cô đã nghe lời tôi. Ngay lúc đó, tôi thấy việc ấy là hoàn toàn tự nhiên. Quang cảnh của nhà cha đạo hầu như thay đổi trông thấy. Cô giữ im lặng và khi tôi ghé nhìn cô, tôi thấy cô mỗi lúc một xanh xao hơn. Cô đột ngột ném cái giẻ lau cô đã dùng để lau các đồ gỗ, và một lần nữa đến gần tôi, vẻ mặt thẳng thốt vì giận dữ. Tôi gần như sợ – “Chừng ấy đủ với cha chưa? Cha bằng lòng không? Ôi! Cha che giấu kĩ cách chơi của mình. Người ta tưởng cha vô hại, đúng hơn là cha làm người ta thương hại. Nhưng cha khắc nghiệt!” – “Không phải cha khắc nghiệt song cái phần sắt đá đó của bản thân con, nó là phần của Đức Chúa trời.” – “Cha kể lể gì đấy? Tôi hoàn toàn biết rằng Đức Chúa trời chỉ yêu thương những người dịu hiền, những người khiêm nhường... vả lại, nếu tôi nói với cha điều tôi nghĩ về cuộc đời!” – “Ở tuổi con, người ta không nghĩ gì nhiều về đời. Người ta muốn cái này hoặc cái kia, thế thôi!” – “Thế thì tôi, tôi muốn tất cả, cái tốt và cái xấu. Tôi sẽ biết tất cả!” – “Chẳng mấy chốc sẽ được như thế”, tôi cười mà nói với cô – “Thôi đi! Tôi đâu chỉ là một cô gái, tôi hoàn toàn biết rằng nhiều người đã qua đời trước khi đạt đến đó.” – “Vì họ không thực sự tìm kiếm. Họ mơ mộng. Con, con sẽ không bao giờ mơ mộng. Những người con nói giống những du khách trong phòng. Khi người ta thẳng tiến trước mặt mình, trái đất là nhỏ bé.” – “Nếu cuộc đời lừa gạt tôi, có hề gì! Tôi sẽ trả thù. Tôi làm điều xấu cho điều xấu.” – “Vào lúc đó, tôi nói với cô, con sẽ tìm thấy Chúa. Ôi! Chắc là cha diễn đạt không tốt, vả lại con còn là một đứa trẻ. Nhưng cuối cùng, cha nói với con rằng, con đi quay lưng lại với đời, vì đời không phải là nổi loạn, nó là

sự chấp nhận, và nó trước hết là sự chấp nhận điều dối trá. Lao mình về phía trước bao nhiêu tùy ý con muốn, một ngày kia, bức trường thành phải nhượng bộ, và tất cả những khe hở sẽ mở lên trời” – “Có phải cha nói như vậy... vì ý ngông hoặc...” – “Đúng là những người dụ hiền sẽ sở hữu trái đất. Và những người giống con sẽ không tranh giành trái đất với họ vì chẳng biết làm gì với nó. Những người cướp đoạt chỉ cướp đoạt thiên đường.” Cô đỏ ửng mặt lên, cô nhún vai. – “Người ta muốn trả lời cha... gì nhỉ?... những lời lảng nhục. Phải chăng cha tưởng tùy ý cất đặt tôi trái với ý muốn của tôi? Tôi sẽ tự đày đọa mình, nếu tôi muốn.” – “Cha bảo đảm cho con, tôi nói với cô không suy nghĩ, linh hồn làm bảo chứng cho linh hồn.” Cô rửa tay ở vòi nước nhà bếp, thậm chí không quay lại. Đoạn cô bình thần đội lại mũ mà cô đã cởi ra để làm việc. Cô quay lại phía tôi, bước đi chậm chạp. Nếu tôi không biết mặt cô rất kĩ, tôi có thể nói rằng khuôn mặt đó rất bình lặng, nhưng tôi thấy khóe miệng cô hơi run run. – “Tôi đề nghị với cha một giao kèo mua bán, cô nói. Nếu cha là như tôi tưởng...” – “Cha đúng không là như con tưởng. Con đã nhìn thấy chính bản thân mình trong cha như trong một cái gương, và cả số mệnh mình nữa.” – “Tôi đã nấp dưới cửa sổ khi cha nói với mẹ tôi. Bỗng nhiên vẻ mặt bà trở nên rất... rất dịu dàng! Lúc đó, tôi ghét cha. Ôi! Tôi không tin ở các phép lạ nhiều hơn ở các con ma, nhưng tôi biết rõ mẹ tôi, có lẽ! Bà quan tâm đến những lời nói hay cũng bằng con cá quan tâm đến quả táo, cha có một bí quyết, có hay không?” – “Đó là một bí quyết đã để mất, tôi nói với cô. Con sẽ tìm thấy lại nó để đến lượt con mất nó và những người khác sẽ truyền nó đi sau con vì con thuộc về giống nòi sẽ tồn tại lâu dài ngang với thế giới.” – “Gì cơ? giống nòi nào?” – “Giống

nòi mà bản thân Chúa đã đưa lên đường, và nó không ngưng nghỉ nữa, cho đến khi tất cả được hoàn thành.”



Thật xấu hổ không thể cầm vững quăn bút. Hai bàn tay tôi run. Không phải lúc nào cũng run, nhưng từng cơn, tuy nhiên rất ngắn, vài giây thôi. Tôi tự bắt buộc phải ghi nhận điều đó.

Nếu tôi còn đủ tiền, tôi sẽ lên tàu hỏa đi Amiens. Nhưng tôi đã có cử chỉ phi lí ấy, lúc này, khi ở nhà thầy thuốc ra. Dại dột làm sao! Tôi chỉ còn vé trở về và ba mươi bảy xu.

Giả định rằng điều đó đã diễn ra rất tốt đẹp: có thể tôi đã ở cùng chỗ ấy, viết như tôi làm giờ đây. Tôi nhớ rất rõ là đã chú ý đến cái quán rượu nhỏ yên tĩnh ấy, với các phòng trong vắng vẻ, quá tiện lợi, và những chiếc bàn lớn bằng gỗ dẻo dồi. (Cửa hàng bánh mì bên cạnh thơm mùi bánh mì nóng). Thậm chí tôi thấy đói.

Vâng, chắc chắn... Lẽ ra tôi đã rút quyển vở này ra khỏi bị, hỏi mượn bút mực và cũng cô hầu ấy sẽ mang đến cùng nụ cười. Có thể tôi cũng sẽ cười. Đường phố tràn đầy ánh nắng.

Khi tôi đọc lại những dòng này ngày mai, sau sáu tuần – sáu tháng có lẽ, ai biết được? – Tôi cảm nhận rằng tôi cầu mong tìm thấy lại ở đó... Chúa ơi, tìm thấy lại ở đó cái gì...? Này nhé, chỉ là chứng cứ rằng tôi đi đi lại lại hôm nay như thường lệ mọi khi, thật là trẻ con.

Trước tiên tôi đi thẳng về phía trước, đến nhà ga. Tôi đi vào trong một nhà thờ cổ mà tôi không biết tên. Có quá nhiều người ở đó.

Điều này cũng là trẻ con, nhưng tôi những muốn quỳ thoải mái trên các tấm đá lát, đúng hơn là nằm dài xuống đó, nằm úp mặt xuống đất. Tôi chưa bao giờ cảm thấy dữ dội đến như vậy sự nổi dậy của thể xác chống lại sự cầu nguyện – và rõ rệt tới mức tôi không cảm thấy một chút hối hận nào. Ý chí của tôi không làm gì được ở đây. Tôi không tin rằng cái được gọi bằng một từ tầm thường là sự “lãng trí” có thể có tính năng phân giải và chia nhỏ đó. Vì tôi không đấu tranh chống cái sợ, mà chống một số nhiều, theo bề ngoài thì vô tận, những cái sợ – một cái sợ cho mỗi thứ, vô vàn cái sợ. Và khi tôi nhắm mắt lại, cố gắng tập trung sự suy nghĩ, tôi dường như nghe thấy tiếng rì rầm như của một đám đông mênh mông, vô hình, núp ở đáy sự lo âu của tôi, như trong đêm tối dày đặc.

Mồ hôi tuôn ròng rọc, trên trán tôi, trên các bàn tay tôi. Cuối cùng tôi đi ra. Cái lạnh của đường phố chụp lấy tôi. Tôi bước đi nhanh. Tôi nghĩ nếu như tôi đau đớn, tôi đã có thể tự thương hại mình, khóc cho mình, cho nỗi bất hạnh của mình. Nhưng tôi chỉ cảm nhận một trạng thái nhẹ nhõm khó hiểu. Sự sửng sờ của tôi, khi tiếp xúc với đám đông ồn ào, giống như mối kinh ngạc của niềm vui. Nó chấp cánh cho tôi.

Tôi tìm thấy năm franc trong túi áo choàng. Tôi đã để đó dành cho người lái xe của ông Bigre. Tôi quên đưa cho anh ta. Tôi bảo dọn cho tôi cà phê đen và một trong những chiếc bánh mì nhỏ mà tôi đã ngửi thấy mùi thơm trước đó. Bà chủ quán rượu nhỏ tên là bà Duplouy; bà là vợ góa của một người thợ nề, xưa kia sinh sống ở Torcy. Đã từ một lúc, bà lên quan sát tôi từ trên cao của quầy hàng

phía trên bức vách ngăn của phòng trong. Bà đến ngồi gần tôi, nhìn tôi ăn. “Ở tuổi ông, bà nói với tôi, người ta ăn nghiêng ngấu.” Tôi phải nhận thêm bơ, thứ bơ miền Flandres, thơm mùi quả mâm xôi. Con trai một của bà Duplouy chết vì bệnh lao và cháu gái bà chết vì viêm màng não, lúc mới hai mươi tháng tuổi. Bản thân bà đau bệnh tiểu đường, chân bị sưng, nhưng bà không thể tìm ra người mua cái quán rượu nhỏ này, ở đó chẳng ai đến. Tôi đã cố hết sức an ủi bà. Sự nhẫn nhục của tất cả những người đó làm tôi xấu hổ. Lúc đầu nó không có vẻ gì là siêu tự nhiên, bởi vì họ diễn đạt nó trong ngôn ngữ của họ, và ngôn ngữ đó không còn tính chất Thiên chúa giáo. Cũng như nói rằng họ không diễn đạt nó, bản thân họ không còn tự biểu đạt nữa. Họ làm việc đó nhờ những ngạn ngữ và những lời lẽ trong báo chí.

Biết rằng tối nay tôi mới lại lên tàu, bà Duplouy rất muốn dành cho tôi phòng trong. “Như vậy, bà nói, cha có thể tiếp tục viết bài thuyết giáo trong yên tĩnh.” Tôi phải khó nhọc lắm mới ngăn được bà đốt lò sưởi (tôi còn hơi run vì rét). “Thời tôi còn trẻ, bà nói, các linh mục ăn uống nhiều quá, khí huyết quá nhiều. Ngày nay, các cha gầy hơn những con mèo hoang.” Tôi cho là bà hiểu lầm cái nhăn mặt của tôi, vì bà vội vã nói thêm: “Nhưng bước khởi đầu bao giờ cũng gay go. Bất kể ở tuổi cha, người ta có cả cuộc đời ở phía trước.”

Tôi hé miệng để trả lời và... lúc đầu tôi không hiểu. Đúng, ngay trước khi quyết định điều gì, nghĩ tới điều gì, tôi biết là tôi sẽ giữ im lặng. Giữ im lặng, thuật ngữ mới lạ lòng làm sao! Chính cái im lặng giữ chúng ta.

(Lạy Chúa, Chúa đã muốn điều đó như thế, tôi nhận ra bàn tay của Chúa. Tôi tưởng cảm thấy bàn tay đó trên đôi môi tôi).

Bà Duploux đã rời tôi để lại đến ngồi trên quầy hàng. Có những người vừa mới vào, những người thợ vào ăn qua loa. Một người trong số họ nhìn thấy tôi qua phía trên vách ngăn, và các bạn anh phá lên cười. Tiếng ồn họ gây nên không quấy rối tôi, trái lại. Cái im lặng bên trong – cái im lặng mà Chúa ban phép lành cho – chưa bao giờ cô lập tôi với người đời. Tuồng như họ vào đó, tôi tiếp đón họ như ở thềm nhà tôi. Và chắc chắn là họ đến đó, họ đến đó mà không biết. Than ôi! tôi chỉ có thể cung cấp cho họ một nơi ẩn nấu mong manh. Nhưng tôi hình dung sự im lặng của một số tâm hồn như những chốn nương nấu bao la. Những người có lỗi khốn khổ, kiệt sức sờ soạng đi vào đó, ngủ ở đó rồi lại ra đi, được an ủi mà không giữ một kỉ niệm nào về ngôi đền lớn vô hình ở đó họ đã trong chốc lát đặt xuống gánh nặng của mình.

Dĩ nhiên, quả là hơi ngốc khi nhắc đến một trong những mặt huyền bí nhất của sự Giao hòa các Thánh đồ* nhân điều tôi vừa quyết định và chỉ riêng sự can trọng của con người đã rất có thể xui khiến tôi quyết định như vậy. Không phải là lỗi của tôi nếu tôi luôn phụ thuộc vào cảm hứng của thời điểm, hoặc đúng hơn, nói thực ra, của động thái thuộc từ tâm dịu dàng của Chúa, tôi phó mình cho từ tâm đó. Tóm lại, tôi đột ngột hiểu rằng, từ ngày tôi đến khám bác sĩ, tôi nóng lòng muốn phó thác nỗi bí mật của tôi, chia sẻ niềm cay đắng với một người nào đó. Và tôi cũng hiểu rằng muốn tìm thấy lại sự yên tĩnh, chỉ cần im lặng là đủ.

Communion des Saints: quan hệ giữa các tín đồ ở trần thế, ở Luyện ngục và Thiên đường.

Nỗi bất hạnh của tôi không có gì kì lạ. Ngày nay hàng trăm, hàng ngàn người có lẽ, qua thế gian này, sẽ nghe một lời tuyên án như thế với cùng một trạng thái sửng sờ như thế, trong số họ, tôi hẳn là một trong những người ít có khả năng nhất để kiềm chế một xung động đầu tiên, tôi quá hiểu sự yếu đuối của tôi. Nhưng kinh nghiệm cũng dạy tôi rằng tôi thừa hưởng của mẹ tôi, và chắc hẳn là của nhiều người đàn bà nghèo khổ khác của giống nòi tôi, một thứ khả năng chịu đựng hầu như không thể cưỡng được về lâu về dài, bởi vì nó không mưu toan đo sức với nỗi đau khổ, nó trườn mình vào bên trong, biến nỗi đau dần dần thành một thói quen – sức mạnh của chúng tôi là ở đó. Nếu không, làm sao giải nghĩa được niềm hăm hở sống của bao người đàn bà khốn khổ mà lòng kiên nhẫn đáng sợ cuối cùng làm cạn kiệt sự vô ơn và sự bất công của người chồng, của các con và những người thân – ôi! những vú nuôi của những người khốn khổ!

Chỉ có điều, phải im lặng. Tôi phải im lặng lâu chừng nào còn được cho phép im lặng. Và cái đó có thể kéo dài nhiều tuần lễ, nhiều tháng. Khi tôi nghĩ rằng vừa rồi chỉ cần một lời nói, một ánh mắt xót thương, một câu hỏi đơn giản có lẽ! để rồi điều bí mật đó buột ra từ tôi... Nó đã ở trên đôi môi tôi, chính Chúa đã giữ lại. Ôi! tôi biết rất rõ rằng lòng thông cảm của người khác làm dịu đi một chút lát, tôi không hề coi khinh nó. Nhưng nó không giải được nỗi khát, nó chảy vào tâm hồn như qua một cái sàng. Và khi nỗi đau khổ của chúng ta

đã đi qua từ sự thương hại này đến sự thương hại khác, cũng như từ miệng người này sang miệng người khác, dường như với tôi chúng ta không còn có thể kính trọng và yêu mến nó nữa.

Tôi lại một lần nữa ở bên cái sàn này. Tôi muốn nhìn thấy lại ngôi nhà thờ mà từ đó tôi đã bước ra sáng nay, quá xấu hổ về mình. Quả thật nó lạnh lẽo và tăm tối. Điều tôi mong đợi đã không đến.

Khi trở về, bà Duplouy bảo tôi cùng ăn trưa. Tôi không dám từ chối. Chúng tôi đã nói về Ngài cha xứ Torcy mà bà đã biết khi ông làm phó linh mục ở Presles. Bà sợ cha ấy lắm. Tôi đã ăn thịt hầm và rau. Lúc vắng tôi, bà đã đốt lò sưởi và khi ăn xong đã để tôi lại một mình, ấm áp, trước một tách cà phê đen. Tôi cảm thấy dễ chịu, thậm chí đã thiếp đi một lúc. Khi thức dậy...

(Chúa ơi! tôi phải viết điều này ra. Tôi nghĩ đến các buổi sáng, những buổi sáng cuối cùng của tôi trong tuần lễ này, đến sự đón tiếp các buổi sáng đó, đến tiếng gà gáy – đến khuôn cửa sổ cao yên tĩnh, còn đầy bóng đêm, mà một khung kính, bao giờ cũng khung ấy, cái khung bên phải, bắt đầu lóe sáng... Tất cả những thứ đó mới tươi mát và thanh khiết làm sao...)

Vậy là tôi đã đến nhà bác sĩ Lavigne rất sớm. Tôi được đưa vào hầu như ngay sau đó. Phòng đợi khá bừa bãi, một cô người ở quỳ cuốn tấm thảm. Tôi phải chờ vài phút trong phòng ăn được giữ nguyên như tối hôm trước, tôi giả định thế, các cánh chớp và rèm đóng kín, khăn bàn còn trên bàn, với những mẫu vụn bánh mì gãy răng rắc dưới giày tôi, và mùi xì gà đã tắt. Cuối cùng cửa mở ra sau

lưng tôi, bác sĩ ra hiệu cho tôi vào. “Tôi xin lỗi tiếp cha trong phòng nhỏ này, ông nói với tôi, đây là phòng chơi của con gái tôi. Sáng nay căn hộ lộn tung phèo; nó được chủ nhân giao như thế hằng tháng cho một kíp lau chùi khô – thật ngu xuẩn! Ngày hôm ấy tôi chỉ tiếp bệnh nhân lúc mười giờ sáng; nhưng hình như cha vội. Cuối cùng chúng ta có một đi vắng, cha có thể nằm lên đấy. Đó là điều chính.”

Ông kéo rèm, và tôi nhìn thấy ông giữa ánh sáng. Tôi không nghĩ là ông trẻ thế. Mặt ông cũng gầy như mặt tôi. Và có sắc rất lạ khiến thoát tiên tôi tưởng là một tác dụng phối hợp ánh sáng. Cứ như thể ánh phản chiếu của đồng đỏ. Và ông chăm chú nhìn tôi với cặp mắt đen, đượm một thứ dừng đọng, sốt ruột, nhưng không hề tàn nhẫn, trái lại thế. Khi tôi khó nhọc cởi chiếc áo len đen, mạng nhiều chỗ, ông quay lưng lại. Tôi vẫn ngồi hơi nghệt ra trên đi vắng không dám nằm xuống. Vả lại chiếc đi vắng đó chất đầy đồ chơi ít nhiều đã gãy. Có cả một con búp bê bằng giẻ lấm mực. Viên bác sĩ đặt nó lên một chiếc ghế, đoạn sau vài câu hỏi, ông đã sờ nắn tôi rất kĩ, thỉnh thoảng nhắm mắt lại. Mặt ông ở đúng bên trên mặt tôi, và lợn tóc dài đen của ông chạm lướt trán tôi. Tôi nhìn thấy cái cổ của ông trơ xương, thắt chặt trong một cổ còn xấu bằng chất dẻo, đã hoàn toàn ngả vàng; và máu dần dần đổ dồn về má, lúc này cho chúng một màu đồng. Ông gây cho tôi sự lo sợ và cả một chút ghê tởm.

Việc khám bệnh của ông kéo dài. Tôi ngạc nhiên là ông rất ít chú ý đến cái ngực đau của tôi, ông chỉ nhiều lần đưa bàn tay của ông qua vai trái của tôi, ở chỗ xương đòn, vừa làm vừa huýt sáo. Cửa sổ mở ra một mảnh sân và tôi thoáng thấy qua các tấm kính một bức tường đen những bồ hóng có những lỗ thủng hẹp tới mức giống

những lỗ châu mai. Dĩ nhiên trước kia tôi đã có một ý nghĩ rất khác về giáo sư Lavigne và về nơi ở của ông. Căn phòng nhỏ có vẻ thực sự bẩn thỉu và – tôi không rõ vì sao những đồ chơi bị gãy ấy, con búp bê ấy làm trái tim tôi thất lại. – “Cha mặc áo quần lại đi,” ông nói với tôi.

Một tuần lễ trước chắc tôi đã đợi cái xấu nhất. Nhưng vài ngày trở lại đây, tôi cảm thấy đỡ nhiều lắm! Dù sao, các giây phút có vẻ rất lâu đối với tôi. Tôi cố nghĩ đến ông Olivier, đến cuộc dạo chơi thứ hai tuần trước, đến con đường rực sáng. Tay tôi run mạnh đến nỗi khi mang lại giày, tôi đã hai lần làm đứt sợi dây giày.

Viên bác sĩ đi đi lại lại ngang dọc trong phòng. Cuối cùng ông trở lại phía tôi, mỉm cười. Nụ cười của ông chỉ làm tôi yên lòng một nửa – “Này nhé, kìa, tôi muốn chụp thêm tia X thì tốt hơn! Tôi sẽ cấp cho cha một ghi nhận đến bệnh viện, cơ quan của bác sĩ Grousset. Rồi thay, cha phải đợi đến thứ hai.” – “Có cần thiết lắm không?” Ông lưỡng lự một lúc. Lạy Chúa, tôi thấy hình như lúc ấy tôi sẽ nghe bất cứ điều gì mà không nao núng. Nhưng, tôi biết điều này do kinh nghiệm, khi dâng lên trong tôi tiếng gọi thầm lặng và sâu kín ấy, nó đi trước sự cầu nguyện, vẻ mặt tôi có một biểu hiện giống biểu hiện của sự lo âu. Bây giờ tôi nghĩ rằng viên bác sĩ đã nhầm lẫn. Nụ cười của ông càng rõ nét hơn, một nụ cười chân thật, gần như thương mến. – “Không, ông nói, đó chỉ là một thủ tục. Cha ở lại đây lâu hơn ích lợi gì? Vậy hãy yên tâm trở lại nhà.” – “Tôi có thể tiếp tục thực hiện giáo chức của mình?” – “Rất chắc chắn. (Tôi cảm thấy máu dồn lên mặt). Ô! tôi không cho rằng cha đã xong xuôi với những phiền muộn nhỏ của mình, những cơn đau có thể trở lại. Biết làm thế nào?

Phải học sống với bệnh của mình; chúng ta đều ít nhiều như thế cả. Tôi thậm chí không áp đặt cha một chế độ ăn uống: hãy mò mẫm, hãy chỉ nuốt những gì qua được. Và khi một thức gì đã qua được không còn qua được nữa, đừng cố ép nài quá, hãy trở về thật từ từ với sữa, với nước đường, tôi nói với cha như chỗ bạn bè, bằng hữu. Khi nào thấy đau quá, cha sẽ uống một thìa canh thứ thuốc nước mà tôi sắp viết công thức, cho cha – cứ hai giờ một thìa, không bao giờ quá năm thìa một ngày, cha rõ chưa?” – “Được, thưa giáo sư.”

Ông đẩy một cái bàn xoay đến gần chiếc ghế bành, trước mặt tôi, và ông thì mắt sát mặt với con búp bê bằng giẻ, nó dường như ngẩng lên phía ông cái đầu dị dạng, từ đó sơn bong từng mảng, như thể những cái vẩy. Ông cúi kinh ném nó về phía đầu kia căn phòng, nó phát ra một tiếng kì cục khi chạm vào tường, trước khi lăn xuống đất. Nó nằm ngửa ở đó, ống chân và cánh tay chới với trên không. Tôi không dám nhìn cả người bác sĩ lẫn con búp bê. – “Nghe đây, đột nhiên ông nói, tôi tin chắc chắn là cha phải chụp tia X, nhưng không gì phải gấp. Cha hãy trở lại đây trong tám ngày.” – “Nếu không là tuyệt đối cần thiết...” – “Tôi không có quyền nói với cha khác được. Không ai là không thể sai lầm, nói cho cùng. Nhưng đừng để Grousset kích động cha! Một người chụp tia X là một người chụp tia X, người ta không đòi hỏi anh ta diễn giải... Cha và tôi, chúng ta sẽ cùng nhau nói chuyện về vấn đề này... Dù sao, nếu cha nghe tôi, cha sẽ không thay đổi gì cả cái thói quen của cha, thực ra, thói quen là bạn bè của người, cả những thói quen xấu. Điều tồi tệ nhất có thể đến với cha là ngưng công việc của mình, vì lý do nào chẳng nữa.” Tôi hầu như không nghe ông nói. Tôi nóng lòng được

lại ở ngoài đường phố, tự do. – “Được ạ, thưa giáo sư.” Tôi đứng dậy. Ông bồn chồn mân mê cửa tay áo sơ mi lật ngược của mình – “Ma nào đã gửi cha đến đây?” – “Ngài bác sĩ Delbende.” – “Delbende? Tôi không biết.” – “Ngài bác sĩ Delbende đã qua đời.” – “A? Vậy thì, mặc kệ! Hãy trở lại trong tám ngày. Tôi đã suy nghĩ rồi. Tôi sẽ đích thân dẫn cha đến chỗ ông Grousset. Thứ ba trong tám ngày nữa, thống nhất rồi nhé?” Ông ta hầu như đẩy tôi ra khỏi phòng. Trong vài phút qua, khuôn mặt rất u tối của ông có một vẻ lạ lùng; nó dường như vui, một niềm vui co giật, nhón nhác, như niềm vui của một người che giấu một cách rất vất vả sự sốt ruột của mình. Tôi đi ra không dám bắt tay ông, và vừa ra đến phòng ngoài, tôi nhận thấy rằng, tôi đã để quên đơn thuốc. Cánh cửa đúng là vừa mới đóng lại, tôi tưởng nghe tiếng chân bước trong phòng khách, tôi nghĩ là căn phòng trống không, tôi chỉ việc lấy đơn thuốc trên bàn và không quấy rầy ai... ông đứng kia, trong khuôn cửa sổ hẹp, và một vật quần gấp xuống, ông đưa tới gần đùi một bơm tiêm nhỏ mà tôi thấy bộ phận kim loại lóe sáng giữa những ngón tay ông. Tôi không thể quên nụ cười góm ghiếc mà sự ngạc nhiên không làm tắt được ngay: nó còn phảng phất quanh khuôn miệng hé mở trong khi ánh mắt chăm chăm vào tôi một cách giận dữ. – “Có chuyện gì thế?” – “Tôi vào tìm đơn thuốc.” Tôi đáp ứng. Tôi tiến một bước về phía bàn, tờ giấy không còn đó nữa. – “Có lẽ tôi đã bỏ nó lại vào túi, ông nói với tôi. Xin chờ một lát.” Ông rút lệ kim ra và vẫn đứng trước tôi, bất động không rời mắt khỏi tôi, bơm tiêm còn cầm trong tay. Ông có vẻ thách thức tôi – “Với cái này, thưa cha thân mến, người ta có thể không cần đến Chúa lòng lành.” Tôi nghĩ rằng sự bối rối của tôi đã làm ông nguôi – “Nào, đó chỉ là một câu nói đùa của sinh viên y

khoa. Tôi kính trọng mọi ý kiến, kể cả ý kiến tôn giáo. Vả lại, tôi không có ý kiến nào. Đối với một thầy thuốc, không có các ý kiến, chỉ có những giả thuyết.” – “Thưa ngài giáo sư...” – “Tại sao gọi tôi là ngài giáo sư? Giáo sư về gì?” Tôi cho ông ta là một người điên. – “Trả lời tôi đi, mẹ kiếp. Cha được một đồng nghiệp của tôi giới thiệu mà tôi không biết ngay cả tên người đó và cha coi tôi là giáo sư.” – “Ngài bác sĩ Delbende đã khuyên tôi tìm hỏi giáo sư Lavigne.” – “Lavigne? Có phải cha chế nhạo tôi không? Bác sĩ Delbende của cha phải là một tay lẩn cấn ra trò. Lavigne đã qua đời tháng giêng vừa rồi ở tuổi bảy mươi tám! Ai cho cha địa chỉ của tôi?” – “Tôi tìm thấy nó trong niên bạ.” – “Xem nào? Tôi tên là Laville, không phải là Lavigne. Cha biết đọc không?” – “Tôi lơ đãng, tôi nói với ông, xin ông tha lỗi.” Ông đứng giữa tôi và cửa ra vào; tôi tự hỏi có bao giờ tôi ra được khỏi cái phòng này không, tôi cảm thấy như bị mắc bẫy, ở đáy một cái bẫy sập. Mồ hôi chảy trên má tôi, làm mờ mắt tôi. – “Chính tôi xin lỗi cha. Nếu cha muốn, tôi có thể giới thiệu cha với một giáo sư khác, Dupetitré chẳng hạn? Nhưng, giữa chúng ta với nhau, tôi thấy việc ấy vô ích, tôi am hiểu nghề bằng những người tỉnh lẻ ấy, tôi đã là nội trú các bệnh viện Paris, và đứng thứ ba trong kì thi tuyển, thế nữa! Tha thứ cho tôi đã tự khen chính mình. Trường hợp của cha không có gì rắc rối, bất cứ ai cũng sẽ giải quyết như tôi.” Tôi lại đi một lần nữa ra cửa. Những lời của ông không hề gợi cho tôi sự ngờ vực, chỉ có cái nhìn của ông gây cho tôi một sự ngượng ngịu không chịu nổi. Nó cực kì chói sáng và chăm chú. – “Tôi không muốn lạm dụng,” tôi nói với ông. – “Cha không lạm dụng (ông rút ra chiếc đồng hồ), những cuộc khám của tôi chỉ khởi đầu lúc mười giờ. Tôi phải thú nhận với cha rằng, ông tiếp tục, lần đầu tiên

tôi tiếp xúc với một người trong số các cha, tức là với một linh mục, một linh mục trẻ. Điều đó làm cha ngạc nhiên? Tôi thú thực là sự việc khá lạ lùng.” Tôi chỉ tiếc là đã làm ông có quan niệm không hay đến thế về tất cả chúng tôi, tôi trả lời. Tôi là một linh mục tầm thường.” – Ôi! xin làm ơn cho! Trái lại cha làm tôi rất chú ý. Cha có một nét mặt rất... rất đặc biệt. Người ta chưa bao giờ nói với cha điều ấy ư?” – “Dĩ nhiên là chưa, tôi kêu lên. Tôi nghĩ rằng ông chế nhạo tôi.” Ông quay lưng về phía tôi và nhún vai – “Cha có biết nhiều linh mục không, trong gia đình cha ấy?” – “Không một người nào, thưa ông. Sự thật là tôi không biết gì mấy về những người trong gia đình tôi. Những gia đình như gia đình tôi không có lịch sử.” – “Chính điều đó đánh lừa cha. Lịch sử gia đình cha được khắc trong mỗi đường nhăn của khuôn mặt cha, và trên khuôn mặt cha có những đường nhăn đấy.” – “Tôi không mong đọc ở đấy, ích gì? Hãy để người chết chôn cất người chết.” – “Họ chôn cất được cả những người sống đấy. Cha nghĩ rằng mình tự do ư, cha ấy?” – “Tôi không biết phần tự do của tôi được bao nhiêu, lớn hay nhỏ? Tôi chỉ tin rằng Đức Chúa trời đã để lại cho tôi phần tự do vừa đủ để một ngày nào đó, tôi đưa lại nó vào tay Người.” “Hãy tha thứ cho tôi, ông tiếp tục sau một lúc im lặng. Chắc tôi phải có vẻ thô lỗ, đối với cha. Chính vì bản thân tôi thuộc một gia đình... loại như gia đình cha, tôi cho là thế. Khi nhìn thấy cha, lúc này, tôi có cảm tưởng khó chịu đứng trước... trước bản sao của chính mình. Cha tưởng tôi điên?” Tôi vô tình đưa mắt nhìn cái bơm tiêm. Ông bèn cười lên. – “Không, chất moócphin không làm say đâu, cha hãy yên tâm. Nó còn gỡ rối khá tốt cho não. Tôi mong đợi ở nó cái mà chắc cha mong đợi ở kinh cầu nguyện: sự lãng quên.” – “Xin lỗi, tôi nói với ông, người ta không

yêu cầu ở kinh cầu nguyện sự lãng quên, mà sức mạnh.” – “Sức mạnh không còn giúp ích gì cho tôi nữa.” Ông nhặt dưới đất lên con búp bê bằng giẻ, đặt nó cẩn thận trên lò sưởi. – “Kinh cầu nguyện, ông tiếp tục bằng một giọng mơ màng, tôi cầu chúc cha cầu nguyện cũng dễ dàng như tôi tự đâm cái kim tiêm này vào dưới da. Những người lo âu kiểu như cha không cầu nguyện, hoặc cầu nguyện tồi. Đúng hơn hãy thú nhận rằng cha chỉ thích trong cầu nguyện sự nỗ lực, sự ép buộc; đó là một bạo lực mà cha thực hiện chống lại bản thân mình mà không biết. Người dễ bị kích thích mạnh luôn là đao phủ của bản thân mình.” Giờ đây khi tôi nghĩ ngợi về những lời đó, tôi không thể giải thích cho mình thứ xấu hổ mà chúng đã gieo vào tôi. Tôi không dám đưa mắt nhìn lên nữa. – “Đừng coi tôi là một nhà duy vật kiểu cổ. Bản năng cầu nguyện có trong mỗi người chúng ta, và nó cũng khó lý giải chẳng kém các bản năng khác. Một trong những hình thức của cuộc đấu tranh mờ mịt của cá thể chống lại giống nòi, tôi giả định. Nhưng giống nòi hấp thu tất cả một cách lặng lẽ. Và đến phiên nó, loài nuốt chửng giống, để cho cái ách những người chết đè nát hơn một chút những người sống. Tôi không tin là từ nhiều thế kỉ, không có người nào trong số những tổ tiên của tôi từng cảm thấy ham muốn nhỏ nhất biết được nhiều hơn những người để ra mình. Trong cái làng ở hạ Maine tại đó chúng tôi đã luôn sinh sống, người ta thường nói: cứng đầu như Triquet – Triquet là biệt danh của chúng tôi, một biệt danh xa xưa. Và cứng đầu, ở chỗ chúng tôi, có nghĩa là ngu đần. Này nhé, tôi sinh ra với sự cuồng nhiệt học tập mà các vị gọi là *libido sciendi**. Tôi đã làm việc như người ta ăn ngấu nghiến. Khi tôi nghĩ đến những năm tuổi thanh xuân, đến căn phòng nhỏ ở đường Jacob, đến những đêm của thời

ấy, tôi cảm nhận một thứ khiếp sợ, sự khiếp sợ gần như tôn giáo... Và để cuối cùng đi đến cái gì? Cái gì? tôi xin hỏi cha. Sự hiếu kì xa lạ với những người trong gia đình tôi, giờ đây tôi giết nó từng phát nhỏ một. Những phát tiêm moóc phin. Và nếu cái đó chậm đến quá... Cha không bao giờ có mưu toan tự tử cả, phải không cha? Sự việc không hiếm, thậm chí nó còn bình thường ở những người thần kinh bị kích thích loại như cha..." Tôi không tìm được gì để trả lời cả; tôi bị thôi miên – "Sự thật là thị hiếu tự tử là một năng khiếu, một giác quan thứ sáu, gì tôi không biết nữa, người ta sinh ra với nó. Hãy ghi nhận rằng nếu làm, tôi sẽ làm điều đó một cách kín đáo. Tôi còn đang đi sẵn. Bất cứ ai cũng có thể vừa đi qua một hàng rào vừa kéo theo một khẩu súng phía sau mình – pằng! Và buổi sớm hôm sau, bình minh sẽ thấy anh chúi mũi trong cỏ, người đầy sương, rất mát, rất yên tĩnh, với những ngọn khói đầu tiên bên trên các cây, tiếng gà gáy, tiếng chim hót. Thế nào? cái đó không cảm dỗ cha ư?" Chúa ôi! Tôi đã tưởng trong một lúc rằng ông ấy biết vụ tự tử của bác sĩ Delbende, rằng ông diễn cho tôi xem vở hài kịch tồi tệ đó. Nhưng không! Ánh mắt của ông chân thật. Và dấu bản thân tôi cảm động đến mấy, tôi nhận thấy sự có mặt của tôi – vì lí do gì tôi không biết nữa – làm ông thẳng thốt, cứ mỗi giây ông lại càng không thể chịu nổi, tuy nhiên ông tự thấy không thể bỏ mặc tôi được. Chúng tôi là tù nhân của nhau. – "Những người như chúng ta phải ở sau đuôi những con bò, ông tiếp tục với giọng trầm đục. Chúng ta không nương nhẹ mình, chúng ta không nương nhẹ cái gì cả. Chúng ta hãy đánh cược rằng ở tu viện cha là giống hệt như tôi ở trường trung học Provins. Đức Chúa hoặc Khoa học, chúng ta lao vào, chúng ta lao vào, chúng ta có lửa ở bụng. Và thế nào? Chúng

ta đang ở đây trước cùng một...” Ông ngừng lại đột ngột. Lẽ ra tôi phải hiểu, tôi chỉ luôn nghĩ đến việc thoát ra: – “Một người như ông, tôi nói, không quay lưng lại mục đích.” – “Chính mục đích quay lưng lại tôi, ông trả lời. Sáu tháng nữa, tôi sẽ chết.” Tôi đã tưởng ông còn nói về việc tự tử, và chắc ông đã đọc được ý nghĩ đó trong mắt tôi. – “Tôi tự hỏi tại sao tôi lại diễn trò vụng trước cha. Cha có cái nhìn làm người ta có ý muốn kể các chuyện, bất cứ chuyện gì. Tôi tự tử? Thôi đi nào! Đó là trò tiêu khiển của bậc công hầu, của thi sĩ, một sự thanh lịch ngoài tầm tay của tôi. Tôi cũng không muốn cha coi tôi như một kẻ hèn nhát.” – “Tôi không coi ông là người hèn nhát, tôi nói với ông, tôi chỉ mạo muội nghĩ rằng... chết ma túy đó...” – “Đừng nói trắng nói cuội về chất moóc phin... Bản thân cha, một ngày kia...” Ông nhìn tôi với vẻ dịu dàng. – “Cha có bao giờ nghe nói đến bệnh bạch mô hạt ác tính? Không? Hơn nữa, đây không phải là một bệnh cho công chúng. Xưa kia tôi đã làm luận án về nó, cha hãy hình dung. Vì vậy, không cách gì nhầm lẫn, tôi cũng không cần đợi sự xét nghiệm của phòng thí nghiệm nữa. Tôi tự cho mình ba tháng, cùng lắm là sáu tháng nữa. Cha thấy là tôi không quay lưng lại với mục đích. Tôi nhìn nó mặt đối mặt. Khi chứng ngứa quá nặng, tôi gãi, nhưng, biết làm thế nào, khách hàng có những đòi hỏi của họ, người bác sĩ phải lạc quan. Những ngày khám bệnh, tôi chích một ít. Nói dối với những người bệnh là một sự cần thiết của chức nghiệp chúng tôi.” – “Có lẽ ông nói dối họ quá nhiều đấy...” – “Cha tin thế ư?” Ông nói với tôi. Và giọng của ông cũng dịu dàng như thế – “Vai trò của cha ít khó khăn hơn vai trò của tôi! Cha chỉ có việc với những người sắp chết, tôi cho là thế... Phần lớn các sự hấp hối là sáng khoái. Đánh ngã bằng một đòn duy nhất, bằng một lời nói duy

nhất, toàn bộ hy vọng của một con người là chuyện hoàn toàn khác. Điều đó đã xảy ra với tôi một hay hai lần. Ô! tôi biết điều cha có thể trả lời tôi, các nhà thần học của cha đã biến sự ước mong thành một đức tính, sự ước mong của cha có hai bàn tay chấp lại. Niềm mong ước thì còn khả thú, chưa ai từng nhìn thấy vị thần đó rất gần. Nhưng niềm hy vọng là một con thú, tôi nói với cha, một con thú trong con người, một con thú hùng mạnh, và hung dữ. Tốt hơn cứ để nó tự tắt lịm đi rất nhẹ nhàng. Hoặc lúc đó, đừng bắn trượt nó. Nếu cha bắn trượt nó, nó cào cấu, nó cắn xé. Và những người bệnh có lắm mảnh khỏe biết bao! Người ta hoài công hiểu biết họ, người ta để cho mình bị mắc bẫy ngày này hay ngày khác. Này nhé, một viên đại tá già, một người chịu đựng giới của quân đội thuộc địa, người đã hỏi tôi sự thật, với tư cách bạn bè... hừ hừ!...” – “Phải chết dần dần, tôi áp dụng, tập dần cho quen.” – “Những số đen! Cha đã tuân theo sự luyện tập đó, phải không cha?” – “Ít nhất tôi đã thử. Và lại tôi không tự so sánh với những người thể tục có công việc làm ăn, có gia đình. Cuộc đời một linh mục nghèo như tôi không quan trọng cho ai cả.” – “Có thể. Nhưng nếu cha không thuyết giáo gì ngoài việc chấp nhận số mệnh, điều đó không mới.” – “Sự chấp nhận vui vẻ,” tôi nói với ông. – “Mặc kệ! Con người tự nhìn mình trong niềm vui của mình như trong một cái gương, và nó không nhận ra mình, thẳng ngu dân! Người ta chỉ hưởng thụ bằng cách làm thiệt hại đến mình, thiệt hại đến chính bản chất của mình – nỗi buồn niềm vui chỉ là một.” – Cái mà cha gọi là niềm vui, hẳn thế. Nhưng sứ mệnh của Nhà thờ chính là tìm lại suối nguồn của những niềm vui đã mất.” Cái nhìn của ông cũng dịu dàng như giọng nói của ông. Tôi cảm nhận một sự mệt mỏi không thể tả. Tôi tưởng như đã

ở đó trong nhiều giờ rồi. – “Giờ đây, hãy để tôi đi,” tôi la lên. Ông rút từ túi ra tờ đơn thuốc, nhưng không đưa cho tôi. Và đột nhiên, ông đặt bàn tay lên vai tôi, cánh tay dang thẳng, đầu cúi xuống, cặp mắt nhấp nháy. Khuôn mặt ông làm tôi nhớ đến những ảo giác của thời thơ ấu của tôi! – “Nói cho cùng, có thể người ta có được chân lí nhờ những người như cha.” Ông lưỡng lự trước khi nói tiếp. Dẫu điều đó có vẻ phi lí đến đâu, các từ đập vào tai tôi nhưng không gọi lên ở tôi một ý nghĩ nào. Hai mươi phút trước đây tôi đã vào ngôi nhà này, nhần nhục, tôi có thể nghe bất luận điều gì. Mặc dù tuần lễ cuối cùng ở Ambricourt để lại cho tôi một cảm giác không giải nghĩa nổi về sự an toàn, sự tin cậy, và như cả một sự hứa hẹn hạnh phúc, những lời nói lúc đầu rất làm yên tâm của ông Laville vẫn cứ gây cho tôi một niềm vui lớn. Bây giờ tôi hiểu rằng niềm vui đó chắc hẳn lớn hơn nhiều so với tôi nghĩ, sâu sắc hơn. Nó cũng là cái cảm giác được giải thoát, hoan hỉ mà tôi đã được nếm trải trên đường đi Mézargues nhưng trộn lẫn vào đó là sự hưng khởi của một nỗi sốt ruột khác thường. Trước tiên tôi những muốn thoát khỏi ngôi nhà này, những bức tường này. Và chính xác vào lúc cái nhìn của tôi tuồng như đáp lại câu hỏi không thành tiếng của bác sĩ, tôi chỉ còn chú ý đến tiếng rì rào mờ hồ của đường phố. Thoát! Trốn! Tìm lại bầu trời mùa đông trong trẻo đến thế, mà ở đó sáng nay tôi đã thấy, qua cửa toa tàu, bình minh dâng lên! Ông Laville ắt đã nhầm lẫn. Và lại, ánh sáng đã đột ngột hiện ra ở trong tôi. Trước khi ông kết thúc câu nói, tôi đã chỉ còn là một người chết giữa những người sống.

Tiếng La tinh có nghĩa là: *Dục vọng hiểu biết, Khát khao hiểu biết.*

Ung thư... ung thư dạ dày... Nhất là từ đó đã đánh gục tôi. Tôi chờ đợi một từ khác. Tôi đợi từ “ho lao”. Tôi phải có một nỗ lực chú ý lớn để thuyết phục mình là sắp chết vì một bệnh mà quả thật người ta rất ít tìm thấy ở những người thuộc lứa tuổi tôi. Chắc tôi chỉ nhúu mày như khi đọc đầu đề một bài toán khó. Tôi tập trung tư tưởng tới mức tôi không cho rằng mình đã tái mặt đi. Cái nhìn của bác sĩ không rời cái nhìn của tôi, tôi đọc được ở đó sự tin cậy, sự thông cảm, tôi không biết còn gì nữa. Đó là cái nhìn của một người bạn thân, của một bạn đường. Bàn tay ông lại một lần nữa tì vào vai tôi, – “Chúng ta sẽ đi hỏi Grousset, nhưng để cho trung thực, tôi không tin mấy có thể mổ được cái của bạn thử ấy. Tôi thậm chí ngạc nhiên là ông đã trụ được lâu đến thế. Khối u ở dạ dày rất lớn, tình trạng nhờn dính đáng kể, và tôi vừa mới nhận ra dưới xương đòn trái một dấu hiệu đáng tiếc là rất chắc chắn, cái mà chúng tôi gọi là hạch Troizier. Hãy ghi nhận là sự tiến triển có thể chậm nhiều hay ít, mặc dầu tôi phải nói rằng ở tuổi cha...” – “Ông cho tôi thời hạn bao lâu?” Ông ta chắc còn bị làm bối vì giọng tôi không run. Chao ôi! sự bình tĩnh của tôi chỉ là trạng thái sửng sò. Tôi nghe rất rõ rệt tiếng lăn của tàu điện, những tiếng chuông, tôi đã bằng ý nghĩ ở thêm ngôi nhà tang tóc này, tôi đã mất hút trong đám đông chuyển nhanh... cầu Chúa tha tội cho tôi! Tôi đã không nghĩ đến Người. – “Khó trả lời cho ông. Cái đó tùy thuộc chủ yếu ở sự xuất huyết. Nó rất hiếm khi nguy hại, nhưng sự lặp lại thường xuyên... Úi chà! Ai biết được? Khi tôi khuyên cha lúc nãy là cứ tiếp tục một cách thanh thản công việc của mình, tôi không đóng kịch đâu. Với một ít may mắn, cha sẽ chết đứng, như vị hoàng đế nổi tiếng, hoặc gần như thế. Vấn đề tinh thần. Nếu không...” – “Nếu không...” – “Cha bền bỉ,

ông nói với tôi, lẽ ra cha sẽ làm một thầy thuốc tốt. Vả lại, tôi muốn chỉ dẫn cận kề cho cha bây giờ hơn là để cha mầy mò trong các quyển từ điển. Này nhé, nếu một ngày nào đó cha cảm thấy đau ở mặt trong của đùi trái, cộng thêm một ít sốt, cha hãy đi nằm. Thứ viêm tĩnh mạch ấy rất thường có trong trường hợp của cha, và cha có nguy cơ bị chứng nghẽn mạch. Bây giờ, cha thân mến, cha đã biết cũng nhiều bằng tôi.”

Cuối cùng, ông trả lại cho tôi tờ đơn thuốc mà tôi tuân một cách máy móc vào sổ tay bỏ túi của tôi. Tại sao tôi đã không đi ra ngay lúc đó? Tôi không biết nữa. Có lẽ tôi đã không nén được một cử chỉ tức giận, nổi loạn chống lại con người không quen vừa mới tùy ý sử dụng tôi một cách bình thản như sử dụng một tài sản của ông ta. Phải chăng tôi đã quá tập trung sự chú ý vào công việc phi lý là hòa hợp trong vài giây nghèo nàn những ý nghĩ của tôi, những dự định của tôi, cả những kỉ niệm của tôi, toàn bộ cuộc đời tôi với niềm tin chắc mới mẻ nó biến tôi thành một con người khác? Tôi nghĩ đơn giản rằng tôi đã bị sự rụt rè làm tê liệt như thường lệ, tôi không biết chào từ biệt như thế nào. Sự im lặng của tôi làm bác sĩ Laville ngạc nhiên. Tôi nắm được điều đó qua sự run rẩy trong giọng ông. – “Còn có điều là ngày nay có trên thế giới hàng ngàn bệnh nhân trước đây bị các thầy thuốc cho là không thể chữa được mà hiện đang trở thành những người trên dưới một trăm tuổi. Người ta ghi nhận sự tan đi của những khối u ác tính. Dù sao, một người như cha không bị đánh lừa lâu bởi những chuyện nhảm nhí của Grousset, chỉ làm yên lòng những kẻ ngu đần. Không gì nhục nhã hơn là moi dần dần sự thật từ những thầy bói ấy, vả chăng họ thường cóc coi ra cái gì

những điều họ kể lể. Với chế độ tắm vòi hoa sen kiểu Scotland, người ta dễ mất lòng tự trọng và những người can đảm nhất cuối cùng cũng đi theo những người khác và ra đi theo số mệnh, hỗn độn cả một lũ. Hẹn gặp lại trong tám ngày nữa, tôi sẽ đưa cha đến bệnh viện. Từ đây đến đó, cứ làm lễ nhà thờ, cho các bà mộ đạo xưng tội, đừng thay đổi gì những thói quen của cha. Tôi biết rất rõ xứ đạo của cha. Tôi có cả một người bạn thân ở Mézargues.”

Ông chìa tay cho tôi. Tôi vẫn ở trong trạng thái lơ đãng, đờ đẫn. Dù có làm gì, tôi biết rằng tôi không bao giờ có thể hiểu được bởi điều kì lạ gớm ghiếc nào, trong bối cảnh như vậy, tôi có thể quên đến cả tên của Chúa. Tôi cô đơn, cô đơn khôn tả, đối diện với cái chết, và cái chết đó chỉ là sự tước mất cái tồn tại – không gì hơn. Thế giới hữu hình dường như trôi đi với một tốc độ khủng khiếp và trong sự hỗn loạn của những hình ảnh không phải là tang tóc, mà trái lại chan hòa ánh sáng, chói lọi. “Có thể thế chăng? Vậy là tôi đã yêu nó đến thế chăng?” tôi tự hỏi. Những buổi sáng ấy, những buổi chiều ấy, những con đường ấy. Những con đường luôn thay đổi, đầy bí ẩn ấy, những con đường đầy dấu chân người ấy. Vậy là tôi đã yêu những con đường đến thế ư, những con đường của chúng ta, những con đường của thế gian? Đứa trẻ nghèo nào, được nuôi trong bụi của đường, lại không trao cho con đường những giấc mộng của mình? Chúng mang đi chậm rãi, oai vệ, những giấc mộng đó không rõ đến những biển vô định nào, hỏi những dòng sông lớn của ánh sáng và bóng tối, chở giấc mộng những người nghèo! Tôi tin rằng chính cái tên Mézargues đã làm tan nát trái tim tôi như vậy. Ý nghĩ của tôi dường như ở rất xa Ngài Olivier, xa cuộc dạo chơi

của chúng tôi; vậy mà lại không hề như thế. Tôi không rời mắt khỏi khuôn mặt viên bác sĩ, và bỗng chốc khuôn mặt đó biến mất. Tôi không hiểu ngay rằng tôi đã khóc.

Vâng, tôi khóc. Tôi khóc không một tiếng nấc, không cả một tiếng thở dài. Tôi khóc, đôi mắt mở to, tôi khóc như đã thấy những người sắp chết khóc; đó còn là sự sống trào ra khỏi tôi. Tôi lau với ống tay áo dòng của tôi, tôi lại phân biệt được khuôn mặt của viên bác sĩ. Ông có một vẻ ngạc nhiên và thông cảm khó tả. Nếu người ta chết được do sự ghê tởm, tôi đã chết, nhưng tôi không dám. Tôi đợi Đức Chúa trời gọi cho tôi một lời nói, một lời nói của linh mục, tôi sẽ trả lời nói đó bằng cuộc đời tôi, bằng những gì tôi còn lại của cuộc sống. Ít nhất tôi muốn xin lỗi, tôi chỉ đáp ứng được tiếng đó, những giọt nước mắt làm tôi nghẹt thở. Tôi cảm thấy chúng chảy trong họng tôi, chúng có vị của máu. Có gì mà tôi không cho để chúng đúng là máu, quả vậy! Chúng từ đâu đến? Ai nói được? Chính là không phải vì tôi mà tôi khóc, tôi xin thề như thế. Tôi không bao giờ gần với sự tự ghét mình đến như vậy. Tôi không khóc về cái chết của tôi. Thời thơ ấu, đã có lúc tôi thức dậy như vậy, vừa khóc nức nở. Từ giấc mộng nào tôi vừa tỉnh dậy lần này? Chao ôi! Trước đây tôi tưởng mình đi qua thế gian mà gần như không thấy nó, như người ta bước đi đôi mắt cúi gằm giữa đám đông lộn lẫ, và thậm chí đôi khi tôi hình dung là đã coi thường thế gian. Nhưng lúc đó chính tôi xấu hổ về tôi chứ không phải về nó. Tôi như một người đàn ông tội nghiệp yêu mà không dám nói, cũng không dám tự thú là mình yêu. Ôi! Tôi không phủ nhận những giọt nước mắt này có thể

là hèn nhát! Tôi cũng nghĩ rằng đó là những giọt nước mắt yêu thương...

Cuối cùng, tôi quay lưng, tôi đi ra, tôi thấy mình lại ở trên đường phố.

Nửa đêm, ở nhà ông Dufréty

Tôi tự hỏi tại sao tôi không nảy ra ý kiến mượn bà Duploux hai mươi franc, tôi đã có thể ngủ ở khách sạn. Quả thật là tối qua tôi không còn suy nghĩ nhiều được, tôi thất vọng vì đã trật tàu. Vả lại bạn khốn khổ của tôi đã tiếp tôi một cách thật đứng đắn. Tôi thấy hình như mọi việc đều tốt.

Chắc hẳn người ta sẽ chê trách tôi đã nhận, dù chỉ là một đêm, sự tiếp đón của một linh mục ở trong tình trạng không bình thường (nó là tội tệ). Cha xứ Torcy sẽ coi tôi là người chuốc khổ vào mình. Cha không sai. Tôi tự nhủ điều đó, hôm qua khi leo cái thang gác hồi thối và tắm tối đến thế. Tôi dừng lại vài phút trước cửa phòng. Một danh thiếp đã hoàn toàn ố vàng nằm đó, đính bằng bốn đinh ghim: Louis Dufréty, đại diện. Thật là khủng khiếp.

Sớm hơn vài tiếng, tôi đã không dám vào, có lẽ. Nhưng tôi không còn một mình nữa. Trong tôi, có cái ấy, vật ấy... Tóm lại, tôi kéo chuông, với niềm hy vọng mơ hồ là không tìm thấy ai cả. Anh đã đến mở cửa cho tôi. Anh mặc sơ mi không, với một quần vải bông mà chúng tôi thường mặc dưới áo dòng, hai chân trần trong giày phẳng túp. Anh nói với tôi giọng hơi xẵng – “Lẽ ra cha phải báo trước cho tôi. Tôi có một phòng riêng ở đường Onfroy. Ở đây tôi chỉ trú tạm. Ngôi nhà là đề tiện.” Tôi ôm hôn anh. Anh có một cơn ho. Tôi

cho rằng anh cảm động hơn là về muốn tỏ ra bên ngoài. Những thứ còn lại sau bữa ăn còn ở trên bàn – “Tôi phải nuôi sống mình, anh tiếp tục với một sự trịnh trọng xót xa, và đáng buồn là tôi ăn không ngon miệng lắm. Cha còn nhớ món đậu ở tu viện? Điều tồi tệ là phải nấu ăn ở đây, tại hốc kê giường. Tôi đâm ghét mùi mỡ rán, thật là dễ bị kích động. Giá như ở chỗ khác, tôi đã ăn ngẫu nhiên.” Chúng tôi ngồi bên nhau, tôi hầu như không nhận ra anh. Cổ anh dài ra quá mức và cái đầu ở bên trên cổ có vẻ rất nhỏ, như thể đầu chuột. – “Cha rất dễ thương đã đến. Chân thành mà nói, tôi đã ngạc nhiên là cha đã trả lời các thư của tôi. Ở đẳng cấp, cha không có tinh thần quá rộng rãi, nói riêng giữa chúng ta.” Tôi đã trả lời điều gì chẳng biết – “Xin lỗi, anh nói với tôi. Tôi đi rửa ráy một tí. Hôm nay, tôi hơi nhõn nhõ, nhưng đúng ra là hiếm. Biết nói thế nào? Cuộc sống hoạt động có cái tốt. Nhưng tôi không tin là đã trở thành một người ngu độn! Tôi đọc nhiều lắm. Chưa bao giờ tôi đọc nhiều đến thế. Cũng có thể một ngày nào đó... Tôi có kia những ghi chép rất lí thú, rất có thực. Chúng ta sẽ lại nói về vấn đề đó. Ngày trước, hình như cha vận dụng không kém loại thơ mười hai âm tiết* phải không? Những lời khuyên của cha đối với tôi sẽ rất quý.”

Alexandrin: Trong thơ Pháp, loại thơ 12 âm tiết, gọi là 12 pieds (12 chân).

Một lát sau qua cánh cửa hé mở tôi nhìn thấy anh trườn về phía cầu thang, một hộp sữa trên tay, tôi ở lại một mình với... Chúa ơi! Quả thật tôi lẽ ra đã tình nguyện chọn một cái chết khác! Những lá phổi tan ra dần dần như một miếng đường trong nước, một trái tim kiệt sức mà người ta phải kích động không ngừng, hoặc ngay

chứng bệnh kì quái của Ngài bác sĩ Laville mà tôi đã quên tên, tôi thấy dường như sự đe dọa của mọi thứ đó ắt phải giữ về hơi mơ hồ, trừu tượng... Trong khi chỉ đưa tay ở bên trên áo dòng vào chỗ mà những ngón tay của viên bác sĩ đã ngừng lại rất lâu, tôi tưởng như cảm nhận... Trí tưởng tượng, hẳn thế? Mặc kệ! Tôi hoài công lặp lại với mình rằng không có gì thay đổi nơi tôi từ nhiều tuần nay, hoặc gần như thế, ý nghĩ trở về nhà với... tóm lại là với vật ấy, làm tôi xấu hổ, làm tôi nản lòng. Tôi đã quá sẵn chiều hướng chán ngấy đối với con người mình, và tôi hiểu nỗi hiểm nguy của một tình cảm như thế, cuối cùng sẽ lấy đi ở tôi mọi sự can đảm. Bốn phận đầu tiên của tôi, ở nơi khởi đầu những thử thách đang chờ đợi tôi, chắc chắn phải là tự giải hòa với bản thân mình.

Tôi suy nghĩ nhiều về sự nhục nhã sáng nay. Tôi cho rằng nó do một sự nhầm lẫn trong phán đoán đúng hơn là do sự hèn nhát. Tôi không có lương tri. Rõ ràng là đối mặt với cái chết, thái độ của tôi không thể là thái độ của những người rất ưu việt hơn tôi, mà tôi khâm phục. Chẳng hạn ông Olivier, hoặc cha xứ Torcy. (Tôi cố tình để kề nhau hai cái tên đó!). Trong một bối cảnh như thế, cả hai người sẽ giữ thứ tao nhã tối cao, nó là sự hồn nhiên, sự thoải mái, của những tâm hồn lớn. Bá tước phu nhân cũng vậy... Ôi! tôi vẫn biết đó là những phẩm chất đúng hơn là những đức tính, chúng không thể tự tạo ra được! Chao ôi! Phải có ở tôi một cái gì của những phẩm chất ấy, bởi vì tôi yêu chúng biết mấy ở những người khác... Như là một ngôn ngữ tôi nghe hiểu rất tốt, mà không nói được. Những thất bại không sửa được tôi. Vậy thì, vào lúc lẽ ra tôi cần đến toàn bộ sức lực mình, cái cảm giác về sự bất lực của tôi

làm tôi xúc động sâu sắc đến mức tôi mất dòng liên tục của lòng can đảm khốn khổ nơi tôi như một diễn giả vụng về mất dòng liên tục của bài diễn thuyết. Thử thách này không mới. Xưa kia tôi tự an ủi bằng niềm hy vọng ở một biến cố huyền diệu, không thể dự kiến – sự tử vì đạo có lẽ? Ở tuổi tôi, cái chết có vẻ quá xa vời đến mức trải nghiệm hằng ngày về sự tầm thường kém cỏi của bản thân chúng ta chưa thuyết phục được ta. Chúng ta không muốn tin rằng sự cố đó không có gì kì lạ, rằng nó chắc sẽ chẳng tầm thường kém cỏi nhiều hơn hoặc ít hơn chúng ta, theo hình ảnh của chúng ta, hình ảnh của số mệnh chúng ta. Nó không có vẻ thuộc về thế giới quen thân của chúng ta, chúng ta nghĩ đến nó như đến những miền hoang đường mà chúng ta đọc tên trong các sách. Chính là vừa rồi tôi đã tự nhủ rằng nỗi lo âu của tôi là nỗi lo âu của một niềm thất vọng tàn nhẫn, tức thời. Cái mà tôi tưởng mất hút bên kia những đại dương tưởng tượng lại đang ở trước mặt tôi. Cái chết của tôi ở đây. Đó là một cái chết giống bất cứ cái chết nào khác, và tôi đi vào đó với những cảm xúc của một người rất bình thường, rất tầm thường. Thậm chí cũng chắc chắn là tôi không hề biết chết tốt hơn là quản lí con người tôi. Ở đó tôi cũng sẽ vụng về, lóng ngóng không kém. Người ta thường nhắc lại với tôi: “Hãy giản dị!” Tôi cố hết sức mình. Giản dị khó biết bao! Nhưng người đời nói: “những người giản dị” như họ nói: “những người khiêm nhường”, với cùng một nụ cười bao dung. Lẽ ra họ phải nói: những ông vua.

Hỡi Đức Chúa trời, tôi hiến dâng cho người tất cả, với tấm lòng thành. Chỉ có điều tôi không biết hiến dâng, tôi hiến dâng như là người ta để lấy đi. Điều tốt nhất là giữ bình thản. Bởi vì nếu tôi

không biết hiến dâng, thì Người, Người biết đón nhận... Tuy nhiên tôi những mong được một lần, chỉ một lần thôi, rộng rãi, và hào hoa đối với Người!

Tôi cũng rất bị quyến rũ đi tìm ngài Olivier, đường Verte. Thậm chí tôi đã lên đường, tôi trở lại. Tôi cho rằng, tôi sẽ không thể giấu ông điều bí mật của tôi. Bởi vì trong vài ba ngày nữa, ông ấy đi Maroc, điều đó sẽ không có tầm quan trọng lớn, nhưng tôi cảm thấy giá như ở trước mặt ông, tôi sẽ, mặc dù không muốn, đóng một vai, nói một giọng không phải của tôi. Tôi không muốn bất chấp gì cả, thách thức gì cả. Chủ nghĩa anh hùng ở kích thước của tôi tức là không có nó, và vì tôi thiếu sức mạnh, bây giờ tôi những muốn cái chết của tôi là nhỏ bé, càng nhỏ bé càng tốt, muốn nó không khác biệt với những sự cố khác của đời tôi. Nói cho cùng, chính nhờ sự vụng về hồn nhiên của tôi mà tôi có được sự bao dung và tình bạn của một người như cha xứ Torcy. Có lẽ nó không phải là không xứng đáng với tình cảm đó? Có lẽ nó là cái vụng về hồn nhiên của thời thơ ấu chăng? Dù đôi khi tôi có phán xét mình nghiêm khắc đến đâu, tôi không bao giờ nghi ngờ việc tôi có tinh thần của sự nghèo nàn. Tinh thần của thời thơ ấu giống tinh thần của sự nghèo nàn. Không nghi ngờ gì nữa, hai cái chỉ là một.

Tôi hài lòng đã không gặp lại ngài Olivier. Tôi hài lòng bắt đầu ngày đầu tiên của sự thử thách ở đây, trong căn phòng này. Vả lại đây không phải là một căn phòng, người ta đặt cho tôi một chiếc giường ở một hành lang nhỏ, ở đó người bạn tôi xếp các mẫu hàng bán thuốc. Tất cả các gói ấy thôi kinh khủng. Không có sự cô đơn nào sâu xa hơn một vẻ xấu xí nào đó, một sự sàu nảo về vẻ xấu xí.

Một ngọn đèn khí, thuộc những đèn khí được gọi là đèn bướm, tôi nghĩ thế, rít và kêu phì phì trên đầu tôi. Tôi có vẻ như nép mình trong sự xấu xí này, sự nghèo cực này. Giá như trước kia, nó đã gọi cho tôi sự gồm tởm. Tôi hài lòng là ngày nay nó đón nhận sự bất hạnh của tôi. Tôi phải nói là tôi không tìm kiếm nó, thậm chí tôi đã không nhận ra nó tức khắc. Tối qua sau cơn ngất thứ hai, tôi thấy mình ở trên chiếc giường này, ý nghĩ của tôi chắc chắn là bỏ trốn, trốn bằng mọi giá. Tôi nhớ lại trận ngã ngoài trời, trước khoảnh đất rào kín của ông Dumouchel. Thật là tồi tệ. Tôi không chỉ nhớ lại con đường trứng, tôi còn thấy cả ngôi nhà của tôi, mảnh vườn nhỏ của tôi. Tôi tưởng nghe thấy cây dương lớn, những đêm thanh vắng nhất, thức dậy rất lâu trước bình minh. Tôi ngây ngô hình dung trái tim tôi ngừng đập – “Tôi không muốn chết ở đây! tôi kêu lên. Hãy đưa tôi xuống, hãy kéo tôi đến bất kì đâu, cũng được!” Chắc tôi đã không còn tỉnh táo nữa, nhưng tôi vẫn nhận ra giọng nói của người bạn khốn khổ của tôi. Giọng nói đó vừa giận dữ vừa run rẩy. (Anh ta bàn cãi ở chân cầu thang với một người khác). – “Em muốn tôi làm gì? Em không một mình bê anh ta được, và em biết rõ là ta không thể yêu cầu điều gì cả ở người gác cổng!” Lúc đó tôi xấu hổ, tôi hiểu rằng tôi hèn nhát.

Vả chăng, tôi phải giải thích ở đây, dứt khoát chỉ một lần thôi. Vậy tôi tiếp tục lại câu chuyện kể ở điểm tôi đã bỏ nó vài trang trên kia. Sau khi người bạn của tôi ra đi, tôi ở lại một mình một lúc lâu. Đoạn, tôi nghe thì thầm ở hành lang và cuối cùng anh đi vào, vẫn cầm hộp sữa ở tay, rất hớn hên, mặt rất đỏ – “Tôi hy vọng cha sẽ ăn tối ở đây,

anh nói với tôi. Chúng ta có thể trò chuyện trong lúc chờ đợi. Có lẽ tôi sẽ đọc cha nghe mấy trang. Đây là một loại nhật kí và nó mang tên: *Những chặng đường của tôi*. Trường hợp của tôi phải gây hứng thú cho nhiều người. Nó là điển hình.” Trong khi anh nói, chắc tôi đã bị một cơn choáng váng đầu tiên. Anh ép tôi uống một cốc lớn rượu vang, tôi cảm thấy đỡ hơn, trừ một nỗi đau đớn dữ dội ở ngang rốn, nhưng nó dịu dần. “Biết làm thế nào, anh tiếp tục, chúng ta chỉ có máu xấu trong các tĩnh mạch. Các trường dòng nhỏ không hề đếm xỉa đến những tiến bộ của vệ sinh, thật là khủng khiếp. Một thầy thuốc đã nói với tôi: “Các ông là những người trí thức thiếu dinh dưỡng từ bé.” “Điều đó giải nghĩa nhiều điều, cha không thấy thế ư?” Tôi không thể nhịn mỉm cười. – “Cha đừng tưởng tôi tìm cách biện minh! Tôi chỉ ở một phe: phe của sự chân thật hoàn toàn, với người khác cũng như với bản thân mình. Mỗi người có sự thật của mình, đó là đầu đề một vở kịch đặc sắc, của một tác giả nổi tiếng.”

Tôi thuật lại đúng những lời của anh. Chúng sẽ có vẻ buồn cười nếu tôi không cùng một lúc thấy trên mặt anh, dấu hiệu hiển nhiên của nỗi tuyệt vọng, mà tôi không còn trông mong sự thú nhận. – “Nếu không có chứng bệnh ấy, anh tiếp tục sau một lúc im lặng, tôi tưởng rằng tôi luôn ở cùng một điểm với cha. Tôi đọc nhiều. Rồi nữa, khi ra khỏi trại điều dưỡng, tôi phải tìm một địa vị, thử sức mình với may rủi. Vấn đề của ý chí, của sự cả gan, nhất là của sự cả gan. Dĩ nhiên chắc cha phải hình dung không gì dễ hơn là đưa bán các hàng hóa, phải không? Sai lầm, sai lầm nghiêm trọng! Dẫu người ta bán thuốc hoặc bán những mỏ vàng, dẫu người ta là Ford hoặc một đại diện khiêm tốn, vấn đề luôn là điều khiển những con người. Sự

điều khiển con người là trường học tốt nhất của ý chí; bây giờ tôi biết một ít về điều đó. May thay, bước nguy hiểm đã qua. Sáu tuần nữa thôi, công việc làm ăn của tôi sẽ ổn định, tôi sẽ được biết những ngọt ngào của sự độc lập. Cha hãy chú ý là tôi không khuyến khích ai theo tôi. Có những lối đi qua đây khó khăn, và nếu lúc đó tôi không có để làm chỗ tựa cho mình, ý thức trách nhiệm của tôi với một người đã hy sinh cho tôi địa vị rục rờ nhất và với người đó... Nhưng tha thứ cho tôi sự ám chỉ đến sự việc..." – "Tôi biết việc đó," tôi nói với anh – "Vâng... dĩ nhiên. Vả lại chúng ta có thể nói về nó một cách rất khách quan. Hẳn cha nghĩ rằng tôi đã sắp xếp để tránh cho cha một cuộc gặp gỡ, nó..." Rõ ràng là cái nhìn của tôi làm anh bứt rứt, anh chắc không tìm thấy ở đây điều anh mong muốn đọc được. Trước lòng tự cao tự đại tội nghiệp đang bị hành hạ tra tấn này, tôi có cảm tưởng đau đớn mà tôi đã trải qua mấy ngày trước đây khi có mặt cô Louise. Cũng là sự bất lực không thể xót thương ái ngại, không thể chia sẻ bất cứ gì ấy, cùng sự se thắt tâm hồn ấy. – "Cô ta thường về vào giờ này. Tôi đã yêu cầu cô ở buổi tối tại nhà một người bạn, một người hàng xóm..." Anh đưa về phía tôi, một cách rụt rè qua chiếc bàn, một cánh tay gầy, tái nhợt, thò ra từ một ống tay áo quá rộng, anh đặt bàn tay lên bàn tay tôi, một bàn tay ướt đầm mồ hôi và rất lạnh. Tôi nghĩ rằng anh thực sự xúc động, nhưng cái nhìn của anh vẫn dối trá. – "Cô không có phần trách nhiệm gì trong sự tiến triển trí tuệ của tôi, mặc dầu tình bạn của chúng tôi lúc đầu chỉ là một sự trao đổi các quan điểm, các phán đoán về những con người và về cuộc đời. Cô làm chức năng y tá trưởng ở trại điều dưỡng. Đó là một người có học, có văn hóa, hấp thụ một nền giáo dục rất trên mức trung bình: một người chú của cô là gia sư ở Rang-

du-Fliers. Tóm lại, tôi cho rằng tôi phải thực hiện lời đã hứa với cô ở nơi kia. Nhất là cha đừng nghĩ đến một sự cảm dỗ, đến một sự bốc đồng! Điều đó làm cha ngạc nhiên?” “Không, tôi nói với anh. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng anh sai lầm khi cảm đoán mình yêu một người đàn bà mà anh đã chọn.” – “Tôi không biết là cha đa cảm.” – “Nghe đây, tôi tiếp tục, nếu một ngày nọ tôi có cái bất hạnh không giữ lời hứa của lễ phong chức của tôi, tôi thích đó là vì tình yêu một người đàn bà hơn là do cái mà anh gọi là sự tiến triển trí tuệ của anh.” Anh nhún vai. – “Tôi không cùng ý kiến với cha, anh trả lời một cách khô khan. Cho phép tôi trước hết nói với cha là cha có ý kiến về điều cha không nắm được. Sự tiến triển trí tuệ của tôi...”

Chắc anh đã phải tiếp tục nói một lúc nữa, và tôi nhớ ra là tôi đã nghe một cuộc độc thoại dài mà tôi không hiểu. Đoạn, mồm tôi chứa đầy một thứ bùn nhạt, và mặt anh hiện ra với tôi, rõ ràng và chính xác lạ lùng trước khi chìm vào bóng tối. Khi tôi mở mắt, tôi vừa nhổ ra xong cái chất nhớt dính vào lợi ấy (đó là một cục máu đông) và tôi nghe thấy ngay một tiếng nói đàn bà. Cô nói với giọng miền Lens. “Đừng cựa quậy, thưa cha xứ, điều đó sẽ qua thôi.”

Tôi tỉnh lại ngay, nôn được ra đã làm tôi đỡ đi nhiều. Tôi ngồi dậy ở trên giường. Người đàn bà khốn khổ muốn đi ra, tôi đã phải nắm tay cô giữ lại. – “Tôi xin lỗi cha. Tôi đang ở nhà một người hàng xóm, phía bên kia hành lang. Anh Louis hơi hốt hoảng. Anh muốn chạy đến nhà thuốc Rovellet. Ông Rovellet là bạn của anh ấy. Rủi thay, cửa hiệu không còn mở ban đêm, và anh Louis không thể đi nhanh được, hơi một tí là anh thở hổn hển. Về chuyện sức khỏe, anh ấy không có nhiều lắm đâu.”

Để cô yên tâm, tôi bước vài bước trong phòng, và cuối cùng cô đồng ý ngồi lại. Cô bé nhỏ đến mức người ta sẵn sàng coi cô như một trong những cô gái nhỏ thường thấy trong những khóm nhà thợ mỏ và người ta khó lòng định cho một lứa tuổi. Khuôn mặt cô không xấu, trái lại thế, tuy nhiên dường như quay đầu đi là người ta quên cô ngay. Nhưng cặp mắt xanh tàn tạ có một nụ cười thật cam chịu, thật nhún nhường đến nỗi chúng giống những cặp mắt các cụ bà thời xưa, những cặp mắt của các bà thợ kéo sợi già. – “Khi nào cha cảm thấy thật đỡ, tôi sẽ đi, cô tiếp tục. Anh Louis sẽ không bằng lòng thấy tôi ở đây. Không phải ý của anh ấy là chúng ta chuyện trò. Khi ra đi anh đã dặn kĩ tôi nói với cha rằng tôi là một người hàng xóm. Cô ngồi xuống một cái ghế thấp. – “Chắc cha có ý nghĩ rất xấu về tôi, căn phòng thậm chí không được dọn dẹp, tất cả đều bẩn. Đó là vì buổi sáng tôi đi làm việc rất sớm, lúc năm giờ. Và tôi cũng không được khoẻ lắm như cha thấy đấy...” – “Cô là y tá?” – “Y tá? Đâu có! Trước đây tôi là hộ lí, ở đẳng ấy, tại trại điều dưỡng. Khi tôi gặp anh... Nhưng chắc cha ngạc nhiên nghe tôi gọi anh Louis, bởi vì chúng tôi sống với nhau?” Cô cúi mặt xuống, làm bộ sửa lại những nếp của cái váy tàng. “Anh ấy không còn lui tới với một ai trong số những... những người bạn cũ, sao! Cha là người đầu tiên. Một cách nào đó, tôi biết rõ rằng tôi không hợp với anh ấy. Tuy nhiên, biết làm sao được, ở trại điều dưỡng, anh tưởng đã lành bệnh, anh có những ý nghĩ viển vông. Vấn đề tôn giáo, tôi không thấy có gì xấu trong việc sống thành vợ thành chồng, nhưng anh đã hứa, hình như thế, đúng không? Một lời hứa là một lời hứa. Mặc kệ! Thời đó tôi không thể nói chuyện với anh ấy về một việc như thế, hướng chi là... xin lỗi... tôi yêu anh ấy.”

Cô đã phát âm từ ấy quá buồn, đến nỗi tôi không biết trả lời thế nào. Cả hai chúng tôi đều đỏ mặt.

“Còn một lí do khác. Một người có học thức như anh ấy không dễ chăm sóc; anh biết nhiều bằng bác sĩ, anh biết các phương thuốc điều trị, và mặc dầu hiện nay anh ở trong hội, thậm chí anh được hạ giá 55%, song được phẩm giá khá đắt.” – “Thế cô làm gì?” Cô lưỡng lự một lúc – “Việc nội trợ. Trong nghề chúng tôi, cha thấy không, cái làm mệt nhọc hơn, chính là chạy từ khu phố này qua khu phố khác.” – “Nhưng sự buôn bán của anh ấy?” – “Tuồng như cái đó mang lại nhiều lãi. Có điều đã phải vay mượn để lập văn phòng, mua máy chữ, và cha biết đấy, anh ấy ít ra ngoài. Nói làm anh ấy mệt biết bao! Xin chú ý, tôi có thể một mình xoay sở, nhưng anh cứ muốn lo việc trí dục của tôi, như anh nói, trường học ấy mà!” – “Lúc nào thế?” – “Này, buổi tối, ban đêm, vì anh ấy không ngủ mấy. Những người như tôi, những người thợ, chúng tôi phải ngủ. Ôi! hãy nhớ nhé, anh không cố tình làm thế, anh không nghĩ tới: “Đã nửa đêm rồi đấy,” anh nói. Trong ý anh, tôi phải trở thành một phu nhân! Một người có giá trị như anh, bắt buộc, cha hiểu không, phải là... chắc chắn rằng tôi đã không làm bạn đường với anh nếu...” Cô nhìn tôi với một sự chú ý đặc biệt, như thể bản thân cuộc đời của cô phụ thuộc ở từ cô sắp nói ra, ở bí mật mà cô sắp bộc lộ. Tôi không nghĩ là cô nghi ngờ tôi, song cô không đủ can đảm để thốt lên trước một người lạ cái từ định mệnh. Đúng hơn là cô xấu hổ. Tôi thường nhận xét thấy ở những người đàn bà khốn khổ sự ghê tởm, sự hổ thẹn phải nói về các bệnh tật. Mặt cô đỏ tía. – “Anh ấy sắp chết, cô nói. Nhưng anh không biết gì cả.” Tôi giật nảy người, không kìm được. Cô càng đỏ

mặt hơn. – “Ôi! tôi đoán cha nghĩ gì. Một phó linh mục của xứ đạo đã đến đây, một người rất lịch sự, mà thực ra Louis không biết. Theo ông ấy, tôi ngăn cản anh Louis trở về với bốn phận, ông ấy nói thế. Bốn phận, này nhé, không phải là dễ hiểu. Ôi các vị đó sẽ chăm sóc anh ấy tốt hơn tôi, chiều theo vẻ xấu xí của ngôi nhà và vấn đề thức ăn không được như đáng ra, dầu sao, nó phải được. (Về chất lượng, tôi đạt được; cái chính là thiếu sự đa dạng. Anh Louis rất mau chán!). Tuy nhiên, tôi muốn rằng anh ấy tự quyết định, như thế tốt hơn, cha không thấy thế ư? Giả sử là tôi ra đi, anh ấy sẽ tưởng bị phản bội. Vì cuối cùng, nói vô phép cha, anh biết là tôi chẳng theo đạo mấy. Vậy thì...” “Các vị có cưới xin không?” tôi nói với cô. – “Thưa cha, không.” Tôi thấy một bóng u buồn thoáng qua trên khuôn mặt cô. Đoạn, cô bỗng như quyết đoán – “Tôi không muốn nói dối cha, chính là tôi đã không muốn.” – “Tại sao?” – “Vì lí do... lí do anh ấy là thế, sao! Khi từ giả trại điều dưỡng, tôi hy vọng anh sẽ đỡ hơn, sẽ lành bệnh. Vào trường hợp một ngày kia anh ấy muốn, ai biết đâu?... Tôi tự nhủ mình sẽ không phải một nguyên nhân gây phiền lụy cho anh.” – “Và anh ấy đã suy nghĩ thế nào về điều đó?” – “Ôi! Không gì cả. Anh ấy tưởng là tôi không muốn, do ông chú tôi ở Rang-du-Filiers, một bưu tá cũ, một người có tài sản và không ưa các linh mục. Tôi đã kể là nếu cưới, chú tôi sẽ không cho tôi thừa kế. Điều ngộ nghĩnh là quả thật ông già không cho tôi thừa kế, nhưng vì tôi vẫn là gái không chồng, một nàng hầu như ông ấy gọi. Ông già là người rất tốt, theo kiểu của ông xã trưởng của làng ông. Ông viết cho tôi: “Cháu thậm chí không làm được cho cha xứ của cháu cưới cháu, thế thì hẳn cháu đã thành một kẻ chẳng ra gì.” – “Nhưng khi?...” Tôi không dám nói nốt, cô đã nói nốt hộ tôi, với một

giọng nói nhiều người có thể cho là thờ ơ, nhưng tôi thì biết rất rõ, nó đánh thức dậy trong tôi bao nhiêu kỷ niệm, giọng nói không tuổi, giọng nói kiên cường và nhẫn nhục an ủi những người nghiện rượu, khiển trách những đứa trẻ không vâng lời, ru ngủ đứa hài nhi không tã lót, cãi vã với người bán hàng tàn nhẫn, van xin người môn lại, làm yên lòng những cơn hấp hối, giọng nói người nội trợ, luôn giống như thế qua nhiều thế kỉ, giọng nói đương đầu với mọi nỗi khổ cực trên thế gian này... – “Khi anh ấy qua đời, tôi sẽ có những việc nội trợ. Trước khi làm ở trại điều dưỡng, tôi đã là phụ bếp ở một viện phòng bệnh cho trẻ em, ở mạn Hyères, miền Nam. Các trẻ em, cha thấy không, không có gì tuyệt hơn, các trẻ em, đó là Đức Chúa trời.” – “Cô sẽ tìm thấy lại một chỗ như thế, có lẽ,” tôi nói với cô. Cô càng đỏ mặt hơn. “Tôi không tin. Bởi vì – tôi mong điều này đừng được nói lại – nhưng giữa chúng ta nói riêng, tôi không còn cứng cáp như xưa, và tôi đã nhiễm bệnh của anh ấy.” Tôi giữ im lặng, cô dường như rất bứt rứt bởi sự im lặng của tôi. – “Có thể là tôi đã bị bệnh từ trước, cô xin lỗi, cả mẹ tôi nữa cũng không phải là cứng cáp.” – “Tôi muốn được giúp đỡ cô,” tôi nói. Chắc chắn cô nghĩ là tôi sắp biểu cô tiền, nhưng sau khi đã nhìn tôi, cô có vẻ yên tâm, thậm chí cô còn mỉm cười. – “Thế này, tôi mong cha nói với anh một tiếng, khi có dịp, về ý của anh ấy muốn dạy tôi học. Khi người ta nghĩ rằng... cuối cùng, cha hiểu cho, với thời gian còn lại để chúng tôi sống bên nhau, hai chúng tôi, thật là nặng nề! Anh không bao giờ thật kiên nhẫn, một người ốm mà, biết làm sao được! Nhưng anh nói là tôi cố tình, rằng tôi có thể học. Hãy ghi nhận rằng có thể cũng do bệnh của tôi, tôi không phải quá ngu đần... Song, trả lời thế nào đây? Cha hãy hình dung anh đã bắt đầu dạy tôi tiếng La tinh; nghĩ mà xem! tôi một

người thậm chí chưa có bằng tiểu học. Hơn nữa, khi tôi làm xong việc nội trợ, đầu tôi như đã chết, tôi chỉ nghĩ đến chuyện đi ngủ. Người ta không thể ít nhất nói chuyện bình tĩnh với nhau?” Cô cúi đầu và chơi với chiếc nhẫn cô đeo ở ngón tay. Khi cô thoáng thấy tôi nhìn chiếc nhẫn, cô vội vàng giấu bàn tay dưới cái tạp dề. Tôi nóng lòng hỏi cô một câu, tôi không dám. – “Cuối cùng, tôi nói với cô, đời cô thật vất vả... Vậy cô có bao giờ thất vọng không?” Chắc cô phải nghĩ rằng tôi chẳng cho cô một cái bẫy, khuôn mặt cô trở nên u tối, chăm chú. – “Cô có bao giờ định nổi loạn không?” – “Không, cô trả lời tôi. Tuy nhiên, nhiều lần, tôi không còn hiểu nổi.” – “Lúc đó?” – “Đây là những ý nghĩ đến với ta khi ta nghỉ ngơi, những ý nghĩ ngày chủ nhật, tôi gọi chúng thế. Cũng nhiều lần, khi tôi mệt mỏi, rất mệt mỏi... nhưng sao cha lại hỏi tôi điều này?” – “Vì tình bạn, tôi nói với cô. Bởi vì có nhiều lúc bản thân tôi...” Cái nhìn của cô không rời khỏi ánh mắt tôi. – “Cha cũng không có vẻ khỏe mạnh, thưa cha, phải công bằng!... Vậy là, khi tôi không có khả năng làm gì cả, khi tôi đứng không vững trên hai ống chân, với nỗi đau nhói trên ngực, tôi đến nấu ở một góc, hoàn toàn một mình và – cha sắp cười đây – thay vì kể cho mình những chuyện vui, những điều làm tinh thần phấn chấn, tôi nghĩ đến tất cả những người mà tôi không biết, nhưng giống tôi – có những người như thế, trái đất rộng mà! – Những người ăn xin lê gót dưới mưa, những đứa bé bị lạc, những người đau ốm, những người điên của nhà thương điên la hét dưới trăng, và nhiều! và nhiều! Tôi len vào giữa họ, cố làm cho mình bé nhỏ, và không chỉ những người sống, cha biết không? Cả những người chết, họ đã đau khổ và những người sẽ đến, sẽ đau khổ như chúng ta... “Tại sao thế? Tại sao đau khổ?” Tất cả bọn họ đều nói

thế... Tôi thấy dường như mình nói điều ấy cùng với họ, tôi tưởng nghe thấy, cái đó như một tiếng rì rầm lớn ru tôi. Những lúc đó, tôi sẽ không đổi địa vị của tôi lấy địa vị một triệu phú, tôi cảm thấy hạnh phúc. Biết làm sao được? Mặc dù tôi không muốn, thậm chí tôi không nói lý lẽ với mình. Tôi giống mẹ tôi. Người nói với tôi: “Nếu vận may của những vận may, là không có vận may, thì mẹ đã được như ý!” Tôi không bao giờ nghe người ca thán. Thế mà người kết hôn hai lần, hai người nghiện rượu, thật là số đen! Cha tôi là người tệ hơn, góa vợ, có năm con trai – những quỷ sứ thực sự. Bà trở thành to béo, tất cả máu của bà chuyển thành mỡ. Mặc kệ! “Không gì dai sức bằng một người đàn bà, bà còn nói, nó chỉ đi nằm để chết mà thôi.” Bà bị đau ở ngực, ở vai, ở cánh tay, bà không thở được nữa. Buổi tối cuối cùng, bố tôi về nhà say khướt như thường lệ. Bà muốn đặt bình nấu cà phê lên lửa, bình tuột khỏi tay bà. “Mẹ là con vật đáng nguyên rủa, người nói, hãy chạy sang hàng xóm mượn một bình khác và trở về phiên phiên, sợ bố con thức dậy.” Khi tôi trở về, bà đã gần như chết rồi, một bên mặt đen sạm, và lưỡi của bà thè ra giữa hai môi, cũng đen. – “Mẹ phải đi nằm, bà nói, không ổn rồi.” Bố tôi đang ngáy trên giường, bà không dám thức ông dậy, bà đến ngồi ở góc bếp. – “Lúc này con có thể bỏ miếng mỡ vào trong cháo, bà còn nói, nó đã sôi rồi đấy.” Và bà qua đời.

Tôi không muốn ngắt lời cô, bởi tôi biết rằng cô chưa bao giờ kể dài đến thế cho một ai, và đúng là cô như bỗng chốc thức dậy từ một giấc mộng, cô rất bối rối. – “Tôi nói, tôi nói, và tôi nghe thấy anh Louis về, tôi nhận ra bước chân của anh trên đường phố. Tốt hơn là tôi đi. Anh sẽ lại gọi tôi đến, chắc thế, cô vừa nói thêm vừa đỏ mặt,

nhưng cha đừng nói gì với anh ấy, nếu không anh sẽ giận điên người.”

Thấy tôi đang đứng, bạn tôi có một cử chỉ vui mừng làm tôi cảm động. – “Ông được sĩ có lí, ông đã chế nhạo tôi. Đúng là một cơn ngất nhỏ cũng làm tôi sợ khủng khiếp. Chắc cha đã tiêu hóa kém, chỉ thế thôi.”

Sau đó, chúng tôi quyết định là tôi sẽ qua đêm ở đây, trên cái giường – chuồng này.

.....

Tôi đã cố ngủ, nhưng không cách nào ngủ được. Tôi sợ rằng ánh sáng, và nhất là tiếng rít của cây đèn khí làm bạn tôi bị quấy rầy. Tôi hé cửa và nhìn vào phòng ông. Nó trống trơn không người.

Không. Tôi không hối hận là đã ở lại, trái lại. Tôi cho rằng ngay cả cha xứ Torcy chắc cũng tán thành tôi. Vả chăng, nếu đó là một điều ngu dại, thì nó không phải kể đến nữa. Những điều ngu dại của tôi không kể đến nữa; tôi ở ngoài cuộc chơi.

Tất nhiên ở tôi có nhiều điều có thể gây lo ngại cho các bề trên của tôi. Nhưng chúng tôi đặt vấn đề sai bét cả. Chẳng hạn, Ngài linh mục quản hạt xứ Blangermont không sai khi nghi ngờ tài năng của tôi, tương lai của tôi. Chỉ có điều tôi không có tương lai và chúng tôi cả người này lẫn người kia đều không biết điều đó.

Tôi cũng tự nhủ rằng tuổi thanh niên là một tặng phẩm của Chúa, và cũng như mọi tặng phẩm của Chúa, nó không có sự thay đổi quyết định. Là trẻ, thực sự trẻ chỉ những ai Chúa chỉ định để khỏi sống lâu hơn tuổi thanh niên của mình. Tôi thuộc về giống người đó.

Tôi tự hỏi: “Tôi sẽ làm gì ở tuổi năm mươi, ở tuổi sáu mươi?” Và dĩ nhiên là tôi không tìm ra câu trả lời. Thậm chí tôi không có thể hình dung một câu trả lời. Trong tôi không có người già.

Sự chắc chắn đó là dịu ngọt đối với tôi. Lần đầu tiên từ nhiều năm nay, có lẽ từ mãi mãi, tôi cho rằng mình đứng trước tuổi thanh xuân của mình, tôi nhìn nó không ngờ vực. Tôi tưởng nhận ra vẻ mặt của nó, một vẻ mặt bị lãng quên. Nó cũng nhìn tôi, nó tha thứ cho tôi. Bị đè nặng bởi cảm giác về sự vụng về bẩm sinh nó làm tôi không thể có sự tiến bộ nào, tôi có ý định yêu sách nó cái mà nó không thể cho, tôi thấy nó nực cười, tôi lấy làm xấu hổ về nó. Và bây giờ cả hai đều mệt vì những sự cãi cọ vô bổ, chúng tôi có thể ngồi bên bờ đường hít thở một lúc, không nói gì, cái êm ả mệnh mông của buổi chiều mà chúng tôi sắp cùng nhau đi vào.

Cũng thật êm dịu với tôi khi tự nhủ rằng không người nào phạm tội nghiêm khắc thái quá đối với tôi – để khỏi viết ra từ to tát: bất công. Dĩ nhiên tôi sẵn sàng tôn vinh những tâm hồn có khả năng tìm thấy trong cảm giác về sự bất công mà chúng là nạn nhân một nguyên lý của sức mạnh và hy vọng. Dù tôi có làm gì, tôi cảm nhận rõ rằng tôi luôn ký việc biết rằng mình là nguyên nhân – dù là vô tội – hoặc chỉ là dịp cho tội lỗi người khác. Ngay trên cây thánh giá, khi hoàn thành trong lo âu sự hoàn hảo của Lòng Nhân từ Thánh thiện, Đức Chúa của chúng ta cũng không tự khẳng định mình là nạn nhân của sự bất công: *Non sciunt quod facient**. Những lời nói mà những đứa trẻ nhỏ nhất cũng hiểu, những lời nói mà người ta muốn nói là trẻ thơ, mà các quý dữ chắc phải lặp lại lâu nay mà không hiểu, với

một sự kinh hoàng tăng dần. Trong khi chúng chờ đợi sấm sét, thì lại như một bàn tay vô tội đóng cửa Địa ngục lại trước chúng.

Tiếng La tinh có nghĩa là: *Họ không biết họ làm gì.*

Vậy tôi có một niềm vui lớn khi nghĩ rằng những lời quở trách mà đôi khi tôi phải chịu chỉ được đưa ra đối với tôi trong tình trạng không hiểu biết chung về số mệnh chân chính của tôi. Rõ ràng là một người biết điều như Ngài linh mục quản hạt Blangermont quá thiết tha với việc dự kiến tôi sẽ là gì trong tương lai, và ngài giận tôi ngày nay một cách vô ý thức về những lỗi lầm của ngày mai.

Tôi đã yêu một cách hồn nhiên các tâm hồn (vả lại, tôi cho là tôi không thể yêu cách nào khác). Sự hồn nhiên đó dần dà trở thành nguy hiểm cho tôi và cho đồng loại, tôi nghĩ thế. Bởi vì tôi luôn chống lại một cách thật vụng về một khuynh hướng rất tự nhiên của lòng tôi, thành thử tôi có thể tưởng nó là bất khả chiến bại. Ý nghĩ rằng cuộc chiến đấu đó sắp kết thúc vì không còn có đối tượng, đã đến với tôi sáng nay, nhưng lúc đó tôi đang tràn đầy nỗi kinh hoàng mà sự tiết lộ của bác sĩ Laville đã đẩy tôi vào. Nó chỉ đi vào trong tôi dần dần. Đó là một tia mỏng nước trong, nhưng bây giờ nó ngập tràn tâm hồn, khiến tôi chan chứa tươi mát. Im lặng và bình an.

Ôi! tất nhiên, trong những tuần cuối cùng, những tháng cuối cùng mà Đức Chúa trời còn để cho tôi, tôi còn có thể giữ trách nhiệm về xứ đạo lâu bao nhiêu, tôi sẽ cố gắng, như xưa, hành động một cách cẩn trọng. Nhưng rốt cuộc tôi sẽ bớt bản khoản cho tương lai, tôi sẽ làm việc cho hiện tại. Loại công việc đó tôi cho là hợp kích thước của tôi, theo đúng năng lực của tôi. Vì tôi chỉ thành công trong những việc nhỏ, và vì quá thường xuyên bị nỗi bồn chồn lo âu thử

thách, tôi phải công nhận rằng tôi thắng lợi trong những niềm vui nho nhỏ.

Cái ngày trọng đại đó cũng sẽ như những ngày khác, nó không kết thúc trong sự sợ hãi, nhưng cái ngày đang bắt đầu sẽ không mở ra trong vinh quang. Tôi không quay lưng lại với cái chết, mà tôi cũng không đối đầu với nó, như Ngài Olivier chắc chắn biết làm. Tôi cố ngược lên nó cái nhìn khiêm nhường nhất mà tôi có thể có, và không phải là tôi không có niềm hy vọng kín đáo tước vũ khí nó, làm cho nó động lòng. Nếu tôi không thấy sự so sánh có vẻ ngu dại quá, tôi sẽ nói rằng tôi nhìn nó như tôi nhìn Sulpice Mitonnet hoặc tiểu thư Chantal... Than ôi! phải có ở đây sự không hiểu biết và sự giản dị của trẻ thơ.

Trước khi được biết rõ về số phận mình, tôi đã nhiều lần thấy sợ hãi là không biết chết, khi thời điểm đến, bởi vì chắc chắn là tôi vẫn cảm một cách ghê gớm. Tôi nhớ một câu nói của bác sĩ già thân mến Delbende được thuật lại, tôi tin thế, trong quyển nhật ký này. Con hấp hối của các nam tu sĩ hay nữ tu sĩ không phải bao giờ cũng nhăn nhuc nhất, người ta khẳng định thế. Nỗi ngần ngại đó ngày hôm nay để cho tôi được yên. Tôi biết rõ là một người tin chắc ở bản thân, ở sự can đảm của mình, có thể mong muốn biến cơn hấp hối của mình thành một điều tuyệt vời, hoàn hảo. Không có điều kiện tốt hơn nữa, cơn hấp hối của tôi sẽ là như nó có thể, không gì hơn. Nếu câu diễn đạt không quá mạnh dạn, tôi sẽ nói rằng những bài thơ hay nhất với một người thực sự say mê, không giá trị bằng tiếng áp úng tỏ tình vụng về. Và nghĩ cho kĩ, sự so sánh này không thể

xúc phạm ai, vì cơn hấp hối người đời trước hết là một hành vi của tình yêu.

Có thể Đức Chúa trời lấy cơn hấp hối của tôi làm một tấm gương, một bài học. Tôi thích giá như nó làm xúc động bằng lòng thương xót thì hơn. Tại sao không? Tôi đã yêu rất nhiều những con người và tôi cảm thấy mảnh đất này của những người còn sống đối với tôi là dịu dàng. Tôi sẽ không chết mà không rơi nước mắt. Trong lúc không gì xa lạ với tôi hơn một sự thờ ơ kiên cường, tại sao tôi lại ước mong cái chết của những người vô cảm? Các nhân vật của Plutarque gọi cho tôi sự sợ hãi lẫn sự buồn phiền. Nếu tôi bước vào thiên đường dưới lối nguy trang đó, tôi nghĩ là tôi sẽ làm mỉm cười cho đến cả thiên thần bản mệnh của tôi.

Tại sao tôi bồn chồn? Tại sao dự liệu? Nếu tôi sợ, tôi sẽ nói: tôi sợ. Không xấu hổ. Ước mong sao cái nhìn đầu tiên của Chúa, khi gương mặt thánh thiện của Người hiện ra với tôi, hãy là một cái nhìn làm yên lòng!

Tôi chớp đi một lúc, hai cùi tay ở trên bàn. Bình minh hẳn không còn xa nữa, tôi tưởng nghe thấy tiếng xe của những người đưa sữa.

Tôi muốn ra đi không gặp lại ai cả. Khốn thay, tôi thấy hình như điều đó không dễ dàng, ngay cả để lại một thư nhỏ ở trên bàn, hẹn sẽ trở lại ngay. Bạn tôi sẽ không hiểu.

Tôi có thể làm gì cho anh ấy? Tôi sợ anh từ chối gặp cha xứ đạo Torcy. Tôi còn sợ hơn nữa là cha xứ Torcy làm tổn thương một cách tàn nhẫn tính tự cao tự đại của anh, đẩy anh vào một việc nào đó phi lý, tuyệt vọng, mà sự bướng bỉnh của anh có thể làm. Ôi! vị thầy

già của tôi dần dà chắc sẽ thắng. Nhưng nếu người đàn bà khốn khổ kia nói đúng sự thực, thì thời gian thúc bách.

Thời gian cũng thúc bách đối với cô... Tối qua, tôi tránh đưa mắt nhìn lên, tôi cho là cô sẽ đọc được trong cái nhìn của tôi, tôi không tin chắc lắm ở tôi. Không! tôi không tin chắc lắm! Tôi hoài công tự nhủ rằng một người khác chắc sẽ khơi nên lời nói mà tôi sợ thay vì chờ đợi, điều đó chưa thuyết phục được tôi. “Đi đi, cha xứ ấy sẽ nói với cô, tôi giả định thế. Đi đi, để ông ấy chết xa cô, đã được hòa giải.” Cô sẽ đi. Nhưng đi mà không hiểu, để một lần nữa vâng theo bản năng của nòi giống mình, của nòi giống hiền dịu đã được hứa hẹn từ nhiều thế kỉ của các thế kỉ cho con dao những người cắt cổ. Cô sẽ mất hút trong đám đông những người với nỗi bất hạnh khiêm nhường của mình, với sự nổi loạn vô tội chỉ tìm được ngôn ngữ của sự chấp nhận để tự biểu đạt. Tôi không nghĩ rằng, cô có thể nguyên rửa, vì sự không hay biết không sao hiểu nổi, sự không hay biết siêu nhiên của trái tim cô là sự không hay biết mà một thiên thần gìn giữ. Phải chăng đã không là quá nhiều khi cô không học ở ai cả việc ngược đôi mắt can đảm lên cái Nhìn của mọi sự Nhấn nhục? Có thể Đức Chúa trời sẽ nhận ở tôi tặng vật vô giá của một bàn tay không hay biết nó cho gì? Tôi không dám. Cha xứ Torcy sẽ làm điều cha muốn.

Tôi đã đọc kinh lần theo tràng hạt của tôi. Cửa sổ mở ra một cái sân giống một cái giếng đen. Nhưng hình như bên trên tôi góc tường hướng về phía đông bắt đầu trắng ra.

Tôi cuộn mình trong tấm chăn mà tôi còn lật lại một ít ở trên đầu. Tôi không lạnh. Cái đau thường ngày không thử thách tôi nữa, nhưng tôi buồn nôn.

Nếu tôi đi được, tôi sẽ ra khỏi ngôi nhà này. Tôi thích được đi lại qua những đường phố vắng con đường tôi đã đi sáng nay. Cuộc đến khám ở bác sĩ Laville, những giờ trải qua ở quán rượu nhỏ bà Duplouy bây giờ chỉ để cho tôi một hồi ức rối rắm, và khi tôi cố ổn định trí tuệ mình, gọi lên những chi tiết chính xác, tôi cảm nhận một sự mệt mỏi kì lạ, không vượt qua nổi. Cái gì đã đau đớn trong tôi lúc đó không tồn tại nữa, không thể tồn tại nữa. Một phần tâm hồn tôi vẫn vô cảm, sẽ vẫn vô cảm đến lúc kết thúc.

Dĩ nhiên, tôi hối tiếc về sự yếu đuối của tôi trước bác sĩ Laville. Tôi phải lấy làm xấu hổ là tuy nhiên không cảm thấy một sự hối hận nào, vì cuối cùng tôi có thể khiến cho con người quả quyết đến thế, kiên cường đến thế nghĩ như thế nào về một linh mục. Mặc kệ! Hết cả rồi. Thứ ngờ vực mà tôi có về tôi, về con người tôi, vừa mới tiêu tan mãi mãi, tôi tin thế. Cuộc đấu tranh này đã chấm dứt. Tôi không hiểu nó nữa. Tôi đã giải hòa với bản thân tôi, với cái thể xác khốn khổ này.

Tự ghét mình dễ hơn người ta tưởng. Ân sủng là tự quên mình. Nhưng nếu mọi niềm kiêu hãnh đã chết trong chúng ta, ân sủng của những ân sủng sẽ là khiêm nhường thương yêu mình, như bất cứ thành viên nào trong những thành viên đang chịu khổ của Chúa Kitô.

(Thư của ngài Louis Dufréty gửi ngài cha xứ đạo Torcy)

Cung ứng thuốc men và mọi sản phẩm tương tự nhập khẩu và xuất khẩu.

LOUIS DUFRETY, ĐẠI DIỆN

Lille, ngày tháng hai 19...

Thưa Ngài cha xứ,

*Tôi gửi đến cha không chậm trễ những tin tức mà cha đã ngỏ ý yêu cầu. Tôi sẽ bổ sung chúng sau này bằng một câu chuyện thuật lại mà tình trạng sức khỏe hiện nay không cho phép tôi làm xong và tôi dành cho những **Tập vở của Thanh niên – thành Lille**, tạp chí rất khiêm nhường mà tôi cộng tác những lúc nhàn rỗi.*

Tôi xin phép bảo đảm rằng số tạp chí đó sẽ được gửi tới cha ngay khi nó được xuất bản.

Cuộc đến thăm của bạn tôi đã cho tôi một niềm vui đáng kể. Tình yêu thương của chúng tôi nảy sinh vào những năm đẹp nhất của thời thanh niên, thuộc những tình cảm không hề sợ gì những pha do thời gian. Vả lại, tôi nghĩ rằng ý định đầu tiên của anh bạn tôi không phải là kéo dài cuộc thăm quá thời hạn cần thiết cho một cuộc nói chuyện tốt đẹp và thân thiết tình anh em. Khoảng lúc mười chín giờ, cha cảm thấy hơi khó ở. Tôi nghĩ phải giữ cha lại ở nhà tôi. Nội thất của tôi, tuy rất giản dị, hình như làm vui lòng cha lắm và cha không hề phản đối gì, đã nhận ở lại đêm tại đây. Tôi xin nói thêm rằng bản thân tôi, vì giữ ý đã đề nghị một người bạn mà căn hộ không xa nhà tôi mấy cho cư trú.

Khoảng bốn giờ, không ngủ được, tôi đã kín đáo đi đến phòng cha và thấy người bạn khốn khổ của tôi nằm dài trên đất, bất tỉnh. Chúng tôi đã đưa cha lên giường. Mặc dầu làm rất cẩn thận, tôi sợ

rằng sự dòi chỗ đó là rất nguy hại cho Cha. Cha đã thổ huyết chan chứa. Người chung sống cùng tôi lúc đó do có những học vấn y học nghiêm túc đã có thể chăm sóc cho cha những điều cần thiết và cho tôi biết về bệnh trạng của cha. Sự chẩn đoán hết sức đen tối. Tuy nhiên sự xuất huyết đã dừng lại. Trong khi tôi chờ đợi thầy thuốc, người bạn khốn khổ của tôi đã tỉnh lại. Nhưng cha không nói. Những giọt mồ hôi đặc chảy ra trên trán, trên má cha và cái nhìn của cha, gần như không thấy được giữa những mí mắt hé mở, biểu hiện một nỗi lo âu khôn xiết. Tôi nhận ra rằng mạch cha yếu đi rất nhanh. Một chú bé láng giềng đã đi báo với tu sĩ trực, phó linh mục ở xứ đạo Sainte Austreberthe. Người hấp hối bằng cử chỉ làm tôi hiểu rằng cha muốn có tràng hạt của mình, mà tôi đã lấy ra từ trong túi quần ngắn, và từ đó cha xiết chặt vào ngực. Đoạn cha có vẻ tìm thấy lại sức lực, và với một giọng nói gần như không hiểu nổi, yêu cầu tôi xá tội cho cha. Khuôn mặt cha bình tĩnh hơn, thậm chí cha còn cười mỉm. Mặc dù một sự đánh giá đúng sự vật bắt buộc tôi không được làm theo ý muốn của cha quá vội vàng, tình nhân loại và tình bạn không cho phép tôi từ chối. Tôi nói thêm rằng tôi nghĩ là đã thực hiện bốn phận đó trong một tình cảm đáng làm cho Ngài cha xứ yên tâm.

Bởi linh mục vẫn chưa đến, tôi nghĩ phải diễn đạt với người bạn bất hạnh sự hối tiếc của tôi về một sự chậm trễ có nguy cơ tước mất của cha những an ủi mà Nhà thờ dành cho những người hấp hối. Cha có vẻ không nghe tôi nói. Nhưng vài khoảnh khắc sau, bàn tay cha đã đặt lên bàn tay tôi, trong khi cái nhìn của cha ra hiệu cho tôi ghé tai lại gần miệng cha. Lúc đó cha phát âm rất rõ, dấu cực kỳ

chậm rãi, những từ sau đây mà tôi tin chắc đã thuật lại rất đúng: “Cái đó có hề gì. Tất cả đều là ân sủng?”

Tôi nghĩ rằng cha đã mất gần như ngay sau đó.

HẾT

Table of Contents

1. [Credits](#)
2. [I](#)
3. [II](#)
4. [III](#)